

MỤC LỤC

<u>Một thành phố anh hùng.....</u>	4
<u>Thế thứ các triều chúa Nguyễn.....</u>	11
<u>Lịch sử hình thành vùng đất Sài Gòn.....</u>	14
<u>Pháp chiếm Sài Gòn và tiến hành công cuộc xâm lược Việt Nam</u>	18
<u>Sài Gòn biến đổi và hình thành một thành phố theo kiểu phương Tây</u>	29
<u>Tổ chức bộ máy cai trị.....</u>	34
<u>Mười tám thôn vườn trầu</u>	53
<u>Các cuộc đấu tranh của công nhân hãng dầu Nhà Bè.....</u>	56
<u>Cuộc Mit tinh tại đường Mayer Lý Tự Trọng bị bắt, xử tử.....</u>	58
<u>Danh sách các đồng chí Bí thư Thành uỷ TỪ NĂM 1930 - 1973</u>	60
<u>Khởi nghĩa Nam kỳ ở Gia định và Chợ Lớn</u>	62
<u>Tiến tới Cách mạng tháng Tám</u>	69
<u>Một số căn cứ địa Cách mạng thời chống Pháp.....</u>	73
<u>Từ Cảm tử quân đến Quyết tử quân</u>	80
<u>Cuộc xuống đường của học sinh sinh viên ngày 9/1/1950</u>	88
<u>Cuộc biểu tình chống Mỹ 19/3/1950</u>	90
<u>Cuộc đàn áp của thực dân Pháp trong Nam Kỳ khởi nghĩa.....</u>	93
<u>Cầu Kho.....</u>	96
<u>Niên biểu 300 năm Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh</u>	104
<u>300 năm địa danh Gia Định</u>	114

<u>Tôi đã tham gia cuộc khởi nghĩa tại Biển Đen</u>	117
<u>Âm mưu biến Miền Nam Việt nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ</u>	121
<u>Triệt hạ thế lực Pháp và các Đảng phái đối lập</u>	124
<u>Chính sách tố cộng diệt Cộng</u>	127
<u>Mỹ Diệm thiết lập bộ máy cai trị mới</u>	130
<u>Cưỡng ép di dân - một thủ đoạn chính trị thâm độc của Mỹ</u>	133
<u>Những trò hề dân chủ</u>	135
<u>Mỹ Diệm thiết lập bộ máy cai trị mới</u>	137
<u>Cải cách điền địa, cướp đất nông dân</u>	140
<u>Nội dung hiệp định Geneve về Đông dương 1954.....</u>	142
<u>Phong trào đấu tranh đòi hoà bình, đòi hiệp thương ở Sài Gòn - Chợ Lớn</u>	145
<u>Đôla Mỹ và lối sống Mỹ</u>	148
<u>Các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam</u>	159
<u>Sài gòn trong cuộc đấu tranh hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất Tổ quốc.....</u>	169
<u>Sự kiện cầu Công lý</u>	198
<u>Trận tiến công Phủ tổng thống.....</u>	200
<u>Chi bộ Hồ Chí Minh và trận đánh Toà đại sứ Mỹ</u>	202
<u>Trận đánh Đài phát thanh Sài Gòn</u>	206
<u>Quân chúng tham gia đợt tấn công nổi dậy vùng Cầu Tho.....</u>	208
<u>Westmoreland viết về Mậu Thân</u>	210
<u>Mậu thân trên mặt báo.....</u>	214
<u>Lễ thọ tang Bác Hồ tại khám Chí Hoà.....</u>	220
<u>Giăng-Piero-Đébri.....</u>	222

<u>Ăngđorê-Măngrax</u>	223
<u>Những đám tang nung nấu căm thù</u>	224
<u>Đồng bào thành phố Sài Gòn tổ chức lễ truy điệu Bác Hồ</u>	226
<u>Mười hai ngày đêm làm chủ toà đại sứ Lon non</u>	227
<u>Cuộc đấu tranh thuế lương bổng của công nhân lao động</u>	232
<u>Từ hội thảo đến cuộc đấu tranh chống Mỹ 1/5/1966</u>	234
<u>Một số cuộc đấu tranh trong các cơ sở hậu chiến của Mỹ</u>	236
<u>Diễn tiến cuộc tổng công kích và nổi dậy Tết Mậu thân 1968 ở Sài Gòn</u>	239
<u>Tuổi trẻ Sài Gòn xuống đường</u>	242
<u>Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 30/4/1975</u>	245
<u>Người ném bom xuống dinh độc lập</u>	257
<u>Toán lính Mỹ cuối cùng rời Sài Gòn</u>	258
<u>Đồng đôla và đội quân dịch vụ</u>	259
<u>Vài nét về khám Chí Hoà</u>	262
<u>Snack Bar và các thứ "nghề nghiệp" khác</u>	266
<u>Cái gọi là "ưu điểm" của một "lối sống" Mỹ</u>	269
<u>Kế hoạch Taley - Taylo</u>	272
<u>Nội dung và kế hoạch chiến lược "Việt Nam hoá"</u>	276
<u>Từ tháng 11/1963 đến 1965: Chính quyền Sài Gòn 10 lần đảo chính</u>	282
<u>Chi phí của Mỹ viện trợ cho Ngụy quyền dưới thời Mỹ - Ngụy</u>	284
<u>Sài Gòn - Gia định, vùng đất mới Phương Nam</u>	286

MỘT THÀNH PHỐ ANH HÙNG

Trong cuộc kháng chiến vừa qua, dân tộc Việt Nam được công luận quốc tế, kể cả công luận ở Pháp và ở Mỹ tôn vinh là một dân tộc anh hùng; Nam Bộ được cả nước ta tặng danh hiệu Thành đồng Tổ quốc; Củ Chi rất xứng đáng là Đất thép Thành đồng. Hai chữ anh hùng không thể trao cho bất cứ ai dù đạt thành tích lớn; thành tích đã lớn lại còn phải đặc biệt vẻ vang. Nếu xét đúng theo tiêu chuẩn đó và so sánh với các thủ phủ hay đô thành ở những nước Á, Phi nguyên là thuộc địa, thì Sài Gòn ta xứng đáng với huân danh Thành phố anh hùng, anh hùng chẳng những trong 30 năm kháng chiến mà luôn cả trong non già 8 thập kỷ bị mang ách thực dân.

Hai chữ "anh hùng" mới đúng. Hai chữ "hòn ngọc" thì hẳn là không nghĩa lý gì. Mấy ông Tây muốn khoe khoang công lao khai hóa của Pháp nên bày ra cái mỹ từ "Hòn ngọc Viễn Đông", gán cho Sài Gòn, không rõ có ai đồng ý không chớ tôi thì xin từ chối. Thành phố ta xây dựng giữa một đồng bằng bát ngát, có sông rạch mà không có núi, hồ, lại xa biển, cảnh quang thiên nhiên so với Hương Cảng thì thua xa. Thành phố ta mới 300 tuổi, không có đền đài cổ kính vĩ đại để chiêm bái như New-Delhi. Thành phố ta còn nghèo, chưa có những kiến trúc tân thời lộng lẫy như Singapore, thì bảo là "Hòn ngọc Viễn Đông" sao được? Sài Gòn đẹp, lớn, đáng yêu, đáng kính không phải ở cảnh thiên nhiên, ở kiến trúc, cả ở kinh doanh nữa, mà trước hết và chủ yếu là ở con người và quần chúng nhân dân trong lịch sử đấu tranh giải phóng đất nước mình, ở sự nghiệp đánh đổ chủ nghĩa thực dân cũ và mới, do đó mà góp phần vào sự nghiệp chung giành lại độc lập tự do của các dân tộc bị áp bức khác. Đứng về phương diện này mà xét thì, trên khắp Á, Phi nguyên là thuộc địa, không một thành phố nào hơn Sài Gòn. Sài Gòn không phải là Hòn ngọc. Sài Gòn đúng là tấm gương ngọc để xem, gương để soi, để cho ta bản thân người mình soi mình trước hết.

Sài Gòn là thành phố Việt Nam đã chứng kiến nhiều cuộc khởi nghĩa nhất. Cả thấy 4 cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945. Đó là: Khởi nghĩa 1885, Khởi nghĩa 1913, Khởi nghĩa 1916 và Khởi nghĩa 1940. Cả nước ta không thành phố nào có nhiều cuộc khởi nghĩa như vậy; cả thế giới thuộc địa (cũ) cũng rất hiếm thấy. Một thành phố như nơi đây, bị thua mà không chịu thua; thua keo này bày keo khác, kỳ thắng mới thôi. Gan dạ bền bỉ không chê vào đâu được! Đường như không biết thoái chí là gì, đường như là các lực lượng nổi dậy luôn xác định rằng muốn giết rắn thì phải đập nát đầu rắn. Ở Nam Kỳ, bùng biến, rừng núi tất nhiên cũng có khởi nghĩa nhưng không nhiều hơn Sài Gòn là mấy. Đến đây tôi xin đưa ra vài ba con số để bạn đọc thấy ngay thuở 1913, 1916 quần chúng đã đóng vai trò lịch sử lớn, công nhân và nông dân đã là chủ lực của khởi nghĩa! Vụ án 1913, trong số 133 người bị đem ra xử, có 30 công nhân, 71 nông dân, 2 thợ thủ công. Trong vụ án 1916 số công nhân cầm vũ khí càng đông. Dễ hiểu tại sao. Vì Sài Gòn thuở đó, đã là một thành phố công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Các nhà yêu nước thời đó đã biết nhân thời cơ đế quốc chiến tranh để nổi dậy. Cuộc nổi dậy năm 1940, cũng là một nỗ lực, thừa cơ thời Pháp thất trận, nhưng thời cơ chưa đến lúc chín muồi, tổ chức cách mạng ở nội thành Sài Gòn còn khiếm khuyết, cuối cùng khởi nghĩa thất bại. Thực dân Pháp khủng bố cực kỳ dữ dội, từ 1859 tới đó chưa có lần khủng bố nào đầm máu như vậy, tất cả cộng lại cũng không bằng một lần tàn sát 1940. Ấy vậy mà sau, chỉ 4 năm sau, nhân dân Sài Gòn và ngoại ô phụ cận đã có đủ tinh thần và lực lượng để nổi dậy tổng khởi nghĩa thành công, gần cùng một lúc với Hà Nội, Huế. Tối 24 sáng 25 tháng 8 năm 1945, dưới cờ đỏ sao vàng của Việt Minh, hàng trăm vạn người thành phố và nông thôn, tay cầm các thứ vũ khí, tràn ngập Sài Gòn, đập đổ ngụy quyền của đế quốc, quân phiệt, dựng lên chính quyền Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8 nhanh như chớp, mạnh như sét, quân thù không kịp trở tay, đồng minh Anh Pháp cho dù đi bằng máy bay tàu chiến cũng chưa kịp vào tới Sài Gòn. Việt Nam giành lại được độc lập thống nhất. Kể từ khi Pháp đánh chiếm thành Gia Định 1859 đến năm 1945 là 86 năm. Phải trải qua 86 năm mang ách đô hộ, 5 lần khởi nghĩa vũ trang, người Việt Nam, người Sài Gòn mới rửa được nhục mất nước.

Cuộc vui của Sài Gòn quá ngắn. Cái thế của Sài Gòn là thế ở đầu sóng ngọn gió. Năm 1859 quân Pháp đánh chiếm Sài Gòn để đánh chiếm Nam Kỳ lục tỉnh; đánh chiếm Nam Kỳ lục tỉnh để đánh chiếm cả nước Việt Nam. Bây giờ, 1945 cũng vậy; quân Pháp muốn thực hiện chương trình xâm lăng cũ mà nhanh hơn. Quân Anh ủng hộ quân Pháp. Quân Anh từ Ấn Độ đến, quân Pháp từ Pháp sang, quân Nhật được lệnh thả hơn vạn tù binh Pháp bị cầm tù từ sau ngày 9 tháng 3. Ngày 23 tháng 9 quân Pháp bắt đầu cuộc đánh chiếm nước ta lần thứ hai bằng cách đánh chiếm trung tâm Sài Gòn. Cuộc kháng chiến của ta chống Pháp cũng bắt đầu từ ngày 23 tháng 9 đó. Sài Gòn ở trong tình trạng kháng chiến bằng vũ trang và bằng chính trị đến 1954 suốt 9 năm trời. Trong 9 năm đó nội thành và ngoại ô phụ cận Sài Gòn không biết đến hòa bình, luôn luôn là một chiến trường thật sự. Không chỉ trước mặt, sau lưng, mà trong cả lực phủ ngũ tạng của quân thù. Hãy nhớ những tháng đầu Sài Gòn rực lửa đốt phá cơ quan xí nghiệp địch, thành phố vắng người vì đồng bào tản cư về quê. Rồi khi Pháp chiếm đóng lại các tỉnh, dân Sài Gòn trở lại thành phố quyết tử cùng dân quân du kích, đặc công. Trung đoàn Phạm Hồng Thái hoạt động diệt ác trừ gian càng sôi nổi, càng có hiệu quả. Bọn thực dân ở Sài Gòn như ngồi trên bàn chông, lò lửa, bọn Việt gian ở Sài Gòn ngày đêm thấp thỏm như thấy họng súng kẻ mang tai. Cách xa hơn hai ngàn kilômet mà nhân dân Sài Gòn như có mặt góp phần vào Điện Biên Phủ năm 1954, là vậy. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, sau hiệp định Genève, miền Nam hãy còn trong tay đế quốc và tay sai bản xứ của chúng trong thời gian dài hơn 20 năm nay Sài Gòn tiếp tục là bãi chiến trường, ở đó đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang càng sôi nổi, kịch liệt hơn thời 9 năm chống Pháp, đấu tranh giữa ta và Mỹ nguy, đấu tranh giữa các phe cánh thân Pháp, thân Mỹ, giữa các phe cánh thân Mỹ với nhau. Sài Gòn là cả một lò lửa, khi âm ỉ, khi cháy bùng. Cuộc chiến đấu của nhân dân thành phố vì độc lập thống nhất tiếp tục, không những diễn ra trên sách báo mà còn chủ yếu là ngoài đường phố với không biết bao nhiêu mà kể những cuộc biểu tình, những cuộc đánh bom nhiều cơ quan và cư xá của quân Mỹ, những cuộc đánh mìn nhấn chìm hàng chục tàu Mỹ trên sông từ Vũng Tàu vào Sài Gòn, những cuộc tập kích vào sở quán Mỹ, Bộ Tổng tham mưu nguy, vào sân bay Tân Sơn Nhất, vào trại Phù Đổng, vào các nhà hàng, rạp hát có Mỹ lui tới. Chớ quên rằng, những ngày cuối tháng 4 năm 1975, trong cuộc tấn công toàn thắng

của quân đội chính quy cả nước, thì dân quân tự vệ, nhân dân Sài Gòn và ngoại ô cũng đồng thời nổi dậy chiếm tất cả quận, phường, v.v... bảo đảm an toàn gần như tuyệt đối không bị kẻ thua trận phá hoại hay cố thủ. Tiến công và nổi dậy, quân và dân hợp lực thì Sài Gòn giải phóng mới nguyên vẹn được. Hai mươi một năm Mỹ nguy cộ với chín năm Pháp nguy, là 30 năm dài sau Cách mạng Tháng tám, Sài Gòn luôn luôn là một bãi chiến trường. Đau khổ biết mấy, và vinh quang cũng biết mấy. Sài Gòn chính là thành phố đã chứng kiến sự cuốn cờ tam sắc, rút hết quân viễn chinh Pháp xuống tàu về "mẫu quốc", chủ nghĩa thực dân cũ đổ nát hoàn toàn. Sài Gòn cũng là thành phố chứng kiến sự cuốn cờ sao vạch, quan tâm Mỹ vội vã lên trực thăng bay ra tàu chiến đậu ở biển Đông; chủ nghĩa thực dân mới bị đánh một đòn chí tử.

Sài Gòn thời Pháp thống trị là thành phố có nhiều phong trào quần chúng đấu tranh chính trị rộng lớn nhất, sôi nổi nhất ở Việt Nam, và ở thế giới thuộc địa thời ấy không phải có nhiều thành phố như vậy.

Trước hết, chúng ta hãy kể lại mấy cuộc đấu tranh chính trị có bề sâu tư tưởng mà không có sự tham gia trực tiếp của quần chúng nhân dân. Như cuộc đấu tranh (trong những năm 60 thế kỷ XIX) giữa thái độ đầu hàng và thái độ kháng chiến, giữa giới nho học với nhau, phe đầu hàng thiểu số do Tôn Thọ Tường đại diện, có thể xem là tiêu biểu, phe kháng chiến do Cư Trí đại diện; hai phe chọi nhau kịch liệt bằng thơ nôm, thơ không được in ấn mà hàng ngàn người thuộc lòng. Như cuộc đấu tranh giữa phe tán thành và phe phản đối chủ nghĩa Pháp - Việt đề huề (hồi giữa năm 20 thế kỷ XX) cuộc đấu tranh này đã diễn ra bằng rất nhiều bài báo và diễn văn Việt hay nói bằng tiếng Pháp; cả Toàn quyền Varenne và luật sư Phan Văn Trường đều có vào cuộc đấu, giới trí thức tân học theo dõi kỹ.

Cũng vào lúc này ở Sài Gòn ra đời một hình thức vận động chính trị mới lá mít tinh, biểu tình; cuộc biểu tình lớn nhất lúc bấy giờ, lớn nhất từ trước cho đến đó là buổi đưa tang cụ Tây Hồ, chừng 50 ngàn người trong số đó có đông đủ học sinh bãi khóa, bạn hàng các chợ bãi thị và viên chức các sở bãi công. Cuộc đấu tranh mang tính chất vừa đấu tranh kinh tế vừa đấu tranh chính trị là cuộc bãi công của một ngàn thợ Bason đòi tăng lương, chống sa thải, thực tế là

nhằm giam chiến hạm Pháp được phái qua Trung Quốc đang sôi sục cách mạng mà phải ghé Sài Gòn để sửa chữa. Bãi công thắng lợi. Dự luận Tây Nam Sài Gòn chấn động. Sau đó, vào những năm 30 thì Sài Gòn chứng kiến nhiều cuộc bãi công và tổng bãi công, bãi thị và tổng bãi thị, nhiều và lớn không đâu bằng vì lẽ Sài Gòn là thành phố công thương nghiệp lớn nhất Việt Nam, và vì lẽ rằng Đảng bộ Cộng sản Sài Gòn là một tổ chức mạnh. Biểu tình đón lao công đại sứ Justin Gôda, đón Toàn quyền Brévié (1936-1937) được nhận xét là đông hơn cuộc đưa linh cữu cụ Tây Hồ, có điều mới là hôm đón Brévié thì nhân dân và cảnh sát xô xát nhau dữ dội. Biểu tình ấy còn là nhỏ thôi, còn là bình thường thôi, nếu so sánh với các cuộc tuyên thệ, các cuộc tuần hành của thanh niên tiên phong và tổng công đoàn trước Cách mạng Tháng tám. Những ngày 25 tháng 8; 2 tháng 9 năm 1945, trên các quảng trường và đại lộ Sài Gòn, người quan sát thấy tập hợp không phải hàng chục vạn mà đến hàng trăm vạn người trong tay không phải chỉ có băng cờ mà còn có cả vũ khí. Sở dĩ các cuộc biểu tình tuần hành ở Sài Gòn là vì Sài Gòn được bao bọc bởi một ngoại ô phụ cận có tinh thần cao, có tổ chức mạnh tựa tựa như Paris có "vành đai đỏ" nổi tiếng; từ hàng chục năm rồi liên minh công nông là một sức mạnh không đế quốc nào phá nổi.

Pháp trở lại. Mỹ kéo đến. Pháp, Mỹ và ngụy quyền đều vấp phải sức mạnh vô biên của quần chúng nhân dân Sài Gòn lúc nào cũng sẵn sàng theo tiếng gọi của Đảng cách mạng, để phát động bãi công, bãi khóa, bãi thị, biểu tình, thị uy tuần hành chống lại chúng, mặc dầu chúng có cảnh sát vũ trang một cách tối tân. Cần nhắc lại một số cuộc đấu tranh tiêu biểu nhất cho tinh thần của quần chúng nhân dân thành phố. Cuộc biểu tình trước dinh thủ tướng ngụy, trong đó trò Ôn bị bắn chết, là cuộc biểu tình lớn, nhưng nó lại rất nhỏ nếu so với đám ma của trò Ôn trong đó cái đầu của đoàn biểu tình đã vào tới bệnh viện Chợ Rẫy mà cái đuôi của đoàn biểu tình chưa ra hết khỏi sân trường Petrus Ký. Cũng cần nhắc lại cuộc biểu tình lớn ở trung tâm Sài Gòn, mà người dẫn đầu là luật sư Nguyễn Hữu Thọ, mấy vạn dân hô vang khẩu hiệu tống cổ chiến hạm Mỹ ra khỏi bến Bạch Đằng, bà con đốt ô tô, dựng chiến lũy, tay không giao tranh với cảnh sát vũ trang, xung đột cả buổi, cả ngày, nhìn lại thì chiến hạm và máy bay Mỹ biết thân đã rút khỏi Sài Gòn rồi! Những nhà làm sử có thừa tư liệu để viết mấy trăm trang sách chứng minh rằng Sài Gòn là thành

phố của cao trào quần chúng đấu tranh bền bỉ suốt thời thống trị thực dân cũ và mới.

Sài Gòn, một cái lò rèn đúc nhiều anh tài kiệt xuất cho dân tộc. Phong trào đấu tranh tư tưởng chính trị, vũ trang của quần chúng nhân dân chống đế quốc thực dân (từ 1859 đến 1975) ở Việt Nam, ở Nam Bộ, ở Sài Gòn, đã làm nảy nở lại thành phố này một số anh tài kiệt xuất bao gồm nhiều người nổi danh trong nước và cả ngoài nước, cùng nhiều anh tài vô danh mà sự nghiệp cứu nước vẫn là hiển hách, vẫn là tấm gương sáng đời đời.

Danh nhân đầu tiên của Sài Gòn kháng Pháp là Hồ Huân Nghiệp, theo lời kể của Nguyễn Thông, Nghiệp vì cha chết, mẹ già, nên không đi thi, ông ở nhà thờ cha, nuôi mẹ, dạy học; nhưng khi quân Pháp đánh chiếm Sài Gòn thì Nghiệp liền theo lời kêu gọi của Trương Định, nhận của Bình Tây đại nguyên soái chức tuần phủ Bình Dương, lãnh đạo kháng chiến ở thành phố. Chẳng may bị địch bắt, Nghiệp thà chịu chết không chịu hàng, trước khi ra pháp trường, Nghiệp can đảm ung dung chải tóc, sửa áo, ngâm bốn câu thơ đầy khí tiết. Những vị Chủ tịch kháng chiến của Sài Gòn, Nam Bộ về sau đều xứng đáng với thầy Hồ Huân Nghiệp; kỹ sư Kha Vạn Cân, luật sư Phạm Văn Bạch, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, luật sư Nguyễn Hữu Thọ... Danh nhân kiệt xuất của Sài Gòn có thể là các nhà đại trí thức mà cũng có thể là người công nhân như Tôn Đức Thắng, người đã kéo cờ phản chiến để ủng hộ Nga Sô trên hạm đội Pháp năm 1919, ông Hắc Hải cũng là người đã cùng hàng ngàn thợ Bason giam hạm đội Pháp lại suốt thời gian khi chúng trên đường đi đàn áp cách mạng Trung Quốc năm 1925; như anh hùng lao động Ngô Văn Năm có công từ Bắc đưa về Nam hàng chục tàu vũ khí trong thời kỳ chống Mỹ. Lại có thể là những thanh niên xem đại nghĩa cứu nước nặng như đá núi, mà xem cái chết nhẹ như lông hồng. Điển hình là Lý Tự Trọng, Nguyễn Văn Trỗi, Lê Văn Tám. Cũng có thể là vị chân tu đắc đạo như Thích Quảng Đức mà ngọn lửa tự thiêu ở một ngã tư đường phố làm chấn động dư luận cả thế giới, góp phần đốt cháy ra tro cả một triều đình họ Ngô tay sai của Mỹ. Bây giờ và sau này, khi ta nghiên cứu về tư tưởng Phật giáo thì không thể nào quên sư Thiện Chiếu với các luận văn sâu sắc của cụ về các vấn đề triết lý cao siêu, có hay không có Thượng đế sáng tạo muôn loài ? Có hay không có linh hồn bất tử ? Có hay không có Thiên đường, Tịnh độ,

Tây phương cực lạc ? Có hay không có ngoại giới ? Nói về số danh nhân của thành phố Sài Gòn mà quên các nhà báo, nhà văn, nghệ sĩ thì sẽ là thiếu sót. Sài Gòn là nơi có "nhật trình" sớm nhất ở nước ta; Sài Gòn lại là nơi mà trong thời thực dân thống trị, người cầm bút có một số điều kiện tương đối dễ dãi hơn ở Hà Nội, Huế để nói lên một phần tư tưởng tiến bộ của mình. Cho nên, từ rất sớm một số không nhỏ những người làm văn, làm báo ở Bắc, Trung kẻ trước người sau vào đất Sài Gòn thi thố tài năng, Trần Huy Liệu, Hải Triều... Nổi nhất trong làng báo Sài Gòn trong thời gian giữa hai cuộc thế chiến là Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo, các anh vừa là nhà báo, vừa là chính khách viết hay, nói giỏi, lời văn và nhân cách thức tỉnh muôn người. Sài Gòn là đất dụng võ của những nhà hùng biện. Phải được nghe Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo, Huỳnh Tấn Phát, Mai Văn Bộ, Đặng Ngọc Tốt, v.v..., mới tin rằng tiếng mẹ đẻ của chúng ta không chỉ đặc sắc êm dịu như ru, mà khi cần cũng thừa sức kích động tinh thần như đại pháp ở chiến trường. Trong phong trào nhân dân chống đế quốc, nhiều nghị sĩ Sài Gòn nổi lên như chiến sĩ: nhạc của Lưu Hữu Phước đem lại sức mạnh như những binh đoàn; Trần Hữu Trang, Năm Châu, Bảy Phùng Há và bao nhiêu nghệ nhân nữa là chiến sĩ đánh giặc bằng bản kịch lời ca.

Kể bao danh nhân sản sinh từ nhân dân anh hùng của đất Sài Gòn này cũng không hết. Hãy nhớ trước hết và cuối cùng tên tuổi của các nhà lãnh đạo cách mạng đã bị đế quốc và bè lũ tay sai của chúng giết chết tại thành phố này: Trần Phú, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, ba vị Tổng Bí thư tài cao của Đảng Cộng sản và biết bao các chiến sĩ cách mạng khác nữa, các đồng chí đến đây từ khắp tỉnh thành của Tổ quốc, yên giấc ngàn thu bên cạnh Hồ Huân Nghiệp ngày trước, Lê Thị Riêng ngày nay, góp phần xây dựng truyền thống anh hùng của nhân dân Thành phố Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

(300 năm Sài Gòn - TP.Hồ Chí Minh - NXB Chính trị Quốc gia)

THẾ THỨ CÁC TRIỀU CHÚA NGUYỄN

1 - Nguyễn Hoàng (1558 - 1613)

Con thứ hai của Nguyễn Kim (người có công dựng ra Nam triều, sau được truy tôn là Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế). Thân mẫu người họ Nguyễn (con gái của quan Đặc Tiến Phụ quốc thượng tướng quân, thự vệ sự triều Lê), sau được truy tôn là Tĩnh hoàng hậu. Sinh vào tháng 8 năm ất Dậu (1525). Vào trấn thủ Thuận Hóa tháng 10 năm Mậu Ngọ (1558) và đến tháng 11 năm Canh Ngọ (1570) thì kiêm quản cả xứ Quảng Nam (thay cho Nguyễn Bá Quýnh). Tháng 5 năm Quý Tị (1593) được phong làm Thái úy, Đoan Quốc Công. Ở ngôi chúa 55 năm, dân thường gọi là chúa Tiên, mất vào tháng 6 năm Quý Sửu (1613), thọ 88 tuổi. Sau được suy tôn làm Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế. Trong thời gian ở ngôi, Nguyễn Hoàng đã cho quân đánh Chiêm Thành, mở rộng biên cương đến khu vực tỉnh Phú Yên ngày nay. Trận đánh này xảy ra năm Tân Hợi (1611).

2 - Nguyễn Phúc Nguyên (1613 - 1635)

Con thứ 6 của vua Nguyễn Hoàng, (bốn người con đầu của Nguyễn Hoàng đều mất sớm, người con thứ 5 thì phải làm con tin ở Đàng Ngoài). Thân mẫu người họ Nguyễn, sau được truy tôn là Gia Dụ hoàng hậu. Sinh vào tháng 7 năm Quý Hợi (1563). Năm Nhâm Dần (1602) được làm trấn phủ Quảng Nam. Nối nghiệp chúa từ tháng 6 năm Quý Sửu (1613), xưng là Tiết chế thủy bộ chư dinh, Tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự, chức Thái bảo, tước Thụy Quận Công. Ở ngôi chúa 22 năm, dân thường gọi là chúa Phạt hay chúa Sãi, mất vào tháng 10 năm ất Hợi (1635), thọ 72 tuổi. Sau được truy tôn là Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế.

3 - Nguyễn Phúc Lan (1635 - 1648)

Con thứ hai của Nguyễn Phúc Nguyên, thân mẫu người họ Nguyễn, sau được truy tôn là Hiếu Văn hoàng hậu. Sinh vào tháng 7 năm Tân Sửu (1601). Nối nghiệp chúa từ tháng 10 năm ất Hợi (1635), dân thường gọi là chúa Thượng, ở ngôi chúa 13 năm, mất vào tháng 2 năm Mậu Tý (1648), thọ 47 tuổi. Sau được truy tôn là Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Đế.

4 - Nguyễn Phúc Tần (1648 - 1687)

Con thứ hai của Nguyễn Phúc Lan, thân mẫu người họ Đoàn, sau được truy tôn là Hiếu Chiêu hoàng hậu. Sinh vào tháng 6 năm Canh Thân (1620). Nối nghiệp chúa từ tháng 2 năm Mậu Tý (1648), xưng là Tiết chế thủy bộ chư dinh, Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, chức Thái Bảo, tước Dũng Quốc Công, dân thường gọi là chúa Hiền. Ở ngôi chúa 39 năm, mất vào tháng 3 năm Đinh Mão (1687), thọ 67 tuổi. Sau được truy tôn là Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế.

5 - Nguyễn Phúc Trăn (1687 - 1691)

Con thứ hai của Nguyễn Phúc Tần, thân mẫu người họ Tống, sau được truy tôn là Hiếu Triết hoàng hậu. Sinh vào tháng 12 năm Kì Sửu (1649). Nối nghiệp chúa từ tháng 3 năm Đinh Mão (1687), xưng là Tiết chế thủy bộ chư dinh, Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, chức Thái phó, tước Hoàng Quốc Công, dân thường gọi là chúa Nghĩa. Ở ngôi chúa 4 năm, mất vào tháng 1 năm Tân Mùi (1691), thọ 42 tuổi. Sau được truy tôn là Thái Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế.

6 - Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725)

Con trưởng của Nguyễn Phúc Trăn, thân mẫu người họ Tống, sau được truy tôn là Hiếu Nghĩa hoàng hậu. Sinh vào tháng 5 năm ất Mão (1675). Nối nghiệp chúa từ tháng 1 năm Tân Mùi (1691), xưng là Tiết chế thủy bộ chư dinh, Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, chức Thái bảo, tước Tộ Quận Công, dân thường gọi là Quốc chúa. Ở ngôi chúa 34 năm, mất vào tháng 4 năm ất Tị (1725), thọ 50 tuổi. Sau được truy tôn là Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng Đế. Trong

thời gian ở ngôi chúa, Nguyễn Phúc Chu có ba lần mở rộng lãnh thổ về phía Nam.

7 - Nguyễn Phúc Chu (1725 - 1738)

Con trưởng của Nguyễn Phúc Chu, thân mẫu người họ Tống, sau được truy tôn là Hiếu Minh hoàng hậu. Sinh vào tháng 12 năm Bính Tí (1696). Nối nghiệp chúa từ tháng 4 năm ất Tị (1725), xưng là Tiết chế thủy bộ chư dinh, Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, chức Thái phó, tước Đĩnh Quốc Công, dân thường gọi là Ninh Vương. Ở ngôi chúa 13 năm, mất vào tháng 4 năm Mậu Ngọ (1738), thọ 42 tuổi. Sau được truy tôn là Thúc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế.

8 - Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765)

Con trưởng của Nguyễn Phúc Chú, thân mẫu người họ Trương, sau được truy tôn là Hiếu Ninh hoàng hậu. Sinh vào tháng 8 năm Giáp Ngọ (1714). Nối nghiệp chúa từ tháng 4 năm Mậu Ngọ (1738), xưng là Tiết chế thủy bộ chư dinh, Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, chức Thái bảo, tước Hiếu Quận Công, dân thường gọi là Võ Vương. Ở ngôi chúa 27 năm, mất vào tháng 4 năm Ất Dậu (1765), thọ 51 tuổi. Sau được truy tôn là Thế Tông Hiếu Võ Hoàng Đế.

9 - Nguyễn Phúc Thuần (1765 - 1777)

Con thứ 16 của Nguyễn Phúc Khoát, thân mẫu người họ Nguyễn, sau đi tu, được truy tôn là Tuệ Tĩnh Thánh Mẫu Nguyên Sư. Sinh vào tháng 11 năm Giáp Tuất (1754). Nối nghiệp chúa từ tháng 5 năm ất Dậu (1765), ở ngôi chúa 12 năm, mất vào tháng 9 năm Đinh Dậu (1777), khi bị Tây Sơn đánh đuổi ở Gia Định. Dân thường gọi là Định Vương. Sau được truy tôn là Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế.

(Trích "Thế Thứ các Triều Vua Việt Nam" của Nguyễn Khắc Thuần)

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT SÀI GÒN

Năm 1698, Nguyễn Phước Chu - tức chúa Minh - sai Thống suất Nguyễn Hữu Kinh (thường đọc Cảnh) vào Nam kinh lý và lập phủ Gia Định. Nhưng trước đó, có lẽ hàng thế kỷ, nhiều sử liệu cho thấy người Việt Nam đã tới buôn bán và khẩn hoang lập ấp rải rác trong đồng bằng sông Mê Kông ở châu thổ miền Nam và sông Mê Nam bên Xiêm rồi.

Biên niên sử Khơ Me chép: Năm 1618, vua Chey Chettha II lên ngôi. Ngài liền cho xây cung điện nguy nga tại U Đông, rồi cử hành lễ cưới trọng thể với một công chúa Việt Nam rất xinh đẹp con chúa Nguyễn (người ta phỏng đoán đó là công nữ Ngọc Vạn con chúa Sãi, Nguyễn Phước Nguyên). Hoàng hậu Sam Đát Việt Nam cho đem nhiều người đồng hương tới Campuchia, có người được làm quan lớn trong triều, có người làm các nghề thu công và có người buôn bán hay vận chuyển hàng hóa.

Năm 1623, chúa Nguyễn sai một phái bộ tới yêu cầu vua Chey Chettha II cho lập đồn thu thuế tại Prei Nokor (Sài Gòn) và Kas Krobei (Bến Nghé). Đây là vùng rừng rậm hoang vắng nhưng cũng là địa điểm qua lại và nghỉ ngơi của thương nhân Việt Nam đi Campuchia và Xiêm La. Chẳng bao lâu, hai đồn thu thuế trở thành thị tứ trên bến dưới quyền, công nghiệp và thương nghiệp sầm uất.

Giáo sĩ Ý tên Christoforo Boni sống tại thị trấn Nước Mặn gần Qui Nhơn từ năm 1681 đến năm 1622, viết hồi ký "Chúa Nguyễn phải chuyên lo việc tập trận và gọi quân sang giúp vua Campuchia - cũng là chàng rể lấy con gái hoang (fille batarde) của chúa! Chúa viện trợ cho vua cả tàu thuyền lẫn binh lính để chống lại vua Xiêm". Borri cũng tả khá tỉ mỉ về sứ bộ của chúa Nguyễn đi Campuchia hồi 1620: "Sứ thần là người sinh trưởng tại Nước Mặn, một nhân vật quan

trọng đứng sau chức tổng trấn. Trước khi lên đường, ông đã để nhiều ngày giờ bàn bạc và nhận lệnh của chúa. Sứ bộ gồm khá đông người, cả quan lẫn lính, vừa nam vừa nữ, chuyên chở trên những chiếc thuyền lớn có trang bị vũ khí và bài trí lộng lẫy. Khi sứ bộ tới kinh U Đông, thì dân chúng Khơ Me, thương nhân Bồ Đào Nha, Nhật Bản và Trung Hoa đã tụ hội đông đảo để đón tiếp và hoan nghênh. Vì sứ thần đây là người quan thuộc, đã lui tới nhiều lần, từng làm đại diện thường trú từ lâu, chưa không phải sứ giả mới đời lần đầu. Borri còn cho biết tòa sứ bộ khá quan trọng và đông đúc, nào là thê thiếp, người hầu kẻ hạ của sứ thần, nào binh sĩ giữ an ninh và phục dịch sứ bộ.

Một giáo sĩ khác người Pháp tên là Chevreuil tới thăm Colompé (tức Pnom Penh, Nam Vang) hồi 1665 đã thấy "hai làng An Nam nằm bên kia sông, cộng số người được độ 500 mà kẻ theo đạo Công giáo chỉ có 4 hay 5 chục người". Ngoài Nam Vang, tại các nơi khác cũng có nhiều người Việt Nam sinh sống, ở thôn quê thì làm ruộng, gần phố thì buôn bán, làm thủ công hay chuyên chở ghe thuyền, kể hàng mấy ngàn người. Như ở Đất Đỏ, Bà Rịa, Bến Cá, Cù lao Phôở, Mỹ Tho, Hà Tiên, v.v...

Ngoài đồng bằng sông Mê Kông, người Việt Nam còn đến làm ăn và định cư rải rác trong đồng bằng sông Mê Nam. Lịch sử cho biết: dân tộc Thái mới lập quốc từ thế kỷ VII sau công nguyên ở giữa bán đảo Đông Dương và chủ yếu trên lưu vực sông Mê Nam. Nước này gọi là Xiêm hay Xiêm La (Siam), đến năm 1939 mới đổi tên là Thái Lan. Kinh đô Xiêm xưa ở Ayuthia, xây dựng thờ năm 150 trên một khúc quanh của sông Mê Nam cách biển gần 100 km. Theo bản đồ Loubère vẽ năm 1687, thì kinh đô Ayuthia nằm trong một hòn đảo lớn, giữa hai nhánh sông Mê Nam. Đường sá, cầu cống, phố chợ, lâu đài... được ghi khá rõ ràng. lại có thêm chú thích minh bạch như: A=Thành phố, B=cung điện, C=bến cảng, D=xưởng thủy hải quân, E=xưởng thủy ghe thuyền, F=phố thị, G=chủng viện... Chung quanh hòn đảo chính có những khu vực dành riêng cho dân Xiêm hay người nước ngoài cư trú: người Xiêm ở phía Bắc và Tây Bắc, người Hoa ở phía Đông, người Việt Nam, Mã Lai, Nhật Bản, Hòa Lan, Bồ Đào Nha ở phía Nam. Nơi người Việt ở cũng là một cù lao khá rộng, qua sông là tới phố thị kinh đô, việc đi lại giao dịch rất thuận lợi. Nhìn cách bố trí thôn trại chung quanh Ayuthia, ta có thể phỏng đoán cộng đồng người Việt ở đây khá đông và là một trong mấy nhóm ngoại quốc tới lập nghiệp sớm nhất.

Trên bản đồ có ghi rõ chữ Cochinchinois nơi thôn trại Việt. đương thời, địa danh này chỉ người Đàng Trong và cũng có thể chỉ chung người Việt Nam, vì trước đó - trong thời gian chưa có phân ranh Trịnh Nguyễn, Tây phương dùng địa danh ấy, biến dạng bởi Giao Chỉ - Cauchi - Cauchinchina - Cochinchine để gọi chung Việt Nam. Đa số người Việt ở đây là người Đàng Trong, song cũng có người Đàng Ngoài. Họ tới định cư và lập nghiệp có lẽ từ thế kỷ XVI hay đầu thế kỷ XVII tới, nghĩa là từ thời nhà Mạc khi trong nước rất xáo trộn là loại ly. Theo ký sự của Vachet thì cả nam nữ già trẻ. Ngoài Ayuthia, người Việt còn tới làm ăn định cư tại Chân Bôn (Chantaburi) và Bangkok là những thương điểm trung chuyển từ Hà Tiên tới kinh đô Xiêm.

Sử Việt Nam và sử Khơ Me cùng nhất trí ghi sự kiện: Năm 1674, Nặc Ong Đài đánh đuổi vua Nặc Ong Nộn. Nộn chạy sang cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa liền sai thống suất Nguyễn Dương Lâm đem binh đi tiến thảo, thu phục luôn 3 lũy Sài Gòn, Gò Bích và Nam Vang (trong sử ta, địa danh Sài Gòn xuất hiện từ 1674 vậy). Đài thua chạy rồi tử trận. Chúa Nguyễn phong cho Nặc Ong Thu làm Cao Miên quốc vương đóng đô ở U Đông, cho Nặc Ong Nộn làm phó vương.

Sử ta còn ghi rõ: năm 1679, chúa Nguyễn Phước Tần tức Hiền Vương cho "nhóm người Hoa" muốn "phục minh chống Thanh" là Dương Ngạn Dịch tới Mỹ Tho, Trần Thượng Xuyên tới Biên Hòa và Sài Gòn để lánh nạn và làm ăn sinh sống. Những nơi đó đã có người Việt tới sinh cơ lập nghiệp từ lâu. Như Trịnh Hoài Đức đã chép: các chúa Nguyễn "chưa rảnh mưu tính việc ở xa nên phải tạm để đất ấy cho cư dân bản địa ở, nối đời làm phiên thuộc ở miền Nam, cống hiến luôn luôn". Nhưng năm 1658, "Nặc Ong Chân phạm biên cảnh", Hiền Vương liền sai "phó tướng Tôn Thất Yên đem ngàn binh đi 2 tuần đến thành Mô Xoài (Bà Rịa), đánh phá kinh thành và bắt được vua nước ấy". Sau được tha tội và được phong làm Cao Miên quốc vương "giữ đạo phiên thần, lo bề cống hiến, không xâm nhiễu dân sự ở ngoài biên cương. Khi ấy địa đầu Gia Định là Mô Xoài và Đồng Nai đã có lưu dân của nước ta đến ở chung lộn với người Cao Miên khai khẩn ruộng đất". Như vậy là từ trước 1658, Mô Xoài và Đồng Nai đã thuộc "biên cảnh" của Việt Nam.

Bốn mươi năm sau (tức 1698), chúa Nguyễn mới sai Nguyễn Hữu Kính vào "kinh lý" miền Nam. Đó là cuộc kinh lý miền biên cảnh - khi ấy "đất đai đã mở rộng khắp miền đông Nam Bộ nay. Trên cơ sở lưu dân Việt Nam tự phát tới "khẩn hoang lập ấp", Nguyễn Hữu Kính đã lập phủ Gia Định và 2 huyện Phước Long, Tân Bình (một phần nay là TP HCM). Đúng là dân làng đi trước, nhà nước đến sau. Và miền biên cảnh Nam Bộ sáp nhập vào cương vực Việt Nam một cách thật êm thấm và hòa hợp dân tộc vậy.

(Sài Gòn - Tp. Hồ Chí Minh: 300 năm địa chính)

PHÁP CHIẾM SÀI GÒN VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC XÂM LƯỢC VIỆT NAM

Tháng 4-1857, Napoléon III quyết định thành lập một ủy ban nghiên cứu về Việt Nam (Commission de la Cochinchine) do hầu tước Brenier đứng đầu và 4 ủy viên Pierre Cintrat, Phó Đề đốc Fourichon, Đại tá hải quân Jamès, đại diện Bộ Thương mại Fleury và thư ký De Mofras.

Qua 7 phiên họp (từ 28-4 đến 18-5-1859), Ủy ban đã thảo luận 4 vấn đề chính: pháp lý, kinh tế, chính trị và quân sự và cuối cùng đã kết luận: Pháp cần xâm chiếm Việt Nam. Trung tướng Rigault de Genouilly được giao nhiệm vụ "chiếm Tourane" (Đà Nẵng) và giữ vững ở đó. Ngày 1-9-1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha dưới sự chỉ huy của Rigault de Genouilly tấn công Đà Nẵng mở đầu cuộc xâm lược. Nhưng chiến lũy Liên Trì, chiến thuật vườn không nhà trống và khí hậu khắc nghiệt đã khiến cho Rigault de Genouilly thất bại trong chiến lược đánh nhanh thắng nhanh. Cuối cùng, y quyết định chọn mục tiêu thứ hai là Sài Gòn...

QUÂN PHÁP ĐÁNH CHIẾM SÀI GÒN

Vào giữa thế kỷ XIX, lịch sử Việt Nam bắt đầu những trang đen tối khác. Với dã tâm xâm lược, Pháp đã can thiệp quân sự vào Việt Nam bằng cách đánh chiếm Nam Kỳ rồi Bắc và Trung Kỳ, áp đặt chế độ đô hộ trên toàn bộ lãnh thổ nước ta.

Các nước châu Âu, đứng đầu là hai đại đế quốc Anh và Pháp đang tranh giành ráo riết các thuộc địa màu mỡ ở châu Phi, châu Á, vừa để độc quyền khai thác các tài nguyên phong phú, vừa mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp của mình. Riêng đối với Việt Nam, các nước phương Tây đã nhiều lần ngỏ ý muốn thiết lập

bang giao, nhất là Pháp, do mối quan hệ đã có từ khi Nguyễn Phúc Ánh chưa thiết lập vương quyền nhà Nguyễn. Ý đồ của Pháp là thực hiện chiến lược bành trướng đế quốc thuộc địa tại châu Á, sau khi bị người Anh gạt ra khỏi Ấn Độ. Cho nên người Pháp rất muốn triều đình Huế dành cho họ đặc quyền buôn bán ở Việt Nam. Khi bị triều đình Huế nhiều lần từ chối (giai đoạn 1817-1831) Pháp liền đưa quân đến xâm lược nước ta.

Đến 1850, Đế nhị đế chính ở Pháp được thiết lập. Tình hình nội bộ Pháp đã ổn định. Lợi dụng việc cấm đạo của các vua nhà Nguyễn, và tác động của Hoàng Hậu Eugenie Marie De Montixio De Guzman người rất được triều đình Tây Ban Nha ủng hộ, Pháp hoàng Napoléon III quay lại chính sách can thiệp trước đây, với tư cách là người bảo vệ quyền truyền giáo của Hội truyền giáo hải ngoại Paris, người bảo vệ quyền lợi của Đế nhị đế chính Pháp.

Ngoài ra, sự can thiệp bằng vũ lực của Pháp vào Việt Nam còn là một thủ đoạn chính trị hết sức tinh vi của Napoléon III nhằm vô hiệu hóa sự chống đối của quân đội, giới thương nhân và nhất là của giáo hội Thiên chúa giáo với tham vọng độc quyền giáo tại Việt Nam. Hoàng đế Pháp Napoléon III quyết định cho tiến hành "Chính sách ngoại giao pháo hạm" đối với nước ta. Năm 1855, triều đình Pháp cử đặc sứ De Montigni đến các nước châu Á thảo luận ký hiệp ước thông thương.

Trong khi vị đặc sứ này còn đang thương thuyết ở Cao Miên thì ba hộ tống hạm Pháp đã đến Việt Nam trước. Ngày 17-9-1856 hộ tống hạm Catinat cập bến Đà Nẵng gặp phải sự đón tiếp căng thẳng, hạm trưởng Hải quân Trung tá Le Lieur đã cho nổ súng bắn phá các pháo đài phòng thủ cửa biển Đà Nẵng. Thái độ thù địch của lực lượng hải quân Pháp tại Đà Nẵng làm cho các đề nghị thương thảo sau này của đặc sứ Montigni không được triều đình Huế chấp nhận. Giám mục Pellerin vội vã lên đường về Pháp, vận động triều đình Pháp can thiệp vũ lực vào Việt Nam.

Napoléon III cho lập ngay "Ủy ban Nam Kỳ" (Commission de la Cochinchine). Trong phiên họp tháng 4-1857. Ủy ban Nam Kỳ khuyến cáo chính phủ Pháp phải chiếm giữ ba thương cảng chính của Việt Nam mà các thương nhân Pháp thường lui tới là: Kẻ Chợ, Đà Nẵng và Sài Gòn. Việc chiếm cứ này sẽ có lợi cho Pháp trên cả ba

phương diện: Chính trị, thương mại và uy tín của đế quốc Pháp. Napoléon III chấp thuận đề nghị của Ủy ban và ra lệnh cho vị Tư lệnh hạm đội Pháp ở Viễn Đông, Phó Đô đốc Hải quân Rigault de Genouilly ngày 25-11-1857 phải đưa chiến hạm đến chiếm Đà Nẵng. Nhưng mãi đến 1-9-1858 hạm đội Pháp gồm 14 chiến hạm, 3000 quân mới đến nơi. Quân Pháp với sự hỗ trợ lực của một đơn vị bộ binh Tây Ban Nha do Đại tá Lanzarotte chỉ huy đã cùng tiến đánh cảng Đà Nẵng.

Sau khi chiếm hai đồn phòng thủ của Đà Nẵng, Phó Đô đốc Rigault De Genouilly nhận thấy không thể dùng Đà Nẵng làm căn cứ được, vì tình hình chiến sự trở nên phức tạp, quân triều đình Huế kháng cự mãnh liệt, không giống như các báo cáo của các giáo sĩ Pháp đã gửi cho Bộ hải quân và thuộc địa, do đó ông buộc phải thay đổi phương án chiếm đóng.

Đầu năm 1859, thay vì đem cả hạm đội ra vịnh Bắc Kỳ theo đúng kế hoạch dự kiến, De Genouilly quyết định đem quân vào đánh Nam Kỳ, giao cho Đại tá Toyon chỉ huy một đơn vị nhỏ, giữ các cứ điểm chiếm được ở Đà Nẵng. Việc thay đổi quyết định của De Genouilly được lý giải bởi các yếu tố sau:

Nam Kỳ (La Basse Cochinchine) là vựa lúa nuôi cả quân đội nhà Nguyễn và kinh đô Huế.

Vị trí Sài Gòn có những điều kiện tự nhiên rất thuận lợi về mặt giao thông hàng hải, thương mại đã được các nước phương Tây chú ý ngay từ những năm đầu thế kỷ XIX.

Thời điểm bấy giờ đang mùa gió Đông Bắc thuận lợi cho việc hạm đội Pháp xuôi Nam.

Hạm đội hải quân gồm các chiến hạm Phlégéton, Primauguet, các pháo hạm L'Alarme, L'Avalanche, La Dragonne, các vận chuyển hạm La Durance, La Meurthe, La Saône và thông báo hạm máy hơi nước El Cano. Tất cả rời Đà Nẵng ngày 2-2-1859, đến ngày 9-2 thì tập kết tại cửa sông Sài Gòn. Sáng ngày 10-2 chiến hạm Pháp pháo kích phá hủy 2 pháo đài phòng vệ trên bờ biển Vũng Tàu. Ngày 11-22 chiến hạm Pháp Phlégéton pháo kích phá hủy đồn Cần Giờ.

Soái hạm của R.De Genouilly ngược sông Sài Gòn, dẫn đầu một đoàn chiến thuyền gồm hai chiếc hộ tống hạm máy hơi nước, ba pháo hạm và một thông báo hạm máy hơi nước của Tây Ban Nha, kéo theo nhiều xà-lúp và canô chở quân trang quân dụng. Từ ngày 11-2 đến 15-2 quân Pháp lần lượt triệt hạ đồn phòng vệ của triều đình Huế đóng dọc theo sông Sài Gòn, sẵn sàng đánh chiếm Sài Gòn.

Lũy thành Sài Gòn được tổ chức phòng thủ hai mặt: mặt Nam là hai pháo đài phòng vệ, mặt Bắc là một lũy thành với nhiều pháo đài lồi.

Tối 15-2 Rigault de Genouilly cho tấn công và hủy diệt ngay một trong hai pháo đài ở mặt Nam, pháo đài còn lại cũng bị triệt hạ vào sáng 16-2. Tiếp tục việc chiếm đóng Sài Gòn chiến hạm L'Avalanche đi trinh sát hệ thống phòng thủ của lũy thành phía Bắc. 17-2-1859 các tàu chiến Pháp án ngữ đúng vị trí được phân công: chiến hạm Phlégeon trực diện cổng thành, chiến hạm Primauguet và hai pháo hạm L'Alarme, L'Avalanche, bảo vệ mặt trận phía trước, còn pháo hạm La Dragonne, Le Prigent và thông báo hạm El Cano bảo vệ mặt trận phía sau. Tất cả đồng loạt nổ súng để yểm trợ lực lượng đổ bộ áp sát mục tiêu. Thiếu tá Henri des Paillères cầm đầu hai đại đội bộ binh đánh vào sườn trái. Trong khi đó Đại úy Gallimard dẫn toán công binh có nhiệm vụ đánh sập cửa lớn và các vách thành, hỗ trợ cho bộ binh tràn vào thành. Một đại đội khinh binh Tây Ban Nha dưới quyền của Thiếu tá Palance nằm chờ tăng viện cho hai cánh quân trên. Một tiểu đoàn trừ bị nằm đợi lệnh trên bãi công dưới quyền chỉ huy của Trung tá Raybaud. Trong khi đó lực lượng Tây Ban Nha dưới quyền của Đại tá Lanzarotte cùng một nửa tiểu đoàn hải quân ở cánh tả, được lệnh áp sát vách thành.

Quân triều đình bị tấn công dưới hỏa lực ác liệt của quân Pháp sớm bị đánh tan, cùng lúc đó ở sườn mặt, một cánh quân của triều đình hơn 1000 người, vẫn tiếp tục cầm cự dưới trận mưa pháo của đại đội bộ binh Pháp. Đại tá Lanzarotte được lệnh đốc toàn lực đẩy lùi cánh quân này ra khỏi mặt Bắc lũy thành Sài Gòn. Đến 10 giờ ngày 17-2 việc chiếm đóng Sài Gòn coi như hoàn tất, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã chiếm đóng nhiều vị trí, đồn binh của quân triều đình trong thành Sài Gòn.

Chỉ trong vòng một tuần lễ, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã làm chủ một vùng rộng 25 dặm dọc theo sông Sài Gòn và toàn bộ thành Sài Gòn được phòng thủ rất qui mô và kiên cố mà ta có thể thấy được qua số chiến lợi phẩm do quân Pháp thu được sau khi chiếm thành:

200 khẩu đại bác bằng sắt và đồng, một hộ tống hạm và 7 chiến thuyền gỗ còn đang nằm ụ, 20.000 vũ khí, 85.000 kg thuốc nổ, một két sắt chứa 130.000 quan.

Tổn thất của triều đình Huế ước tính 20 triệu quan Pháp.

Cuộc đánh chiếm Sài Gòn trong năm 1859 thực tế chỉ là một cuộc tấn công quân sự thuần túy. Bởi vì ngay sau đó toàn bộ hạm đội Pháp rút đi cùng với quân Anh đánh Trung Hoa, và chỉ để lại một đội quân trú phòng do Đại tá D'ariès trấn giữ, đánh nhau cầm chừng với quân chi viện của triều đình Huế do ông Nguyễn Tri Phương và Tham tán Đại thần Phạm Thế Hiển tổ chức chiến đấu nhằm khôi phục Sài Gòn.

Cuối năm 1860, nhà Thanh bại trận phải ký hiệp ước bất bình đẳng với Pháp - Anh, hạm đội Pháp do phó Đô đốc Charner chỉ huy quay về hoàn tất việc chiếm đóng Sài Gòn. Đầu năm 1861, quân Pháp tập trung toàn bộ lực lượng với 70 chiến thuyền, 3.500 bộ binh đánh chiếm đồn Kỳ Hòa. Rạng sáng 24-2-1861 liên quân Pháp - Tây Ban Nha tổng tiến công đồn Kỳ Hòa. Chiều ngày 25-2-1861 đồn Kỳ Hòa thất thủ, thiệt hại cả hai bên đều rất nặng nề. (Quân triều đình ông Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển bị thương nặng, ông Nguyễn Duy tử trận. Phía quân Pháp Thiếu tướng Vassoigne, Đại tá Tây Ban Nha Planca bị thương (có tài liệu nói chết). Trận đánh Sài Gòn lần 2 được triều đình Pháp đặc biệt quan tâm vì nó mở đầu cho ý đồ mở rộng thuộc địa tại Nam Kỳ, cho nên ngay ngày 27-2-1861 Phó Đô đốc Chatner gửi báo cáo khẩn cấp về Bộ Hải quân và Thuộc địa việc hoàn tất chiếm đóng toàn bộ Sài Gòn cùng lúc với việc điều binh chiếm Biên Hòa và Định Tường.

Sự thất thủ thành Sài Gòn (1859) rồi thất thủ Kỳ Hòa (1861) đã bộc lộ sự yếu kém của vua quan nhà Nguyễn. Như phần trên đã nêu, dưới triều Minh Mạng hệ thống phòng thủ kiên cố của thành Gia Định được xây dựng từ cuối thế kỷ XVIII bị phá bỏ, nhất là việc thao

luyện quân sự không được chú trọng, quân sĩ không quen chiến trận dễ bị tan rã khi lâm trận, dù dự trữ lương thực, vũ khí rất dồi dào. Từ sự yếu kém đó dẫn đến những di hại nghiêm trọng khác trong việc tìm hiểu và đánh giá đúng kẻ địch, chọn đối sách hợp lý trước kẻ địch đầy dã tâm. Cho nên ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy triều đình Huế đã chọn sách lược nhượng bộ rồi đầu hàng, dù tại triều đình cũng có phái "chủ chiến" ngay trong giai đoạn đầu của cuộc xâm lược Pháp.

*(Theo sách Sài Gòn từ khi thành lập
đến giữa thế kỷ 19 - NXB TP HCM 1998)*

NGUYỄN TRI PHƯƠNG VÀ ĐẠI ĐỒN CHÍ HÒA

a) Đại đồn Chí Hòa

Đại đồn Chí Hòa (người Pháp đọc là Ki Hoa, rồi ra lại theo đó mà gọi là Kỳ Hòa) được xây dựng trên làng Chí Hòa, có hình thang mà đáy nhỏ ngang Bà Quẹo, đáy lớn ngang với ga Sài Gòn và đường 3 tháng 2 bây giờ. Hai mặt Tây và Đông chạy dọc theo hai bên đường Cách Mạng Tháng Tám (bấy giờ là đường Thiên Lý đi Nam Vang).

Đại đồn rộng chừng 3 cây số vuông, chia làm 5 khu. Thành cao 3,5m, dày 2m. Trên mặt thành và sát vách thành có hàng rào tre gai, phía ngoài là hào sâu có cắm chông dày và các hố chữ phẩm. Bố trí quanh thành là 150 đại bác. Từ đại đồn về phía chùa Cây Mai, quân ta đắp một chiến lũy dài và xây dựng đồn Hữu làm điểm tựa. Từ đại đồn về phía rạch Thị Nghè cũng đắp một chiến lũy tương tự với đồn Tả.

Từ Bà Quẹo tiến về phía Bắc là các đồn Tham Lương, Thuận Kiều, Rạch Tra... Trong tình thế đó thì Chasseloup Laubat được bổ nhiệm làm Thượng thư Bộ Thuộc địa. Y cương quyết thúc đẩy việc thành lập một thuộc địa vĩnh viễn tại Nam Kỳ.

Chiến tranh với Trung Hoa chấm dứt với Hòa ước Bắc Kinh (10-1860), Đô đốc Charner kéo hạm đội về Sài Gòn. Ngày 7-2-1861, Charner đến Sài Gòn cùng với 3 tiểu đoàn bộ binh, 1.200 lính thủy đánh bộ, 600 dân phu mộ ở Quảng Châu và gần đầy đủ một hạm đội.

Thêm 9 đại đội tăng viện từ Pháp, 800 quân Pháp và Tây Ban Nha đồn trú từ trước ở Sài Gòn, 150 kỵ binh từ Philippines đến, quân số dưới quyền chỉ huy của Charner lên đến 5.000 với gần 70 tàu chiến.

Rõ ràng là một lực lượng rất mạnh so với quân ta ở Sài Gòn cho dù quân số của quân ta đông hơn: 22.000 khinh binh, 10.000 cơ binh và 15.000 quân đóng ở Biên Hòa như là lực lượng tiếp ứng. Với lực lượng như thế, Charner sẵn sàng đối chiến với quân triều đình để mở rộng vùng chiếm đóng.

b) Trận chiến Chí Hòa

Ngày 24-2-1861, từ 4 giờ sáng, trọng pháo Pháp bắt đầu nhả đạn vào thành lũy ta, khởi đầu cuộc tấn công đại đồn. Quân Pháp không đánh thẳng vào mặt phía Nam là mặt đối diện với bờ sông Sài Gòn mà chọn thế đánh ngang hông xuất phát từ đồn Cây Mai.

Lúc 5 giờ sáng, lực lượng chủ lực phát xuất từ đồn Cây Mai bắt đầu tấn công vào đồn Hữu. Pháo ta bắn trả dữ dội, đồng thời cho voi xung trận. Pháp điều động trọng pháo lên trước, chỉ cách đồn Hữu 500m và nhả đạn liên tục vào đồn để yểm trợ cho lực quân áp thành, dùng thang leo vào. Trọng pháo nhả ít nhất 500 viên vào đồn và cuối cùng chiếm được đồn Hữu.

Sáng hôm sau, ngày 25-2-1861, từ 5 giờ sáng, quân Pháp chia làm 3 cánh tấn công vào thành phía Tây của đại đồn.

Trọng pháo Pháp, vẫn theo một chiến thuật cổ điển, liên tiếp nhả đạn vào đồn để chuẩn bị cho lực quân áp thành. Mặt trời mọc làm trọng pháo không nhắm được. Tên trung tá Crouzat ra lệnh đưa súng vào chỉ cách thành 200m và trực xạ. Thành vỡ, quân ta và địch đánh cận chiến trong từng khu vực.

Về phía địch có 12 tên chết và 300 tên bị thương, có Đại tá Palanca. Trung tá Testard chết sau đó vì vết thương quá nặng.

Bên ta, Nguyễn Tri Phương bị thương, Tán lý Nguyễn Duy (em Nguyễn Tri Phương), Tán tương Tôn Thất Chỉ tử trận cùng rất nhiều quân sĩ.

Nguyễn Tri Phương phải ra lệnh lui quân về phía đông Bắc.

Ngày 28-2-1861, quân Pháp tấn công Hóc Môn, rồi từ Hóc Môn tiếp tục đánh đồn Tân Thới... Quân ta phải rút lui về Biên Hòa.

Đại đồn Chí Hòa thất thủ sau hai ngày cầm cự. Quân Pháp thừa kế đánh chiếm Định Tường (15-4-1861), Biên Hòa (7-1-1862) và Vĩnh Long (23-3-1862). Vậy là Sài Gòn đã hoàn toàn rơi vào tay địch. Sài Gòn tan tác trong cơn binh lửa.

Ngậm ngùi thay ba bốn làng Gò Vấp Cây cỏ khô, thân thể cũng khô Bát ngát nhĩ mười tám thôn vườn trầu Hoa trái rụng rời, người cũng rụng Mấy dặm Gò Đen, Rạch Kiến Ngọn lửa thiêu, sự nghiệp sạch không.

(Theo sách 300 năm SG-TPHCM - NXB CTQG-98)

NAM KỲ BỊ RƠI VÀO TAY THỰC DÂN PHÁP

a) Giai đoạn ban đầu của cuộc xâm lược.

Trước khi cho quân đi đánh phá Đà Nẵng vào năm 1858, nước Pháp đã là một đế quốc hùng mạnh có nhiều thuộc địa rải rác ở nhiều nơi, ở châu Mỹ có Martinique, Dominique..., ở châu Phi có Sénégal, Saint Louis, Tahiti, Algérie... Còn ở châu Á thì chỉ mới lấy được một số thành phố hải cảng và Cadédonie.

Sau khi lấy Calédonie vào năm 1853, Pháp thực sự tiến hành việc xâm chiến Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 1858, lấy cớ phản đối chính sách cấm đạo của triều đình Huế, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng bắn phá hải cảng Đà Nẵng để tiến tới tấn công kinh thành Phú Xuân. Quân triều đình chống trả kịch liệt, làm cho Đô đốc của quân Pháp là Rigault de Genouilly thay đổi kế hoạch, đưa quân vào đánh cửa Cần Giờ. Quân Pháp triệt hạ lần lượt 2 đồn từ Cần Giờ đến Gia Định, và ngày 17-2-1859 thì công phá thành Gia Định. Quân Nguyễn bị thua to, quan Đốc thần Vũ Duy Ninh và Án sát Lê Từ tự vẫn, quân lính tháo chạy. Gia Định thất thủ. Trong dịp này quân Pháp cho mình giết sập thành Gia Định.

Nguyễn Tri Phương được Triều đình cử vào phụ trách mặt trận này. Ông cho đắp đại đồn Chí Hòa dài 3.000m, ngang 1.000m, cao 3m5 để chống giữ với quân Pháp. Trong thời gian này, phía Pháp có sự thay đổi. Đô đốc Charner sang thay R.de Genouilly chỉ huy toàn quân viễn chinh.

b) Mất ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ

Ngày 23-2-1861, quân Pháp công phá đại đồn Chí Hòa, gặp sự kháng cự quyết liệt của quân Nguyễn. Sau hai ngày chiến sự ác liệt, quân Nguyễn bị tổn thất nặng. Nguyễn Tri Phương bị thương, còn em là Nguyễn Duy thì tử trận. Quân Nguyễn phải bỏ đại đồn Chí Hòa, rút về Biên Hòa.

Sau khi phá được đại đồn Chí Hòa, quân Pháp tiến đánh lấy Định Tường (Mỹ Tho), đặt đồn lũy khắp nơi để kiểm soát. Tướng Bonnard sang thay Charner, triển khai việc đánh chiếm Biên Hòa (1861) và Vĩnh Long (1862). Triều đình Huế cử phái bộ do Phan Thanh Giản cầm đầu vào nghị hòa cùng Bonnard và ký hiệp ước Nhâm Tuất (1862) nhường ba tỉnh miền Đông cho Pháp.

c) Mất ba tỉnh miền Tây

Trong khi nhân dân miền Đông đứng lên chống Pháp thì triều đình Huế cũng muốn đòi lại ba tỉnh đã mất, bèn cử một phái bộ do Phan Thanh Giản làm Chánh sứ, Phạm Phú Thứ làm Phó sứ sang Pháp xin chuộc. Việc thương thuyết chưa ngã ngũ thì quân Pháp tiến hành việc đánh chiếm ba tỉnh miền Tây (6.1867). Phan Thanh Giản lúc ấy đã trở về sau chuyến đi sứ không kết quả, đang làm Kinh lược sứ ở đấy. Nghĩ rằng quân Nguyễn không thể nào chống nổi với quân xâm lược, Phan Thanh Giản dâng thành cho đối phương rồi uống thuốc độc tự tử. Từ đấy Nam Kỳ trở thành thuộc địa của Pháp.

BƯỚC ĐẦU CỦA PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP

Trong khi Triều đình Huế nhượng từng bước trước quân Pháp và sau đó là cắt đất cho Pháp thì phong trào chống Pháp nổi dậy mạnh mẽ trong dân chúng. Tiêu biểu của buổi khởi đầu chống Pháp là cuộc khởi nghĩa của Trương Định và Võ Duy Dương.

Trương Định (1820-1864) làm Phó lãnh binh tại Gia Định. Năm 1861, sau thất bại của quân Nguyễn ở đại đồn Chí Hòa, Trương Định kéo quân về Gò Công, xây dựng căn cứ, quy tập những người yêu nước cùng đứng lên chống Pháp. Cuộc khởi nghĩa nổ ra trước khi Triều Đình Huế chịu ký nhường ba tỉnh miền Đông cho Pháp. Từ Gò Công, phong trào chống Pháp lan rộng ra khắp nơi. Nghĩa quân đánh phá quân Pháp tại Mỹ Tho, Biên Hòa, Tân An, Cần Giuộc, Chợ Lớn. Quân Pháp không tiêu diệt được, nhưng sau đó nhờ mua chuộc Việt gian, tìm ra được bản doanh của Trương Định tại làng Kiểng Phước (Gò Công), quân Pháp vây đánh quyết liệt. Trong khi chống trả, Trương Định bị đạn bắn gãy xương sông và hy sinh (1864). Cùng năm đó, thủ lĩnh nghĩa quân ở Tân Bình là Hồ Huân Nghiệp cũng bị giặc bắt và hành hình. Phong trào chống Pháp không vì thế mà dừng lại, tiếp theo Trương Định là các cuộc khởi nghĩa khác, tiêu biểu nhất là của Võ Duy Dương (Thiên Hộ Dương).

Địa bàn hoạt động của Võ Duy Dương là ở Đồng Tháp Mười. Ông đã từng tham gia phong trào khởi nghĩa của Trương Định, được phong chức Thiên hộ, nên thường được gọi là Thiên hộ Dương. Sau khi Trương Định hy sinh, Thiên hộ Dương ra lập căn cứ ở Bằng Lăng, đặt Tổng hành dinh trong vùng đầm lầy Đồng Tháp Mười, dùng chiến thuật du kích để đánh quân Pháp. Chiến thuật này đã làm đảo điên quân Pháp. Chính quân của Võ Duy Dương đã có sáng kiến dùng ong vò vẽ chống lại những trận càn của địch. Quân Pháp cho quân lính đi tiêu trừ mấy phen không được, cuối cùng phải huy động đại quân tấn công bản doanh Tháp Mười. Võ Duy Dương phải chạy về Vàm Cỏ Tây rồi bị bệnh thương hàn và hy sinh tại đây. Nam Kỳ, chiến trường ở đây chỉ còn có nhân dân và quân Pháp. Tiếp bước theo miền Đông, nhân dân miền Tây đứng lên chống Pháp mà điển hình là các cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực và Thủ Khoa Huân.

Nguyễn Trung Trực (1838 - 1868) vốn ở trong hàng ngũ của Trương Định ngay từ buổi đầu tiên. Ông đã tài ba, mưu trí chỉ huy đánh đắm chiếc tàu *Espérance* của thủy quân Pháp trên sông Vàm Cỏ vào năm 1861. Sau đó ông được Triều đình cử về làm Thành thủ úy Hà Tiên. Khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây, ông được lệnh của Triều đình Huế ra trấn nhậm Phú Yên, nhưng Nguyễn Trung Trực không tuân lệnh, ở lại mở mặt trận chống Pháp, lập căn cứ ở Hòn Chông. Tháng 6.1868, ông tiến quân chiếm đảo Phú Quốc. Trước sức

mạnh ngày càng lớn của nghĩa quân, quân Pháp bèn bắt giam mẹ của Nguyễn Trung Trực để buộc ông phải ra hàng. Vì hiếu, Nguyễn Trung Trực ra nộp mình và bị hành quyết (1868) Địa bàn hoạt động chính của Thủ Khoa Huân (tên thật là Nguyễn Hữu Huân 1830-1875) là ở An Giang. Thủ Khoa Huân vốn đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa của Trương Định và của thiên hộ Dương. Vào năm 1863 ông bị quan tỉnh An Giang bắt nộp cho quân Pháp. Ông bị Pháp đày đi Nam Mỹ nhưng đến năm 1870 lại được đưa về lại Sài Gòn. Thủ Khoa Huân lại trốn về An Giang, lập căn cứ chống Pháp. Đến năm 1875, Thủ Khoa Huân bị quân Pháp bắt đưa về hành quyết tại quê nhà (huyện Chợ Gạo, Tiền Giang-1875). Cũng trong phong trào chống thực dân Pháp, giữa những tướng lĩnh và nghĩa quân thề quyết đánh giặc, nhân dân Sài Gòn và Nam Bộ không thể quên được những sĩ phu yêu nước. Không tự cầm gươm giết giặc, nhưng đã dùng ngòi bút sắc bén của mình cảnh tỉnh đồng bào, lên án bọn cướp nước, tiêu biểu là nhà thơ chiến sĩ Nguyễn Đình Chiểu

(Tôn Nữ Quỳnh Trân - Lịch sử Việt Nam)

SÀI GÒN BIẾN ĐỔI VÀ HÌNH THÀNH MỘT THÀNH PHỐ THEO KIỂU PHƯƠNG TÂY

Ngay sau chiếm được thành Gia Định, trên nền bình đảo khói lửa vừa tàn phá "của tiền tan bọt nước""tranh ngôi nhuộm màu mây", thực dân Pháp đã tính ngay kế sách cắm chốt lâu dài ở đây, muốn lấy đây là bàn đạp, thôn tính Nam Bộ, cướp nước ta. Chúng bắt tay ngay vào xây dựng Sài Gòn như một trung tâm của ba tỉnh miền Đông. Và chừng năm năm sau đó là thủ phủ của cả Nam Kỳ lục tỉnh.

Sài Gòn đổi thay mau chóng trở thành "Hòn ngọc Viễn Đông", cũng mau chóng trở thành cái vôi bạch tuộc của thực dân Pháp vơ vét tài nguyên, sản vật của Việt Nam. Và cũng sớm trở thành một trung tâm bị bóc lột, đầu độc và sa đọa...

SÀI GÒN - NHỮNG NĂM ĐẦU THỜI PHÁP CHIẾM ĐÓNG

a) Sài Gòn với những biến đổi

Sài Gòn là một thành phố nhỏ tọa lạc tại khu vực giới hạn bởi sông Sài Gòn (phía Đông), rạch Thị Nghè (phía Bắc), rạch Bến Nghé (phía Nam). Cư dân sinh sống ở đây ước tính khoảng 100.000 người, phần lớn tập trung tại Sài Gòn và Chợ Lớn. Cho đến năm 1859, Sài Gòn vẫn còn là một trung tâm hành chính quân sự. Các công trình xây dựng lớn chủ yếu phục vụ cho chức năng cai trị và phòng thủ, hoàn toàn chưa có những tiện nghi công cộng, các cơ sở hạ tầng thiết yếu cho một thành phố thương mại, thành phố cảng.

Nhằm thực hiện mưu đồ chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ nước ta, tiến tới việc xác lập khu vực ảnh hưởng của đế quốc Pháp tại Viễn Đông, triều đình Paris, đặc biệt là các Đô đốc trực tiếp cai trị tại Nam Kỳ, đã gấp rút xúc tiến việc qui hoạch xây dựng Sài Gòn thành một đô thị lớn nhiều chức năng (hành chính, quân sự, kinh tế, cảng v.v...) với dân số dự kiến lên đến trên nửa triệu người. Mục đích chính của

những nỗ lực nhằm sớm biến Sài Gòn thành một thành phố sầm uất, ngoài những yêu cầu về lãnh thổ, yêu cầu cạnh tranh ảnh hưởng với các thế lực đế quốc khác ở Viễn Đông, người Pháp còn muốn nhanh chóng khai thác Nam Kỳ, mà các chuyên gia Pháp đã nhìn thấy ở đó tiềm lực kinh tế to lớn. Nguồn lợi kinh tế do Nam Kỳ mang lại sẽ gánh bớt một phần chi phí chiếm đóng Việt Nam, mỗi bản khoản của triều đình Napoléon III ngay từ những toan tính ban đầu.

Năm 1862 dự án thiết kế thành phố Sài Gòn của Coffyn được phê duyệt bao gồm cả vùng Chợ Lớn. Đến năm 1864, do diện tích dự kiến của thành phố quá rộng, đặc biệt tình hình trị an đòi hỏi phải thu hẹp phạm vi thành phố, người Pháp cho tách khu Chợ Lớn ra khỏi thành phố Sài Gòn. Đây là một thay đổi cơ bản và thuận lợi nhất để tập trung đầu tư xây dựng khu trung tâm Sài Gòn.

Vùng Chợ Lớn trước khi người Pháp tới là điểm trung tâm cư dân người gốc Hoa. Họ là các thương nhân năng nổ, chăm chỉ làm ăn tạo cho Chợ Lớn thành một khu vực phát triển rất nhanh, nhất là sau khi người Pháp đến và xúc tiến việc khai thác thuộc địa.

Việc tách Chợ Lớn ra khỏi dự án thiết kế thành phố Sài Gòn còn giúp tạo điều kiện cho khu vực này phát triển nhanh chóng, việc buôn bán ở đây rất thuận lợi, vì khu vực Chợ Lớn khi đã tách ra, đất đai không bị hạn chế do phải dành mặt bằng cho khu hành chánh, công thự, công trình công cộng... những cơ sở thiết yếu của một thành phố thủ phủ.

Trước năm 1859, vùng đất nằm giữa Sài Gòn - Chợ Lớn vốn là vùng nông nghiệp trù phú. Chiến cuộc diễn ra, cư dân tại vùng này phải bỏ đi lánh nạn bất hợp tác với người Pháp, nên vùng đất trên bị hoang hóa. Khi người Pháp hoàn tất việc chiếm đóng Sài Gòn và ba tỉnh miền Đông, họ nhanh chóng tiến hành khai thác kinh tế. Hiện trạng hoang hóa một vùng đất rộng lớn giữa Sài Gòn - Chợ Lớn là phi phạm. Để giải quyết vấn đề này, ngoài việc tách Chợ Lớn ra khỏi Sài Gòn giúp Chợ Lớn mở rộng nhanh về phía Sài Gòn, người Pháp còn thực hiện ở đây chế độ tá canh thu tô hoặc bán rẻ đất hoang cho những ai có nhu cầu làm ruộng, lập vườn, sản xuất các loại rau quả nhiệt đới mà người Âu rất ưa chuộng. Một khi vùng đất hoang hóa dần dần có người cư trú, giá đất Sài Gòn cũng sẽ được nâng lên, tốc độ đô thị hóa cũng tăng theo.

Trước khi người Pháp đến, địa hình phạm vi Sài Gòn gồm một vùng cao ở phía Bắc, trải dài từ vùng lầy thành Sài Gòn đến vùng Mả Ngụy, nơi cư dân hầu hết là các nhà phú hộ đại bộ phận còn gọi là đồng ruộng, ao đìa. Cư dân nghèo sống chen chúc dọc theo rạch Bến Nghé trong các căn nhà nhỏ nửa đất nửa sà. Giao thông trên bộ thời bấy giờ chủ yếu một số lô đất nhỏ được đắp cao lên vừa quá mức nước lúc triều cường.

Cho nên, khi người Pháp đưa ra dự án thiết kế thành phố, khó khăn đặt ra là làm thế nào cải tạo mặt bằng phục vụ cho việc thiết lập các cơ sở hạ tầng, xây dựng công thự, các công trình công cộng khác. Nói chung là những yêu cầu tối thiểu phải có trước mắt của một thành phố khả dĩ thích nghi với hoạt động thương mại phương Tây.

Giải quyết vấn đề này, người Pháp cho thực hiện một giải pháp tương đối đơn giản. Trước tiên cho đào nhiều kinh ở các chỗ trũng thuộc vùng thấp của thành phố vừa để tạo điều kiện cho ghe thuyền lưu thông thuận lợi, vừa có tác dụng tháo nước làm trong sạch các vùng đầm lầy đồng thời lấy đất lấp các vùng trũng khác. Khi các công trình đầu tiên được xây dựng trên những khu vực vừa được san lấp, người Pháp cho san bằng vùng đôi phía Bắc Sài Gòn, lấy đất lấp các con kinh đào (đường Nguyễn Huệ, đường Lê Lợi, đường vào cổng chính ở Ba Son hiện nay là những kinh đào được lấp lại).

Sau hai năm cải tạo và xây dựng bộ mặt Sài Gòn đã thay đổi hẳn. Các vùng trũng đầm lầy, những đường mòn gồ ghề được thay bằng những công trình mới được xây trên một không gian thoáng đãng, ở đó người ta mở những quảng lộ, những con đường ngang, dọc có trải nhựa phẳng phiu, hai bên vỉa hè rộng rãi được trồng cây xanh thẳng tắp.

Bến cảng, kho bãi được xây dựng gấp rút đúng qui củ để sẵn sàng đón tàu cập bến bốc dỡ hàng.

Từ những thay đổi ban đầu, Sài Gòn đã tự thể hiện là một thành phố đẹp với một hệ thống giao thông thủy bộ hết sức tiện lợi. Ngoài ra nhờ những điều kiện tự nhiên thuận lợi và một hậu phương trù phú đầy tiềm năng, Sài Gòn sớm trở thành một trong những thương cảng quan trọng ở khu vực Viễn Đông.

*(Theo sách Sài Gòn từ khi thành lập
đến giữa thế kỷ 19 - NXB TP HCM 1998)*

b) Sài Gòn trong cuộc sống

Trần Ngọc Thanh và Nguyễn Đức Tánh (không rõ chức vụ) đã gửi về cho triều đình Huế một bản tường trình đề ngày 9-12-1863 (ngày 18 tháng 10 Quý Hợi, Tự Đức năm 16) được lưu lại trong châu bản (Tự Đức, tập 155 trang 114a). Tình hình Gia Định, Bến Nghé được mô tả khá tỉ mỉ:

"Nhà văn miếu đã dỡ đem về thôn Tân Khai để dựng phủ nha Tân Bình. Phía hữu tỉnh thành cũ có dựng một nhà lầu rất cao rộng đặt danh là lầu xem lễ, bốn mặt có xây đạo đường, đạo quán, nhà phước. Dân đạo thì ở bao bọc phía ngoài, già trẻ, trai gái theo đạo khá đông.

Trường Thi cũ, phía ngoài bốn mặt tường gạch được bồi đắp thêm. Quân xá cũng đều cải tạo. Quan binh Tây ở phía trước Trường Thi, còn nơi phủ Tân Bình cũ có dựng một tòa lầu cho Phủ Soái ở. Bốn bên có nhiều nhà cửa, trại binh, chuồng ngựa. Quan binh lớn nhỏ chia ở chung quanh.

Từ thôn Tân Khai Bến Thành cho tới Điểm Lá, họ xây nhà mới hoặc sửa sang lại để trữ hàng hóa.

Đối diện chợ hội là thôn Khánh Hội thì giáo dân ở. Đối diện với chợ Bến Thành là thôn Nhai Quới... có lập một phố lầu xanh. Nơi đây gái điểm và giáo dân cùng lẫn lộn. Từ xóm Điểm Lá đến Cầu Kênh Chợ Lớn thì nhà dân và các tiệm mua bán. Ở khu chợ hội đối diện với thôn Khánh Hội mới bắc một chiếc cầu. Chợ Kênh đối diện với Xóm Than cũng có một chiếc cầu. Sang Thị Nghè thông đến sông Xóm Kiều, khúc sông trước bị lấp nay đã cho đào tại, từ cầu Nhiêu Lộc đến chùa Mai Sơn, nối liền hai thôn Bình Tiên và Bình Tây, thông thẳng đến kênh Ruột Ngựa.

Đại đồn ngày trước chỉ còn lại một tiền đồn do quan binh Tây đóng ước độ 100. Đồn Tây Thới trước nay vẫn còn và lại xây thêm một đồn rất kiên cố có độ 100 lính Tây đồn trú".

Cùng với sự thay đổi về mặt quang cảnh, đường sá, phố phường là sự áp đặt một guồng máy hành chính mới với thuế má, phu dịch.

Tại các phủ huyện, chính quyền thực dân tuyển dụng trong giáo dân hay những cử nhân tú tài hiếm hoi cam tâm theo chúng. Bên cạnh viên tri phủ hay tri huyện người Việt chúng đặt một tham biện huyện vụ. Chúng định lại thuế thân, thuế điền thổ, thuế ghe tàu, thuế thuốc phiện, thuế sòng bạc.

"Nhân dân thì bất luận già trẻ tàn tật mỗi người phải nộp 1 quan 5 tiền và phải phụ thêm 1 quan. Dân xã Minh Hương mỗi năm phải nộp 2 lạng bạc, người Thanh phải nộp thêm 2 quan. Gái điếm mỗi thị phải nộp 10 quan mỗi tháng. Người Thanh lập phố để nấu a phiến, mở sòng bạc thì phải nộp từ 2.000 đến 5.000

Thuyền buôn các tỉnh cập bến, hạng dài 30 trượng thì bề ngang cứ mỗi thước thu thuế 3 quan, dài 40 trượng, bề ngang mỗi thước 5 quan. Hạng thuyền lớn sau khi dỡ hàng phải lấy đất đổ xuống khoang thì đánh thuế 70 quan, hạng trung 50 quan, hạng nhỏ 30 quan. Thuyền ván độc mộc muốn đi lại phải làm tờ khai, hạng lớn nộp 5 quan, hạng nhỏ 3 quan. Hết hạn 3 tháng phải đổi giấy thông hành, quá hạn phải phạt 5 quan".

Tháng 8 âm lịch năm Quý Dậu (1863) giá gạo tăng vọt, mỗi phương hơn 9 quan, dân chúng đói kém, bọn Tây đem bánh mì cũ trong kho đi phát tận các thôn xã. Nhân dân không nhận không được, nhưng khi phái viên của Tây về rồi thì ai cũng vất bánh đó xuống sông hay là cho heo cho chó chứ không thèm ăn.

*(Theo sách 300 năm SG-TPHCM
- NXB Chính trị quốc gia 1998)*

TỔ CHỨC BỘ MÁY CẢI TRỊ

a) Phân bố mới về chính trị và hành chính việc cải trị

1. *Lục Tỉnh Nam Kỳ*, nay là thuộc địa Pháp, được cai trị bởi một thống đốc, với sự trợ tá của một hội đồng tư vấn.

2. *Trụ sở chính quyền đặt tại Sài Gòn trong tỉnh Gia Định*, đây là đô thành thiết kế theo kiểu Âu Châu, nơi đặt văn phòng nhiều cơ quan công vụ như: dinh thống đốc, nha giám đốc nội vụ, tòa án, tòa thượng thẩm, tòa sơ thẩm, tòa án thương mại, tòa giám mục, hải quân công xưởng, sở quản trị hải quân và tài chính, sở chỉ huy bộ binh, phòng thương mại, sở điện tín trung ương v.v...

3. *Thói quen vẫn giữ cho Nam Kỳ thuộc Pháp cách phân chia các tỉnh như dưới thời quan ta*. Nhưng danh xưng đó không bao hàm một nền hành chính riêng hay đặc biệt cho mỗi tỉnh như trong quá khứ. Nay sự cai trị (các tỉnh) hoàn toàn lệ thuộc vào chính quyền ở Sài Gòn. Việc cai trị bản xứ được trao cho các viên thanh tra hay tham biện, và địa bàn thuộc quyền cai trị của họ gọi là hạt thanh tra (hay là hạt). Giúp việc cho các quan Tây, còn có các quan lại bản xứ, trong đó có những tên tay sai hết sức đắc lực. Còn việc nội trị tổng quát trong xứ thì tập trung cả ở Sài Gòn, trong các văn phòng của Nha Giám đốc Nội vụ. Tham biện các địa hạt trực tiếp thuộc quyền giám đốc nội vụ; giám đốc nội vụ chuyển cho họ mọi chỉ thị và mệnh lệnh hành chính; tham biện phải báo cáo cho giám đốc nội vụ mọi sự việc và tình hình có can hệ đến việc điều hành công tác thuộc địa.

4. Năm 1875, tất cả có 20 địa hạt, do các viên tham biện cai trị - chia ra như sau:

Ba địa hạt ở miền Đông, tức là:

- Biên Hòa

- Bà Rịa
- Thủ Dầu Một

Sáu địa hạt ở trung tâm:

- Tây Ninh
- Sài Gòn
- 3. Chợ Lớn
- 4. Gò Công
- 5. Tân An
- 6. Mỹ Tho

Ba địa hạt ở miền Nam:

- Bến Tre
- Trà Vinh
- Sóc Trăng

Tám địa hạt ở miền Tây:

- Vĩnh Long
- Sa Đéc
- Long Xuyên
- Trà Ôn
- Châu Đốc
- Hà Tiên
- Rạch Giá
- Phú Quốc, sau bãi bỏ và sáp nhập vào Hà Tiên như xưa, theo nghị định ngày 16-6-1875.

Những địa hạt đó gọi theo tên lỵ sở chia ra tổng, tổng chia ra xã thôn.

5. Sau đây là bảng kê lục tỉnh và các địa hạt thống thuộc:

- Gia Định : Sài Gòn, Chợ Lớn, Tây Ninh, Tân An, Gò Công
- Định Tường : Mỹ Tho
- Biên Hòa : Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một
- Vĩnh Long : Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre
- g. An Giang: Châu Đốc, Long Xuyên, Trà Ôn, Sa Đéc, Sóc Trăng.
- h. Hà Tiên : Hà Tiên, Rạch Giá, Phú Quốc (giải thể ngày 1-7-1875)

6. Những địa hạt trên liên lạc với nhau:

- Bằng các trạm với Sài Gòn làm đầu tuyến và dịch vụ này do lính trạm đảm đương.
- Bằng các trạm điện tín bắt đầu từ Sài Gòn đến Nam Vang.

Tất cả có 26 trạm điện tín, đó là:

Sài Gòn,	Cái Bè
Thủ Dầu Một	Vĩnh Long
Biên Hòa	Bến Tre
Long Thành	Sóc Trăng
Bà Rịa	Sa Đéc
Vũng Tàu	Trà Vinh
Trảng Bàng	Long Xuyên
Tây Ninh	Rạch Giá
Chợ Lớn	Châu Đốc

Bến Lức	Hà Tiên
Gò Công	Nam Vang
Tân An	U Đông
Mỹ Tho	Cần Vọt

Nhiều tuyến điện tín nữa sẽ được đặt liên lạc với đô thành. Chỉ còn địa hạt Cần Thơ là chưa có liên lạc điện tín.

7. Riêng thủ phủ Sài Gòn thì liên lạc với chính quốc (Pháp) qua hãng chuyên chở đường biển và bằng một dây cáp điện tín đặt ngầm dưới biển.

8. Chức năng của thống đốc - Thống đốc đại diện cho thủ tướng chính phủ bên chính quốc (Pháp) và nhận quyền lực từ thủ tướng trao phó. Thống đốc cử nhân viên và công chức; việc cử đặt này không dành cho chính quốc. Thống đốc ban hành nghị định và quyết định, thi hành quyền tối cao về hành pháp và tư pháp đối với dân bản xứ, ấn định các sắc thuế địa phương và qui định các tiêu chuẩn thuế khóa cùng nguyên tắc trong việc thu thuế công cộng. Tóm lại, thống đốc gồm thu cả quyền dân sự lẫn quân sự, đồng thời là tổng chỉ huy sư đoàn hải quân ở Nam Kỳ.

9. Hội đồng tư vấn - Thống đốc được trợ tá bởi một hội đồng riêng chỉ có tính cách tư vấn, hội đồng này gồm:

- Chỉ huy trưởng bộ binh
- Chánh sự vụ hành chính
- Giám đốc nội vụ
- Chương lý tòa án và hai nhân sĩ người Pháp hiện lưu trú trên đất thuộc địa.

10. Hành chính tổng quát - Chúng ta thấy có bốn ngành quản trị tổng quát, đó là:

- Hành chính nội vụ
- Hành chính hải quân

- Hành chính tòa án
- Hành chính quân sự
- Giám sát thuộc địa (qui định do nghị định ngày 15-4-1873; giải thể bằng nghị định ngày 16 tháng 6 cùng năm).
- Kho bạc

11. Giám đốc nội vụ đứng đầu ngành hành chính nội vụ, dưới quyền có các phòng coi về:

- Tòa án bản xứ
- Học chính
- Tài chính sự vụ như bưu chính, trước bạ và công sản, địa chính, điện tín, sở giám đốc thương cảng.
- Sở công chính gồm có ban cầu đường và ban xây dựng công thự dân chính.
- e.Các sự vụ liên quan tới nông nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp.
- g. Cảnh sát, các trại giam và nhà thương.
- h. Tại các địa hạt, các sự vụ bản xứ do tham biện điều khiển và có nhân viên dưới quyền làm các việc nhỏ mọn về hành chính và cảnh sát như phủ, huyện, cai tổng và xã trưởng các làng.
- i.Cho tới năm 1874, các tham biện lo các sự vụ bản xứ (sau gọi chủ tỉnh) đầu lựa chọn trong giới sĩ quan thuộc mọi ngành (hải quân). Nhưng từ khi công bố nghị định mới ngày 1 tháng 2 năm 1873, các tham biện hậu bổ phải được chọn trong giới thanh niên có cấp bằng đại học và tuổi từ 28 trở lên.

12. Các sự vụ thuộc phạm vi quản trị hải quân, nghĩa là các sự vụ thuộc trách nhiệm riêng của chính quốc, mà đứng đầu là viên chánh sự vụ hành chính thì coi sóc:

- Việc điểm binh
- Khí giới và đăng ký hải quân
- Tài vụ
- Kho lẫm và công việc
- Binh lương
- Bệnh viện

Tất cả các sự vụ trên được điều khiển bởi các sĩ quan thuộc ngành ủy trị hải quân.

14. Đứng đầu nền quản trị tòa án của Pháp là vị chủ tịch có thẩm quyền trên các ngành tư pháp là:

- Tòa án thương mại
- Cảnh sát
- Các tham biện giữ nhiệm vụ xét xử mọi vụ kiện bản xứ thuộc tòa sơ thẩm.

Chương khế (hay công chứng viên) cũng thuộc quyền chủ tịch.

15. Việc quản trị quân đội, do thống đốc là tổng chỉ huy trực tiếp, thì gồm có:

- Dịch vụ bộ binh do một thiếu tướng chỉ huy với một tham mưu trưởng phụ tá.
- Thủy quân do một sĩ quan thủy sư cầm đầu, ông này coi cả giám đốc thủy quân công xưởng.

(Theo sách Tiểu giáo trình địa lý Nam Kỳ - Trương Vĩnh Ký - Nguyễn Đình Đầu dịch. NXB Trẻ-1997)

b). Địa phận Sài Gòn năm 1861

Ngày 11-4-1861, Phó Đô đốc Charner, Tư lệnh quân viễn chinh Pháp, ban hành nghị định quy định ranh giới Sài Gòn nằm trong khu vực giới hạn bởi một bên là rạch Thị Nghè (Arroyod' Avalanche) và

rách Bến Nghé (Arroyo Chinois) với một bên là sông Sài Gòn cùng con đường nối liền chùa Cây Mai với những phòng tuyến cũ của đồn Kỳ Hòa. Cụ thể nhất là Quyết định số 145 ngày 14-8-1862 của Đề đốc Bonard -Thống đốc quân sự đầu tiên - quy định tổ chức hành chính tỉnh Gia Định, trong đó có Sài Gòn. Đây là quyết định căn bản mở đầu cho việc tổ chức hành chính Sài Gòn thời Pháp thuộc. Bonard đã chia tỉnh Gia Định ra ba phủ, mỗi phủ có ba huyện, dưới huyện có tổng, dưới tổng có xã, thôn, lý, ấp. Sài Gòn lúc bấy giờ vừa là tỉnh lỵ của Gia Định vừa là phủ lỵ của phủ Tân Bình là huyện lỵ huyện Bình Dương, còn Chợ Lớn là huyện lỵ của huyện Tân Long, cùng phủ Tân Bình.

Về phương thức cai trị, trong thời gian đầu, thực dân Pháp tạm thời sử dụng các quan phủ, huyện của triều An Nam, cho điều hành công việc tại các phủ, huyện dưới sự chỉ đạo chung của Bố chánh tỉnh Gia Định là một viên chức Pháp ngạch thanh tra các công việc bản xứ (Inspecteur des affaires indigènes). Riêng người Hoa và những người châu Á khác sống ở Chợ Lớn tuy thuộc huyện Tân Long nhưng được cai trị trực tiếp bởi một thanh tra các công việc của người Hoa (Inspecteur des affaires Chinoises) với sự giúp đỡ của Hội đồng các bang trưởng Hoa Kiều.

c) Thành lập Thành phố Sài Gòn

Năm 1864, Chợ Lớn được tách khỏi Sài Gòn về phương diện quản lý địa bạ, vì một trong những lý do chủ yếu là thành phố người Hoa (Ville Chinoise) đang trên đà thịnh vượng, việc quản lý và mua bán đất đai đòi hỏi phải tách Sài Gòn và Chợ Lớn ra thành hai thương điểm (emporium) riêng biệt. Tuy vậy, trước năm 1867, Sài Gòn chưa được chính thức xem như một thành phố.

Phải đến năm 1867, việc quản lý Sài Gòn mới được chính thức giao phó cho một tổ chức riêng biệt là Ủy ban thành phố, được thành lập do Nghị định số 53 ngày 4-4-1867 của Thống đốc Pháp De La Grandière. Ủy ban thành phố gồm 1 ủy viên và 12 hội viên. Ủy viên được chọn trong số những cư dân châu Á cũng như châu Âu cư trú tại Sài Gòn, không phân biệt quốc tịch.

Ủy ban thành phố biểu quyết về các vấn đề: quản lý tài sản công, ngân sách, biểu thuế, những quy định về việc thu thuế, các dự

án xây dựng, sửa chữa lớn, bảo trì, mở mang đường sá, v.v. Ngoài ra, Ủy ban còn được hỏi ý kiến về một số vấn đề liên quan đến hoạt động của thành phố. Mọi hoạt động của Ủy ban thành phố đặt dưới sự giám sát trực tiếp của Đồng lý Nội vụ (Directeur de l'intérieur)- một chức danh quan trọng được thiết lập vào năm 1864, có nhiệm vụ phụ giúp viên Thống đốc trong việc điều khiển chung nền hành chính của những vùng đất đã nằm trong tay thực dân Pháp.

Đến ngày 8-7-1869, tổ chức thành phố Sài Gòn được sửa đổi bởi Nghị định số 131 của Thống đốc Ohier, theo đó, Ủy ban thành phố được cải danh thành Hội đồng thành phố với một chủ tịch hay ủy viên trưởng và 13 ủy viên. Ủy viên trưởng hội đồng thành phố được gọi là Đốc lý Sài Gòn (Maire de Saigon) do Thống đốc bổ nhiệm trong số những công chức Pháp. Thể thức cử nhiệm các ủy viên Hội đồng cũng thay đổi: 6 ủy viên do Thống đốc Nam Kỳ chỉ định, 7 do bầu cử trực tiếp. Nhiệm kỳ của Hội đồng nâng từ 1 năm lên 2 năm. Pétrus Trương Vĩnh Ký là người Việt Nam đầu tiên tham gia vào Hội đồng thành phố Sài Gòn do Nghị định đề cử số 210 ngày 27-9-1869 của Thống đốc Ohier. 8 năm sau, sắc lệnh ngày 8-1-1877 của Chính phủ Pháp thay đổi thành phần của Hội đồng thành phố gồm 13 hội viên: 7 do dân bầu và 6 do chính quyền đề cử. Viên đốc lý cũng do Thống đốc Nam Kỳ bổ nhiệm, có thể chọn trong số các công chức. Sở dĩ có thay đổi hệ thống cấp ban hành văn kiện sửa đổi tổ chức Hội đồng thành phố (sắc lệnh của Tổng thống Pháp thay vì Nghị định của Thống đốc Nam Kỳ) vì lần này sắc lệnh dự liệu việc người nước ngoài có thể tham gia vào Hội đồng thành phố lên 15 người gồm 11 hội viên là người Pháp, 4 hội viên là người bản xứ. Viên đốc lý và hai phụ tá do Thống đốc Nam Kỳ bổ nhiệm.

Trong thập niên 1860 và nửa đầu thập niên 1870, thành phố Sài Gòn vẫn nằm trong địa hạt hành chính tỉnh Gia Định. Năm 1880, ngoài Hội đồng thành phố Sài Gòn đang hoạt động, Tổng thống Pháp ký sắc lệnh ngày 8-2-1880 thành lập một Hội đồng quản hạt (Conseilconlonia) trụ sở đặt tại Sài Gòn có chức năng bao trùm toàn thể thuộc địa Nam Kỳ. Và với sắc lệnh ngày 22-4-1880, Chính phủ Pháp đi thêm một bước nữa bằng cách áp dụng hình luật của Pháp trên toàn bộ Nam Kỳ. Hai năm sau (1882) là sự ra đời của các hội đồng hàng huyện (Conseild'arrondissement) do Nghị định ngày 12-6-1882 của Thống đốc Nam Kỳ. Với tổ chức này, thực dân Pháp đã tạm

hoàn chỉnh bộ máy cai trị của họ tại Sài Gòn và các địa phương khác để có điều kiện toan tính nốt những phần còn lại của miếng mồi Đông Dương béo bở là Trung và Bắc Kỳ.

d) Quy hoạch thành phố.

Chỉ hai tháng sau khi Chí Hòa thất thủ, Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp đã ký nghị định ngày 11-4-1861 ấn định phạm vi thành phố Sài Gòn. Song quy hoạch này đã không thể thực hiện vì thiếu ngân sách.

Lần quy hoạch thứ hai, do nghị định ngày 3-10-1865, trên cơ sở thành thị Bến Nghé và Sài Gòn cũ. Sài Gòn chỉ rộng không quá 3 cây số vuông và Chợ Lớn chỉ hơn một cây số vuông. Sài Gòn bấy giờ nằm gọn trong quận 1 bây giờ, còn Chợ Lớn là quận 5 hiện nay. Giữa hai thành phố là vùng thuộc địa hạt Sài Gòn. Năm 1885 địa hạt được đổi tên là Gia Định và đến năm 1889 được gọi là tỉnh Gia Định.

Ngày 15-3-1874, Tổng thống Cộng hòa Pháp ký sắc lệnh chính thức thành lập thành phố Sài Gòn. Thành phố được điều hành bởi một viên thống lý, hai viên phó đốc lý và một hội đồng thành phố. Còn Chợ Lớn, chậm hơn hai năm được thành lập do nghị định của thống đốc dân sự đầu tiên là Le Myre de Vilers, ký năm 1879.

Theo thời gian phát triển, dân số tăng lên. Sài Gòn và Chợ Lớn xích lại gần nhau và thực sự tiếp giáp ở khoảng đường Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thiệu Thuật bây giờ vào năm 1910.

Trong thời gian nửa thế kỷ, Sài Gòn đã thay đổi, hình thành nên một thành phố Tây Phương. Đường sá được thiếp lập. Dinh thự, phố xá, các khu dân cư cùng với các chợ... được xây dựng. Từ thủ phủ của Gia Định ngũ trấn (Gia Long), Nam Kỳ lục tỉnh (Minh Mạng), Sài Gòn theo thời gian đã trở nên trung tâm của ba tỉnh miền Đông (1862), rồi thủ phủ của Nam Kỳ (1867) và dần trở nên một trung tâm chính trị, kinh tế quan trọng cho toàn Đông Dương.

Trong thời gian đầu, Pháp xây dựng một khu hành chính làm trung tâm cho thành phố. Chung quanh có rào, bên trong là các dinh Thống đốc, các cơ quan hành chính, nhà dây thép, nhà thương, nhà thờ... tất cả đều làm bằng gỗ. Khu hành chính này ở gần Đồn Đất,

trên gò cao. Phía sau là những trại lính, trước mặt nhìn ra sông Sài Gòn là các nhà kho của hải quân.

Dọc theo đông Bến Nghé, Pháp cho đào các kinh cũ sâu và rộng hơn lấy đất đắp lên bờ. Sau nữa ban đất trên các đồi cao xuống mé sông, lấp kênh đắp đường. Rồi nhà lá gỗ được thay bằng nhà gạch ngói. Chỉ trong hơn ba thập niên, đa số các kiến trúc tiêu biểu của thành phố Sài Gòn như dinh Toàn quyền, dinh Thống đốc, dinh Xã Tây, Nhà hát lớn, Nhà thờ... đã được xây dựng.

(Theo sách 300 năm SG-TPHCM - NXB CTQG - 98)

XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG NHÀ MÁY

a. Đẩy mạnh khai thác

Cùng với sự phát triển đô thị, nền kinh tế cũng biến đổi theo chiều hướng mới. Trước hết, Sài Gòn là một thương cảng.

Ngay sau khi đặt chân đến Sài Gòn, mặc dù tình hình chưa ổn định, thực dân Pháp đã quyết định thành lập cảng Sài Gòn (22-2-1860)

Tài nguyên Nam Kỳ đã được liệt kê ngay và một chương trình khai thác cụ thể trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, và thương nghiệp được Phó Đô đốc Bonard vạch ra đã gửi về Pháp và được chấp thuận.

Vị trí của cảng được xác định: nằm trên một trong những nhánh sông Đồng Nai (gọi là sông Sài Gòn). Ăn sâu 80 km vào đất liền, sông Sài Gòn vào năm 1628 là một điểm chính về thương mại, có thể thông thương với tất cả các vùng phía Nam với 2.000 km luồng lạch chảy qua tất cả các đồng bằng lớn. Về vị trí quân sự đây có thể là bàn đạp tấn công mở rộng xuống cả vùng Đông Nam Á. Cảng Sài Gòn từ những ngày đầu dài 4km, tập trung bên phải của sông giới hạn thượng lưu là quân cảng xuống đến Rondpoint (một vị trí trên bản đồ hồi đó) gồm có một bến đậu dài và một ụ để sửa chữa tàu từ Rondpoint đến Canal de dérivation là thương cảng. Đoạn này có Rạch Tàu (Arroyo Chinois) nối liền Sài Gòn với Chợ Lớn, một trung tâm

kinh tế, và lúc bấy giờ, con rạch này là đường giao lưu chính về hàng hóa nối liền hai trung tâm Sài Gòn - Chợ Lớn khi các phương tiện khác chưa thịnh hành. Là cảng sông, cảng thiên nhiên kín đáo, cảng Sài Gòn tránh được những cơn bão mà miền Viễn Đông thường xuyên gặp, lại nằm ẩn sâu trong thành phố nên mọi sự vận chuyển hàng đều thuận lợi và ít tốn kém. Lòng sông rộng và sâu (trung bình 300m chiều rộng và từ 9 đến 12m sâu) tàu lớn 180m x 9m tránh nhau dễ dàng.

Năm 1860, cảng Sài Gòn chính thức mở cửa. Ngày 25-8-182, quy chế của thương cảng được ban hành. "Tất cả tàu biển, trừ tàu Pháp và Y Pha Nho, đều phải nộp thuế bỏ neo, tính 50 xu trên 1 tonneau hàng". Sài Gòn được mở cửa, tàu bè các nước ra vào buôn bán, thương vụ mỗi ngày một tăng.

Năm 1860, Sài Gòn tiếp nhận 246 tàu, trong đó có 111 tàu từ châu Âu mang đến nửa triệu quan thuốc phiện và một triệu quan các loại hàng hóa khác cùng chở đi 535.939 tấn gạo trị giá hơn 5 triệu quan và 1 triệu quan các loại hàng hóa khác. Doanh số mậu dịch năm 1860 của cảng Sài Gòn là 7,7 triệu franc (frs)

Năm 1862, có 117 tàu châu Âu (có 11 tàu của Pháp) đến Sài Gòn với tổng trọng tải là 53.200 tấn, 129 tàu châu Âu rời cảng Sài Gòn (trong đó có 51 tàu của Pháp) chở đi 42.470 tấn gạo, 1.023 kiện bông, 1.746 kiện vải và 357 tấn lúa.

Năm 1866, trọng tải hàng hóa qua cảng Sài Gòn là 600.000 tấn, xuất khẩu 100.000 tấn gạo, 2.687 tấn bông, 42 tấn tơ lụa, 150 tấn muối. Qua năm sau, 1867, Sài Gòn đã xuất khẩu 193.000 tấn gạo.

Nhiều tàu buôn châu Âu thường xuyên thực hiện những chuyến đi về Sài Gòn với các thương cảng khác trong vùng như Singapore, Amoy, Quảng Đông, Macao, Hong Kong... Vào thời gian có gió mùa Đông Bắc trong năm, thuyền bè từ miền Bắc Trung Quốc chở những chuyến hàng đầu tiên đến Sài Gòn để từ đó đưa đi Singapore và khi gió mùa Tây Nam bắt đầu thổi, họ đưa hàng từ Singapore đến Sài Gòn rồi về lại Trung Quốc.

Để tiện cho tàu bè ra vào cảng Sài Gòn, hải đăng Cap Saint-Jacques (Vũng Tàu) cũng được xây dựng xong và hoạt động kể từ

ngày 15-8-1862. Hải đăng cao 8m, xây trên một vùng đất cao 139m và có một tầm trông thấy khoảng 28 dặm. Cảng Sài Gòn trên đường phát triển đòi hỏi phải có dịch vụ sửa chữa tàu. Năm 1864, xưởng Bason - một công binh xưởng do hải quân Pháp quản lý - được thiết lập. Đây là xưởng cơ khí đầu tiên của thành phố Sài Gòn, quy tụ nhiều thợ lành nghề của nhiều ngành khác nhau, ngoài việc sửa chữa, xưởng Bason còn đóng mới các tàu có trọng tải nhỏ.

Các nhà máy xay lúa được xây dựng phục vụ cho việc xuất cảng gạo mỗi năm một tăng. Nhà máy Xóm Chiếu, thành lập năm 1869, do công ty Alphonse Cahusac quản lý. Đây là nhà máy xay lúa đầu tiên của Sài Gòn. Công ty Speidel của Đức có hai nhà máy xay lớn là Riserie de l'Union và Riserie de l'Orient.

Đến năm 1895, Nam Kỳ có 200 xưởng thủ công và nhà máy xay thì phần nhiều tập trung ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Riêng nhà máy xay chạy bằng hơi nước thì Sài Gòn có 2, Chợ Lớn có 7. Ước tính đến năm 1906, số công nhân ở Sài Gòn đã lên đến 25.000 người.

Để đáp ứng nhu cầu thợ lành nghề, Pháp mở trường Bá Công Kỹ Nghệ năm 1897, đào tạo thợ vừa lành nghề vừa có ít nhiều văn hóa phương Tây. Đây là trường kỹ thuật dạy nghề đầu tiên ở Nam Kỳ đã đào tạo các công nhân kỹ thuật đầu tiên của nước ta.

Giao thông là huyết mạch của kinh tế. Năm 1881 Pháp bắt đầu làm đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho, bắc hai cầu lớn qua sông Vàm Cỏ.

Năm 1902, cầu Bình Lợi được xây dựng. Năm sau, đường tàu điện Sài Gòn - Gò Vấp, Sài Gòn -- Chợ Lớn, Gò Vấp - Hóc Môn được thiết lập và vào năm 1910 Sài Gòn được nối với Nha Trang bằng đường xe lửa.

b. Những kiến trúc tiêu biểu

Dinh Thống đốc Nam Kỳ (nay là Bảo tàng Cách mạng) xây dựng xong vào năm 1864, phỏng theo kiến trúc của Bảo tàng hội họa Munich do kiến trúc sư Foulhou thiết kế. Trước năm 1879, Nam Kỳ đặt dưới quyền cai trị của các đô đốc hải quân nên dinh Thống đốc được gọi là dinh Đề đốc hay dinh Phó soái. Dinh Toàn quyền (nay là Hội trường Thống Nhất): Lễ đặt viên đá đầu tiên cho công trình kiến

trúc đồ sộ này được cử hành vào ngày 23-2-1868. Viên đá đầu tiên hình lập phương, mỗi cạnh 50cm, bên trong có chứa các đồng tiền vàng, bạc, đồng. Công trình hoàn tất vào năm 1873. Đồ án do kiến trúc sư Hermitte vẽ. Đầu thế kỷ XX, Nguyễn Liên Phong đã mô tả dinh:

Toàn quyền tổng thống đại dinh Tứ vi song sắt, tiền đình nghiêm trang Ngoài thời có cửa tam quan Trong thời lầu các dọc ngang nhiều tầng

Dinh Xã Tây (nay là Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh), còn gọi là Sở Xã Tây. Lễ đặt viên đá đầu tiên vào năm 1873 nhưng vì thiếu ngân sách nên mãi đến năm 1898 mới thực sự được xây dựng. Năm 1909, nhân kỷ niệm 50 năm (1859-1909) chính quyền thực dân được thiết lập, dinh Xã Tây được tổ chức lễ khánh thành. Họa đồ kiến trúc do kiến trúc sư P.Gardès vẽ. Nhà hát Tây (Nhà hát thành phố bây giờ) xây dựng năm 1898 theo đồ án của kiến trúc sư Berger và được khánh thành vào ngày 1-1-1900. Đầu thế kỷ XX, các đoàn hát Tây thường từ chính quốc sang Sài Gòn biểu diễn vào tháng 5 đến tháng 1 và vào các ngày thứ ba, thứ năm, thứ bảy và tối chủ nhật. Bưu điện Sài Gòn: Dân chúng đương thời quen gọi là Nhà dây thép, Sở dây thép. Khởi công xây dựng năm 1886 và hoàn thành vào năm 1891. Dịch vụ bưu điện là dịch vụ mới lạ đối với dân chúng và rất gây ấn tượng. Nhà thờ Thiên chúa (Nhà thờ Đức Bà hay Vương cung Thánh đường) được khởi công xây dựng ngày 1-10-1877 và khánh thành vào ngày 11-4-1880 với tổng kinh phí 2,5 triệu franc theo thời giá lúc bấy giờ. Hai tháp chuông nhọn, cao 57m được xây thêm vào năm 1895. Chợ Bến Thành (cũ): Chợ Bến Thành ở vị trí ngày nay, mới được xây dựng vào năm 1911. Trước đó chợ Bến Thành nằm ở mé sông, đầu các con đường lớn, ghe thuyền có thể cập bến, thuận tiện bốc hàng lên chợ. Chung quanh chợ có nhiều cửa hiệu của người Việt, Hoa, Ấn, Pháp... Hàng hóa phong phú. Các cửa hàng ăn lúc nào cũng tấp nập đông đúc. Các đường phố như Catinat (Đồng Khởi), Bonard (Lê Lợi), Charner (Nguyễn Huệ), De La Somme (Hàm Nghi)... là các đường phố lớn ở khu trung tâm tiêu biểu cho thành phố Sài Gòn. Đầu thế kỷ XX, Catinat là trung tâm sinh hoạt, mua bán của giới thượng lưu thuộc địa, nổi tiếng thanh lịch.

Nguyễn Liên Phong đã mô tả:

Nhứt là đường Catinat Hai bên lầu các, phố nhà phân minh Bực thêm lót đá sạch tinh Các cửa hàng bán lịch thanh tốt đều Máy may mấy chỗ quá nhiều Các tiệm tủ ghế dập dùi phô trương Đồ sành, đồ cần, đồ đương Đồ thêu, đồ chạm trổ thường thiếu chi Những đồ Đại Pháp, Huê Kỳ Ăng-lê, Nhứt Bồn món gì cũng sang Hàng Tây các sắp nhẩy tràn Xiêm, Miên, Bắc thảo đồ đoàn bố vi

(Theo sách 300 năm SG-TPHCM - NXB CTQG-98)

BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ XÃ HỘI

a) Văn hóa - Giáo dục

Do hoàn cảnh lịch sử, chữ quốc ngữ được phổ biến sớm nhất ở nước ta trước hết là tại Sài Gòn. Trước khi Pháp xâm lược, chữ quốc ngữ chỉ dùng trong phạm vi truyền bá đạo Thiên Chúa.

Chiếm Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ, người Pháp không muốn duy trì nền giáo dục Hán học vì họ xem là nguồn đào tạo những sĩ phu yêu nước. Lấy chữ quốc ngữ thay chữ Hán, người Pháp muốn cắt đứt truyền thống yêu nước, xem chữ quốc ngữ như là một vũ khí xâm lược về tinh thần. Cũng chính vì thế lúc đầu nhân dân Sài Gòn và lục tỉnh tẩy chay không chịu học chữ quốc ngữ. Nhưng trái với mục đích của thực dân Pháp, chữ quốc ngữ đóng một vai trò quan trọng trong việc phổ cập kiến thức cho đông đảo quần chúng, làm cho báo chí có điều kiện phát triển và vào đầu thế kỷ, chữ quốc ngữ đã làm công việc chuyển tải tư tưởng yêu nước đến với đồng bào qua báo chí và văn thơ. Chữ quốc ngữ trong tay những sĩ phu yêu nước trở thành một vũ khí đấu tranh như Trần Quý Cáp nhận định: "Chữ quốc ngữ là hồn trong nước".

Mười bốn năm sau khi đánh chiếm Gia Định, người Pháp mới mở ngôi trường đầu tiên lại là trường Hậu bổ (Collège des Stagiaires) để đào tạo những viên chức trong bộ máy hành chính thuộc địa.

Sở Học chính Nam Kỳ chỉ được thành lập vào năm 1879, năm chính quyền Nam Kỳ được chuyển giao cho các thống đốc dân sự, cùng với một chương trình giáo dục Pháp - Việt.

Vào đầu thế kỷ XX, 5 quận của thành phố Sài Gòn lúc bấy giờ đều có một trường sơ cấp cho nam học sinh và một trường sơ cấp cho nữ học sinh.

Theo Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca được viết vào năm 1902, Sài Gòn có các trường:

Trường "Bổn Quốc" Chasseloup Laubat (nay là trường Lê Quý Đôn): dành cho học sinh Pháp. Đây là trường trung học công lập đầu tiên của Sài Gòn. Trường Taberd (nay là trường Trung học Sư phạm): do linh mục Henri de Kerlan thành lập năm 1874, do các linh mục giảng dạy. Đến năm 1889, các sư huynh được mời dạy. Trường nam tiểu học Sở Cọc: gọi như vậy vì trường ở sát vườn bách thảo, dành cho trẻ em bản xứ thành lập năm 1862. Trường nữ tiểu học: ở gần trường nam Trường nữ trung học, trường Áo Tím: đến năm 1915 mới thành lập. Trường đào tạo linh mục mà Nguyễn Liên Phong gọi theo thời bấy giờ là trường Latinh.

Xem như thế, hệ thống giáo dục ở Sài Gòn sau hơn 60 năm còn rất nhỏ nhoi nhằm phục vụ quan chức và binh lính viễn chinh, đồng thời lôi kéo thanh thiếu niên, thực dân Pháp bước đầu cũng tổ chức nhà hát, các loại hình thể thao như bóng đá, quần vợt, đua ngựa....

b) Và... đầu độc

Sự phát triển của Sài Gòn dưới chế độ thuộc địa là để phục vụ cho thực dân. Có hiểu các mục đích cuối cùng đó mới giải thích được sự kinh doanh thuốc phiện, một thứ ma túy độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe và tiền đồ của cả một dân tộc. Thuế thuốc phiện là một nguồn tài chính quan trọng mà ngay từ năm 1860 Pháp đã thu được hơn 13.000 đồng bạc, chiếm gần một phần mười tổng số thu nhập. Sang năm 1861, thuế thuốc phiện thu được đã tăng gấp đôi. Tóm lại, trong hai năm đầu, nguồn thuế này đã đem lại cho ngân sách một số tiền khổng lồ.

Ngày 28-12-1861, Đô đốc Bonard đã ký nghị định thiết lập cho trưng thầu độc quyền khai thác thuốc phiện. Gần mười năm sau, 5-10-1871 Đô đốc Ohier ký nghị định thiết lập chế độ độc quyền rượu và cho đấu thầu khai thác từ ngày 1-1-1872.

Vậy là từ năm 1874, chính quyền thuộc địa đã mở đấu thầu buôn bán rượu và thuốc phiện vào một mối.

Số thuốc phiện mà Sài Gòn nhập mỗi năm một tăng. Năm 1871 là 359 thùng (tương đương 22 tấn), năm 1875 con số đó là 549 thùng và năm 1879 đã tăng lên 861 thùng (52 tấn). Đến cuối năm 1881, chính quyền thành lập ngành thuế gián thu khai thác độc quyền rượu và thuốc phiện, khởi công xây dựng xưởng nấu thuốc phiện.

Xưởng nấu thuốc phiện tọa lạc trên diện tích một mẫu tây ở đầu đường Hai Bà Trưng hiện nay, là "niềm hãnh diện" của chính quyền thuộc địa, là một trong những "kỳ quan" của Sài Gòn:

"Trong không khí thanh bình của những buổi mai rạng rỡ, du khách, ngự trên những chiếc xe có cu ly kéo, đi du ngoạn từ phía châu thành ra mé bờ sông, dưới những rặng cây xanh màu cẩm thạch, khi đến gần những cầu tàu của Hải quân thì bỗng dừng mũi bị kích thích bởi một mùi vị lạ lùng, vừa ẩm ướt vừa độc địa, vừa êm dịu vừa say mê. Đối với những người đã nhập đạo, thì mùi vị đó mách bảo rằng du khách đang ở cạnh công xưởng yên tĩnh nấu thuốc phiện của Đông Dương, một cơ quan nhà nước duy nhất vào loại này..." (Dr.A.Hesnard - La Fabrication de l'Opium à Saigon).

Số thuốc phiện sản xuất ở đây được bán khắp Đông Dương và số tiền thu được do việc đấu độc người bản xứ này thật là lớn lao: 6,8 triệu đồng năm 1902, tăng lên 13 triệu đồng năm 1914, chiếm từ 25% (1902) đến 36,9% (1914) tổng số thu nhập chính của ngân sách Đông Dương !

Năm 1894, Pháp khai trương nhà máy rượu.

c. Báo chí - xuất bản

Về báo chí, báo tiếng Pháp xuất hiện khá sớm trên đất Sài Gòn, ngay cả khi Pháp chưa chiếm trọn Nam Kỳ. Đó là các tờ Le bulletin officiel de l'expédition de la Cochinchine (1861 - 1888), Le bullentin

des Communes (1862). Tờ báo tiếng Việt đầu tiên là tờ Gia Định báo (1865) tiếp đến là các tờ Phan Yên báo (1868), Thông loại khóa trình (1888). Đến đầu thế kỷ XX, báo chí mới thật sự có vai trò vận động quần chúng như tờ Nông Cổ Mín Đàm (1901 - 1924) và tờ Lục Tỉnh Tân Văn (1907 - 1943)

Trước hết là tờ báo tiếng Việt đầu tiên của Sài Gòn mà cũng là của Việt Nam. Gia Định báo lúc đầu ra mỗi tháng một kỳ, 4 trang, khổ 25x32. Mục đích của tờ báo được Đề đốc G.Roxe trình bày rõ trong văn thư gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa ngày 9-5-1865:

"Tờ báo này nhằm phổ biến trong các giới dân bản xứ tất cả những tin tức đáng cho họ lưu ý và cho họ có một kiến thức về những vấn đề mới có liên quan đến văn hóa và những tiến bộ về canh nông... Nó sẽ góp phần vào việc thay thế chữ của chúng ta vào chữ Hán, một thứ chữ mà chỉ có một thiểu số quan lại hiểu biết mà thôi".

Từ khi Trương Vĩnh Ký được giao làm giám đốc Gia Định báo (1869) và Huỳnh Tịnh Của làm chủ bút thì Gia Định báo đã cổ động cho lối học mới, phát triển chữ quốc ngữ và khuyến khích dân chúng học chữ quốc ngữ:

"Nông Cổ Mín Đàm đã đăng nhiều bài tiến bộ, có ít nhiều ý thức về vai trò văn hóa và tư tưởng của một cơ quan ngôn luận. Chính nó đăng những bài đầu tiên về Duy Tân, Minh Tân..."

Báo Lục Tỉnh Tân Văn từ khi Trần Chánh Chiếu làm chủ bút đã kêu gọi cuộc Minh Tân, góp phần trong phong trào Duy Tân của cả nước đầu thế kỷ XX. Cùng với sự ra đời rất sớm của các tờ báo Việt ngữ, các sách Nôm và sách Hán được phiên âm và dịch ra quốc ngữ khá nhiều: Đại Nam quốc sử diễn ca (1871), Gia huấn ca (1882), Phan Trần (1889), Lục Vân Tiên (1889), Tam Tự Kinh (1887), Đại học, Trung Dung (1889), Minh Tâm bửu giám (1891). Và cũng trong thời gian đó, nhiều tác phẩm, nhiều công trình biên soạn đã được xuất bản, đáng chú ý là cuốn Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của.

(300 năm Sài Gòn - TP.HCM - NXB Chính trị Quốc gia)

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ SÀI GÒN SAU NĂM 1859

Sài Gòn nằm trên khúc uốn thuộc hữu ngạn sông Sài Gòn, một phụ lưu của sông Đồng Nai, cách biển 100km thủy trình. Sông Sài Gòn bắt nguồn từ vùng đất cao Đông Nam Bộ, độ dốc sông nhỏ, sức xâm thực kém, nước sông chứa ít phù sa. Vùng cửa sông có rừng sác giữ vai trò siết dòng, hạn chế việc lắng tụ phù sa ở cửa sông. Lòng sông sâu 8m lúc triều cường, cho phép các tàu trọng tải lớn ra vào Sài Gòn dễ dàng. Hơn nữa, vùng biển Nam Bộ thuộc chế độ thủy triều bán nhật, nên các tàu lớn có mực nước lòng tàu sâu chỉ mất tối đa 12 giờ để có thể vào cảng. Nghĩa là không phải mất nhiều thời gian neo tàu ở tiền cảng Vũng Tàu.

Từ những thuận lợi trên đây, Sài Gòn dần dần trở thành một thương cảng quan trọng trên hải trình châu Âu - Viễn Đông.

Hoạt động kinh tế của Sài Gòn trong những năm đầu Pháp thuộc chủ yếu là hoạt động xuất nhập khẩu.

Ngay năm 1860, đã có 246 tàu phương Tây và thuyền buồm của Trung Hoa chuyển vận hàng đến Sài Gòn và bốc dỡ hàng đi. Tổng số hàng chuyển đi lên tới 63.299 tô-nô, trong đó có 53.939 tô-nô gạo trị giá 5.184.000 quan Pháp. Trị giá hàng nhập khẩu cùng năm là 1,5 triệu quan Pháp (thuốc phiện chiếm 0,5 tấn). Việc bốc xếp hàng tại cảng Sài Gòn do các "chánh" người Hoa đảm nhận.

Các mặt xuất khẩu gồm lúa gạo, cá khô (chở từ biển hồ ở Cao Miên về) dầu thực vật, đường mía, rau sấy khô, gòn.

Từ 1863, hàng xuất khẩu có thêm một số mặt hàng truyền thống như tơ tằm, muối, đay. Các sản phẩm này phục hồi và phát triển nhanh, sản lượng đã vượt nhu cầu nội địa, còn thừa để xuất khẩu.

Một mặt hàng xuất khẩu mới cũng phát triển rất nhanh từ 1863 là gỗ chất đốt và gỗ xây dựng. Thực tế nhu cầu gỗ để xây dựng đã có từ khi Pháp chiếm Sài Gòn. Do chiến sự tiếp diễn người Pháp chưa khai thác gỗ ở rừng Nam Kỳ nên phải nhập từ Singapore.

Năm 1863, tình hình ở ba tỉnh miền Đông ổn định, người Pháp mới xúc tiến việc khai thác gỗ rừng vừa đổ cung cấp cho nhu cầu tại

chỗ vừa để xuất khẩu. Trị giá gỗ xuất khẩu vào 1864 lên đến 11 triệu quan Pháp.

Việc phát triển mậu dịch giữa Sài Gòn với bên ngoài dần dần kéo theo sự phát triển nhiều ngành sản xuất mới. Trường hợp người Hoa ở Chợ Lớn nhập đường kết tinh để tái xuất sang Trung Quốc dẫn đến việc người Pháp cho thành lập nhà máy lọc đường tại Sài Gòn là một ví dụ. Trước đây việc đan bao đệm chủ yếu dùng để đựng hàng xuất khẩu, đến năm 1862 bao đệm thành một mặt hàng xuất khẩu: năm 1862 xuất 417.998 chiếc; năm 1863 xuất 2.305.190 chiếc. Tương tự đối với muối ăn, tơ tằm, gỗ xây dựng....

Có thể nói thời điểm quân Pháp hoàn tất việc chiếm đóng ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, hoạt động xuất nhập khẩu tại Sài Gòn càng lúc càng tập nập. Hoạt động này là một trong số ít nguồn thu chính yếu của thuộc địa. Tính từ 1-7-1866 đến 30-6-1867 số tàu cập và rời bến Sài Gòn là 887 chiếc, với tổng giá trị hàng xuất nhập khẩu lên đến 53 triệu quan Pháp.

Như vậy cho đến giữa thập niên 60 của thế kỷ XIX Sài Gòn thực sự là một thành phố thương mại phồn thịnh, một thương cảng có sức thu hút mạnh, có đủ điều kiện bước vào cuộc đua tranh với các đô thị lớn ở khu vực Đông Nam Á thời bấy giờ như Singapore, Batavia (Djakarta), Manile.

*(Theo sách Sài Gòn từ khi thành lập
đến giữa thế kỷ thứ 19 - NXB TP.HCM - 1998)*

MƯỜI TÁM THÔN VƯỜN TRẦU

Mười Tám Thôn Vườn Trầu xưa được sách Gia Định thành thông chí gọi theo cách chữ Hán là Phù Lưu Viên (vườn trầu) để chỉ miệt vườn Bà Điểm - Hóc Môn. Dưới thời Minh Mạng (1820 - 1840) đây là các thôn thuộc tổng Dương Hòa Thượng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định. Nay Vườn Trầu thuộc huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phù Lưu Viên, theo sách Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức nguyên là một vùng hiểm yếu, có nhiều rừng rậm, mãnh hổ thường bắt người, nên tục ngữ có câu "dữ như cọp Vườn Trầu". Tuy thế, ở chỗ thị tứ thì dân cư đông đúc, có nhiều vườn trầu. Mỗi lúc đi bán trầu, các nhà vườn thường rủ nhau cùng nhập toán lên đến ba, bốn mươi người gồng gánh đem trầu về bán tận Sài Gòn, Bến Nghé.

Mười Tám Thôn Vườn Trầu còn nổi tiếng với nghề nuôi ngựa đua:

Trải xem Thập Bát Phù Viên,

Một nơi Bà Điểm khuôn viên mỹ miều.

Ngựa hay mua sắm quá nhiều,

Mỗi kỳ đua ngựa thấy đều có ăn.

Hai mươi hai hạt xa gần,

Tiếng ngựa Bà Điểm ai bằng đặng đâu

Và nghề nuôi gà đá:

Tiếng đồn gà đá chươn tron

Thời gà Bà Điểm lắm cơm ăn tiền.

Mười Tám Thôn Vườn Trầu là quê hương và đồng thời là một trong các địa bàn hoạt động của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, người đã lập nên tờ báo "La Cloche fêlée", "La Lutte" công kích giới quan lại thối nát và lên án thực dân Pháp.

Điểm nổi bật nhất của Mười Tám Thôn Vườn Trầu là tinh thần đoàn kết chiến đấu, là tinh cách mạng rất sớm ngay từ khi đất nước mới sa vào vòng lệ thuộc. Phản ứng của nhân dân Mười Tám Thôn Vườn Trầu trước cảnh áp bức là:

Mười tám thôn ruột đau như chỉ thắt

Dân Hóc Môn tợ muỗi xát lòng

Mùa xuân năm 1885, nông dân Hóc Môn và Đức Hòa, dưới sự chỉ huy của hai ông Phan Công Hớn (người Bà Điểm) và ông Nguyễn Văn Quá (người Đức Hòa) đã đứng lên khởi nghĩa. Trấn quận Hóc Môn lúc bấy giờ là đốc phủ Trần Tử Ca, nổi tiếng là tên tay sát khát máu và đặc lực của thực dân Pháp:

Xe song mã sừng đà quá sừng

Dân bần tiện lòng kia chẳng tưởng

Ép lấy dầu, nạp thiếu trâu đa (về Quản Hớn)

Đêm 30 rạng mùng một Tết Ất Dậu (1885), nhân dân Hóc Môn nổi lên chiếm lý sở Hóc Môn:

Gậy tầm vông, võ ống vai mang,

Qua giờ Dậu đoạt nơi yếm lộ.

Dân Hóc Môn bắn chết Đốc phủ Ca, bêu đầu lên cột đèn trước chợ rồi kéo róc về Sài Gòn, nhưng chỉ đến Bình Hòa thì đụng phải quân Pháp. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp đẫm máu. Nghĩa quân thua trận.

Tinh thần của Mười Tám Thôn Vườn Trầu không ngừng lại ở đây mà tiếp tục vào các giai đoạn sau.

Mười Tám Thôn Vườn Trầu với những gia đình cơ sở cách mạng trung kiên chí cốt đã là địa bàn hoạt động của Trung Ương Đảng

Cộng Sản Việt Nam ngay từ thập kỷ đầu của Đảng. Tại đây đã có mặt các nhà lãnh đạo cách mạng như Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Văn Cừ, Võ Văn Tần... cũng tại đây đã diễn ra nhiều cuộc họp quan trọng và quyết định của Trung Ương Đảng. Hai hội nghị Trung Ương lần thứ tư vào năm 1937, lần thứ năm vào năm 1938 đều họp tại ấp Tiên Lân. Đặc biệt hội nghị Trung Ương Đảng lần thứ sáu vào năm 1939 họp tại ấp Tây Bắc Lân, các nhà cách mạng Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần tham dự. Hội nghị đã giải quyết những vấn đề chiến lược nhằm đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai bằng cách vận dụng thời cơ từ cuộc chiến tranh thế giới để giành chính quyền.

Cuộc Khởi Nghĩa Nam Kỳ bùng nổ đầu tiên tại Hóc Môn vào rạng sáng 23 tháng 11 năm 1940. Người dân Mười Tám Thôn Vườn Trầu tự vũ trang bằng gậy gộc, giáo mác đánh vào các cơ quan hành chính của Pháp. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp đẫm máu. Các nhà lãnh đạo chủ chốt Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần bị bắt và bị xử bắn ngay tại trên mảnh đất Hóc Môn. Dù bị đàn áp, người dân Mười Tám Thôn Vườn Trầu vẫn kiên cường tiếp tục chiến đấu, góp công to lớn cho sự nghiệp giải phóng và thống nhất của đất nước.

Ngày nay Mười Tám Thôn Vườn Trầu đang nỗ lực xây dựng kinh tế, trở thành vùng trọng điểm chuyên canh rau của Thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt trong thời gian gần đây Hóc Môn phát triển nhanh đàn bò sữa và cũng đang trở thành vùng trọng điểm vành đai bò sữa của thành phố. Một loại hình hợp tác mới nhằm giúp nhau làm ăn, đóng góp cho sự phát triển của địa phương cũng đang hình thành tại đây. Đó là sự ra đời của các nhóm làm kinh tế gia đình - khuyến nông có mục đích hỗ tương giúp đỡ để áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào nông nghiệp, chăn nuôi, sưu tập vườn cây...

Danh xưng Mười Tám Thôn Vườn Trầu mãi mãi là ấn tượng về một địa danh giàu tính truyền thống và cách mạng.

(Theo sách Lịch sử Việt Nam - Du lịch - NXB Trẻ 1997)

CÁC CUỘC ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN HÃNG DẦU NHÀ BÈ

Sang năm 1931, ngay tháng đầu năm, bốn cuộc bãi công lớn và một cuộc biểu tình của công nhân lại liên tiếp bùng lên rất mạnh, hầu hết ở địa bàn các hãng dầu Nhà Bè. Đây là đợt đấu tranh của công nhân có sự lãnh đạo phối hợp và tổ chức chặt chẽ hơn, tiếng vang mạnh hơn.

Nhân xảy ra vụ công nhân bị chủ đánh và đuổi một cách vô lý, ngày 9-1-1931, toàn thể công nhân hãng Standard oil (Nhà Bè) bãi công đòi: tăng lương thêm 1 cắc/ngày; giảm giờ làm việc xuống 8 giờ/ngày; làm 6 giờ một ngày cho trẻ em dưới 16 tuổi; chống đánh thợ và nhận lại thợ bị đuổi; kèm theo hai yêu cầu nữa mang tính chính trị: thợ được tự do hội họp; tự do biểu tình, bãi công.

Để gây thanh thế và hỗ trợ cho cuộc bãi công này, công nhân hãng dầu Socony của Mỹ và hãng dầu của Anh cũng đình công.

Lần này cuộc đấu tranh của công nhân ở Standard oil có một bước tiến nữa là đã thành lập đội tự vệ để bảo vệ anh chị em. Ngày 14-1-1931, cuộc bãi công kết thúc sau khi chủ phải chấp nhận một số yêu sách của công nhân.

Nhưng đúng vào hôm đó, 400 trên 560 công nhân hãng dầu Pháp - Á bãi công với những khẩu hiệu: Cấm đánh đập công nhân; thực hiện bảo hiểm xã hội; nhận lại công nhân bị đuổi; tăng lương thêm 1 cắc/ngày; ngày làm 8 giờ; ngày chủ nhật, ngày lễ đi làm lương tăng gấp đôi; ngày lễ, chủ nhật nghỉ vẫn được ăn lương; phải trả lương những ngày công nhân bãi công... Cảnh binh và lính vác súng đến đe dọa, liền bị công nhân ào đến bao vây tước súng.

Cũng vào thời điểm ấy, diễn ra một cuộc mít tinh ngay trước cửa hãng dầu Pháp - Á do Tổng công hội Nam Kỳ tổ chức, có hàng nghìn công nhân, nông dân và dân lao động chung quanh kéo đến dự nghe diễn thuyết, làm tăng thêm uy thế của cuộc bãi công.

Chỉ 4 ngày sau, ngày 18-1-1931, vào dịp kỷ niệm 3L (Lê-nin, Li-ép-néc, Luýc-xem-bua) lại có hai cuộc biểu tình nữa ở trước hãng dầu Phú Mỹ và F.A.C.I do Lý Tự Trọng tổ chức.

Sang tháng 3-1931, còn ba cuộc bãi công nữa: ở công ty dầu Pháp - Á (ngày 10-3-1931); của thợ đốt than Nhà Bè (ngày 16-3) và của công nhân hãng Socony (ngày 23-3-1931).

(Lịch sử Đảng bộ TP. HCM - NXB TP. HCM 1995)

CUỘC MIT TINH TẠI ĐƯỜNG MAYER LÝ TỰ TRỌNG BỊ BẮT, XỬ TỬ

Vào thời điểm này có một sự kiện vang dội cả trong và ngoài nước ta, đó là cuộc mít tinh ở phố Larégnère (nay là đường Trương Định) ngày 8-2-1931 dẫn đến cái chết của viên Cò Legrand ngay giữa trung tâm Thành phố.

Thực hiện nhiệm vụ do Xứ ủy giao, Tổng Công hội đã tổ chức một cuộc mít tinh kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Yên Bái vào chiều ngày 8-2-1931.

Ban Tổ chức có ba người: Quảng (tức Phan Bội Châu, Hoàng Hữu Nam) Trưởng ban, Hui (Lý Tự Trọng) và một người nữa.

Gần sân banh ở đường Mayer (nay là đường Võ Thị Sáu) vào lúc 18 giờ 15 phút khi cuộc đá banh tan, người xem ra khỏi cổng đổ theo đường Larégnère (nay là đường Trương Định) đi đến ngã tư đường Le Grand De Liraye (nay là đường Điện Biên Phủ) thì thấy cờ đỏ trương lên và có tiếng hô mời đồng bào đứng lại nghe nói chuyện. Tất cả tụ tập ngay trên lòng đường Larégnère. Người diễn thuyết đã được lựa chọn, nhưng đến lúc đó chưa có mặt (sau này mới biết là đã bị bắt). Đồng chí Quảng (Phan Bội) vội đứng lên thay thế.

Cuộc diễn thuyết chớp nhoáng vừa kết thúc thì bọn cảnh sát ập tới. Tên Cò Legrand nhảy vào bắt đồng chí Phan Bội. Lập tức Lý Tự Trọng có sẵn súng lục trong tay, bắn liền hai phát, Cò Legrand gục xuống. Quần chúng hỗn loạn ngơ ngác, Lý Tự Trọng chạy. Cò Borel thoáng thấy phóng chân đuổi theo, Trọng quay người lại bắn mấy phát. May cho hắn, đạn chỉ trúng mũ. Trong cuộc này Phan Bội, Trọng và mấy người tham dự bị bắt. Ngay tối đó, địch lùng sục ở cơ quan đường Galliéni (nay là đường Trần Hưng Đạo) bắt mấy người nữa, trong đó có đồng chí Bùi Công Trừng. Hai hôm sau, ngày 10-2-1931, đồng chí Bùi Lâm cũng bị bắt.

Địch liên tục hỏi cung, tra tấn Lý Tự Trọng rất dã man. Nhưng địch không thể moi được một tiết lộ bí mật nào của Trọng. Được tin đó, ngày 23-2-1931 đã nổ ra một cuộc tuyệt thực của tù Khám Lớn Sài Gòn phản đối Pháp đánh đập tàn ác Lý Tự Trọng. Đến ngày 18-4-1931, Tòa Thượng thẩm tuyên án tử hình Lý Tự Trọng. Lại một cuộc tuyệt thực nữa của tù Khám Lớn Sài Gòn chống chính sách đàn áp tàn bạo của đế quốc Pháp.

Ở bên ngoài, hàng loạt truyền đơn được rải ở nhiều phố và vùng nông thôn, ở cả các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long phản đối án tử hình đối với Lý Tự Trọng. Bà André Violis lúc bấy giờ đến Sài Gòn có vào thăm Lý Tự Trọng, khi về Pháp bà đã viết một loạt bài và cuốn sách Indochine S.O.S (Đông Dương cấp cứu!) trong đó vạch trần chính sách tàn bạo của đế quốc Pháp ở Đông Dương và phản đối án tử hình đối với Lý Tự Trọng. Vụ Lý Tự Trọng trở thành vấn đề quốc tế.

(Lịch sử Đảng bộ TP. HCM - NXB TP. HCM 1995)

DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ THÀNH ỦY TỪ NĂM 1930 - 1973

1. Nguyễn Văn Lợi (Hữu Dũng) (3/1930)
2. Tạ Đức Tường (4/1932)
3. Trần Văn Vi (Dân Tôn Tử) (1935)
4. Nguyễn Văn Nghi (1936)
5. Nguyễn Thị Minh Khai (1937 - 1940)
6. Nguyễn Như Hạnh (1940)
7. Nguyễn Văn Kính (1945)
8. Phạm Phong Lâm (1945)
9. Trần Đình Trọng (1945 - 1946)
10. Nguyễn Văn Linh (1947 - 1948)
11. Võ Sĩ (Lê Văn Sĩ) (1948)
12. Nguyễn Hộ (1949 - 1950)
13. Nguyễn Văn Linh (1950 - 1952)
14. Trần Quốc Thảo (1952 - 1954)
15. Nguyễn Văn Linh (1954 - 1956)
16. Trần Quốc Thảo (1957)
17. Võ Văn Kiệt (1957 - 1964)
18. Nguyễn Văn Linh (1965)

19. Võ Văn Kiệt (1965 - 1967)
20. Trần Bạch Đằng (1968 - 1972)
21. Nguyễn Văn Linh (1972 - 1973)
22. Mai Chí Thọ (1973 - 1975)

KHỞI NGHĨA NAM KỲ Ở GIA ĐỊNH VÀ CHỢ LỚN

1. Cuộc nổi dậy trong tỉnh Gia Định

Thực hiện lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy, Ban khởi nghĩa tỉnh Gia Định do đồng chí Lê Văn Khương, Thường vụ Xứ ủy kiêm Bí thư Tỉnh ủy, phụ trách, đã họp bàn đề ra kế hoạch như sau:

1. Tuyển chọn một lực lượng lên Thành phố Sài Gòn tiếp sức đánh chiếm sân bay, dinh Tỉnh trưởng, phá Khám Lớn...

2. Tại địa phương, huy động quần chúng nhân dân các xã, có lực lượng du kích, tự vệ làm nòng cốt, trang bị vũ khí thô sơ, đánh các đồn bót, nhà việc, giành chính quyền xã, huyện và tỉnh, cắt dây điện thoại, chặt cây chặn đường phá cầu... để chặn viện binh địch. Nếu có xe địch thì chặn đánh, cướp vũ khí.

Từ chiều ngày 22, lực lượng tuyển chọn của các quận Hóc Môn, Gò Vấp và cả Thủ Đức, Nhà Bè... đã chia thành toán nhỏ, dùng các phương tiện xe thổ mộ, xe điện, đi bộ đến địa điểm tập kết đã qui định. Nhưng đến 0 giờ ngày 23, vẫn chưa nghe thấy tiếng súng lệnh của Sài Gòn. Tất cả vội rút về tham gia nổi dậy tại địa phương.

Ở quận Gò Vấp, tuy chưa thấy Sài Gòn nổ súng, nhưng theo kế hoạch đã định. Nam khởi nghĩa quận đã chủ động ra lệnh tiến công các đồn bót Lăng Cha Cả, Vườn Tiêu, Ngã Năm Vĩnh Lộc, Phú Lâm... cùng với nghĩa quân Hóc Môn cắt dây điện thoại, ngả cây chặn đường, phá một số cầu dọc đường từ Sài Gòn dẫn đi Tây Ninh.

Trong trận đánh chiếm đồn Ngã Năm Vĩnh Lộc, ta bày trò cờ bạc nhử Cai Triều và Bếp Dững phụ trách đồn, đến đánh bạc, 23 giờ ta tước 2 súng và thuyết phục 2 người quay về gọi đồn mở cửa. Nghĩa quân ập vào tước thêm 2 súng. Việc chiếm đồn diễn ra rất nhanh, gọn, ta lấy được 4 súng và 48 viên đạn. Sau khi giáo dục, Cai Triều, Bếp Dững và lính được cách mạng tha ngay trong đêm.

Trong khi đó, nhân dân các xã chung quanh nổi trống mõ phèng la, mang theo đuốc, đổ ra mừng thắng lợi. Còn các bót Lăng Cha Cả, Vườn Tiêu, nghe tiếng mõ nổi khắp nơi, thấy nghĩa quân kéo đến đầy khí thế, lính giữ bót vội rút chạy.

Ở quận Hóc Môn, gần nửa đêm, quần chúng các xã thuộc tổng Long Tuy Hạ, Long Tuy Thượng, Bình Thanh Trung, có lực lượng du kích quần đùi, áo sọc, cổ buộc khăn trắng trang bị dao găm, rìu, búa... làm nòng cốt, nổi trống mõ, phèng la, đốt đuốc kéo đến chiếm các nhà việc xã, tước súng của tề làng, cắt dây điện, đốn cây chặn đường, đốt cầu Bông, gỡ ván cầu Rạch Trà...

Khoảng 1 giờ 30 ngày 23, quần chúng từ các ngả kéo về hỗ trợ tiến công đồn và chiếm quận lỵ Hóc Môn.

Nghĩa quân đã chiếm nhà việc xã, dinh quận, làm chủ quận lỵ và gần như đã chiếm được đồn Hóc Môn. Quận Thọ rút lên lầu cao cố thủ bắn xuống. Quân ta dùng súng bắn lên kéo dài hơn hai giờ, đến sáng. Do lầu cao kiên cố, ta chỉ có vài khẩu súng trường, lại chưa có kinh nghiệm đánh đồn, cho nên Quận họ, một tên đốc phủ rất gian ác, đã thoát chết.

Địch cho 6 lính ở đồn gần đó đến ứng cứu, nhưng trên đường đi bị nghĩa quân chặn đánh một tên bị giết, 4 tên bị thương tháo chạy, một tên mất tích.

Được tin báo, quận Hóc Môn bị nghĩa quân chiếm, từ Sài Gòn và tỉnh lỵ Gia Định, Pháp vội vàng cho 2 viên cò, 4 viên thanh tra, 3 sen dầm, 20 cảnh sát, 30 khố xanh, trang bị súng ống đầy đủ kéo xuống. Nhưng vì chúng phải đi vòng đến lúc trời sáng rõ, chúng mới tới, thì nghĩa quân và quần chúng đã rút hết.

Trong cuộc đánh chiếm quận Hóc Môn, nghĩa quân đã thu được trên 21 khẩu súng, 6 trên 13 lưỡi lê của địch, diệt lính và làm bị thương 6 tên khác.

Phía ta, 2 nghĩa quân hy sinh và 17 quần chúng bị hương, để lại hiện trường 19 dao găm, 11 dao bếp, 2 dao cầu thái thuốc, 1 dùi, nhiều băng khẩu hiệu, truyền đơn...

Như vậy là, ngay sát nách Thành phố, cơ quan cai trị đầu não của địch, nhân dân đã nổi dậy làm chủ một quận lỵ trong khoảng 4 giờ đồng hồ, mặc dù chúng đã được báo trước và đã có đề phòng.

Cũng vào lúc 23 giờ ngày 22, một toán nghĩa quân thuộc Long Tuy Hạ, cắt dây điện thoại, ngả cây chặn đường Hóc Môn đi Trảng Bàng, kéo đến chiếm nhà việc Tân Phú Trung, tước 4 súng, diệt một tên ngoan cố chống lại.

Trên đường tiến về phía cầu Bông (Pháp gọi là cầu Tân Phú Trung cách Sài Gòn 24 km), nghĩa quân gặp lính đồn Bà Điểm (đồn này do cò Etienen Bétaille (Bêtai) làm đồn trưởng) đi tuần. Thấy lực lượng quần chúng quá đông, chúng hốt hoảng bỏ chạy. Ta diệt đội Tước vì y bắn lại nghĩa quân.

Nghĩa quân địch phá cầu Bông, nhưng vì cầu kiên cố, anh chị em dùng mủ cao su rải trên mặt cầu, rồi đốt và cho bóc ván. Sau khi nghĩa quân rút đi, ô tô chủ đồn điền cao su Arnaud mang tiền từ Sài Gòn về Tây Ninh, đến cầu, xe không qua được, Arnaud vào làng gọi tề cho dân ra sửa. Quần chúng cho là tên cò Bétaille, một tên rất ác độc, liền hò nhau cầm dao giết chết. Xe và tài xế cho đi, trên ô tô vẫn còn một vạn đồng Đông Dương.

Sau vụ này, Pháp cho xây ngay một đồn bảo vệ cầu Bông.

Nghĩa quân và quần chúng còn tiến hành mấy cuộc biểu tình biểu dương lực lượng nữa, nhưng trước sức khủng khiếp bằng lực lượng quân sự chính quy trang bị hiện đại của địch, kể cả máy bay từ Cát Lái lên ném bom tàn sát dân làng Tân Phú Trung, nghĩa quân phải chia nhỏ rút vào Đồng Tháp Mười và lên Trưông Mít (Tây Ninh)

2. Cuộc nổi dậy trong tỉnh Chợ Lớn

Đồng chí Dương Công Nữ, Xứ ủy viên kiêm Bí thư Tỉnh ủy Chợ Lớn, trực tiếp chỉ huy cuộc nổi dậy và giữ mối liên lạc của Chợ Lớn với Sài Gòn và Gia Định.

Ban Khởi nghĩa Chợ Lớn đã chia hai lực lượng:

Một lực lượng được lựa chọn từ những người trung kiên của Trung Huyện, Cần Đước, Đức Hòa nằm dọc đường chiến lược số 4. Sài

Gòn đi miền Tây, đưa lên hỗ trợ cho cuộc nổi dậy ở thành phố. Một lực lượng nổi dậy tại chỗ.

Về lực lượng đưa lên hỗ trợ Thành phố: Du kích của Đức Hòa tập kết ở Bàu Sen (xã Đức Hòa) rồi chia nhỏ kéo lên phối hợp với du kích Bà Điểm, Hóc Môn. Còn du kích của Turng Huyện, Cần Đước chia nhỏ 3 người một tổ bằng mọi phương tiện lên Thành phố rồi tản ra rải rác trước rạp xi nê, quán giải khát chung quanh địa điểm tập trung là đầu cầu Xóm Chi (Chợ Lớn). Mỗi người mang theo quần đùi, áo cộc tay, một khăn tay trắng để buộc sát nách khi hành động. Một thuyền vũ khí bí mật vượt qua hai đồn Bình Điền và Rạch Cát cũng lên đến chân cầu Xóm Chi để phát cho du kích trước giờ khởi sự.

Đúng 12 giờ khuya, đèn Sài Gòn và Chợ Lớn vẫn sáng, không thấy có tiếng súng nổ. Đồng chí chỉ huy cho anh em biết là liên lạc với các nơi đã bị đứt; lính Pháp chặn các ngã đường ra vào Thành phố, xét giấy tờ tất cả ai quan đường. Lính đang đi chơi phố cũng bị đưa lên xe về doanh trại, có lẽ không xong rồi, nên đồng chí ra lệnh cho anh em rút về địa phương, kể cả thuyền vũ khí.

Tại Trung Huyện, ngay nửa đêm ngày 22, nghĩa quân nổi dậy chiếm nhà Việc Bến Lức (xã Tân Tiến) diệt hương hào Phước và đánh bị thương hương quản Viên (ta tưởng nó chết, về sau nó chống cách mạng kịch liệt hơn). Đồng thời cắt dây điện thoại. Thế là đường liên lạc bằng điện thoại giữa Sài Gòn, pháo đài Rạch Cát và các tỉnh miền Tây bị đứt; đánh bót Bến Lức thu được súng, hạ bót Voi Lá thu 2 súng. Sau khi giải thích, nghĩa quân thả ngay lính gác cầu Bến Lức.

Nhân dân các xã Long Hiệp, Tân Tiến, Thanh Hà, Mỹ Yên... nổi trống mõ, phèng la hưởng ứng, kéo ra đường mít tinh.

Hôm sau (ngày 23), địch đưa lính về tăng cường cho bót Thanh Hà lùng bắt hơn 30 người, giam ngay tại xã. 9 giờ tối, nghĩa quân, có hàng trăm dân làng hỗ trợ đã bao vây bót. Bọn lính hoảng sợ bỏ chạy, ta giải thoát được số người bị giam giữ.

Tại Cần Giuộc, ta thuyết phục được Bình Xuyên theo cách mạng, cùng nghĩa quân đốt dinh quận.

Tại Cần Đước, nghĩa quân đã huy động quân chúng các xã Lộc Thành Hạ, Tân Lâm, Mỹ Lệ, chủ trương đánh chiếm quận lỵ, pha cầu

Chùa, bến Bắc cầu nổi... Nhưng do địch tăng thêm binh lính, cảnh sát bảo vệ, cho nên không thực hiện được kế hoạch.

Tại Đức Hòa, là nơi có truyền thống cách mạng lâu đời, Pháp phải kiêng nể và luôn luôn đề phòng từ những năm 1930. Trước cuộc nổi dậy, cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng ở đây khá mạnh. Địch đã đề phòng trước, trang bị cho đồn Đức Hòa một tủ gỗ sao rất chắc chắn để cất súng, cho làm hàng rào chung quanh bảo vệ đồn và có lệnh không cho ai được đến gần...

Ban khởi nghĩa của Đức Hòa gồm các đồng chí đã có quá trình đấu tranh, đã được rèn luyện thử thách qua chiến đấu, có cả người đã từng đi lính khổ đờ, hiểu biết về quân sự được giải ngũ về địa phương và tham gia cách mạng.

Ngày đêm 22, nghĩa quân đã nổi dậy, chiếm nhà việc, tước súng của Hương thân Sai ở ấp Bình Thủy, Tổng cầu An Hạ. Nhà việc của nhiều xã đều bị quần chúng xuống đường uy hiếp.

Hơn 100 nghĩa quân theo các đường hàng tỉnh như đường 9, đường 10, kéo về định chiếm quận. Nhưng khoảng 1 giờ 30 sáng 23, đoàn theo đường 9 còn cách quận lỵ 500 mét, thì gặp xe của quận hậu, có phó quán Trần Văn Nên trưởng đồn Đức Hòa cùng nhiều lính đi tuần từ quận ra. Nhận được tin này nghĩa quân phải tản ra ẩn nấp trong rừng rậm sau chùa, rồi sau đó kéo về Giồng Cầm.

Sáng 23, vào lúc 8 giờ, đồn Đức Hòa được báo có cộng sản ẩn núp ở Giồng Cầm. Thực ra đây là vụ bố trí cho địch rơi vào ổ phục kích của nghĩa quân. Phó quán Nên vội mang lính theo đường 10 rồi rẽ vào Giồng Cầm. Khi phó quán Nên đi xe đạp ngang lũy tre nhà bà Truyện, sau lũy tre nghĩa quân đã đào trước 14 "tăng xê" mỗi cái cách nhau 1 mét, nơi đó có bùn lầy lội, thì bị khoảng 100 nghĩa quân phục sẵn ở sau lũy tre rậm và "tăng xê" nổ hai phát súng. Một phát trúng vai phó quán Nên và một phát trúng bếp Nguyễn Văn Nhung, cả hai chết tại chỗ. Súng vừa nổ thì nghĩa quân xông ra chém bếp Thái Kim Hưng và lính Trần Thanh hai bị thương, địch chuyển về nhà thương Chợ Lớn. Còn những lính khác bỏ chạy...

Trận phục kích này ta thu được 4 súng trường, 1 súng lục. Và sau đó, chia làm hai rút về vùng đầm lầy Hậu Hòa, Nhơn Hòa (xã Đức Hòa) và Đức Lập, Mỹ Hạnh.

Thấy nhân dân đã nổi dậy, vừa bị mất người và mất súng, địch vội cho cả xe tăng, xe bọc thép, ô tô, súng máy, mô tô, trang bị súng tự động rầm rập kéo xuống Đức Hòa, tỏa ra quần thảo trên các đường 8,9,10, uy hiếp quần chúng. Nhưng nghĩa quân vẫn ở sâu trong các giồng rậm rạp.

6 giờ chiều, xe địch rút về thành phố. Đồn Đức Hòa chỉ còn 7 lính, lại ở trong tình huống bị đe dọa.

Nghĩa quân đã có chủ trương huy động quần chúng các xã chung quanh cùng với du kích đánh chiếm đồn Đức Hòa vào đêm 23. Nhưng vì địch mới điều cho Đức Hòa thêm một Trung đội lính khố đỏ, 4 súng máy, nên nghĩa quân phải hủy bỏ cuộc đánh chiếm quận lỵ.

Ngày 24, địch cho một đơn vị lê dương, cả lính khố xanh, lính khố đỏ về càn quét, 15 giờ máy bay của Pháp từ Cát Lái đến bắn phá Giồng Cầm, Hậu Hòa, Đức Lập, Mỹ Hạnh... những nơi mà địch được báo là có quần chúng nổi dậy.

Ngày 25, nghĩa quân đánh đồn điền mía Roly ở Hòa Khánh, của một người Pháp gốc Ba Lan, bá tước Seibor Rylski. Nghĩa quân bắn mấy phát súng sấm. Y bị thương nặng, phải cấp cứu đưa về bệnh viện Sài Gòn. Ta tước được 1 súng lửa, 1 súng lục.

Địch huy động một lực lượng lớn để trả đũa cuộc nổi dậy của nhân dân Chợ Lớn. Chúng ta điều: 1 đại đội khố đỏ do đại úy Dinahot chỉ huy; 2 đại đội người Rađê do 1 đại úy và thiếu úy Agostini chỉ huy; 55 lính Miên do thiếu úy Ancel chỉ huy; 80 lính khố đỏ do thiếu úy Cazenave chỉ huy; một đơn vị thuộc trung đoàn bộ binh thuộc địa thứ 11 do 1 trung úy chỉ huy, có cả xe tăng, thiết giáp, máy bay yểm trợ để càn đi quét lại suốt tháng 12-1940 sang đầu năm 1941.

Nghĩa quân ngày càng khó khăn: gần 80 người với 15 súng trong đó 35 người Tân Phú Trung, 12 người Mỹ Hạnh và Đức Hòa, 33 người Tân Sơn Nhất, Bà Quẹo, Hóc Môn kéo vào Truông Mít (Tây Ninh) với ý định theo đường Trường Sơn ra Bắc. Nhưng sau nhiều

lần chống bao vây, càn quét của địch, lực lượng bị tiêu hao, còn lại 20 người phải quay về mộ Ba Làng (Gia Định).

Một lực lượng khác của Trung Huyện, Đức Hòa thì rút về Hòa Khánh (Chợ Lớn), Thanh Lợi, Bình Hòa (Thủ Thừa, Tân An), dựa vào đó để tiếp tục hoạt động thêm một thời gian nữa và phần lớn các tề ở vùng này đều ngã theo cách mạng.

(Lịch sử Đảng bộ TP.Hồ Chí Minh. NXB TP.HCM 1995)

TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Tháng 6 năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và dựa trên các tổ chức cơ sở của Đảng, một phong trào thanh niên công khai ra đời - phong trào Thanh niên, công nhân, nông dân, học sinh nhằm chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Chỉ trong vòng hai tháng vận động, đội ngũ thanh niên Tiên phong lên đến 200.000 người tại Sài Gòn và lan nhanh xuống các tỉnh Nam bộ, thu hút hàng triệu người yêu nước. Đến tháng 8, sau ngày Nhật đầu hàng Đồng minh, phong trào Thanh niên Tiên phong thu nhận cả phụ lão, thiếu niên, phụ nữ, trở thành một mặt trận nhân dân yêu nước rộng rãi.

Lúc này, Sài Gòn sống một không khí hoàn toàn mới mẻ. Phố xá, công sở, nhà máy, trường học, đâu đâu cũng có tổ chức Thanh niên Tiên phong, chỗ nào cũng nổi lên những lớp người mặc đồng phục quần soọc xanh, sơ mi cộc tay trắng, đội mũ cối rộng vành, vũ trang bằng gậy tầm vông vạt nhọn, dao găm và một cuộn dây thừng đeo bên thắt lưng. Bài đoàn ca "Lên đàn" của Thanh niên Tiên phong vang lừng trên đường phố, trên các sân vận động, tại trụ sở số 14 đường Sác-ne và trụ sở Pe-lơ-ranh.

Đêm 14-8-1945, Mặt trận Việt - Minh triệu tập một Hội nghị hiệp thương với các đảng phái chính trị tôn giáo công khai, đa số là thân Nhật. Các anh Nguyễn Văn Nguyễn và Phạm Ngọc Thạch chủ tọa cuộc họp này và cuộc họp đạt được kết quả là họ hứa không chống lại việc Việt - Minh đứng lên cướp chính quyền.

Ngày 15-8: tin Nhật đầu hàng càng làm cho bầu không khí tiền khởi nghĩa thêm sôi động.

Ngày 16-8: Thanh niên Tiên phong tuyên bố là một bộ phận của Việt - Minh và đổi cờ vàng sao đỏ ra là cờ đỏ sao vàng.

Ngày 19-8: Tin Hà Nội cướp chính quyền lan nhanh như một tia chớp.

Ngày 20-8: Việt - Minh ra công khai ở rạp Nguyễn Văn Hảo. Đúng như ta dự đoán, bọn Nhật bị choáng váng hoang mang trước tình thế chiến bại, nên không dám làm gì chống lại.

Ngày 21-8: Lần đầu tiên ngọn cờ đỏ sao vàng phát phới bay trên nóc tiệm cao lâu (Ánh sáng) ở đại lộ Ga-li-ê-ni... và trên mũi của hơn 10 ô-tô tuyên truyền xung phong của ta lần lượt đi khắp thành phố. Một lần nữa, Nhật nằm im như chờ chết.

Ngày 23-8: Trong lúc tỉnh Tân An thí điểm khởi nghĩa thắng lợi trước sự bất lực của Nhật, thì ở Sài Gòn Việt - Minh kêu gọi quần chúng tẩy chay cuộc đón tiếp tên Khâm sai Nguyễn Văn Sâm từ Huế vào, do cái gọi là "Mặt trận quốc gia thống nhất" tổ chức.

Cũng trong ngày này, các đảng phái, đoàn thể quần chúng cùng Thanh niên Tiền phong tổ chức một cuộc biểu tình có hàng vạn người tham gia dưới khẩu hiệu:

"THỐNG NHẤT LỰC LƯỢNG" "ỦNG HỘ VIỆT - MINH".

Sáng 24-8: Đảng Cộng sản Đông dương ra công khai. Đông đảo đồng bào tụ tập trước nhà bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ở đường Sát-xơ-lu Lô-ba. Lá cờ Búa Liềm vinh quang nhuộm máu liệt sĩ 1930-1940 giờ đây hiên ngang bay giữa bầu trời Sài Gòn hùng hực lửa đấu tranh cách mạng, trên nóc cao Phòng khám bệnh của anh Thạch. Tại đây, từ nhiều năm qua, anh Thạch đã khám bệnh và cứu chữa cho nhiều đồng chí hoạt động bí mật bị mang bệnh lao. Giờ đây nhìn lá cờ báo hiệu cách mạng sắp bùng nổ và tất thắng, còn hạnh phúc nào to lớn bằng ! Có người nhìn cờ, miệng cười hớn hở, nhưng có người nhìn cờ sung sướng quá mà nước mắt ứa quanh mi.

Đêm 24-8: Kỳ bộ Việt - Minh ra đời và mở hội nghị hiệp thương, lập danh sách Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ. Đảng Dân chủ Việt Nam và Tổng Công đoàn ra công khai. Ủy ban Tổng Khởi nghĩa Sài Gòn bắt tay vào chỉ đạo hành động. Khắp thành phố nổi lên những khẩu hiệu:

"Bảo đại phải thoái vị". "Nguyễn Văn Sâm phải từ chức" "Chính quyền về tay Việt-Minh" "Việt Nam độc lập muôn năm" "Đảng Cộng sản Đông dương muôn năm"

20 giờ 24-8: Các đội trưởng quân khởi nghĩa họp tại trụ sở Hướng đạo sinh ở đường Pen-lơ-ranh nghe phổ biến chủ trương tổng khởi nghĩa, rồi tập nập vào trụ sở Ủy ban Tổng khởi nghĩa đóng ở số 6 đường Cô-lôm-ba nhận mệnh lệnh, kế hoạch và súng đạn.

22 giờ: Các đội Tự vệ Xung phong của các công sở, đồn bót, tự chiếm công sở của mình, kéo cờ đỏ sao vàng lên điểm cao nhất.

23 giờ: Các đội thanh niên Xung phong bố trí xong ở các ngã tư, các đầu cầu. Các đội công binh đã trang bị búa tạ, cưa để sẵn sàng hạ cây làm chướng ngại vật trong trường hợp quân phát xít Nhật can thiệp.

24 giờ: Các đội Công đoàn Xung phong lao tới chiếm các cơ sở yết hầu như dinh Thống đốc La-gơ-răng đi-e, Kho bạc, Sở Bưu điện, Sở chữa lửa...

0 giờ: Kế hoạch được thực hiện và hoàn thành mỹ mãn. Các cơ lính thủ hộ nộp súng, dâng trại. Quân lính Nhật co về phòng thủ. Toàn bộ chính quyền lọt vào tay cách mạng 1 giờ sáng 25-8.

Hàng chục vạn đồng bào ngoại thành và các tỉnh lân cận Sài Gòn như bà Điểm, Hóc Môn, Chợ Đệm, Tân An, Lái Thiêu, v.v... Ô ạt kéo vào hỗ trợ đồng bào nội thành, mang theo súng, gươm, giáo, mác, cưa, búa, thang. Thành phố Sài Gòn rung chuyển dưới bước chân đi của trên một triệu người, trong tiếng hát, tiếng hò reo, tiếng hô "một, hai", tiếng còi rộn rã, tiếng cười hân hoan và muôn ngàn âm thanh khác nhau, hòa thành tiếng nói của lịch sử: Từ nay chấm dứt 100 năm nô lệ - Từ nay sống trong Độc lập, Tự do.

Tại bốn binh ngã tư Bô-na - Sạc-ne, từ chập tối, anh Huỳnh Tấn Phát khẩn trương chỉ đạo một công trình có lẽ có ý nghĩa lớn nhất trong đời kiến trúc sư của anh là dựng lên một kỳ đài cao 10 mét mang danh sách Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ.

Sáng 25-8: Sài gòn đã thay đổi hẳn bộ mặt. Dĩ vãng một thế kỷ nô lệ lùi về xa xăm. Cả thành phố chìm ngập trong biển cờ, và biểu ngữ. Trong màu cờ Tổ quốc, trong nụ cười, trong ánh mắt của mọi người, ngời ngời một niềm vui hào hùng: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG

(Theo sách - SG.TPHCM - NXB SGGP tái bản 1975)

MỘT SỐ CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG THỜI CHỐNG PHÁP

1. Chiến khu Láng Le - Bàu Cò

Gọi là chiến khu Láng Le vì đây là một vùng đầm lầy có nhiều chim lele tụ tập.

Láng Le - Bàu Cò nằm trên bờ rạch Láng Le và rạch Cái Tầm cách Sài Gòn khoảng 20km về phía Tây Nam, giáp ranh xã Tân Nhựt và khu kinh tế mới Lê Minh Xuân chạy đến Gò Xoài, Vườn Thơm.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đây là vùng căn cứ cách mạng nổi tiếng, nhân dân ở đây sớm có truyền thống đấu tranh yêu nước nồng nàn.

Cuối tháng 9.1930 nhân dân đã tích cực tham gia nhiều cuộc biểu tình, phá cầu, chặn xe của thực dân Pháp. Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 1940 và cách mạng Tháng Tám 1945, nhân dân Láng Le cùng nhân dân Chợ Lớn, Bình Chánh vùng lên mạnh mẽ cướp chính quyền, Láng Le là căn cứ của cơ quan lãnh đạo Thành đoàn.

18.4.1948, Láng Le đã đi vào lịch sử với "cây súng Nguyễn Hữu Mai" khi các chiến sĩ trung đoàn Phạm Hồng Thái, đơn vị chủ lực đầu tiên của Sài Gòn lúc bấy giờ chọc thủng vòng vây của địch. Trên 300 tên Âu Phi bị tiêu diệt và bị bắt sống, thu nhiều vũ khí.

26.2.1966 lực lượng vũ trang ta đánh tan 1 tiểu đoàn lính Mỹ càn quét vùng Láng Le, cầu An Hạ, Bình Chánh tiêu diệt và làm bị thương hơn 200 tên bắn rơi 3 máy bay lên thẳng.

Đế quốc Mỹ điên cuồng ném bom, rải chất độc hóa học hòng tiêu diệt mọi sinh vật trong vùng, biến Láng Le thành một vùng trắng, nhưng cán bộ Đảng viên và du kích vẫn ngoan cường bám trụ, không để quân thù vào vùng đất độc lập - tự do.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 quân và dân Láng Le lập nhiều chiến công xuất sắc. Đặc biệt ngày 13.5.1968 đã đánh bại cuộc hành quân giải tỏa của Mỹ ngụy.

(Theo sách Hỏi đáp 300 năm TP - NXB Trẻ 1997)

2. Căn cứ Vườn Thơm

Căn cứ Vườn Thơm: Ở phía Tây thành phố, cách trung tâm Sài Gòn 10km, án ngữ trên hành lang nối Sài Gòn với chiến khu Đồng Tháp Mười, thuộc đất Trung Quận và một phần quận Đức Hòa của các xã Hậu Thạnh, Đức Hòa Hạ. Toàn bộ căn cứ gồm 6 xã trung tâm (Tân Tạo, Tân Nhật, Tân Bửu, Lương Hòa, Hậu Thạnh Hạ, Đức Hòa Hạ với điểm trung tâm là Trục Năm Thôn) và 9 xã ngoại vi (Bình Trị Đông, Tân Kiên, An Lạc, Tân Túc, Mỹ Yên, Thanh Hà, Long Hiệp, Long Phú, An Thạnh) với diện tích khoảng gần 200km². Đất Vườn Thơm là chiếc gạch nối giữa vùng giồng cao của miền Đông Nam Bộ với vùng trũng thấp của Đồng Tháp Mười, chủ yếu là đất bưng biền, kinh rạch, hồ trấp, sinh lầy, lại có đất vườn với những vườn mía, vườn thơm (vườn thơm nhiều thành tên vùng đất), rừng cây mù u, cây tràm, dừa nước đan ken dày đặc. Bưng Bà Lác, Vinh Lộc, Bình Thủy (về phía Bắc), sông Vàm Cỏ Đông (về phía Tây) đường số 10 (Chợ Lớn đi Đức Hòa), kinh Xáng, kinh Bà Hom, kinh cầu An Hạ, kinh Bà Vụ rồi Bàu Cò, Láng Le... là những địa danh của căn cứ Vườn Thơm trở thành quen thuộc trong lịch sử chống ngoại xâm của quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn.

Từ đầu năm 1946, bộ đội chiến đấu ở mặt trận phía Tây, Ban chấp hành Mặt trận Việt Minh và các cơ quan kháng chiến của Sài Gòn, Chợ Lớn, của Trung Quận và vùng phụ cận rút về đây, trụ bám, xây dựng căn cứ, chuẩn bị thực lực mọi mặt cho cuộc kháng chiến.

Dựa vào địa thế nhiều bưng trấp kinh rạch và cỏ lác phức tạp, rậm rạp, khuất khúc bất ngờ, quân và dân tại Vườn Thơm, dưới sự chỉ đạo của trưởng ban căn cứ địa Nguyễn Văn Thơm, tiến hành đào vét kinh mương ngòi lạch, mở đường đi ngang dọc ở trong căn cứ, đồng thời dựng kê cản, đắp đập trên các kinh lớn, đào hầm hào khắp nơi, vừa để trú giấu lực lượng vừa để chống địch cơ động càn quét.

Căn cứ Vườn Thơm đứng vững cho đến năm 1949, được coi là một địa bàn cơ động nhất vào nội thành.

Ngoài những căn cứ kể trên, còn hàng loạt căn cứ nhỏ khác nằm rải rác bao quanh thành phố. Đó là các điểm trú đóng quân, ém giấu lực lượng, nơi cất giữ hoặc chuyển tiếp cơ sở vật chất, kho tàng công xưởng của các địa phương từ xã đến huyện, tỉnh, thành phố, đồng thời là điểm xuất phát đánh địch trong nội thành và các khu vực ngoại vi thành phố. Đáng ghi lại là khu vực các xã Phú Thọ Hòa, Bình Hưng Hòa, Tân Hòa, Vĩnh lộc, Bưng Sáu xã. Sự hình thành hệ thống căn cứ bao quanh thành phố biểu thị quyết tâm kháng chiến lâu dài của quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định; nó tạo điều kiện cho nhiệm vụ xây dựng lực lượng mọi mặt để tiến hành cuộc kháng chiến đang ngày càng mở rộng quy mô trên các chiến trường.

*(Theo sách lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định
kháng chiến 1945-1975. NXB TP HCM 1994)*

3. Chiến khu rừng Sác

Chiến khu rừng Sác ở phía Đông Nam thành phố, là một vùng rừng đước, chà là ngập mặn rộng đến 600 hecta, phía Bắc là khu lòng chảo Nhơn Trạch, phía Đông là quốc lộ 15, phía Tây là sông Soài Rạp, phía Nam kéo dài sát biển Đông. Rừng Sác là nơi tập hợp của hàng trăm sông rạch lớn nhỏ, chằng chịt ngang dọc ngoằn ngoèo như mạng nhện, tạo nên những đảo triều xúp nổi giữa menh mông nước (diện tích mặt sông rạch chiếm 1/4 diện tích toàn Rừng Sác). Quan trọng nhất trong toàn bộ hệ thống sông rạch ở Rừng Sác là sông Lòng Tàu - tên gọi gộp nhiều đoạn sông dài 45km nối biển Đông ở cửa biển Gành Rái lên ngã ba sông Đồng Tranh, sông Nhà Bè vào Cảng Sài Gòn, một cửa biển quốc tế, cái "cuống họng" của Sài Gòn và Nam Bộ. Phủ lên Rừng Sác là cả một rừng cây ngập mặn như mắm, bần, đước, dà, chà là, dừa nước... đan náu nhau từng từng, lớp lớp, tạo nên những "đám lá tối trời", những "mái nhà", hang động. Sông rạch, đảo triều, rừng cây làm cho Rừng Sác trở thành một khu vực cực kỳ hiểm trở, một "trận đồ bát quái". "Trận đồ bát quái" này lại nằm kế cận thành phố Sài Gòn, bao bọc xung quanh con đường thủy chiến lược - Lòng Tàu - nối liền Sài Gòn với quốc tế.

Rừng Sác vì thế, từ những thế kỷ trước đã được Nguyễn Huệ, rồi Trương Định chọn làm căn cứ địa. Trước Cánh mạng Tháng Tám, nơi đây là địa bàn trú ẩn của những người có chí khí khai sơn phá thạch, khuấy nước chọc trời, cát cứ một cõi, những người trốn lính, phu, thuế, cờ bạc, hút chích bị chính quyền thực dân truy nã; những người là hảo hớn gian hồ, đảng cướp lưu manh, bị xã hội dồn đến chân tường, sống ngoài vòng pháp luật.

Cuối tháng 11 năm 1945, sau khi trận Rạch Địa - Cây Khô (Nhà Bè) bị vỡ, bộ chỉ huy mặt trận số 4 rút xuống Rừng Sác. Bộ đội Dương Văn Dương (gồm cả lực lượng Nhà Bè, Thủ Thiêm, Tân Thuận...) về Phước An - một xã thuộc quận Long Thành, phân nửa nằm trên đất liền phía Nam lòng chảo Nhơn Trạch, phân nửa là Rừng Sác ngập nước. Sở chỉ huy và các đơn vị chiến đấu đóng rải rác trong các ấp Bà Trường, Bà Bông, Vũng Gấm... Bộ đội Nguyễn Văn Mạnh về đứng chân ở khu vực Bà Trao - Núi Nứa. Bộ đội Tư Hoạch cũng rút về Rừng Sác.

Chấp hành chỉ thị của Khu bộ trưởng Nguyễn Bình, 22 giờ đêm ngày 5 tháng 2 năm 1946 (tức mùng 3 tết Bính Tuất), hai phần ba lực lượng liên chi đội 2-3 vượt sông Soài Rạp, hành quân xuống chi viện cho Bến Tre. Cùng lúc, lực lượng ở lại đồng loạt tập kích tàu thuyền trên sông Soài Rạp và các cứ điểm đôn bót tại Vàm Sát, Rạch Rào, Đồng Tròn, Rạch Cốc để thu hút địch. Cùng thời gian này, bộ đội Tám Mạnh và Tư Hoạch phối hợp với lực lượng vũ trang Cần Đức, Cần Giuộc đồng loạt tập kích 12 vị trí của giặc ở vùng phía Nam thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Số quân còn lại của liên chi đội 2-3 chia làm hai bộ phận trụ lại Rừng Sác xây dựng căn cứ. Bộ phận thứ nhất gồm bộ đội Mười Đen và lực lượng còn lại của 6 đơn vị chiến đấu chia quân đứng chân trên khu vực Rừng Giồng giữa lòng chảo Nhơn Trạch, do Đinh Văn Nhị chỉ huy. Bộ phận thứ hai đóng quân dưới Rừng Sác vùng ngập nước gồm các bộ phận binh công xưởng, tàu kéo, ghe thuyền, trọng pháo, quân y viện, kho tàng đặt tại Rạch Xu, Rạch Vàm Tượng, do Dương Văn Hà (em Dương Văn Dương) chỉ huy. Công tác xây dựng căn cứ địa được xúc tiến khẩn trương, có kế hoạch chu đáo.

Sau khi Bến Tre thất thủ, Dương Văn Dương hy sinh. Bộ đội liên quân chi đội 2- do Trần Văn Đới giữ quyền chỉ huy quay trở về

Rừng Sác. Đêm 24 rạng ngày 25 tháng 2 năm 1946, đoàn quân về đến Rừng Sác. Cuối tháng 2, Lê Văn Viễn (Bảy Viễn) đưa bộ đội Phú Thọ từ căn cứ Vườn Thơm xuống Rừng Sác. Từ đây Rừng Sác trở thành căn cứ chủ yếu của bộ đội Bình Xuyên.

Cùng với bộ đội Bình Xuyên, tại Rừng Sác, còn có hàng chục tổ chức kháng chiến về đứng chân hoạt động như các bộ phận cứu cơ quan kháng chiến Sài Gòn (liên hiệp công đoàn, công tác Thành, công an xung phong...), các cơ quan quân dân chính đảng các quận Nhà Bè (Gia Định), Cần Giuộc, Cần Đức (Chợ Lớn), Hòa Tân (Gò Công) và cơ quan kháng chiến các xã đất liền ven phía Tây sông Soài Rạp...

Đến cuối tháng 2 năm 1946, Rừng Sác trở thành một căn cứ sôi động ở ngoại vi Đông Nam thành phố. Tại đây, bộ đội tỏa ra hoạt động đánh địch khắp nơi: tập kích huyện lỵ Nhà Bè, huyện lỵ Cần Giuộc, đánh đồn bót dọc sông Lòng Tàu, dọc liên tỉnh lộ 19, phục kích diệt tàu ghe của địch trên các sông rạch...

*(Theo sách Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định 1945-1975.
NXB TP HCM 1994)*

4. Căn cứ Bình Mỹ

Căn cứ Bình Mỹ ở phía Bắc thành phố, gồm ba xã Bình Lý, Tân Mỹ, Mỹ Bình thuộc quận Hóc Môn nằm cặp theo sông Sài Gòn bên tả ngạn (liền ranh bên hữu ngạn sông Sài Gòn với căn cứ An Sơn, An Thạnh, Phú Cường thuộc Lái Thiêu tỉnh Thủ Dầu Một). Phía Bắc có tỉnh lộ 8 từ Đức Hòa chạy qua quốc lộ 1 đến bến sông Sài Gòn sang thị xã Thủ Dầu Một. Phía Tây có đường 15 từ Sài Gòn qua Hóc Môn lên Bến Cỏ đến bến đò Bến Súc, đường số 5 chạy xéo qua từ cầu Xáng đến Bình Mỹ giáp tỉnh lộ 8. Phía Tây Nam là sông Rạch Tra chảy qua cầu Xáng, cầu Bông (nay là ranh giới thiên nhiên giữa hai huyện Củ Chi và Hóc Môn). Theo phía Bắc có thể phát triển nối với Tân Thạnh Đông, Tân Thạnh Tây, Hòa Phú, An Phú xã, Khu 5, xa hơn nữa là Bến Cát, Trảng Bàng; từ phía Tây, căn cứ nối qua Tân Phú Trung, Phước Vĩnh An, Tân An Hội, đến Giồng Ông Hòa, Bàu Công (Đức Hòa).

Đứng chân tại căn cứ Bình Mỹ, ngoài các cơ quan kháng chiến và các lực lượng vũ trang huyện Hóc Môn, có Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa. Nhân dân Bình Lý, Tân Mỹ, Mỹ Bình tích cực phá hoại cắt đứt các đường bộ, đào hầm hào, rào làng chiến đấu, tuần gác chống cản bảo vệ căn cứ. Trong tháng 2 năm 1946, cầu Rạch Tra trên sông Sài Gòn - cửa ngõ đi vào Bình Mỹ - bị ta phá sập. Dọc các ngã đi vào căn cứ đều được cắm chông, đắp ô ụ. Trên lộ 22, nhân dân và du kích đào hố, chặt đổ cây cao su dọc ven đường làm ngăn trở giao thông địch

*(Theo sách Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định 1945-1975.
NXB TP HCM 1994)*

5. Đoạn địa đạo qui mô đầu tiên ở Củ Chi

Đoạn địa đạo có qui mô đầu tiên ở Củ Chi được đào ở liên xã Tân Phú Trung, Phước Vĩnh An vào đầu năm 1947, đây là khu vực có nhiều hầm bí mật của anh em du kích. Hầm bí mật có nhiều kiểu, lúc đầu được bố trí thuận tiện và nguy trang tinh vi để ẩn tránh. Sau đó xuất phát từ nhu cầu phải bám trụ tại chỗ để bảo tồn lực lượng và tạo điều kiện đánh được địch, anh em du kích đã móc dính các hầm bí mật với nhau trong lòng đất, nối một số gia đình với nhau trong khu vực nhỏ. Dần dần, các chi nhánh địa đạo nối dài ra nhiều khu vực, cả những hướng bố trí chặn đánh địch. Từ đây, các chi nhánh được thiết bị thêm các ụ và hào chiến đấu từ xa kéo đến miệng hầm, xung quanh bố trí cạm bẫy, hầm chông, lựu đạn gài. Khi phải rút xuống hầm, bộ đội du kích có kế hoạch chặn đánh địch chui theo bằng cách rút cầu, bên dưới là hầm chông, cạm bẫy, xung quanh có tên nổ từ các ống tre bay ra, gươm, lựu đạn rút chốt, cây từ trên đập xuống. Các khe ngách gần miệng hầm được móc "hàm ếch" ẩn được từng người, tránh đạn bắn thẳng của địch, đồng thời phục kích bất ngờ, dùng dao, súng diệt địch khi chúng bước vào. Trong một đoạn địa đạo dài vài trăm mét, một tiểu đội du kích có thể thoải mái chiến đấu liên tục nhiều ngày chống lực lượng địch đông gấp bội.

Giặc Pháp tìm mọi cách hủy diệt. Chúng dùng mọi cách để dồn đuổi nhân dân ta ra các ấp xã chiến đấu, nhưng căn cứ khu 5 Hóc Môn vẫn đứng vững, trở thành "Bất khả xâm phạm" trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Kinh nghiệm xây dựng ấp chiến

đấu kết hợp hầm bí mật và địa đạo được phổ biến ra nhiều nơi trên chiến trường miền Đông Nam Bộ. Hệ thống địa đạo ở khu 5 Hóc Môn đã đặt bước khởi đầu quan trọng làm nên "Đất thép Củ Chi" nổi tiếng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Ở sát phía Tây ven thành phố, cũng sớm có một số đoạn địa đạo ở xã Phú Thọ Hòa. Giữa năm 1947, Chi bộ Phú Thọ Hòa chỉ đạo chọn ấp Lộc Hòa, nơi có khu đất cao, cây cối rậm rạp và nhân dân có truyền thống đấu tranh cách mạng cao, làm địa điểm xây dựng địa đạo. 16 người được chọn làm nòng cốt đào địa đạo, trong đó có các cán bộ Lê Thanh, Nguyễn Văn Thước, Trần Văn Bốn, Nguyễn Văn Lự... tự nguyện đứng tên trong dòng họ mới - họ Cù. Họ Cù mang ý nghĩa như con Cù Long đào hang dưới đất, để bảo toàn lực lượng và đánh địch. Phương pháp là đào địa đạo từng khúc giống như đào hầm từng toa xe lửa đứt đoạn. Từ hai điểm, hai tổ (mỗi tổ hai người) đào dần, gặp nhau ở điểm giữa. Đất đào lên được mang đổ xuống ruộng thấp, vun thành vồng khoai, vồng sắn hoặc đổ lên bờ hào giao thông đào công khai hoặc rải đều trên mặt đất. Một đường địa đạo ở Phú Thọ Hòa có chiều dài gần 600 mét, từ Lộc Hòa nối đến ấp Phú Thạnh và Bình Đông, trở thành nơi ém quân hoặc đứng chân của nhiều cán bộ quân dân chính Đảng hoạt động nội thành.

*(Theo sách lịch sử Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định
kháng chiến 1945 - 1975 - NXB TP HCM 1994)*

TỪ CẢM TỬ QUÂN ĐẾN QUYẾT TỬ QUÂN

Khi đại bộ phận nhân dân và các lực lượng vũ trang Sài Gòn, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban nhân dân Nam Bộ bất hợp tác với địch, rút ra khỏi thành phố tạo thành một thế bao vây địch, thì dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, công nhân, học sinh, thanh niên nam nữ, lớp nghèo thành thị và một số trí thức với lòng căm thù cao độ quân giặc cướp nước, đã nhanh chóng tổ chức lại thành những đội "Cảm tử quân", những "Ban trinh sát", những "Ban công tác", với một lời thề sắt son, "diệt địch ngay trong tim gan chúng".

Tháng 12 năm 1945, đòn phủ đầu địch choáng váng nhất là trận em Lê Văn Tám, một mình phá tan thành bom đạn Thị Nghè. Đây là kho đạn cũ của Pháp ở sát ngay vườn Bách thú Sài Gòn, sau lưng là kinh Thị Nghè, trước mặt là Đài Phát thanh, xung quanh có hào sâu, tường cao trên 2 mét, mặt tường chằng dây kẽm gai chạy điện và một hệ thống tháp canh. Một đại đội Âu phi ngày đêm canh gác cẩn mật. Em Tám được đội Cảm tử giao nhiệm vụ điều tra nghiên cứu những nơi chứa bom đạn bên trong kho. Sau một thời gian dài, khi giả câu cá bên sông, khi cắt cỏ quanh kho quan sát, Tám đã nắm được những nơi xung yếu chứa bom đạn. Nhưng việc dắt đội cảm tử của ta lọt được vào bên trong là một vấn đề nan giải. Tám quyết định làm một mình. Với một chai ét xăng, một bao diêm, em Tám đã lừa lính gác lọt được vào kho. Và vừa chạy vừa tưới xăng vào quần áo châm lửa đốt mình, em Tám đã tự biến mình thành cây đuốc sống. Em lao mình vào nơi xung yếu nhất. Một tiếng nổ long trời lở đất, tiếp theo là những tiếng nổ liên tiếp. Em Tám đã hy sinh nhưng kho bom đạn địch đã tan tành. Cả đại đội Âu phi bị diệt. Đài phát thanh bên kia đường bị sập một phần lớn. Gương hy sinh của em Tám đã khích lệ nhân dân Sài Gòn siết chặt hàng ngũ đứng lên giết giặc cứu nước.

Đầu năm 1945, chị Nguyễn Thị Lan tức Lan Mê Linh, lúc ấy mới chỉ là một học sinh 16 tuổi, đã nổ phát súng trừ gian đầu tiên hạ tên Việt gian bồi bút Hiền Sĩ giữa ban ngày tại chợ Bến Thành đông đúc. Hiền Sĩ là chủ nhiệm tờ báo phản động "Phục Hưng" vừa làm gián điệp, vừa làm cái loa chống cách mạng chia rẽ Bắc Nam theo lệnh Pháp. Chính ta lên án tử hình hắn. Lan Mê Linh được giao nhiệm vụ thi hành bản án ấy. Sau một thời gian theo dõi hoạt động của hắn, Lan quyết định phải bắn gục hắn ngay chỗ đông người để trấn áp bọn Việt gian bán nước khác. Hôm ấy chị thủ một cây súng lục 6 ly 35, theo bên gót hắn từ tòa báo đi ra. Đến góc đường Bô-na đối diện chợ Bến Thành, Lan bình tĩnh rút súng, nổ liên tiếp 4 phát vào Hiền Sĩ. Hắn ôm ngực lão đảm gục ngã thoi thóp. Lan định kết liễu đời hắn bằng viên đạn cuối cùng. Nhưng đạn bị kẹt. Lan trở tay lấy băng súng đập vào thái dương hắn. Bọn lính mũ đỏ đậu xe ở bên kia đường ập đến. Lan không kịp lẩn vào đám đông. Chị bình tĩnh bỏ súng vào túi xách, trước sự khâm phục của những người chứng kiến hôm ấy.

Vụ án Hiền Sĩ chưa mấy người quên thì giữa năm 1946 anh Nguyễn Đình Chính - mà anh em thường gọi là Chính Heo - đã giết tên Hiền giữa ban ngày tại nhà hắn ở đường La-gơ-răng-đi-e gần chợ Bến Thành. Đây là một tên phản bội cách mạng đã dẫn giặc đi lùng sục các cơ sở của ta ở nội thành, chỉ cho giặc bắt cán bộ. Hắn được bọn địch bảo vệ chu đáo, đi đâu cũng có mấy tên hộ vệ có vũ trang kè kè bên cạnh và nhà hắn thì thường xuyên có bọn chó săn canh gác. Hắn bị Chánh quyền cách mạng kết án tử hình, bản án được giao cho Ban trình sát thi hành. Giết tên Hiền mà không gây tiếng nổ không phải là một việc dễ làm trong tình hình hắn được bảo vệ chu đáo. Anh Chính đã nhận làm việc khó khăn ấy. Anh cùng hai đồng đội ăn mặc sang trọng, thủ dao găm trong người giả làm bạn thân đến chơi với hắn. Chính cùng đồng đội đã đột nhập được vào nhà tên Hiền, dùng dao găm hạ thủ hắn mà hắn không kêu được một tiếng. Xong việc Chính và đồng đội lại ung dung đi ra, bọn hộ vệ của tên Hiền tuyệt nhiên không hay biết gì cả.

1946 trong tình hình ta và Pháp ký Hiệp định sơ bộ 6 tháng 3, hội nghị trù bị Đà Lạt và hội nghị Phông-ten-bơ-lô ở Pháp đã tác động vào tinh thần binh lính Pháp ở Việt Nam, bọn Việt Gian lại càng hoang mang, dao động. Đảng chủ trương tận dụng tình thế

thuận lợi này mà tấn công mạnh vào kẻ thù, ra sức củng cố và phát triển lực lượng của ta. Riêng đối với Sài Gòn, vào mùa thu năm ấy, một hội nghị trên 60 cán bộ trường Quân chính được phái từ chiến khu về hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang ở nội thành đã nhóm họp tại một khách sạn lớn ở Chợ Lớn. 13 đội tự vệ đã được thành lập ở các quận, hộ, các xí nghiệp và các sở của địch ở Sài Gòn. Các đội tự vệ này đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của Ban chỉ huy Thành đội tự vệ Sài Gòn Chợ Lớn. Bên cạnh các Đội Cảm tử, các Ban công tác thì đây là một đơn vị có tổ chức thống nhất đầu tiên của Sài Gòn. Các đội tự vệ lập chiến công đầu để chào mừng ngày 20 tháng 12 năm 1946. Cả 13 đội Tự vệ, được phân chia khu vực hoạt động rõ ràng, đã cùng một giờ tấn công bằng lựu đạn vào tất cả các đồn cảnh sát, các trại lính của địch trong thành phố. Đây là một lời cảnh cáo đanh thép của Sài Gòn đối với giặc Pháp phản bội Thỏa Hiệp án 14-9 năm ấy còn chưa ráo mực.

1947, anh Võ Hồng Tâm trong đội tự vệ "Hóc môn" đã táo bạo giết chết tên đại tá Anh - phen ngay tại "khách sạn các Quốc gia" trên đại lộ Sác-ne. "Anh-phen" là tên Ủy viên cộng hòa Pháp ở Lào. Hắn thường về Sài Gòn bàn bạc kế hoạch đánh chiếm Lào. Mỗi lần về Sài Gòn hắn đều ăn ở tại khách sạn trên. Hắn ít ra đường, thậm chí hớt tóc cạo mặt hắn cũng cho gọi thợ cạo vào khách sạn. Võ Hồng Tâm, chiến sĩ Tự vệ Thành của ta, làm nghề hớt tóc dạo để theo dõi địch. Thấy thời cơ hiếm có để giết một tên địch lợi hại, anh đề nghị ban chỉ huy cho anh đi trừ khử tên giặc xâm lược. Sau khi bàn bạc kế hoạch, ban chỉ huy giao cho anh một súng lục. Anh chờ ngày đến giết tên đại tá, nhưng do có công tác đột xuất khác, ban chỉ huy tạm rút cây súng đã giao cho Tâm. Chính lúc không có súng trong tay lại là lúc người của khách sạn gọi anh đến. Thông qua đường dây bí mật để lấy súng không kịp rồi. Tâm đành thu xếp đồ nghề đến khách sạn, lòng nặng trĩu mối thất vọng để xỏng mất tên sĩ quan cao cấp ấy. Trong phòng tên Anh-phen, Tâm vừa hành nghề vừa đắm chiêu suy nghĩ. Nhưng cái khó lại ló cái khôn. Trong khi anh cạo mặt cho tên Anh-phen hắn ngửa cổ đôi mắt lim dim. Võ Hồng Tâm vụt nảy ra một ý định vô cùng táo bạo. Nhanh như chớp anh đã dùng ngay con dao cạo đang cầm ở tay hạ sát tên thực dân. Thằng tây không kịp kêu được một tiếng. Tên Anh - phen đền tội trên vũng máu lênh láng. Anh-phen bị xử tội không những làm bọn xâm lược ở Việt Nam kinh hoàng mà dư luận báo chí ở Pháp cũng mô tả một sách rùng rợn.

Hoạt động vũ trang của ta ở Sài Gòn ngày càng mạnh thì định bố phòng thành phố càng chặt. Mặt khác chúng ra sức càn quét các vùng ngoại ô tiêu diệt các lõm căn cứ của các đơn vị Sài Gòn. Việc giữ vững đường liên lạc giữa nội và ngoại thành và bảo vệ các lõm căn cứ của mình trong tình hình này đã trở thành một vấn đề cấp bách. Mỗi đơn vị đã buộc phải thành lập những lực lượng tập trung của mình, 1 tiểu đội, 2 tiểu đội, thậm chí 1 trung đội trang bị bằng súng của địch chuyển từ Sài Gòn ra: tiểu liên, súng trường, trung liên và cả súng cối nhẹ. Những đơn vị tập trung này đã có nhiều thành tích chống càn bảo vệ căn cứ, đảm bảo đường dây thông suốt. Nhưng cũng như những hoạt động của các đơn vị nội thành, hoạt động của các đơn vị trên còn rời rạc lẻ tẻ. Đảng chủ trương tập trung các lực lượng lại mới tăng thêm sức mạnh diệt định. Cuối 1947, các Ban công tác và các đội Tự vệ thành đã được thống nhất lại thành 10 Ban công tác Thành, đặt dưới sự chỉ huy chung. Trong khi đó các đơn vị vũ trang tập trung được gom lại thành 3 tiểu đoàn (các tiểu đoàn Hoàng Văn Thụ, Ngô Gia Tự và Kỳ Con). Và trung đoàn Phạm Hồng Thái được thành lập.

Việc thống nhất 10 Ban công tác và Đội tự vệ, việc thành lập Trung đoàn Phạm Hồng Thái là một bước phát triển có tầm quan trọng chiến lược đối với Sài Gòn. Các chiến sĩ Sài Gòn rất tin tưởng và phấn khởi. Nó được đồng bào Sài Gòn nhiệt liệt hoan nghênh và ra sức nuôi dưỡng. Đây là bước phát triển tất yếu, vì bên cạnh các lực lượng dân quân thì bộ đội địa phương (các Ban công tác và các đội Tự vệ thành) phải chuyển lên chủ lực. Trung đoàn Phạm Hồng Thái là đơn vị chủ lực đầu tiên của Sài Gòn làm nhiệm vụ bảo vệ cứ của các cơ quan lãnh đạo Sài Gòn đóng ở ngoại thành chủ động hỗ trợ và phối hợp đặc lực cho các hoạt động chiến đấu ở nội thành.

Việc thống nhất 10 Ban công tác Thành và việc thành lập Trung đoàn Phạm Hồng Thái còn mở ra một khả năng phát triển to lớn của các lực lượng vũ trang Sài Gòn. Khả năng trang bị hậu cần cũng khá dồi dào, phần lớn từ nội thành chuyển ra. Một số xưởng cơ khí của địch ở nội thành được sử dụng làm cơ sở tạo vũ khí (mìn đặt trong bút máy, lựu đạn bằng bột lửa, súng lục bắn một phát, súng phóng tên sắt tẩm thuốc độc...).

Ở ngoại ô, từ những tổ xưởng sửa chữa vũ khí riêng lẻ của từng Ban công tác, đã xây dựng được một công binh xưởng vừa sửa chữa vũ khí, vừa sản xuất đạn dược, đúc lấy lựu đạn thích hợp phục vụ cho hoạt động trong nội thành. Trường Quân chính của 10 Ban công tác cũng được thành lập. Những lớp ngắn hạn 30 ngày nối tiếp nhau đã bổ túc, đào tạo và tung về nội thành hàng trăm cán bộ và chiến sĩ, tạo một khả năng to lớn cho sự phát triển các lực lượng vũ trang về lượng và cả về chất.

Việc thống nhất 10 Ban công tác và thành lập Trung đoàn Phạm Hồng Thái đã làm tiền đề cho việc thành lập Bộ Tư lệnh khu Sài Gòn Chợ Lớn vào cuối năm 1948 với việc biên chế 10 Ban công tác thành Tiểu đoàn Quyết tử 950 và thành lập Đặc khu Sài Gòn Chợ Lớn năm 1950 với Quân đoàn Thành Hồ Chí Minh làm lực lượng xung kích.

Ngay sau khi thành lập, trung đoàn Phạm Hồng Thái đã phát huy đầy đủ vai trò chủ lực của mình. Ngoài trận đánh thống nhất trong đêm cả hệ thống phòng vệ của địch quanh Sài Gòn Chợ Lớn - Tân Sơn Nhất, Tham Lương, Phú Thọ, Rạch Rít, Hộ 17 trận chống càn bảo vệ căn cứ các cơ quan Sài Gòn ở Kinh Bà Dụ và trận đánh chống càn ở Láng Le ngày 18 tháng 4 năm 1948 là vô cùng dũng cảm.

Láng Le là căn cứ của các cơ quan lãnh đạo thành Sài Gòn của ta lúc bấy giờ. Đây là một vùng ngoại ô Sài Gòn Chợ Lớn, một vùng đồng ruộng có kinh rạch xen kẽ. Sau đêm ta đánh ở nội thành, địch tổ chức càn quét Láng le trả đũa hòng phá tan căn cứ lãnh đạo Sài Gòn của ta. Mặc dù vừa phải chiến đấu đêm trước, các đơn vị của Trung đoàn Phạm Hồng Thái vẫn tỉnh táo đề phòng địch tấn công. Thật vậy, từ mờ sáng quân địch đại bộ phận là Âu phi đã từ nhiều phía, có tàu chiến, xe lội nước, pháo binh và phi cơ yểm trợ, tiến vô bao vây khu vực Láng Le. Địch vô tới đâu các đơn vị của ta nhanh chóng vận động chặn địch đến đó, bước đầu gây cho chúng một số thiệt hại. Địch vẫn cố thắt chặt vòng vây. Quân ta phản công quyết liệt. Nhằm các cánh quân yếu nhất của địch, các đơn vị của Trung đoàn Phạm Hồng Thái đã tập trung hỏa lực chọc thủng vòng vây. Bọn địch hốt hoảng, lớp buông súng đầu hàng, lớp bỏ vũ khí chạy thục mạng, xác giặc ngổn ngang khắp chiến địa. Ta đã tiêu diệt trên 300 lính Âu phi, bắt sống nhiều tù binh và thu nhiều vũ khí bổ sung thêm cho đơn vị. Trong

trận chiến đấu vô cùng ác liệt nổi lên một ngôi sao sáng, đó là cây súng Nguyễn Hữu Mai. Mai phụ trách một cây trung liên "Bơ-ren". Họng súng của Mai không ngớt khắc đạn rất chính xác, quạt hết phía này sang phía khác, quay đến đâu quân giặc đổ rạp đến đó. Mai đã hy sinh anh dũng. Để nhớ đến anh, sau trận ấy trung đoàn đã đặt tên cho cây súng của anh là "Cây súng Nguyễn Hữu Mai".

Cuộc chiến đấu đầy nguy hiểm của Sài Gòn không chỉ có nam giới gánh vác mà phần đóng góp của phụ nữ Sài Gòn cũng không nhỏ. Họ là thợ thủ công, họ là những học sinh lứa tuổi 15 - 16. Họ là những giao liên đắc lực nhất. Họ là những cán bộ vận động binh sĩ địch. Hay còn là những trinh sát viên xuất sắc. Tất cả đã noi gương anh dũng của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, của những tiếng súng đầu tiên của Lan Mê Linh đi trước, đầu năm 1946. Một trung đội gái, trung đội "Minh Khai" được thành lập. Ngay sau khi ra đời, Trung đội đã lập được nhiều chiến công xuất sắc. Đó là các trận đánh lựu đạn trong các rạp chiếu bóng Cà Thày và A-xam diệt một số binh sĩ Pháp. Nhưng chiến công vang dội nhất là trận đánh lựu đạn trong các rạp chiếu bóng Ma-giét-xtích trên đường Ca-ti-na. Đây là một rạp chiếu bóng sang trọng của Sài Gòn. Địch bảo vệ rạp này khá cẩn mật. Cửa ra vào được bao thêm một lần lưới mắt cáo chắc chắn. Trong giờ chiếu có một tiểu đội hiến binh người Pháp canh gác. Bên ngoài, một bầu mật vụ nguy thường xuyên lảng vảng dò xét từng người đi đường và người đến xem bằng những con mắt cú vọ chuyên nghiệp. Khán giả trước khi vô rạp bị khám xét kỹ lưỡng. Trung đội Minh Khai đã nhiều lần cử đội trinh sát của mình vô rạp nghiên cứu để đặt kế hoạch chiến đấu.

Tổ trinh sát báo tin ngày 10 tháng 6 năm 1948, khoảng 30 sĩ quan tham mưu Pháp sẽ đến dự tiệc tại nhà một tên đại tá và sau đó sẽ cùng nhau đến rạp Ma-giét-xtích xem chiếu bóng. Bộ phim hôm ấy nhan đề "Giã từ người yêu". Tổ trinh sát có báo cáo rõ vị trí bọn này sẽ ngồi trong rạp. Thời cơ lập công to đã đến. Trung đội cấp tốc kế hoạch chiến đấu. Bốn chị Huệ, Thanh, Dung và Huệ xung phong ra trận. Họ là những nữ thanh, học sinh sần sần lứa tuổi. Huệ thợ may, lớn nhất, chưa đầy 20 tuổi. Đúng theo kế hoạch, 4 chị ăn bận thật sang, thủ lựu đạn, vừa nhai kẹo vừa cười nói ngả nghiêng với mấy tên sĩ quan địch. Thật bất ngờ đối với bọn mật vụ và bọn hiến binh: lựu đạn đã lọt được vô trong rạp. Mỗi chị ngồi ở một vị trí đã định. Đúng

giờ nổ, trong lúc khán giả đang mê say theo dõi trên màn bạc, bốn chị làm ám hiệu cho nhau, cùng rút chốt lựu đạn, hất ngược vũ khí về phía các hàng ghế thượng hạng đằng sau mình. Mấy tiếng nổ long trời lở đất. Xác bọn sĩ quan Pháp nằm la liệt, máu chảy thành vũng. Hai chục tên chết, 50 tên bị thương. Địch đã phải đem xe đến chở xác cả mấy tiếng đồng hồ. Kết quả trận đánh đã làm bọn địch ở Sài Gòn kinh hãi và dư luận báo chí bên Pháp xôn xao bàn tán rất nhiều.

Nếu trận đánh lựu đạn rạp Ma-giét-xtích là một trận đánh bố trí chu đáo thì năm 1950 vụ ám sát tên Đơ-la Sơ-vrô-chi-e trên đường phố lại là một trận kiểu mẫu tên thực dân cáo già sống ở Việt Nam khá lâu, một gián điệp cao cấp lợi hại của bọn thực dân thời ấy. Giết hắn là một yêu cầu trước mắt của ta. Đối với một tên cáo già đầy cảnh giác, việc hạ thủ hắn không giản đơn. Các chiến sĩ Quyết tử quân Sài Gòn của ta đã có lần giết hụt hắn. Từ sau lần đó hắn càng đề phòng chu đáo hơn. Các quyết tử quân của ta vẫn bám sát hắn, quyết tâm diệt cho được tên cáo già. Sau một thời gian theo dõi nghiên cứu, nắm được những quy luật đi lại mới của Đơ-la Sơ-vrô-chi-e, nhất là những lần hắn từ "khách sạn Công-ti-năng-tan" ra xe hơi về nhà. Một kế hoạch chiến đấu được vạch ra thật tỉ mỉ. Rút kinh nghiệm lần trước, lựu đạn các quyết tử quân ta sử dụng lần này được cắt ngắn ngòi để có thể nổ ngay trong 2-3 giây đồng hồ. Đúng theo kế hoạch, khi tên Đơ-la Sơ-vrô-chi-e xuất hiện ở cửa khách sạn lên xe ra về, các chiến sĩ quyết tử của ta đoạt một xe hơi của sứ quán Mỹ đậu gần đó đuổi theo.

Trên xe của sứ quán Mỹ, ngoài chiến sĩ lái xe còn có một quyết tử quân làm nhiệm vụ liệng lựu đạn sang xe tên cáo già và một người nữa thủ một tiểu liên để bắn khống chế bọn cảnh sát trên đường. Trong khi đó ở góc đường Et-xpa-nhơ và Pôn-lăng-si một tổ quyết tử quân của ta, trang bị lựu đạn ở lề đường, nổ máy thường trực để yểm trợ và chờ đón các chiến sĩ chủ công của ta. Khi xe tên Đơ-la Sơ-vrô-chi-e đến ngang trụ sở Tòa Đô chính Sài Gòn thì xe của quân ta vượt ngang xe hắn. Một việc mà tên cáo già không ngờ đến là một trái lựu đạn đã từ chiếc xe mang biển sứ quán Mỹ ấy tung qua xe hắn. Một tiếng nổ long trời. Xe quân ta đã vượt khỏi xe hắn và rút lui theo kế hoạch đã định. Chiếc xe của tên thực dân bị mất đà loạng choạng rồi gục bên lề đường. Tên Đơ-la Sơ-vrô-chi-e lần này đã đền tội, kết thúc

cuộc đời mấy chục năm tội ác của hắn ở Đông Dương. Bọn cảnh sát trên đường phố nghe tiếng nổ đã hết hồn tán loạn chạy trốn.

Chiến công nối tiếp chiến công, những chiến sĩ cảm tử của Sài Gòn đã tung hoành trong sào huyệt địch để tiêu diệt chúng, góp phần vào thắng lợi hiển hách của cả dân tộc ta, đánh bại bọn thực dân xâm lược Pháp.

(Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh - NXB SGGP - 1975)

CUỘC XUỐNG ĐƯỜNG CỦA HỌC SINH SINH VIÊN NGÀY 9/1/1950

Vừa bước vào những ngày đầu năm 1950 không khí đấu tranh đã bắt đầu sôi sục. Công nhân bãi công. Người buôn bán bãi thị. Học sinh một số trường bãi khóa đòi bọn cầm quyền phải giải quyết những yêu sách thiết thân. Hoảng sợ, bọn xâm lược Pháp và nguy quyền tay sai đã phải đóng cửa các trường học. Chúng sợ học sinh tập trung. Học sinh đã nhiều lần đưa kiến nghị đòi chúng mở lại cửa trường, nhưng chúng chỉ hứa suông. Phải xuống đường, dùng bạo lực chính trị buộc quân thù nhượng bộ. Và sáng ngày 9-1-1950 hàng ngàn học sinh các trường trung học Sài Gòn đã tập trung trước cửa Nha học chính đòi tên Nguyễn Thành Giung, giám đốc Nha phải mở lại cửa trường. Giung lẩn tránh và sau đó hứa sẽ báo cáo lên "cấp trên" của hắn. Thế là đội ngũ chính tề, học sinh kéo nhau lên dinh Thủ Hiến Nam phần. Đoàn biểu tình đi đến đâu thì phụ huynh học sinh, công tư chức, người buôn bán bỏ việc đi theo hỗ trợ cho con em mình đến đó.

Đoàn biểu tình đã vượt qua nhiều hàng rào cảnh sát nhiều chương ngại vật để đến dinh Thủ Hiến. Đến ngang tòa Đô chính đã 8 giờ. Cảnh sát được tăng cường hùng hổ chặn đoàn người lại. Học sinh liền tổ chức thành các đội xung kích chọc thủng hàng rào cảnh sát để tiến lên. Một cuộc xô xát dữ dội. Sẵn đồng đá sửa đường anh em học sinh dùng làm vũ khí. Công nhân, công chức trong tòa Đô chính đổ ra đường chuyển đá cho anh em, cuộc chiến đấu rất ác liệt. Đã có một số học sinh bị bắt và một số khác bị thương đoàn người vẫn quyết tâm vượt lên phía trước.

Tại dinh Thủ Hiến anh em buộc chúng phải cứu chữa số bị thương, mở lại cửa trường cho học sinh đi học, chấm dứt khủng bố học sinh và trả tự do cho những người bị bắt. Bọn cầm quyền cho đóng cổng dinh và chuẩn bị đối phó. Lực lượng cảnh sát của chúng

được lệnh tăng cường. Học sinh quyết siết chặt hàng ngũ tụ lại trước dinh. Các biểu ngữ nêu yêu sách của học sinh được giương lên. Từng chập, từng chập các khẩu hiệu được hô lên vang dội, làm áp lực đòi tên Thủ hiến phải tiếp đại biểu học sinh. Người ta đổ đến càng lúc càng đông, vừa tiếp sức đấu tranh, vừa gồng gánh món ăn, thức uống đến phân phát cho anh em. Không khí thật náo nhiệt. Thế của quần chúng dâng lên cao.

Cuối buổi, tên chánh Văn phòng Thủ hiến ra tiếp xúc với học sinh, mời một số đại biểu học sinh vô dinh thương lượng. Để hỗ trợ cho đoàn đại biểu và uy hiếp tinh thần bọn ngụy quyền, học sinh bên ngoài không ngớt hô khẩu hiệu vang cả một góc trời. Nửa giờ sau đoàn đại biểu trở ra thông báo kết quả thương lượng. Các yêu sách đã được chấp nhận: trường học sẽ mở cửa lại, các trường hợp anh em bị bắt sẽ được xem xét. Anh em đòi phải có văn bản, phải thả ngay số học sinh bị bắt, anh em mới giải tán. Bọn địch ngoan cố không chịu cam kết. Học sinh quyết lại tiếp tục đấu tranh cho đến thắng lợi. Lều vải được dựng lên trên bãi cỏ ngoài cửa dinh để anh em nghỉ trưa lấy sức.

Sự việc đã được báo lên tên tướng Săng-xông, lúc đó là ủy viên Cộng hòa Pháp tại Nam phần. Hắn chỉ thị không nhượng bộ. Chiều hướng cuộc thương lượng thay đổi đột ngột. Khoảng 3 giờ chiều, binh lính và cảnh sát vũ trang được tăng cường thêm. Hàng ngũ học sinh vững chãi hơn, đúng 3 giờ 47 phút địch từ trong dinh bắt thần nổ súng vào đoàn học sinh và hàng trăm binh lính cảnh sát tung cửa xông ra. Dùi cui giáng xuống như mưa. Những cuộc vật lộn, những cuộc đuổi bắt diễn ra, nhiều em học sinh ngã xuống và được đồng bào dìu về nhà băng bó. Một số khác bị bắn chết và mất xác. Trần Văn Ổn bị thương nặng kịp thời được đưa vào nhà thương Chợ Rẫy. Số còn lại nhanh chóng tập hợp thành đội ngũ kéo về khu chợ Bến Thành hô vang khẩu hiệu "Đả đảo bọn khùng bố giết người!" "Đả đảo thực dân Pháp" "Đả đảo bọn Việt gian bán nước" "Tinh thần đấu tranh của học sinh bất diệt".

Máu của học sinh đã đổ, uất hận dâng cao. Cuộc đấu tranh đã chuyển sang một thể mới, quyết liệt hơn, rộng rãi hơn của những ngày tiếp đó.

(Theo sách - SG-TPHCM NXB SGGP tái bản 1975)

CUỘC BIỂU TÌNH CHỐNG MỸ 19/3/1950

Những cơn bão táp đầu năm 1950 báo hiệu sự sụp đổ của giặc Pháp ở toàn cõi Đông Dương. Trước thế yếu đó của giặc Pháp, đế quốc Mỹ thừa dịp nhảy vào. Chúng đã cho hai chiếc chiến hạm vào cập bến cảng Sài Gòn. Rõ ràng là một hành động khiêu khích láo xược của đế quốc Mỹ đối với nhân dân ta. Nhân dân Sài Gòn tức thì tỏ thái độ. Một kế hoạch đấu tranh chu đáo đã được vạch ra.

Đêm 18 rạng 19-3-1950, bọn Mỹ - Pháp hí hửng mở tiệc chiêu đãi nhau trên tàu. Bất đồ một loạt đạn súng cối từ vùng Thủ Thiêm đối diện với quân cảng rớt xuống đúng chỗ hai chiến hạm Mỹ. Một số thiết bị trên tàu bị hư hại. Đây là lời cảnh cáo đanh thép đầu tiên của nhân dân Sài Gòn. Ai cũng nức lòng phấn khởi.

Sáng sớm ngày 19-3-1950 quần chúng đủ các giới từ khắp nơi tập nập kéo đến trường Tôn Thọ Tường cạnh chợ Bến Thành để nghe Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, lúc đó là trưởng phái đoàn các giới, nói chuyện và sau đó sẽ diễn hành chống Mỹ.

Địch chuẩn bị đối phó, tên cảnh sát trưởng Trần Văn Tư đứng ra chỉ huy. Hàng mấy trăm tên nai nịt gọn gàng, lập thành một vòng đai ngăn không cho đồng bào đổ vào sân trường. Nhưng đồng bào đã tổ chức từng mũi xung kích phá đứt từng đoạn cảnh sát tràn vào.

Địch tăng viện. Hàng chục xe lính viễn chinh và cảnh sát Pháp đeo mặt nạ kéo đến cổng trường ồ ạt đổ quân xuống. Tình hình trở nên cực kỳ căng thẳng, nhưng cũng chỉ một loáng, bốn tầng gác của trường Tôn Thọ Tường đã đầy áp người. Biểu ngữ đã nhanh chóng xuất hiện ở khắp các tầng. Người ta thấy khẩu hiệu của công nhân các hãng Brôt-xa Mô-panh, BGI. Mi-tắc, Luy-xi-a, Ba-xtô, nhà đèn Chợ Quán, Hỏa xa Sài Gòn, biểu ngữ của công chức Bưu điện, Tòa Đô chính, sở Công chính, sở Địa chính, Đông Dương ngân hàng. Người ta

còn thấy biểu ngữ các khu phố, các chợ... Đường như không xí nghiệp nào, không cơ quan nào thiếu mặt.

Rồi một khẩu hiệu lớn nhứt, nổi nhứt, chữ vàng trên nền đỏ "Đả đảo bọn can thiệp Mỹ!" xuất hiện. Một việc nữa mà không ai ngờ: trên tầng gác cao của nhà trường xuất hiện một lá cờ đỏ sao vàng chói lọi, phần phật tung tay trước gió. Quần chúng hoan hô dậy trời. Những lồng ngực như muốn vỡ ra. Cả sân trường như muốn bung rộng. Hàng loạt khẩu hiệu được hô lên:

Đả đảo bọn can thiệp Mỹ! Đế quốc Mỹ cút đi! Đả đảo bọn thực dân Pháp cướp nước! Đả đảo bọn Việt gian bán nước! Tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Việt Nam bất diệt!

Một người hô, cả vạn, cả chục vạn người đáp lại như sấm động cả một góc trời. Thế rồi từ trên các tầng gác, cả ngàn, cả vạn cờ bướm bước đỏ chói óng ánh sao vàng được tung xuống. Bọn cảnh sát nguy hoảng sợ dẫn ra, bọn lính và cảnh sát Pháp đeo mặt nạ ào tới ném hàng trăm lựu đạn cay vào giữa đám đông. Khói tỏa mịt trời. Như một làn sóng, quần chúng tràn ra cửa. Và chỉ cũng trong có mấy phút đoàn người đông đảo cũng đã thoát ra hết cổng sau tập trung trên đường Cô-lô-nen Gri-mô. Đa số là thanh niên quần xanh sơ mi trắng, lập tức ba cây cờ đỏ sao vàng lớn, lớn lắm, được giương lên dẫn đầu đoàn biểu tình chống Mỹ. Đoàn tiến về phía chợ Bến Thành chia thành nhiều cánh kéo qua các đường Bô-na, E-spa-nhơ, La-grăng-đi-e, Véc-doong v.v... Mỗi cánh có hàng vạn người, đi đến đâu quần chúng trên đường trên phố lại nhập thêm vào đến đấy. Riêng ở chợ Bến Thành quần chúng các ngả tới tấp đổ vào Bôn binh chặn xe Pháp lại. Một xe nhà binh có dăm bảy tên lính Pháp đi chợ lấy thực phẩm bị quần chúng cản lại. Tên Pháp lái xe hoảng hốt, lạng tay lái leo lên cả lề đường, xe nghiêng hẳn một bên. Bọn lính Pháp hết hồn nhảy ào xuống co giò chạy biệt. Xe bị đốt cháy rụi.

Trong phút chốc hàng trăm chương ngại được dựng lên bằng ghế đá, bàn ghế, cánh cửa, bằng xác xe hơi. Quần chúng chặn cả một đoàn xe lửa chở củi từ cảng về ga, quăng củi xuống đường, võ trang cho đoàn người tự vệ.

Bọn lính Pháp đeo mặt nạ đã lại từ trường Tôn Thọ Tường kéo đến Bồn binh liên tiếp ném lựu đạn cay vào quần chúng, có cả tiếng súng nổ. Đồng bào khiêng chum, vại, thùng ra đường đổ đầy nước lã, đem hàng chồng khăn mặt cho anh chị em thấm nước lau mắt chống khói lựu đạn. Ai cũng bỏ cả việc nhà tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Quần chúng làm chủ tình hình ở Bồn binh từ sáng đến gần trưa. Các đoàn ở các cánh khác vẫn rầm rập kéo đi trên mấy đường phố lớn Bô-na, E-xpa-nhơ, Ca-ti-na. Qua mấy công sở có treo cờ Pháp và Mỹ, quần chúng leo lên giật cờ xuống xé nát.

Trước tòa Đô chính có chiếc xe gíp chạy ngang đoàn biểu tình, trong xe tên sĩ quan Pháp - sau này mới biết hắn là tên thiếu tá Perri-ơ - dám láo xược thò tay giật cây cờ của ta xuống. Lập tức quần chúng chặn xe hắn lại. Anh em vọt lên xe lôi cổ hắn xuống. Mấy nhát dao găm đã kết liễu đời hắn. Chiếc xe của hắn bị lật ngược và đốt cháy tại chỗ. Trên đường Sác-ne, một số thủy thủ Mỹ dưới tàu lên bờ chơi nghênh ngang trên hè phố liền bị quần chúng rượt đánh cho chúng một trận tơi bời. Chúng co giò tháo chạy xuống tàu, đóng cửa và rút thang trốn biệt. Ngay chiều hôm ấy - 19-3-1950 - hai chiến hạm Mỹ đã nhục nhã kéo neo cút thẳng, hủy bỏ cả chương trình thăm viếng tiệc tùng đã dự định.

Ngày 19-3 đã được chọn làm Ngày toàn quốc chống Mỹ. Với khí thế của những ngày 9-1, 12-1, 19-3 nhân dân Sài Gòn tiếp tục đấu tranh chống khủng bố đàn áp chống bắt bớ giam cầm những người yêu nước. Hàng loạt các cuộc đình công, đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống phạt vạ, chống cúp lương diễn ra liên tục nổi bật nhất là cuộc bãi công ngày 18-1950 của công chức các sở Ngân khố, Công chính, Bưu điện, Ngân hàng, Đô chánh.

Nhân dân Sài Gòn đã từng sống những ngày sôi động nhất và có quyền tự hào chính đáng với những thành tích của mình.

(Theo sách SG TP. HCM - NXB SGGP tái bản 1975)

CUỘC ĐÀN ÁP CỦA THỰC DÂN PHÁP TRONG NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Đế quốc Pháp mong muốn dập tắt cuộc nổi dậy của nhân dân Nam Kỳ từ trong trứng nước. Nhưng không xong, cuộc khởi nghĩa vẫn cứ bùng nổ khắp các tỉnh! Chúng đã thẳng tay trấn áp, dìm cuộc khởi nghĩa của nhân dân Nam Kỳ trong biển máu. Ngày 23-11, toàn quyền Đông Dương đã gửi điện khẩn mật, ưu tiên tuyệt đối, số 5306 cho các cấp dưới:

"Tôi yêu cầu kiên quyết thi hành ngay tức khắc bằng tất cả những biện pháp nghiêm ngặt, để tránh lặp lại những sự cố như đã xảy ra ở Nam Kỳ".

Kinh nghiệm những sự kiện cộng sản năm 1930 - 1931 mà một số cuộc biểu tình mang dáng dấp như đã nổ ra ngày 23-11.

"Các ngài hãy dùng quyền lực và an ninh thi hành ngay tức khắc những biện pháp có hiệu lực. Cần phải đuổi những tên cầm đầu quân phiến loạn Nam Kỳ và bắt chúng không thương tiếc và những tên đã bị giam giữ tuyệt đối không cho liên lạc với bên ngoài..."

Hai ngày sau y điện (số 5323) tiếp:

"... Việc đàn áp phải tiến hành hết mức. Yêu cầu sử dụng rộng rãi quân đội và hải quân... cho đến khi nào làm chủ hoàn toàn tình thế".

Ngày 1-12, y lại điện (số 5489) nhắc Thống đốc Nam Kỳ ở "... Cần dùng tối đa các biện pháp và bóp nghẹt không thương tiếc bọn phiến loạn".

Từ ngày 10 tháng 12 năm 1940, đích thân Toàn quyền đi "kinh lý" các tỉnh có quần chúng nổi dậy, trong đó có Gia Định, Chợ Lớn, để chỉ huy trực tiếp việc đàn áp.

Tuyên bố công khai trên báo chí, Decoux nói như sau: "Cuộc bạo động ấy (Nam Kỳ khởi nghĩa) các người vẫn biết là của cộng sản gây ra, nó đã bị đàn áp thẳng tay tức thì, vì cần phải như vậy.

Bốn chức đã chẳng dung thứ và cũng chẳng hề dung thứ trong tương lai cho một nhóm người phản nghịch nào cả gan quấy rối Xứ này là Xứ đã giao cho bốn chức giữ cuộc trị an".

Thống đốc Nam Kỳ đã ra lệnh thiết quân luật, huy động hải, lục, không quân, toàn bộ mật thám, cảnh sát, khố xanh, lính làng..., dùng vũ khí hiện đại, kể cả xe tăng, tàu chiến, máy bay, đàn áp cuộc nổi dậy của quần chúng hầu như chỉ bằng tay hoặc với vũ khí thô sơ.

Đế quốc Pháp cho đốt làng, đốt rừng, thả sức bắn giết, hãm hiếp, bắt bớ ném vào các nhà tù, các trại tập trung, không đủ chỗ thì trưng thu kho, các xà lan ở Cảng Sài Gòn để giam giữ...

Tên cò E. Betaille Trưởng đồn Bà Điểm như điên như dại gặp ai bắn nấy, giết người xong, cắt tai xỏ râu mang đến tỉnh lỵ Gia Định để khoe "chiến tích" không thua gì bọn phát xít Hítler đang gây tội ác trên đất Pháp và châu Âu.

Riêng khu vực bao gồm các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Biên Hòa, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, nhưng chủ yếu là ở Gia Định, Chợ Lớn từ ngày 23-11 đến 31-12-1940 theo báo cáo chính thức của Thống đốc Nam Kỳ thì chúng đã bắn 903 người chưa kể số chúng đã bắn giết, bị thương tại chỗ và số còn cần quét bắt sau ngày 31-12-1940. Đây là căn cứ báo cáo chính thức của Thống đốc Nam Kỳ, thật ra số này còn xa sự thật.

Chúng đã đánh chết đồng chí Tạ Uyên trong tù. Chúng đã xử tử cả những đồng chí bị bắt trước khi có chủ trương về khởi nghĩa như các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập...

Chúng đã xử tử:

Ở Ngã Ba Giồng (Hóc Môn): Đồng chí Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư Đảng; Đồng chí Phan Đăng Lưu - Ủy viên Thường vụ Trung ương. Ở Giếng nước (nay là bệnh viện Hóc Môn): Đồng chí Hà Huy Tập nguyên Tổng Bí thư; Đồng chí Võ Văn Tần - Ủy viên Trung ương; Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến - Ủy viên Trung ương; Đồng chí Nguyễn

Thị Minh Khai - Xứ ủy viên kiêm Bí thư Thành ủy. Ở thị trấn (rap hát Hóc Môn): Đồng chí Phạm Văn Xứng - Bí thư Huyện ủy; Đồng chí Đặng Công Bình - Chỉ huy khởi nghĩa huyện Hóc Môn. Ở tại chợ Hóc Môn: Phạm Văn Thêm, người Tân Phú Trung (Gia Định); Trần Văn Đức, người Tân Phú Trung (Gia Định); Võ Văn Kiệt, người Mỹ Thạnh Chợ Lớn, nhưng ở Tân Phú (Gia Định); Nguyễn Văn Luân, Tân Thông (Gia Định). Ở tại Đức Hòa: 29 người. Ở tại sân banh Cần Giuộc: Đồng chí Nguyễn Thị Bảy...

Ngoài ra, hàng mấy nghìn người giam tại Khám Lớn; kho Rondon (Rông đông), Cảng Khánh Hội, nhà thương Chợ Quán, Lazaret Nhà Bè (tù có bệnh truyền nhiễm); Phú Mỹ (giam phụ nữ)... trung bình một ngày chết 20 người, ròng rã mấy tháng, do bị đánh đập tra tấn, do thiếu ăn, mắc các bệnh truyền nhiễm ác tính như hoại thư, ho lao... và chết lần mòn.

Trong khi bọn đế quốc và phản động thuộc địa Pháp chồng chất bao nhiêu tội ác, thì Đảng Cộng sản Pháp và nhân dân tiến bộ Pháp luôn luôn sát cánh với Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam, nhất là trong những thời điểm nguy nan, đen tối. Nếu bức thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp gửi cho nhân dân 3 nước Đông Dương hồi 28-1-1941 có sức động viên cổ vũ to lớn đối với Đảng và nhân dân đi vào thời kỳ khốc liệt của chiến tranh, sau khi Pháp đầu hàng phát xít Đức, thì bức thư của Đảng Cộng sản Pháp gửi cho Đảng ta sau khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị chìm trong biển máu đã tiếp thêm sức mạnh kỳ diệu cho Đảng và dân tộc ta.

Cùng với cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (ngày 27-9-1940) và cuộc khởi nghĩa Đô Lương (tháng 1-1941), cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ngày 23-11-1940 "là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương". Mặc dù Đảng bộ Nam Kỳ trong đó có Đảng bộ Thành phố bị tổn thất nặng nề về tổ chức và nhân sự, nhưng qua Nam Kỳ khởi nghĩa, đảng viên và quần chúng cách mạng được thử thách, tôi luyện và trưởng thành. Từ Nam Kỳ khởi nghĩa đã rút ra được những kinh nghiệm quý báu về đấu tranh bằng bạo lực rất cần cho giai đoạn tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại thành phố.

(Theo sách Lịch sử Đảng bộ TP. HCM - NXB TP. HCM 1995)

CẦU KHO

Cầu Kho là tên cây cầu bắc ngang qua con rạch ăn vào kho Giản Thảo, còn gọi là kho Cẩm Đệm do chúa Nguyễn đặt ra từ 1741, một trong chín kho ở rải rác vùng Đồng Nai - Cửu Long. Nhưng kho Giản Thảo của Bến Nghé dần hồi trở thành quan trọng, đến năm 1788 mở rộng để chứa lúa thâu từ bốn trấn của đất Gia Định, kể luôn đồng bằng Cửu Long (Cà Mau, Rạch Giá, Hà Tiên nạp vào kho Vĩnh Long).

Năm 1805, kho này tu bổ và mở thêm sáu dãy lợp ngói, thờ thần Tư Thương, hằng năm khi thâu thuế hoàn tất có lệ bày tế lễ.

Trên bản đồ Trần Văn Học năm 1815, kho Cẩm Thảo được vẽ rõ rệt, hình vuông, sông rạch bao bọc như một cù lao. Một phía, rạch Vàm Bến Nghé, ba phía kia là rạch Bến Chiểu ăn qua rạch Bần rồi chảy trở lên rạch Bến Chùa. Gọi Bến Chiểu vì có nhà vừa chiếu lát. Bến Chùa đổ lên vùng cao Tân Triêm của chùa Kim Chương. Rạch Bần với bãi bùn, "Nơi Chợ Lớn trải tới Cầu Thương, quân mọi rợ lầy lừng nên quá lắm" (Cầu Thương là Cầu Kho, thương lằm. Bài phú Gia Định thất thủ). Thoạt tiên, bọn cầm quyền đặt tên vùng Cầu Kho là Nhơn Hòa ấp, Nhơn Hòa phố, đến cuối năm 1865 gọi Nhơn Hòa xã. Phía Bắc của Nhơn Hòa giáp làng Thái Bình (tên mới, gồm một phần làng Tân Triêm cũ). Ăn vào Chợ Lớn là làng Tân Hòa rồi đến vùng Chợ Quán (làng Nhơn Giang do tên cũ Giang trạm Tân Lộc phường).

Từ Sài Gòn vô Chợ Lớn ngoài đường thủy, từ xưa sẵn có đường bộ, thực dân chinh đồn lại, rộng hơn. Đồng bào gọi đường trên (Võ Tánh cũ, nay là Nguyễn Trãi chạy tới Cây Mai) và đường dưới (theo sát bờ sông).

Năm 1879, để nghiên cứu thành lập đoạn đường xe lửa ngắn (sau là xe điện) chở hành khách từ Sài Gòn đến Chợ Lớn. Nhân viên công chánh đếm thử các lượt xe qua lại trong một ngày từ 6 giờ sáng

đến 7 giờ tối để ước lượng mức độ rộ n rịp, dùng những con số ấy làm bài toán về khả năng khai thác thương mại.

Xe kiếng ở Đường trên 325 chuyến; Đường dưới 384 chuyến Xe xong mã ở Đường trên 108 chuyến; Đường dưới 86 chuyến Xe bò ở Đường trên 121 chuyến; Đường dưới 15 chuyến Người cỡi ngựa ở Đường trên 25 chuyến; Đường dưới 24 chuyến

Không phải người Việt nào cũng tìm đất, cất nhà ở Cầu Kho được. Phải là thương gia, công chức của Tân trào, là điền chủ có ruộng vườn ở Cần Giuộc, Gò Vấp hoặc phía Chánh Hưng, Tân An. Họ đến Cần Kho tìm tiện nghi, hưởng thụ, chờ cơ hội. Một số khai thác ngành đóng xe ngựa, cho mướn. Cơ hội gì? Còn chút lòng yêu nước, sĩ khí, họ chờ sức mạnh của Triều đình Huế; bấy giờ miền Trung, miền Bắc chưa bị Pháp chiếm.

Bầu không khí chính trị ở vùng Cầu Kho trở nên sôi động khi hiệp ước 1874 lại ký kết giữa Pháp và Triều đình Huế. Nhượng đức sáu tỉnh Nam Kỳ cho Pháp. Pháp đặt tòa lãnh sự ở các cửa biển và thành thị như Quy Nhơn, Huế, Hải Phòng. Triều đình đặt tòa lãnh sự ở Sài Gòn và Paris. Ngoài hiệp ước nói trên còn thương ước quy định thủ tục mua bán giữa hai nước, ký ngày 31-8-1874.

Nguyễn Văn Tường chỉ muốn đặt tòa lãnh sự ở Nam Kỳ.

Nhiệm vụ tòa lãnh sự là bình vực quyền lợi cho người dân từ Bắc, Trung vào mua bán, khi gặp trường hợp phạm pháp, tòa lãnh sự được quyền can dự vào để xem hình thức pháp lý có được giữ đúng không. Người Pháp hoặc người Âu, người dân cư trú ở Nam Kỳ, tàu thuyền ra Trung, Bắc cần được chánh quyền Sài Gòn và lãnh sự Việt Nam ở Sài Gòn kiểm nhận trước.

Tòa lãnh sự của Triều đình hoạt động từ cuối năm 1874 đến giữa năm 1883, non chín năm. Suốt thời gian khá dài này, chức vụ lãnh sự giao cho Nguyễn Thành Ý. Nguyễn Lập chỉ thay thế khi Nguyễn Thành Ý vắng mặt sang Pháp dự cuộc đấu xảo. Chức vụ phó lãnh sự do Phan Khiêm Ích giữ nhiều năm hơn Trần Doãn Khanh. Nguyễn Thành Ý quê ở Quảng Nam, đậu cử nhân; từng làm quan ở Định Tường, Pháp đánh Sài Gòn vào lúc Nguyễn Thành Ý làm Tri phủ coi phủ Tân Bình (Sài Gòn, Chợ Lớn, Hóc Môn) nên am hiểu

nhiều tình hình và quen thuộc nhiều nhân sĩ, có người đang cộng tác với giặc như Tôn Thọ Tường. Tên Tổng đốc Phương, phủ Trần Tử Ca đều là thuộc hạ nhỏ bé của Nguyễn Thành Ý về miền Trung, giữ chức hải phòng ở Quảng Nam. Phan Khiêm Kịch quê ở Biên Hòa đang giữ chức Chủ sự bộ binh.

Tòa lãnh sự Việt Nam hoạt động ngay sau khi ký hiệp ước, trụ sở đặt tại Đường dưới (Bến Chương Dương ngày nay) vào khoảng góc đường Đề Thám về phía rạch Bần. Nhà trệt, kang trang, có nơi cho quân hầu trú ngụ, có chuồng nuôi ngựa. Khi ra ngoài thì dùng xe song mã, phương tiện sang trọng nhất bấy giờ. Về mặt nổi, vào tháng 12-1878, tòa lãnh sự mượn tàu Tây chở gạo ra giúp nạn bão lụt ở Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Năm 1883, nhiều người từ Quảng Ngãi theo ghe buôn vào đất Gia Định để mưu sinh, sống bênh bồng. Bọn Pháp bắt giao trả hơn trăm người, tòa lãnh sự lo chu cấp cho họ về quê. Từ tháng 8-1874, Nguyễn Thành Ý vội đến Sở Ba Sơn tìm một số thợ có tay nghề để mộ về Huế làm việc cho Triều đình. Năm người thợ trẻ, tay nghề khá xin với nhà cầm quyền Pháp để đi Huế. Trong tình hình bấy giờ, hành động rời quê nhà mà không biết rõ lương bổng quả là tích cực yêu nước. Thực dân chỉ điều tra lý lịch hai thợ tiện, hai thợ đục, một thợ chuyên làm ống tuy-dô, hai thợ máy rồi chuẩn y. Những năm sau, thỉnh thoảng có người từ Huế, Đà Nẵng vào học nghề coi máy tàu thủy, học chữ Pháp, cách sử dụng máy điện tín, ngành chích ngừa bệnh dịch. Phía người Pháp yêu cầu Triều đình cung cấp vài thợ giỏi về nghề cần xà cừ, làm sơn mài.

Theo sự nhận xét của bọn mật thám Sài Gòn thì hoạt động gây rối của tòa lãnh sự xuất phát từ địa bàn Cầu Kho, nơi thuận lợi về nhân tâm. Rồi liên lạc lên Gò Vấp, nơi người Việt tập trung đông đảo, đủ ăn, lại có nhiều trí thức khoa bảng, hoặc trở qua Vĩnh Hội, gần thương cảng. Các tỉnh mà tòa lãnh sự thường liên lạc là Gò Công, Biên Hòa nơi hiệp ước 1862 quy định các làng họ Phạm (mẹ Tự Đức), họ Hồ (mẹ Thiệu Trị) phải được tôn trọng, những người giữ làng do Triều đình trực tiếp trả lương bổng, lại còn những dịp cúng giỗ cũng do Triều đình đài thọ. Bà con xa gần của hai họ nói trên khá đông đảo, gọi là thích lý, quan làng địa phương phần nào cũng nể nang.

Nho sĩ, điền chủ, hương chức làng từ hai tỉnh nói trên thường ra vào tòa lãnh sự ở Cầu Kho. Nhiều nho sĩ, quan lại ở Quảng Ngãi,

Bình Định, Huế được tòa lãnh sự bảo đảm cho vào Nam, lưu trú vài tháng để chịu tang cha mẹ, bán đất ruộng, thăm dòng họ. Thực dân đồng ý nhưng bức dọc, cho đó là những tay đột nhập vào Nam để loan tin thất thiệt, bày lạc quyền rồi phát bằng cấp; giấy chứng nhận về chức vụ thường là đội quản - phát cho người chịu hoạt động, khi việc lớn thành công sẽ được ưu đãi. Văn phòng tòa lãnh sự mua báo chữ Pháp ở Sài Gòn, nhờ dịch lại, gửi về Huế. Viên lãnh sự thường tới lui tòa lãnh sự Đức ở Sài Gòn, nói chuyện kín đáo nhiều lần, bọn mật thám phỏng đoán Triều đình Huế muốn nhờ lãnh sự Đức làm trung gian mua súng đạn chở thẳng vừ Hương Cảng đến Huế (bấy giờ, ở Sài Gòn bọn đại diện thương mại người Đức mở tiệm bán súng săn, súng lục). Tên mại bản người Hoa theo quốc tịch Anh là Tan Keng Ho thường tới lui gặp viên lãnh sự ở Cầu Kho, thực dân đoán chừng hẳn bắt mối mua súng chở từ Singapore thẳng ra Huế; hai người thường đi chung xe song mã. Cũng trong những năm 1879, 1880 viên lãnh sự Anh và tên mại bản thân tín của tòa lãnh sự ấy đến Cầu Kho nhiều lần. Bọn mật thám suy luận rằng họ gặp gỡ để bàn về việc thực dân Anh đang vận động thành lập một nước Việt Nam riêng rẽ ở Bắc Kỳ, chận đầu kế hoạch mà Pháp sắp thực hiện cho bằng được, sau vụ đánh chiếm Hà Nội lần thứ nhất. Thực dân Anh không bằng lòng cho lắm khi thấy bọn Pháp đặt nền bảo hộ ở Cam-pu-chia và khai thác cảng Căm-pốt (Cần-vọt), gần cảng Băng-cốc mà người Anh đang kiểm soát. Hải Phòng và Hà Nội nếu lọt vào tay Pháp thì sẽ sức mẻ thanh thế của Hương Cảng phần nào. Vả lại, Bắc Kỳ giàu mỏ than đá, thứ nhiên liệu quan trọng mà tàu bè xí nghiệp chạy bằng máy hơi nước đang cần đến. Từ năm 1879, tên phiêu lưu chính trị Lê Bá Đảng đã ngấm ngấm đóng vai con bài để cho bọn thực dân Anh đánh sau lưng thực dân Pháp. Lê Bá Đảng quê ở Nghệ An, vào Thủ Dầu Một làm ăn trở thành thầy dòng Thiên Chúa, xưng dòng dõi nhà Lê, lúc đầu hẳn được Pháp tin cậy phong chức huyện hàm, xưng là huyện Thi hoặc Po-lux Thi. Lợi dụng vị trí công khai, hẳn lân la với bọn lính tập đang đóng tại trại Ô-ma để mua chuộc, tin rằng số lính ấy sẽ theo chân quân đội Pháp đánh Hà Nội lần thứ nhì. Hẳn thường đi Hải Phòng, Hương Cảng. Việc lớn bất thành, hẳn đứng đơn kiện một thương gia người Anh ở Sài Gòn về tội giựt số tiền lên đến 12.000 đồng mà công ty Lén-xten của Đức hứa trả nhưng người Anh nọ không trao cho hẳn. Ai cũng hiểu đây là tiền thù lao mà bọn thực dân phiêu lưu hứa trả với hình thức hoa hồng thương mại.

Xóm Cầu Kho làm cơ sở cho nho sĩ từ miền Trung vào tạm trú trước khi đi Vĩnh Long, nơi chí sĩ Nguyễn Thông từng giữ chức Đốc học. Nguyễn Thông lập Đồng Châu xã tổ chức của những người quê quán ở Nam Kỳ gom ra Bình Thuận để chuẩn bị lực lượng đánh Pháp. Đầu năm 1883, bọn mật thám theo dõi viên kinh lịch Mân của Đồng Châu Xã vào bắt liên lạc với người của đạo lành, sư sãi và một số cai tổng. Kinh lịch Mân từ Biên Hòa đến Chợ Lớn, xuống Cần Giuộc rồi đi Vĩnh Long (có tài liệu nói rõ Mân làm chức thừa biện và cũng là Án sát của dinh điền Măng-thít ở Bình Thuận).

Bọn mật thám Sài Gòn lại thắc mắc khi các vị chánh, phó lãnh sự thường lui tới nhà Trương Vĩnh Ký, Tổng đốc Phương, Huỳnh Tịnh Của. Vài hộ trưởng của Sài Gòn và Chợ Lớn công khai bày tỏ cảm tình. Một số thương gia, mại bản liên lạc để làm ăn vì tòa lãnh sự mua sắm đồ đạc ở Chợ Lớn, với số lượng to mà đưa thường xuyên ra Huế.

Nhưng thực dân lại nắm phần chủ động. Thành Hà Nội mất lần thứ nhì. Năm sau, đại tá Ri-vi-e bị phục kích. Pháp đem viện binh củng cố Hà Nội, Nam Định. Tòa lãnh sự ở Cần Kho biết những gì sắp xảy đến. Một số đông nho sĩ, hội trưởng hương chức hội tề gom lại bến tàu ngày 2-5-1883 đón rước vài quan chức từ Huế vào, được các vị ấy nhấn nhủ: "Sống làm tướng, thác làm thần". Tên tham biện Đờ-xăm-pô gửi phúc trình trong ngày 9 và 10-6-1883 cho Cảnh sát trưởng Sài Gòn để kết luận rằng lãnh sự Việt Nam đã lạm dụng quyền hạn, lạm quyền tiền bạc gửi về Triều đình, loan tin thất thiệt, ủng hộ các hội kín có mục đích gây loạn. Ở Huế, viên lãnh sự Pháp thấy tình hình căng thẳng nên đóng cửa, niêm phong văn phòng, rút về Sài Gòn cùng với tất cả nhân viên.

Ngày 22-6, thống đốc Nam Kỳ ra lệnh trục xuất chánh và phó lãnh sự Việt Nam, cấm họ trở lại Nam Kỳ, phải rời trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Khi chánh và phó lãnh sự, nhân viên và gia đình xuống tàu về Huế thì khá nhiều hương chức ở Phú Lạc, Đa Phước (Chợ Lớn), vài hộ trưởng của Chợ Lớn, vài thân hào ở Gò Vấp công khai đến gặp, dâng những lá thư chia buồn, tạm biệt. Vài viên chức nhỏ của tòa lãnh sự xin ở lại Sài Gòn, hoặc về lục tỉnh. Họ tiếp tục loan tin rằng tình hình sắp thay đổi, thuận lợi cho Triều đình vì vậy thực dân hoảng sợ, trục xuất lãnh sự quán. Bấy giờ, tên Việt gian

Nguyễn Đức Hạnh từng được bọn mật thám Sài Gòn tin cậy dựng đứng một âm mưu "khởi loạn". Hắn trưng ra nhiều giấy tờ, bằng cấp bảo là vừa tịch thu được, chứng tỏ viên phó lãnh sự Phan Khiêm Ích (đã xin nghỉ việc từ trước) đang cầm đầu một tổ chức bí mật với nhiều cai tổng, hộ trưởng, thân hào vùng Chợ Lớn, Bà Rịa. Ngày 1-8, thực dân bắt Phan Khiêm Ích đang dưỡng già tại Biên Hòa và những nhà tai mắt bị tình nghi. Điều tra xong, thấy chẳng có gì, chẳng qua tên Việt gian nọ muốn lập công, tống tiền nên làm giấy tờ giả, đóng ấn giả để phao vu. Buồn cười nhất là bọn mật thám đã cho giao nghiệm những dấu ấn, nét chữ rồi quả quyết là thật, trước khi bắt bớ.

Non một tháng sau khi tòa lãnh sự bị đóng cửa vua Tự Đức mất (17-7). Thực dân đánh vào cửa Thuận An, uy hiếp kinh đô Huế với dụng ý nắm phần chủ động, đề phòng nhà vua mới lên kế vị sẽ xin Trung Quốc phong Vương. Ngày 25-8, hiệp ước ký kết sự bảo hộ của Pháp lại đặt lên Trung, Bắc Kỳ.

Đáng ca ngợi trong thời kỳ này Phan Văn Trị (Cử Trị), nhà thơ chiến đấu từng lên án công khai Tôn Thọ Tường ngay lúc hắn còn nắm chút ít quyền hạn (Tường chết năm 1877, vợ nuôi cơm cho số người từ Huế vào học kỹ thuật do tòa lãnh sự chịu trách nhiệm). Cử Trị từng liên lạc với hai viên chức của tòa lãnh sự Cầu Kho. Một người là ký Toán bị thực dân theo dõi vì nhiều lần tiếp xúc với lính tập trú đóng tại thành Ô-ma, số này sửa soạn đi Bắc Kỳ tham chiến. Người thứ nhì là Nho từng đi Gò Vấp nhiều lần để bày tiệc, tạo cơ hội bàn chuyện chống Pháp (báo cáo mật thám Sài Gòn ngày 1-7-1883). Mặc dầu tòa lãnh sự bị giải tán, thực dân công khai khủng bố nhưng Cử Trị cũng lặn lội từ Gò Vấp (quê quán của ông) đến Sài Gòn để gặp Nho, nhờ tìm cách liên lạc với ký Toán, bấy giờ mới hay Toán đã trốn vì thực dân đang tìm bắt khi phát hiện những cơ sở hoạt động mà ông này tổ chức ở Bà Rịa, Mỹ Tho, Gò Công (báo cáo mật thám Sài Gòn ngày 29-7 năm 1883). Những sự kiện trên đỉnh chính dư luận cho Cử Trị chỉ là nho sĩ gàn, say sưa chè chén, thích chửi bừa bãi.

Việc thiết lập tòa lãnh sự Pháp ở Huế, ở Hải Phòng đem lại cho thực dân nhiều lợi thế hơn là tòa lãnh sự ở Sài Gòn đem lại cho Triều đình Huế. Bọn Pháp đặt chân công khai lên miền Trung, miền Bắc, cấu kết với bọn phong kiến đầu hàng, tổ chức dò thám để làm nội

ứng, tạo điều kiện đánh thành Hà Nội lần thứ nhì rồi tràn ra các tỉnh.

Đành rằng các viên lãnh sự của Triều đình biết lợi dụng vị trí hợp pháp để vận động giới nho sĩ, dò xét tình hình, liên lạc với bọn phiêu lưu nước ngoài nhờ mua súng nhưng bấy giờ ngân sách Triều đình đã kiệt quệ, đối với bọn mại bản phiêu lưu thì mề làm ăn ấy không chắc gì đem lợi to. Hơn nữa, thực dân Pháp và thực dân Tây phương tuy có mâu thuẫn nhưng vẫn cấu kết với nhau. Triều đình theo đường lối chủ bại, không đủ uy tín lôi cuốn đại đa số nông dân yêu nước. Quan chức, Nho sĩ đột nhập vào Nam lúc đầu được tin cậy nhưng lần hồi thì đưa tin quá lạc quan, thất thiệt, một số không nhỏ lại suy thái cứ lo đi lạc quyền để bỏ túi, hưởng thụ, thậm chí làm bằng cấp đóng ấn giả để bán cho đồng bào, chưa nói đến trường hợp làm dọ thám hàng hai giúp thực dân.

Thái độ của thương gia, công chức ở Cần Kho cũng trở thành lộ liễu khi hay tin quân Pháp chiếm vùng đồng bằng Bắc Bộ. Họ chạy theo cái lợi trước mắt. Họ bán vàng bạc, bán mấy cỗ xe ngựa (lúc trước sắm cho mướn) để lấy tiền mua hàng hóa chở ra Huế, ra Hải Phòng, theo chân bọn mại bản. Nhưng họ không đủ sức để trở thành một tầng lớp, một giai cấp gì cả. Họ thử lập công ty thương mại với điều lệ hẫ hời. Trường Hanh công ty do Huỳnh Quang Vị, thông ngôn tòa án (của Pháp, đã nghỉ việc) đứng điều khiển, được nhà cầm quyền Sài Gòn chuẩn y. Hoạt động dự tính là đấu thầu những dịch vụ của Nhà nước, lập kho hàng trong bước đầu ở Sài Gòn, Qui Nhơn nhằm tranh thương với bọn mại bản Hoa kiều. Bản điều lệ chữ in, đề ngày 24-4 năm 1887 chỉ là giấy tờ nó hấp hối từ trong trứng nước mặc dầu gom được số vốn 9.000 đồng (bấy giờ vàng 40 đồng một lượng). Xin trích lại nguyên văn vài lời lẽ trong điều lệ: "Người trong công ty hội tính cùng nhau không cho đàn bà dự vào, không đặng chơi cờ bạc". "Những người trong công ty ăn ở cho thuận hòa cùng nhau, như con một nhà, có điều gì phải giúp đỡ nhau, chẳng ai đặng kiếm sự gì xấu nói cho người trong công ty khi không có chứng cứ cho đủ, như hay ra đặng quả là người ấy nói xấu cho người ta, lần đầu phải phạt cho công ty, lần thứ hai, sẽ bỏ ra, không cho hùn nữa".

Hiếu phường hội, làm ăn nhỏ của giới huyện hàm, hương chức phần lớn thân thuộc, bà con với nhau. Công ty Trường Hanh rút lại một mình Huỳnh Quang vị làm chủ, đặt cơ sở tại Bình Định chuyên thầu công ty bán rượu, bán á phiện cho nhà nước. Ba năm sau, người sáng lập trở về Sài Gòn, giúp việc cho trạng sư Pháp, lãnh huy chương, lên chức đốc phủ sứ hàm.

Rạch Vàm Bến Nghé lần hồi mất vai trò quan trọng. Về đường thủy, tàu bè, xà lan chuyên chở lúa gạo ra cảng Sài Gòn đi theo kinh Tẻ và kinh Đôi đào song song với rạch cũ, vừa rộng rãi, vừa sâu hơn. Từ Sài Gòn vào Chợ Lớn, con đường nay là Trần Hưng Đạo, là Ngô Gia Tự, nối qua Điện Biên Phủ trở thành trục lộ chánh, thay cho đường mé sông và đường trên (Nguyễn Trãi). Rạch Cầu Kho (bà Đô), rạch Bần lần hồi cạnh, dân lao động cất nhà hai bên bờ mà nường nấu, nước chảy không thông, rác rến đầy dẫy, mấy nhánh nhóc lớn nhỏ bị chận từng khúc, trở thành ao vũng. Năm 1900, sáp nhập vào đô thành về mặt hành chánh, nhà cửa rải rác với hàng rào cây xương rồng, với chòm tre. Trước ngày Cách Mạng Tháng Tám bùng nổ, khu vực đường Nguyễn Cảnh Chân hãy còn hỗn độn, nhà lá, nhà lợp tôn, nền ván kê trên vũng bùn, muốn vào phải qua cầu, quanh co. Mỗi căn nhà nhỏ chứa chấp đôi ba gia đình, ngăn ra từng buồng, ban đêm thắp đèn dầu. Tới những năm 1955, cả vùng bị cháy vì cuộc tranh chấp giữa Diệm và nhóm Bình Xuyên, sau đó, chỉnh trang lần hồi.

Tòa lãnh sự bị giải tán, nhóm nho sĩ và quan lại lui vào dĩ vãng. Cuộc đấu tranh của đồng bào tiếp tục, với nội dung tích cực ở 18 thôn vườn trầu.

(Sơn Nam - Bến Nghé xưa)

NIÊN BIỂU 300 NĂM SÀI GÒN - TP. HỒ CHÍ MINH

1623: Chúa Nguyễn mở các trạm thu thuế ở Bến Nghé và Sài Gòn (ở quận 1 và quận 5 ngày nay).

1679: Chúa Nguyễn lập đồn dinh ở Tân Mỹ gần ngã tư Cống Quỳnh - Nguyễn Trãi ngày nay.

1698: Chúa Nguyễn cử Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược, cho lập phủ Gia Định, gồm hai huyện Phước Long và Tân Bình. (Sài Gòn thuộc huyện Tân Bình)

1731: Chúa Nguyễn cử Trương Phước Vĩnh giữ chức Điều khiển để điều hành tất cả các dinh trấn, cho xây dinh Điều Khiển tại Sài Gòn. Thống binh Trần Đại Định xây lũy Hoa Phong để bảo vệ Sài Gòn.

1748: Lập chợ Tân Kiểng.

1772: Điều khiển Nguyễn Cửu Đàm đào kinh Ruột Ngựa nối Sài Gòn với miền Tây. Nguyễn Cửu Đàm xây lũy Bán Bích (dài 15 dặm) để bảo vệ Sài Gòn.

1774: Xây chùa Giác Lâm.

1776 - 1801: Nhà Tây Sơn 5 lần vào Sài Gòn. Đáng kể nhất là tháng 6-1784, Nguyễn Huệ đem binh vào và lập nên chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút lưu truyền sử xanh, đánh tan 300 chiến thuyền và 20.000 thủy quân xâm lược Xiêm và quân Nguyễn Ánh.

1778: Lập làng Minh Hương. Mở Chợ Lớn.

1788: Nguyễn Ánh tái chiếm Sài Gòn.

1790: Xây thành Bát Quái làm trụ sở chính quyền. Đổi Gia Định thành thành Gia Định kinh.

1802: Nguyễn Ánh lên ngôi ở Huế, niên hiệu là Gia Long, chia đất phía Nam làm 5 trấn: Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên.

1808: Đổi Gia Định trấn thành Gia Định thành.

1832: Lê Văn Duyệt chết; đổi Gia Định thành và 5 trấn phía Nam thành 6 tỉnh: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

1833 - 1835: Lê Văn Khôi khởi binh.

1835: Vua Minh Mạng phá thành Bát Quái xây thành Phụng.

1859: 15-2: Pháp tấn công thành Gia Định. 17-2: Thành Gia Định thất thủ.

1860: Thành lập thương cảng Sài Gòn và Sở Thương chính. 2-2: Le Page tuyên bố mở cửa Sài Gòn cho nước ngoài vào buôn bán. Thống đốc Nguyễn Tri Phương cùng Phạm Thế Hiển trông coi việc quân sự ở phía Nam. Xây đại đồn Chí Hòa (Kỳ Hòa) chống Pháp.

1861: 24-2: Pháp đánh đồn Chí Hòa - 2 ngày sau đồn thất thủ. 28-2: Pháp hoàn toàn chiếm Sài Gòn. 11-4: Thống đốc Charner ban hành Nghị định quy định giới hạn Sài Gòn.

1862: 5-6 Hòa ước Nhâm Tuất. Ký giữa Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp với Bonard. Triều đình Huế nhường cho Pháp 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường.

1864: Xây xong Dinh Thống đốc Nam Kỳ (nay là Bảo tàng Cách mạng). Tách Sài Gòn và Chợ Lớn.

1865: Gia Định Báo - tờ báo tiếng Việt đầu tiên ra đời.

1867: 4-4: Tổ chức thành phố Sài Gòn. 8-7: Sửa nghị định 4-4-1867 và tổ chức thành phố Sài Gòn.

1868: 23-2 Khởi công xây dinh Toàn quyền.

1869: 27-9 Bổ nhiệm ủy viên Hội đồng thành phố Sài Gòn (có Pétrus Trương Vĩnh Ký).

1874: 15-3: Tổng thống Cộng hòa Pháp ký sắc lệnh thành lập thành phố Sài Gòn. Hòa ước Giáp Tuất: nhượng cho Pháp 6 tỉnh Nam Kỳ. Ký tại Sài Gòn giữa Lê Tuấn, Nguyễn Văn Tường và Thống đốc Nam Kỳ Dupré.

1877: 7-10 Xây Nhà thờ Đức Bà (11-4-1880 khánh thành)

1885: 21-1: Khởi nghĩa Nguyễn Văn Bường. 4-2: Khởi nghĩa 18 Thôn Vườn Trầu do Phan Văn Hớn và Nguyễn Văn Quá lãnh đạo. Khởi nghĩa thất bại, hai ông bị Pháp hành hình tại chợ Hóc Môn.

1886: 11-4 Xây dựng tòa Bưu chính.

1902: Xây cầu Bình Lợi.

1903: Mở đường tàu điện Sài Gòn - Gò Vấp, Sài Gòn - Chợ Lớn, Gò Vấp - Hóc Môn.

1909: Khánh thành dinh Xã Tây (Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày nay)

1911: Nguyễn Tất Thành (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) rời Sài Gòn sang Pháp đi tìm đường cứu nước.

1913: 24-3 Nghĩa quân Phan Xích Long ném bom và tạc đạn vào Sài Gòn Chợ Lớn.

1916: 16-2: Vụ phá Khâm lớn Sài Gòn cứu Phan Xích Long và các đồng chí không thành. 22-2: Phan Xích Long cùng 37 đồng chí của ông bị xử tử tại đồng Tập trận.

1920: Tôn Đức Thắng thành lập Công hội đỏ đầu tiên của Sài Gòn.

1925: Tháng 6 Phan Châu Trinh từ Pháp về Sài Gòn. Tháng 8 Bãi công của hơn 1.000 công nhân Ba Son. Thành lập Đảng Thanh niên - Hội kín Nguyễn An Ninh.

1926: 24-3: Phan Châu Trinh đột ngột tạ thế. 4-4: Đám tang Phan Châu Trinh.

1940: 23-11: Khởi nghĩa Nam Kỳ. Các lãnh tụ của Đảng: Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập bị giặc Pháp bắt và xử bắn ở Hóc Môn.

1945: 15-8: Thành lập Ủy ban khởi nghĩa. Đêm 24 rạng 25 Sài Gòn khởi nghĩa thắng lợi. 2-9: Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại quảng trường Ba Đình Hà Nội. Cùng ngày ở Sài Gòn, đoàn biểu tình hoan nghênh bản Tuyên ngôn Độc lập, bị lính Pháp bắn lén. 6-9: Quân đội Anh, Ấn đến Sài Gòn để tước vũ khí quân đội Nhật. 23-9: Pháp chiếm Ủy ban nhân dân Nam Bộ, Quốc gia tự vệ cuộc, Đài phát thanh Sài Gòn... gây hấn ở Nam Bộ. Nhân dân Sài Gòn, nhân dân miền Nam lại bước vào cuộc kháng chiến.

1948: 29-3: Phá nổ 300 quả mìn ở kho đạn Bảy Hiền. 13-9: Kho xăng Tân Sơn Nhất bị đốt cháy (18.000 lít xăng).

1949: 13-6: Bảo Đại về đến Sài Gòn sau 3 năm lưu vong. 24-12: Học sinh nhiều trường bãi khóa chống ngụy quyền Bảo Đại.

1950: 9-1: Hàng nghìn học sinh biểu tình đòi mở cửa trường, đòi tự do cho những người bị bắt. 12-1: Đám tang Trần Văn Ơn. 7-2: Chính phủ Truman công nhận ngụy quyền Bảo Đại. 19-2: Tổng lãnh sự quán Mỹ ở Sài Gòn nâng lên cấp Công sứ quán. 16-3: Tàu chở máy bay Bốc-xa và 2 tuần dương hạm đội thuộc hạm đội 7 Mỹ cập bến Sài Gòn. 19-3: Nhân dân Sài Gòn biểu tình phản đối chiến hạm Mỹ vào cảng dưới sự lãnh đạo của luật sư Nguyễn Hữu Thọ - "Ngày toàn quốc chống Mỹ". 24-5: Đại diện công sứ Mỹ - Ghờ ri on thông báo bắt đầu viện trợ kinh tế cho Việt Nam, Lào, Campuchia. Đặt phái đoàn kinh tế đặc biệt ở Sài Gòn. 29-6: Tám máy bay vận tải, viện trợ quân sự đầu tiên của Mỹ cho quân đội Pháp đến Sài Gòn. 15-7: Phái đoàn Mỹ - Men phi (Bộ trưởng Ngoại giao) và tướng A kin, Tư lệnh Sư đoàn 1 lính thủy đánh bộ Mỹ đến Sài Gòn. 2-8: Mỹ thiết lập phái đoàn cố vấn viện trợ quân sự ở Sài Gòn (MAAG). 17-9: Tát xi nhi, Cao ủy mới, kiêm Tư lệnh quân viễn chinh Pháp, đến Sài Gòn.

1951: 18-11 Ngô Đình Diệm sang Mỹ được chính phủ Mỹ nuôi dưỡng trong trường thần học tiểu bang Niu da di.

1952: Tháng 7 Công sứ quán Mỹ ở Sài Gòn nâng lên thành Đại sứ quán.

1953: 24-2: Hội đàm Pháp và chính quyền Sài Gòn ở Đà Lạt, quyết định thành lập Việt Nam quốc quân. 20-6: Phái đoàn quân sự Mỹ đến Sài Gòn.

1954: Nhân sĩ, trí thức Sài Gòn công bố Tuyên ngôn Hòa Bình. 31-5: Đội biệt động 205 tiến công kho bom Phú Thọ Hòa. 1 triệu lít xăng và 9.345 tấn bom đạn cháy nổ suốt hai ngày đêm. 11-6: Phái đoàn quân sự Mỹ ở Sài Gòn bắt đầu hoạt động triển khai những âm mưu chiến tranh tâm lý chính trị. 25-6: Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về Việt Nam. 6-7: Thành lập chính phủ Ngô Đình Diệm ở Sài Gòn. 1-8: Luật sư Nguyễn Hữu Thọ thành lập Ủy ban hòa bình khu Sài Gòn - Chợ Lớn, kêu gọi đấu tranh để thống nhất Việt Nam bằng tổng tuyển cử tự do.

1955: 12-2: Đoàn cố vấn viện trợ quân sự Mỹ bắt đầu huấn luyện quân đội của chính quyền Sài Gòn. 8-5: Chính quyền Diệm cự tuyệt đề án tổ chức hội nghị hiệp thương bàn về tổng tuyển cử toàn quốc của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. 26-10: Bảo Đại thoái vị, Ngô Đình Diệm tuyên bố thành lập nước "Việt Nam Cộng hòa" và lên làm Tổng thống.

1956: 28-4: Tư lệnh quân viễn chinh Pháp rút khỏi Sài Gòn. 4-6: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố "sẵn sàng dự hội nghị hiệp thương vào ngày mà nhà đương cục miền Nam Việt Nam đã lựa chọn nửa đầu tháng 6". Mỹ thiết lập "cơ quan huấn luyện tác chiến" (CATO) cho quân đội của chính quyền Diệm. 6-7: Phó Tổng thống Mỹ Ních xơn đến Sài Gòn.

1957: 5-5: Ngô Đình Diệm sang thăm Mỹ và tuyên bố: "Biên giới của Mỹ kéo dài tới vĩ tuyến 17". 1-8: Chính quyền Sài Gòn thi hành chế độ bắt lính. 22-10: Diệm đổi "Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn" thành "Đô thành Sài Gòn".

1958: 7-3 Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lại đề nghị tổ chức hội nghị hiệp thương để bàn về tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

1959: 29-5 Bằng việc công bố luật "ngăn chặn hoạt động phá hoại" (luật 10/59), Ngô Đình Diệm thẳng tay đàn áp nhân dân.

1960: 11-11: Đại tá lục quân của quân đội Sài Gòn Nguyễn Chánh Thi làm đảo chính chống Diệm bị thất bại. 20-12: Thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

1961: 9-3: Thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng khu Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định. 19-5: Kế hoạch Xtalây Taylo "lập 17.000 ấp chiến lược" dùng chiến lược trực thăng vận, thiết xa vận hòng bình định miền Nam Việt Nam trong vòng 18 tháng. 11-8: Mỹ quyết định cho thêm tiền để tăng quân đội của chính quyền Sài Gòn từ 17 vạn lên 20 vạn. 11-8: Mỹ đưa sang Sài Gòn một trung đội máy bay trực thăng. 14-8: Trong bức thư gửi Diệm, Tổng thống Kennơđi hứa sẽ tăng thêm viện trợ.

1962: 27-2: Hai phi công Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc ném bom dinh Độc Lập. Năm 1962, viện trợ của Mỹ lên tới 600 triệu đôla, gấp hai lần năm 1961, bốn lần năm 1960.

1963: 11-6: Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu ở Sài Gòn phản đối chính sách đàn áp tín đồ Phật giáo của chính quyền Diệm. 15-8: Chính quyền Diệm tấn công vào chùa, sinh viên biểu tình ở Sài Gòn chống lệnh giới nghiêm, hơn 2.000 học sinh và 6.000 dân thường bị bắt. 20-8: Diệm tuyên bố thiết quân luật toàn miền Nam. 22-8: Đại sứ Mỹ - Henry Cabot Lodge đến Sài Gòn. 29-8: Bộ Ngoại giao Mỹ trao quyền cho Tư lệnh Ha-kin hứa hẹn với những người chỉ huy quân đội Sài Gòn là sẽ ủng hộ cuộc đảo chính lật Diệm, với điều kiện không đưa quân đội Mỹ vào. 14-9: Mỹ thông báo kéo dài thời gian quyết định cấp viện trợ của kế hoạch nhập hàng hóa cho Nam Việt Nam (18 triệu 50 vạn đôla). 24-9: Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ - Mác Namara đến Sài Gòn. 1-10: Chủ tịch Hội đồng tham mưu liên quân Mỹ Tay-lo đến Sài Gòn. 5-10: Đại đức Thích Quảng Hương tự thiêu. 8-10: Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc quyết định cử đoàn điều tra về việc đàn áp Phật giáo (ngày 24 đến Sài Gòn). 27-10: Đại đức Thích Thiện Mỹ tự thiêu. 1-11: Đảo chính quân sự lật Diệm. 2-11: Anh em Diệm, Nhu bị giết. Thành lập chính phủ lâm thời do cựu Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ cầm đầu.

1964: 8-2: Thành lập chính phủ mới ở miền Nam Việt Nam do Nguyễn Khánh làm Thủ tướng (tướng Dương Văn Minh làm Quốc trưởng). 2-5: Đặc công đánh chìm chiến hạm Card cùng 24 máy bay các loại. 18-5: Tổng thống Mỹ Giôn-xơn gửi thông điệp đặc biệt cho

Quốc hội, yêu cầu cấp thêm 125 triệu đôla viện trợ cho Nam Việt Nam. 16-8: Hội đồng quân lực của chính quyền Sài Gòn bầu tướng Nguyễn Khánh làm Tổng thống, soạn thảo hiến pháp mới. 25-8: Đặc công đánh khách sạn Caravelle. 3-9: Đảo chính chống Nguyễn Khánh thất bại. 20.000 công nhân đình công ở Sài Gòn. 15-10: Chính quyền Nguyễn Khánh xử tử người thanh niên yêu nước Nguyễn Văn Trỗi. 31-10: Trần Văn Hương lên thay Nguyễn Khánh. 19-12: Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tuyên bố đã giải phóng 8 triệu người, kiểm soát 3/4 lãnh thổ. 20-12: Phái quân sự giải tán Hội đồng quốc gia miền Nam Việt Nam. Nguyễn Cao Kỳ nhẩy lên nắm quyền hành.

1965: 22-1: Tín đồ Phật giáo Sài Gòn biểu tình tấn công cơ quan USIS Mỹ. 28-1: Phan Huy Quát lên làm Thủ tướng. 21-2: Nguyễn Khánh bị cách chức Tổng tư lệnh ba quân chủng. Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ tịch Hội đồng quân lực. 30-3: Tòa Đại sứ Mỹ (39 Hàm Nghi) bị hai chiến sĩ biệt động đánh bom làm hư hỏng nặng. 10-6: Phan Huy Quát từ chức Thủ tướng. Sài Gòn chuyển sang quân quản. 11-6: Đảo chính của Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ. 29-7: 30 máy bay B52 cất cánh từ Ô-ki-na-ôa sang ném bom phía Nam Sài Gòn. 2-8: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố phản đối Liên Hợp Quốc can thiệp vào vấn đề Việt Nam. 31-10: 650 giáo sư thuộc 21 trường đại học đăng bức thư công khai phản đối chiến tranh Việt Nam trên tờ: Thời báo New York. Lần đầu tiên bộ đội cơ giới của quân đội nhân dân theo đường Hồ Chí Minh tiến quân vào Nam.

1966: 17-7: Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lời kêu gọi gửi đồng bào và chiến sĩ cả nước, nêu rõ: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, nhưng nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày chiến thắng, nhân dân sẽ xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn". 3-7: Quân Mỹ ở Nam Việt Nam tăng lên 325.000 người.

1967: 9-1967: Khánh thành Tòa Đại sứ mới của Mỹ ở Sài Gòn. 21-9: Thủ tướng Nhật Bản - Sa tô sang thăm Sài Gòn. 31-9: Khánh thành Dinh Độc Lập mới.

1968: 29-1: Tổng thống Mỹ Giôn xon công bố bản thông điệp về dự toán ngân sách (dự chi về Việt Nam 25 tỷ 800 triệu USD). 30-1:

Mở đầu cuộc tấn công Tết Mậu Thân (đến ngày 15-4). 31-1: Quân Giải phóng đánh chiếm một phần Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn và đồng loạt tấn công Dinh Độc Lập, Bộ Tham mưu, Bộ Tư lệnh Hải quân, sân bay Tân Sơn Nhất, Đài phát thanh Sài Gòn... 5-5: Nhiều nơi ở Sài Gòn thành lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng. 19-6: Nguyễn Văn Thiệu công bố lệnh tổng động viên. 17-8: Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam bắt đầu cuộc tổng công kích cùng với quần chúng nổi dậy. 31-10: Mỹ buộc phải chấp thuận sự có mặt của đại diện Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Hội nghị Paris. 12-11: Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ - Cờ lúp phớt tuyên bố sẵn sàng tham gia hội đàm mở rộng Paris, dù chính quyền Sài Gòn không tham dự. 27-11: Chính quyền Sài Gòn tuyên bố tham gia vào hội đàm mở rộng Paris.

1969: 6-6: Thành lập Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam do Đại hội đại biểu nhân dân miền Nam Việt Nam bầu ra. 21-8: Vụ thảm sát tù chính trị ở nhà lao Thủ Đức của chính quyền Sài Gòn. 2-9: Chủ tịch Hồ Chí Minh mất (79 tuổi). Trong di chúc đề ngày 10-5, Người viết: "Còn non, còn nước, còn người, thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay. Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định phải cắt khỏi nước ta. Đế quốc Mỹ nhất định sẽ thống nhất, đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà". 23-9: Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bầu cụ Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước.

1970: 17-7 Đoàn Sinh viên quốc tế đến Sài Gòn tham dự "Năm Châu đấu tranh cho hòa bình ở Việt Nam".

1971: 22-6 Thượng nghị viện Mỹ thông qua nghị án rút quân Mỹ ra khỏi Việt Nam trong vòng 9 tháng.

1972: Sinh viên yêu nước Nguyễn Thái Bình từ Mỹ về, bị hạ sát trên máy bay ở sân bay Tân Sơn Nhất.

1973: 27-1: Sau 4 năm 9 tháng trên bàn hội nghị, Mỹ đã phải ký kết Hiệp định Paris, cam kết "tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam...". 2-2: Ủy ban hỗn hợp 4 bên Mỹ, Việt Nam, Chính phủ Cách mạng Lâm thời, chính quyền Sài Gòn bắt đầu hoạt động. 29-3: Bộ Tư lệnh quân Mỹ viễn chinh ở miền Nam Việt Nam làm lễ cuốn cờ về nước.

1974: 18-6: 301 linh mục của Giáo hội Sài Gòn ra tuyên bố lên án nạn tham nhũng trong chính quyền Sài Gòn. 22-9: Thành lập Mặt trận nhân dân cứu đói ở Sài Gòn.

1975: 14-1: Cảnh sát Sài Gòn bắn chết Pôn Lê-ăng-đờ-ri, phóng viên Thông tấn xã Pháp AFP tại trụ sở cảnh sát ở Sài Gòn. 25-1: Hội nghị Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam quyết định phát triển hơn nữa kế hoạch hai năm, giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa. Quyết định thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn. 1-4: Máy bay vận tải khổng lồ C5A - Ghê-rắc-xi tăng cường chở gấp vũ khí, đạn dược từ Mỹ sang Sài Gòn. Chính phủ Cách mạng Lâm thời công bố chính sách 10 điểm về vùng mới giải phóng. 7-4: Phi công Nguyễn Thành Trung ném bom "Dinh Độc lập". 14-4: Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh. 21-4: Tại Quốc hội Mỹ, Kít-sinh-giơ, Uây-ăng tuyên bố "không còn khả năng bảo vệ được Sài Gòn", Nguyễn Văn Thiệu từ chức, Trần Văn Hương lên thay. 26-4: Trần Văn Hương từ chức Tổng thống, Trương Dương Văn Minh lên thay. Nguyễn Văn Thiệu trốn sang Đài Loan. Chính phủ Cách mạng Lâm thời đòi hỏi Mỹ ngừng can thiệp, giải tán chính quyền Sài Gòn. Cùng ngày, 17 giờ, Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu. 30-4: Quân Giải phóng tiến vào Sài Gòn. Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Đến ngày 1-5, miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng. 15-5: Lễ mừng chiến thắng. Tháng 9 Đổi tiền.

1976: Tháng 1 Đại hội Đảng toàn quốc lần IV xác định đường lối tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần I. 21-1: Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu hoạt động. 28-3: Thành lập lực lượng Thanh niên xung phong thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 4 Bầu Quốc hội thống nhất toàn quốc đầu tiên và Hội đồng nhân dân các cấp. 2-7: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời. Sài Gòn chính thức mang tên thành phố Hồ Chí Minh.

1978: Tháng 3, cải tạo tư sản thương nghiệp toàn miền Nam.

1979: Tháng 8 Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh ra Nghị quyết 9.

1980: Nghị quyết 10 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh. Nghị quyết 17 và 19 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường quản lý thị trường.

1986: Tháng 10 Đại hội Đảng bộ thành phố lần IV: Xác định mục tiêu chủ yếu trong 5 năm (1986-1990). Tháng 12 Đại hội Đảng toàn quốc lần VI xác định đường lối đổi mới, "Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật".

1991: Tháng 6 Đại hội Đảng toàn quốc lần VII thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Đại hội Đảng bộ thành phố lần V. Cương quyết vận dụng Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.

1996: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Tháng 5 Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VI, tổng kết 10 năm đổi mới của thành phố.

1998: Kỷ niệm 300 Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo sách 300 năm SG-TP.HCM - NXB CTQG)

300 NĂM ĐỊA DANH GIA ĐỊNH

Địa danh Gia Định đã xuất hiện từ 300 năm qua, nhưng khi là phủ, là tỉnh, là toàn xứ Nam bộ, lại chỉ định những địa bàn hành chính to nhỏ rất khác nhau. Thật là phức tạp, chúng ta cần xem xét cho thấu đáo.

1- Phủ Gia Định từ 1698 đến 1802.

Năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý miền Nam, thấy nơi đây đất đã mở mang "hàng ngàn dặm và có dân trên 4 vạn hộ". Để chấm dứt tình trạng lưu dân tự khẩn hoang lập ấp đó, Cảnh bèn lập phủ Gia Định để coi hai huyện: Phước Long (Biên Hòa) và Tân Bình (Sài Gòn, từ sông Sài Gòn đến sông Vàm Cỏ Đông). Diện tích rộng khoảng 30.000 km². Năm 1708, Mạc Cửu xin cho trấn Hà Tiên thuộc quyền Chúa Nguyễn. Năm 1732, chúa Nguyễn cho lập châu Định Viễn và dựng dinh Long Hồ (sau là Vĩnh Long). Năm 1756, tổ chức cai trị đạo Trường Đồn (sau là Định Tường). Rồi năm 1757, chúa Nguyễn cho lập các đạo Đông Khẩu, Tân Châu, Châu Đốc. Từ đó toàn miền Nam thuộc về lãnh thổ và chính quyền Việt Nam.

Từ 1779, phủ Gia Định bao gồm cả:

Dinh Phiên trấn (Sài Gòn) Dinh trấn Biên (Biên Hòa) Dinh Trường Đồn (Định Tường) Dinh Long Hồ (Vĩnh Long, An Giang). Trấn Hà Tiên.

Như vậy, diện tích phủ Gia Định là diện tích toàn Nam bộ rộng khoảng 64.743 km². Gia Định kinh từ 1790 đến 1802 Sau khi thu hồi đất Gia Định, Nguyễn Ánh cho xây thành Bát Quái rộng lớn theo cách bố phòng Vauban, theo định hướng phong thổ Á Đông, theo mỹ thuật dân tộc Việt Nam và mệnh danh là Gia Định kinh.

2- Gia Định trấn từ 1802 đến 1808.

Năm 1802, Nguyễn Ánh thu phục kinh thành Phú Xuân rồi lên ngôi và lấy đế hiệu Gia Long. Gia Long bèn hạ cấp Gia Định kinh xuống làm Gia Định trấn thành. Cải tên phủ Gia Định làm trấn Gia Định và đặt "trấn quan" để cai quản cả ngũ trấn là: trấn Phiên An, trấn Biên Hòa, trấn Định Tường, trấn Vĩnh Long, trấn Hà Tiên.

3- Gia Định thành từ 1808 đến 1832

Gia Định thành thay cho Gia Định trấn. Gia Định thành là đơn vị hành chính lớn cũng như Bắc thành cai quản cả xứ Bắc gồm nhiều trấn. Có lẽ phải đổi tên Gia Định trấn ra Gia Định thành để khỏi lẫn với 5 trấn dưới quyền cai quản. Từ đó, thành cai quản trấn. Để dễ phân biệt. Khi Trịnh Hoài Đức viết Gia Định thành thông chí là có ý nghiên cứu toàn hạt 5 trấn đã kể trên.

4- Tỉnh Gia Định từ 1836 đến 1867.

Năm 1832, sau khi Tổng trấn Lê Văn Duyệt mất, Minh Mạng liền cải ngũ trấn thành lục tỉnh là Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Đổi thành Gia Định - nơi trú đóng của Tổng trấn - làm tỉnh thành Phiên An - nơi trị sở của Tổng đốc coi riêng Phiên An thôi. Năm 1835, sau vụ Lê Văn Khôi, Minh Mạng cho phá thành Bát Quái và xây dựng Phụng thờ nhỏ, gọi là tỉnh thành Phiên An. Năm 1836, cải tỉnh Phiên An ra tỉnh Gia Định. Tỉnh thành Phiên An cũng đổi ra tỉnh thành Gia Định. Tỉnh Gia Định đương thời rộng khoảng 11.560 km². Năm 1859, Pháp tới chiếm Sài Gòn và phá bình địa thành Gia Định (Pháp gọi là thành Sài Gòn). Sau Hòa ước 1862 mất đi ba tỉnh miền Đông, Pháp vẫn chia tỉnh Gia Định làm 3 phủ như cũ: Tân Bình, Tân An, Tây Ninh.

5- Hạt Gia Định từ 1885 đến 1889.

Từ năm 1867, Pháp bỏ tên tỉnh Gia Định mà gọi là tỉnh Sài Gòn. Tỉnh Sài Gòn cũng là địa bàn tỉnh Gia Định trước, song không chia ra phủ huyện, mà chia ra 7 hạt tham biện (inspection), trong đó có hạt Sài Gòn (không kể thành phố Sài Gòn). Hạt Sài Gòn gồm 2 huyện Bình Dương và Bình Long. Nhưng từ năm 1872, hạt Sài Gòn gồm thêm huyện Ngã An (Thủ Đức) nguyên thuộc tỉnh Biên Hòa.

Năm 1885, đổi tên hạt Sài Gòn thành hạt Gia Định (có lẽ để phân biệt rõ với thành phố Sài Gòn).

6- Tỉnh Gia Định từ 1889 đến 1975.

Năm 1889, bỏ danh xưng hạt (arrondissement), lấy tên tỉnh cho thống nhất với toàn quốc Việt Nam. Tỉnh Gia Định là 1 trong 20 tỉnh của cả Nam Kỳ lục tỉnh cũ. Tỉnh Gia Định (thu hẹp) này chia ra 18 tổng với 200 xã thôn, rộng khoảng 1.840 km². Năm 1944, thiết lập tỉnh Tân Bình trên một phần đất của tỉnh Gia Định (bắc Sài Gòn như Phú Nhuận, Phú Thọ, Hạnh Thông, Tân Sơn Nhì..., vùng Thủ Thiêm và một phần Nhà Bè). Tỉnh này chỉ tồn tại đến cuộc Cách mạng 5-1945 rồi giải thể. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, một phần không nhỏ của địa phận tỉnh Gia Định đã là căn cứ Cách mạng kháng chiến. Năm 1956, vùng Củ Chi được trích ra để lập thêm 2 tỉnh Hậu Nghĩa và Bình Dương, Hậu Nghĩa lấy phần đất phía tây vẫn gọi là quận Củ Chi. Bình Dương lấy phần đất phía đông gọi là quận Phú Hòa. Sau vụ chia cắt, Củ Chi cho 2 tỉnh Hậu Nghĩa và Bình Dương, tỉnh Gia Định (1970) còn chia ra 8 quận với 74 xã, rộng 1.499 km². Tình hình đó tồn tại đến ngày Giải phóng 1975. Từ năm 1975 đến nay, địa danh Gia Định không còn dùng để bất cứ một đơn vị hành chính nào. Song nhân dân miền Nam vẫn nhớ tên đó với nhiều ấn tượng sâu sắc và tốt đẹp, Sử sách Thành phố và toàn Nam Bộ luôn nói đến Gia Định từ suốt 300 năm qua để ghi dấu bao chiến công và thành tích phát triển vượt bậc của phần đất phía Nam của Tổ quốc.

Chú thích: - Dựa trên tư liệu:

Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, Sài Gòn, 1972. Quốc Sử quán, Đại Nam Nhất Thống Chí - Tỉnh Gia Định, Sài Gòn, 1973. Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Đình Đầu, Địa chí văn hóa TP. HCM, 1987. Nguyễn Đình Đầu, Nghiên cứu địa bạ Gia Định, TP. HCM, 1994.

TÔI ĐÃ THAM GIA CUỘC KHỞI NGHĨA TẠI BIỂN ĐEN

Bài viết của đồng chí Tôn Đức Thắng nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng Tháng Mười, đăng trên báo "Người thủy thủ Xô Viết" số 24, năm 1957.

Mùa hè năm 1919, chiếc tuần dương hạm của Pháp nhận được lệnh tiến về biển Đen. Nhằm mục đích gì vậy? Phải chăng là để đánh đế quốc Đức? Không, hoàn toàn không phải nhằm mục đích đó. Bởi vì đế quốc Đức đã đầu hàng rồi. Bộ chủ huy hết sức giữ bí mật với các thủy thủ về mục đích của cuộc hành quân này. Song, chúng tôi, tự mình đã hiểu rõ mục đích cuộc hành quân. Phải chăng có thể bùng phát được cuộc đấu tranh rộng lớn của nhân dân lao động Pháp chống lại cuộc can thiệp vũ trang vào nước Nga Xô Viết?

Trên tuần dương hạm, kỷ luật quân sự hầu như không còn tồn tại nữa. Đây đó, từng nhóm ba người, năm người tụ tập bàn tán sôi nổi: "Chiến tranh đã kết thúc, đã đến lúc trở về với nhà cửa, với gia đình". Những thủy thủ Pháp nói chuyện đó với nhau; họ cũng nói chuyện đó với tôi. Nhà cửa! Gia đình! Đối với tôi, là một người dân thuộc địa, không có nhà cửa và gia đình, những từ rung động này đã là những điều mà tôi không thể mơ ước.

Tôi hồi tưởng lại ngày tôi rời Tổ quốc thân yêu. Tôi đã bị buộc phải cải trang và thay đổi tên, họ trốn tránh trên một chiếc tàu thủy của Pháp đúng vào lúc mà cuộc bãi công của học sinh trường Bách Nghệ Sài Gòn và của công nhân Ba Son giành được thắng lợi.

Từ ngày đó, bắt đầu cuộc sống của tôi trên biển cả, với lòng yêu quê hương tha thiết và với nguyện vọng học tập để sau này trở về đấu tranh mạnh mẽ hơn, nhiều lần tôi cố tìm gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) song tôi đã không gặp được đồng chí.

Cuộc Cách mạng Nga, những người Bôn Sê vích, Lê Nin, những từ này đã đến với tôi trước tiên là qua báo chí hợp pháp, được phép đọc trong quân đội. Qua những tờ báo này, tôi mới chỉ hiểu là cuộc Cách mạng Nga buộc bọn đế quốc phải run lên vì sợ hãi và phải sống ngạt thở vì sự tàn ác. Những cuộc gặp gỡ với công nhân Pháp cho tôi biết rằng, ở Pháp cũng đã có cách mạng, trong đó công xã Paris đã được thành lập, song cuộc cách mạng đó đã thất bại.

Công nhân Pháp cũng kể cho tôi biết là để tiến hành cuộc cách mạng ở nước Nga đế quốc chủ nghĩa, mọi dân tộc đã đoàn kết với nhau, Lê Nin dạy rằng mọi dân tộc đều bình đẳng và phải hợp tác với nhau.

Tất cả những điều đó đã khiến cho tôi ngày thêm yêu mến cuộc Cách mạng Nga, và tin rằng ở đó nhân dân lao động đã vùng lên để quét sạch mọi áp bức, bất công, và tôi, một công nhân của dân tộc thuộc địa da cam, đã từng phải chịu đựng. Tôi tin rằng, ở đó người ta đang xây dựng một thế giới đẹp đẽ, thật sự công bằng, trong đó không có chỗ cho bọn tư bản.

Nhiều công nhân và thủy thủ Pháp trong khi trò chuyện với tôi, đã tỏ ra có cảm tình với Lê Nin và công nhân Nga, và họ cũng tỏ rõ quyết tâm không cho phép bọn đế quốc lợi dụng họ chống lại người Nga. Tôi hoàn toàn nhất trí với họ về điểm này.

Đêm sau đó, tuần dương hạm vượt qua eo biển Đắc-đa-nen. Bầu không khí trên tàu căng thẳng hơn. Một vài đồng chí hô hào thủy thủ họp mít - tinh để thanh toán bọn chỉ huy. Họ đã bảo tôi: "Họp mít - tinh, cậu hãy kéo cờ đỏ lên, để cho người Nga biết rằng chúng ta là bạn, không phải là thù". Tôi vui vẻ nhận lời. Vào lúc rạng đông, tuần dương hạm tới Biển Đen. Kèn tập hợp vang lên - đó là kèn tập hợp thông thường của thủy thủ. Song lần này, kèn đã vang lên không phải do lệnh của Bộ chỉ huy, và giờ đây, cờ đỏ đã được giương lên. Hỡi những người bạn Nga! Con tàu của chúng tôi còn cách xa bờ biển của các bạn! Các bạn có thể còn chưa nhìn rõ lá cờ đỏ này. Song chúng tôi chào mừng các bạn bằng lá cờ đỏ được giương lên ở Biển Đen.

... Thế là tuần dương hạm "Pari" sau khi vào Biển Đen đã quay trở về Địa Trung Hải. Song, giờ đây, cờ đỏ phất phới bay trên đỉnh cột cờ. Trên đường về, chúng tôi đã gặp thủy phi cơ của Hải quân Pháp. Bộ chỉ huy Hải quân đã ra lệnh cho phi công bắt buộc chúng tôi phải hạ cờ. Nếu không, sẽ ném bom và đánh chìm chiếc tuần dương hạm. Chúng tôi cười rộ lên, bởi vì chúng tôi tin rằng, không bao giờ chúng lại quyết định đánh chìm chiếc tuần dương hạm lớn như vậy của hải quân chúng. Chúng tôi càng yên tâm hơn vì thấy người hoa tiêu Pháp thò đầu ra ngoài máy bay, hoàn toàn không phải là để ném bom mà là để gửi lời chào anh em chúng tôi.

Lá cờ đỏ, tượng trưng cho cuộc khởi nghĩa của thủy thủ tuần dương hạm "Pari" từ ngày đó, đã khắc sâu vào tâm trí tôi. 37 năm đã trôi qua. Tôi không còn nhớ đầy đủ các tên họ và những chi tiết của cuộc khởi nghĩa đã diễn ra. Song cứ mỗi năm, vào những ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, trước mắt tôi lại hiện lên hình ảnh con tàu khởi nghĩa, cùng với lá cờ đỏ phất phới và hàng năm, dưới ánh sáng mới của phong trào cách mạng đang phát triển, dưới ánh sáng mới của những hiểu biết, được tích lũy trong quá trình hoạt động cách mạng, ý nghĩa của sự kiện đó càng trở nên sáng tỏ đối với tôi.

Phải chăng hồi đó tôi đã hiểu rằng Cách mạng Tháng Mười mở ra thời đại mới trong lịch sử cách mạng của toàn thế giới, trong lịch sử cách mạng của mỗi dân tộc trên quả đất này. Phải chăng là tôi đã hiểu cuộc khởi nghĩa vũ trang của thủy thủ Pháp ở Biển Đen là một bộ phận của phong trào vô sản thế giới, được đẩy lên ở các nước khác nhau?

Tháng 9-1945, một tàu chiến tiến về Côn Đảo, ở mũi tàu phất phới lá cờ đỏ sao vàng... Đất nước chúng tôi đã được giải phóng khỏi ách đế quốc. Chúng tôi đã rời nhà tù Côn Đảo trên chiếc tàu chiến này. Tổ quốc đã được độc lập, lá cờ đỏ do người Cộng sản Việt Nam giương lên, từ ngày đó phất phới bay cao trên bầu trời Việt Nam.

Chúng tôi biết ơn Cách mạng Tháng Mười, biết ơn Liên Xô, đã đập tan bọn phát xít và đã trực tiếp tạo ra những điều kiện thuận lợi để giải phóng đất nước chúng tôi...

Niềm vui lớn nhất đối với tôi là đã có dịp trực tiếp bày tỏ với những người Xô Viết lòng biết ơn sâu sắc của nhân dân Việt Nam đối với Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, đối với những hy sinh lớn lao mà Liên Xô đã gánh chịu vì lợi ích cho toàn thể loài người trong bốn mươi năm qua.

ÂM MƯU BIẾN MIỀN NAM VIỆT NAM THÀNH THUỘC ĐỊA KIỂU MỚI CỦA MỸ

Việt Nam là nơi ấp ủ những mưu toan của Mỹ từ lâu. Một người Mỹ trong cuộc là Dave Richard Palmer đã dùng hình tượng "Việc gieo giống năm 1945, cuối cùng đã dẫn tới chỗ ghép mầm vào năm 1945". Thực ra từ cuối năm 1941 Mỹ đã mặc cả với Nhật để trung lập hóa Đông Dương. Roosevelt chủ trương biến Đông Dương thành khu ủy trị quốc tế của Liên hiệp quốc. Tháng 2/1945 tại hội nghị Yalta Mỹ đề nghị lập Hội đồng quản trị Đông Dương nhưng Mỹ hy vọng dùng cả quân Tưởng-Anh-Pháp để giữ Đông Dương trong quỹ đạo thuộc địa và tránh một Đông Dương rơi vào tay cộng sản dù là cộng sản Đông Dương. Năm 1949 Mỹ-Tưởng mất toàn bộ Trung Hoa lục địa. Năm 1950 chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Trong lúc đó Pháp ở Đông Dương cũng đứng trước khả năng bại trận trong cuộc chiến tranh lập lại thuộc địa này. Mỹ cảm thấy "mối lo ngại về khối cộng sản thế giới mưu toan xâm lược toàn cầu hình như đã được xác nhận".

Từ cuối năm 1949 đầu năm 1950 Mỹ đã quay sang giúp Pháp kéo dài chiến tranh Đông Dương. Tháng 8/1950 Mỹ triển khai phái đoàn cố vấn viện trợ quân sự (MAAG) vào Việt Nam. Từ cuối năm 1950 đến cuối năm 1951, bằng việc ký các Hiệp định tay đôi với Pháp ở Đông Dương, như "Kế hoạch hợp tác kinh tế", "Kế hoạch An ninh chung", Mỹ đã từng bước can thiệp vào Việt Nam. Những kế hoạch chiến tranh của Pháp ở Đông Dương như "Kế hoạch Rever", "Kế hoạch Delattre de Tassigny", "Kế hoạch Salan", "Kế hoạch Navarre" đều được Mỹ trực tiếp chi phối. Khi vừa bước vào Nhà Trắng (tháng 12/1953), Eisenhower đã tuyên bố việc giúp Pháp trong chiến tranh Đông Dương là cách tốt nhất để "ngăn chặn một cách rẻ tiền nhất các sự kiện có thể gây ra những hậu quả khủng khiếp đối với nước Mỹ". Có thể nói cho đến trước khi "một mình một ngựa" ở Việt Nam, Mỹ đã có quá trình ngày càng sâu đậm tìm và hiểu đối tượng, coi Việt Nam

là nơi tập trung quyền lợi sống còn, là đất dụng võ cho các chính khách và giới hiếu chiến Mỹ. Chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam đã từng bước, "diễn ra từ từ có vẻ hầu như là tình cờ, qua một quá trình leo thang chậm chậm hầu như khó mà xác định chính xác được điểm xuất phát".

Mặt khác sau Hiệp định Genève 1954 đất nước Việt Nam bị chia làm hai miền, dù vĩ tuyến 17 chỉ là giới tuyến quân sự tạm thời nhưng kẻ thù của cách mạng lại coi đó là biên giới chính trị để từng bước thực hiện những âm mưu thâm độc của chúng. Cuộc chuyển quân tập kết đã làm thay đổi tình hình so sánh lực lượng, từ thế "cài răng lược" ở phạm vi toàn quốc thành thế "tập trung" ở hai miền đất nước. Lực lượng cách mạng đang phát triển đều với những thuận lợi trên phạm vi toàn cục, nay tập trung cục bộ về phía Bắc vĩ tuyến 17. Thế và lực cách mạng ở đây được tăng cường mạnh nhất nhưng lại vô cùng bất lợi ở miền Nam. Trong khi đó lực lượng Pháp và các phe phái chính trị phản động trên toàn quốc dồn cả về miền Nam, mang theo tâm trạng thua cuộc, hận thù và muốn tìm chỗ dựa mới... Đó chính là cơ hội để Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam hất cẳng Pháp, thực hiện chủ nghĩa thực dân mới.

Từ nửa cuối năm 1954, những công cụ để thực hiện chiến lược mới của Mỹ tại miền Nam Việt Nam đã được xây dựng và từng bước củng cố.

Về chính trị, bộ máy ngụy quyền được dựng lên do Ngô Đình Diệm đứng đầu, có hệ thống từ trung ương đến các địa phương, là cơ sở để Mỹ áp đặt một chế độ thực dân dấu mặt trá hình ở miền Nam Việt Nam.

Về quân sự, ngụy quân được xây dựng với hệ thống chỉ huy và thiết bị chiến trường đầy đủ hiện đại, là lực lượng chủ yếu để Mỹ thi hành những kế hoạch chiến tranh chống phá cách mạng Việt Nam.

Về kinh tế, Mỹ giúp cho miền Nam phát triển nền kinh tế-xã hội theo con đường tư bản nhưng trước hết phải phụ thuộc vào viện trợ của nước ngoài và trong khuôn khổ quỹ đạo của Mỹ, phục vụ cho chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.

Về văn hóa, Mỹ cho phát triển ở miền Nam nền văn hóa thực dân mới trên tất cả các lĩnh vực giáo dục, văn hóa văn nghệ, văn hóa xã hội và tư tưởng; trong đó rất chú trọng du nhập lối sống thực dụng, đề cao văn hóa Mỹ và ra sức tuyên truyền chống cộng.

Với những công cụ chủ nghĩa thực dân mới, tấn công đánh phá lực lượng và phong trào cách mạng, từ 1954-1959 Mỹ-Diệm đã biến miền Nam Việt Nam từ một chiến trường chống chủ nghĩa thực dân, thành một chiến trường phản kích lại các lực lượng cách mạng. Từ 1954-1975 Mỹ đã thi thố ở Việt Nam 4 chiến lược chiến tranh, ứng dụng từ 3 lần thay đổi chiến lược toàn cầu, do 5 đời tổng thống kế tiếp nhau quyết tâm thực hiện. Trong điều kiện mới sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, thì đó là sự lựa chọn đúng nơi, đúng lúc, đúng đối tượng tiến hành chiến tranh của Mỹ. Chưa bao giờ Mỹ huy động được sức mạnh của cả nước Mỹ cùng các nước phe Mỹ, trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa khoa học kỹ thuật và quân sự, như là trong thời kỳ họ tiến hành chiến tranh Việt Nam. ý chí và quyết tâm của Mỹ khi đánh Việt Nam không phải chỉ nhằm khuất phục một dân tộc, dập tắt một ngọn lửa đấu tranh vì độc lập tự do, mà còn nhằm đe dọa nhiều nước khác, đồng thời thể nghiệm sức mạnh của Hoa Kỳ trong nửa cuối thế kỷ XX

(Theo sách Lịch sử Việt Nam - tủ sách ĐHTT 1996)

TRIỆT HẠ THỂ LỰC PHÁP VÀ CÁC ĐẢNG PHÁI ĐỐI LẬP

Mặc dù chiến tranh xâm lược của Pháp đã phải kết thúc thất bại hoàn toàn, nhưng kẻ thù mới của cách mạng Việt Nam xuất hiện và chúng mưu toan gây lại chiến tranh. Đảng và nhân dân Việt Nam từ giữa tháng 7/1954 đã nhận thấy "Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới và hiện đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương".

Đầu tháng 7/1954 Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về Sài Gòn làm Thủ tướng chính phủ bù nhìn Bảo Đại, viện trợ của Mỹ cho Pháp dần dần chuyển sang cho Diệm. ngày 17/11/1954 tướng Collins đến Sài Gòn làm đại sứ Mỹ đầu tiên ở Nam Việt Nam, mang theo kế hoạch 6 điểm và Collins tuyên bố: tất cả chỉ ủng hộ Diệm.

Chính quyền lập nên ở miền Nam sau hiệp định Genève không phải là chính quyền đại diện cho các tầng lớp nhân dân, đó chỉ là chính quyền thân Mỹ và chống lại nhân dân. Những công việc chủ yếu của chính quyền này tiến hành trong hai năm thi hành hiệp định đình chiến là: cự tuyệt hiệp thương với miền Bắc, cắt đứt mọi quan hệ của dân chúng giữa hai miền Nam-Bắc, biến giới tuyến quân sự thành biên giới chính trị, thanh toán các lực lượng chính trị và vũ trang đối lập, giương lên chiêu bài "đả thực, bài phong, diệt cộng"...

Đặc biệt là sau khi tự tổ chức "Trung cầu dân ý" (tháng 10/1955) với nội dung "phế truất Bảo Đại" và "suy tôn" Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống, Mỹ-Diệm đã đơn phương tiến hành bầu cử quốc hội (tháng 3/1956) và ban hành hiến pháp (tháng 10/1956), lập "đảng Cần lao nhân vị", "Phong trào cách mạng quốc gia", tổ chức cho dân chúng vào "Thanh niên cộng hòa" hay "Phụ nữ liên đới"....Đồng thời Mỹ còn vận động đưa cái gọi là "Việt Nam cộng hòa" vào Liên hiệp quốc, tạo cho nó vị trí ngoại giao trên trường quốc tế... Như vậy

âm mưu ngày càng rõ ràng của Mỹ-Diệm là phá hoại toàn bộ hiệp định Genève, chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam.

Việc gạt hẳn Pháp để Diệm nắm toàn bộ miền Nam là nhiệm vụ cấp thiết và Mỹ-Diệm đã phối hợp hành động đem lại hiệu quả khá nhanh. Tháng 9/1954 Pháp buộc phải tham gia khối quân sự SEATO trong đó Nam Việt Nam đặt dưới quyền bảo trợ của khối này, không còn là của riêng Pháp nữa. Tháng 12/1954 tướng Ely-Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương buộc phải chấp nhận yêu cầu của Collins, cho quân nguy được "tự trị". Ngày 30/3/1955 Pháp phải chấp nhận lịch rút quân và từ ngày 28/4/1955 đến 30/6/1955 phải rút ra khỏi Nam Việt Nam toàn bộ số còn lại của 122.000 quân viễn chinh Pháp, Lê dương, Bắc Phi... Đến đây Pháp ở Đông Dương chỉ còn lại các thế lực thân Pháp, trong đó đông đảo nhất là các lực lượng giáo phái trong "Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia Cao-Hòa-Bình".

Tháng 3/1955 Diệm mở các chiến dịch kết hợp các thủ đoạn chính trị, quân sự cảnh sát tấn công tiêu diệt các giáo phái ở Nam Bộ và lực lượng Đại Việt ở miền Trung. Cho đến cuối năm 1955, Đại Việt bị tan vỡ, Bình Xuyên bị đẩy xuống rừng Sát và đi vào tiêu vong, Cao Đài và Hòa Hảo bị tổn thất lớn với 600 người bị chết bị thương, 1.100 người bị bắt, 7.758 người ra hàng, nội bộ bị chia rẽ sâu sắc. Đến tháng 6/1956 tất cả những lực lượng chính trị và vũ trang thân Pháp còn lại đều chịu khuất phục chính quyền Diệm.

Sau các chiến dịch đó Mỹ-Diệm đã củng cố được thế lực. Quân chủ lực nguy giảm còn 147.462 người, không kể lực lượng bảo an, dân vệ và cảnh sát. Cố vấn Mỹ tăng từ 200 người lên 669 người và nhiều cơ quan cố vấn Mỹ được thành lập ở miền Nam. Một kế hoạch 5 năm xây dựng quân đội nguy đã hình thành với mục tiêu hiện đại hóa với 470.000 quân chính quy, 250 máy bay, 600 thiết giáp, 300 đại bác... Hệ thống thiết bị chiến trường được xây dựng với hàng loạt căn cứ quân sự, kho tàng, sân bay, cầu cảng, đường sá... Hệ thống chỉ huy được cải tổ và tăng cường. Năm 1955 có 53% số sỹ quan nguy được đi tu nghiệp tại Mỹ, hàng loạt sỹ quan hạ sỹ quan nguy được đề bạt, tăng lương....

Từ giữa năm 1955 phong trào đấu tranh của quần chúng cách mạng ban đầu nổi lên. Ngày 6/6/1955 chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố sẵn sàng mở hội nghị hiệp thương với chính quyền miền Nam và Mỹ-Diệm đã khăng khăng từ chối. Lập tức khắp nơi ở miền Nam dấy lên những cuộc đấu tranh phản đối Mỹ-Diệm, đòi mở hội nghị hiệp thương và nối lại quan hệ Bắc-Nam. Ngày 3/7/1955 hàng ngàn đồng bào Sài Gòn đã biểu tình đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Tổ quốc, đòi trả lại tự do cho những người trong "Ủy ban cứu trợ nạn nhân chiến tranh", chính quyền Diệm đã cho quân đội và cảnh sát đến đàn áp cuộc biểu tình này. Ngày 10/7/1955 cuộc tổng bãi công bãi thị của gần 80% lao động và nhân dân các giới các ngành thành phố Sài Gòn đã làm cho thành phố tê liệt. Ngày 19/7/1955 chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi công hàm cho chính quyền Diệm đề nghị cử người tham gia hội nghị hiệp thương; nhưng chính quyền Diệm cho tay chân tập trung bọn lưu manh bày trò biểu tình chống lại hiệp định Genève rồi đập phá trụ sở Ủy ban giám sát quốc tế ở Sài Gòn.

(Theo sách Lịch sử Việt Nam - tủ sách Đại học tổng hợp 1996)

CHÍNH SÁCH TỔ CỘNG DIỆT CỘNG

Sự phản kích của Mỹ-Diệm ngày càng mạnh. Sau khi diệt xong các giáo phái, chúng rảnh tay đối phó với cách mạng bằng việc triển khai trên quy mô toàn miền Nam "quốc sách tổ cộng" hết sức tàn bạo. Cách mạng miền Nam vì thế đứng trước tình thế cấp bách phải bảo toàn lực lượng còn lại, khả năng đấu tranh theo pháp lý hiệp định không còn. Ngày càng rõ một thực tế là "Chế độ miền Nam là một chế độ độc tài, phát-xít của bọn tư sản mại bản và phong kiến thân Mỹ phản động nhất... miền Nam đang trở thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ". Trong điều kiện ấy "tính chất cuộc cách mạng của ta ở miền Nam là dân tộc và dân chủ. Nhiệm vụ cách mạng miền Nam là phản đế và phản phong kiến". Do đó "hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang, nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng hình thức tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định", phải "tổ chức tự vệ trong quần chúng nhằm bảo vệ các cuộc đấu tranh và giải thoát cán bộ khi cần thiết", phải "củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ làm chỗ dựa đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì phát triển lực lượng vũ trang.

Mục tiêu của "tổ cộng là nhằm tận diệt cộng sản ở toàn miền Nam cả về con người lẫn tư tưởng theo phương thức "Thà giết nhầm chứ không bỏ sót", "tiêu diệt như trong tình trạng chiến tranh". Những chiến dịch tổ cộng của địch từ giữa năm 1956 trở đi càng mở rộng quy mô và vô cùng khốc liệt. Các chiến dịch "Thoại Ngọc Hầu" (từ tháng 6/1956 đến tháng 2/1957), "chiến dịch Mùa Thu" (từ tháng 10/1957 đến tháng 12/1957) càn quét tổ cộng khắp vùng đồng bằng sông Cửu Long; "chiến dịch Trương Tấn Bửu" (từ tháng 7/1956 đến tháng 2/1957), "chiến dịch Nguyễn Trãi" (từ tháng 4/1958 đến tháng 11/1958) đánh phá cách mạng ở miền Đông Nam Bộ và Sài Gòn-Chợ Lớn... Từ năm 1955 đến năm 1959 địch tiến hành 30 chiến dịch lớn

để thực hiện mục tiêu "tiêu diệt nội tuyến, diệt trừ nội tâm, đập lên oán thù để thực thi chủ nghĩa nhân vị quốc gia".

Chúng đánh trên diện rộng đồng thời có tập trung vào trọng điểm, chà đê xát lại, với tham vọng: người cộng sản hoặc bị tiêu diệt hoặc phải đầu hàng, quần chúng nhân dân hoặc chết hoặc khiếp sợ phải từ bỏ ủng hộ cách mạng. Những vụ thảm sát ở Mỏ Cày, Phú Lợi, Chợ Đước, Duy Xuyên, Hướng Điền.... không chỉ nhằm tiêu diệt con người về thể xác mà còn nhằm khủng bố về tinh thần và ý chí cách mạng. Thống kê triển lãm của địch ngày 26/10/1958 đã công bố: trong "chiến dịch Nguyễn Huệ" chúng đã giết 681 người và bắt giam 1005 người khác, trong "chiến dịch Thoại Ngọc Hầu" có 441 người bị giết và 2117 người bị bắt, còn "chiến dịch Trương Tấn Bửu" có 102 người bị thiệt mạng và 882 người khác bị giam cầm. Thống kê của ta cho biết từ cuối năm 1954 đến đầu năm 1959 ở miền Nam địch đã bắt giam 180.843 người, làm thương tật 10.185 người, giết 4.971 người.

Kết hợp với các biện pháp bạo lực, Mỹ - Diệm còn dùng các thủ đoạn lừa mị, mua chuộc bằng các biện pháp kinh tế - xã hội. Những đạo dụ "Cải cách điền địa" như Dụ số 2 (ngày 8/1/1955), Dụ số 7 (ngày 5/2/1955), Dụ số 57 (ngày 22/10/1956), thực chất đã cướp đi số ruộng đất mà nông dân được cách mạng chia cấp trong kháng chiến, để trả lại cho địa chủ, nhằm xóa bỏ ảnh hưởng của cách mạng trong dân chúng. Tính đến năm 1962 chính quyền Diệm đã cướp lại 560.000 ha ruộng đất mà cách mạng đã cấp cho nhân dân trong những năm kháng chiến. Cái gọi là "tiểu điền chủ hóa tá điền" trong thực tế chỉ có 125.000 trong tổng số 1.500.000 tá điền được mua đất.

Việc xây dựng các "đình điền" (từ tháng 4/1957) là biện pháp bình định nhằm gom dân quy khu lập ấp để tập trung khống chế quần chúng, cô lập các lực lượng cách mạng còn lại ở cơ sở. Diệm - Nhu cho rằng đình điền là "biện pháp xẻ đường đưa dân vào chiến khu, mật khu Việt cộng, dùng dân để đẩy cộng sản ra khỏi vùng đó"; đến đầu năm 1959 đã có 84 khu đình điền được xây dựng, gom được 128.374 người dân, chủ yếu là dân di cư từ miền Bắc.

Tháng 7/1959 Diệm lại triển khai chương trình "Khu trừ mật" xây dựng những "thị nông" ở nông thôn đồng bằng nhằm quy tụ dân, kiểm soát dân và cô lập các lực lượng cách mạng. Địch tuyên truyền rùm beng cho lý thuyết "đồng tiến xã hội" và "cách mạng nông thôn"

khi hàng chục khu trù mật được khánh thành, nhưng thực tế đó chỉ là sự đảo lộn toàn bộ vùng nông thôn cách mạng để tiêu diệt các lực lượng cách mạng ở đây.

(Theo sách Lịch sử Việt Nam - tủ sách Đại học tổng hợp 1996)

MỸ DIỆM THIẾT LẬP BỘ MÁY CẢI TRỊ MỚI

Ngày 7-7-1954, trước khi hiệp định Genève được ký kết 13 ngày, Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm (người được Mỹ nuôi dưỡng từ lâu) về nước làm thủ tướng bù nhìn thay thế Bửu Lộc. Tháng 9-1954, Mỹ quyết định viện trợ trực tiếp cho Ngô Đình Diệm. Tháng 11-1954, Mỹ cử tướng L. Colins sang làm đại sứ ở Sài Gòn. Colins đề ra kế hoạch 6 điểm để củng cố chính quyền Ngô Đình Diệm nhằm độc chiếm miền Nam bằng chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Kế hoạch Colins gồm những vấn đề sau :

Bảo trợ chính quyền Diệm. Viện trợ thẳng cho Chính phủ Sài Gòn. Xây dựng quân đội Nam Việt Nam gồm 15 vạn người do Mỹ trang bị, huấn luyện. Bầu cử quốc hội ở miền Nam, hợp pháp hóa chính quyền Sài Gòn. Định cư cho số người công giáo miền Bắc di cư vào Nam và vạch kế hoạch cải cách điền địa. Thay đổi chế độ thuế khóa, dành ưu tiên cho hàng hóa Mỹ ở miền Nam. Đào tạo cán bộ hành chính.

Ngày 13-12-1954, Pháp buộc phải ký với Mỹ bản hiệp ước giao trách nhiệm huấn luyện, trang bị quân ngũ ở miền Nam cho Mỹ.

Ngày 19-12-1954, Pháp ký hiệp định trao quyền hành chính, chính trị ở miền Nam cho Ngô Đình Diệm.

Sau khi lên nắm chính quyền, Ngô Đình Diệm đã xây dựng miền Nam thành một "quốc gia mạnh" của "thế giới tự do", có một "đạo quân cảnh sát" và một "đạo quân sen đầm" lớn mạnh để chống cách mạng, chống cộng sản. Để tạo chỗ dựa, Diệm đã cho thành lập "Đảng Cần lao nhân vị", phong trào "cách mạng quốc gia", "thanh niên cộng hòa", "phụ nữ liên đới" từ Trung ương tới địa phương nhằm tập hợp bọn phản động trong gia cấp tư sản, địa chủ, Thiên Chúa giáo và những tên có hận thù với cách mạng, làm hậu thuẫn cho chính quyền Diệm. Ngày 4-3-1956, Diệm tổ chức bầu "Quốc hội" riêng rẽ và

ngày 26-10-1956 cho công bố "Hiến pháp Việt Nam cộng hòa". Đây là việc làm hoàn toàn bất hợp pháp, trái với tinh thần Hiệp nghị Giơnevơ nhằm biến miền Nam nước ta thành một "quốc gia" riêng.

Về quân sự, cho tới tháng 6-1955, Mỹ đã xây dựng cho chính quyền Sài Gòn một đội quân dưới quyền điều khiển trực tiếp của Mỹ gồm 10 sư đoàn bộ binh, 17 tiểu đoàn pháo binh, 5 tiểu đoàn xe tăng thiết giáp và 54.000 quân địa phương. Số cố vấn Mỹ từ 35 người (năm 1950), tăng lên 699 người (năm 1956). Các cố vấn Mỹ có mặt đến tận cấp sư đoàn. Đội quân đó được trang bị tương đối hiện đại và huấn luyện theo chương trình do cố vấn Mỹ đặt ra. Mỹ còn cho xây dựng một hệ thống sân bay, quân cảng, đường giao thông chiến lược nhằm biến miền Nam nước ta thành một căn cứ quân sự khổng lồ. Chúng hò hét "Bắc tiến", "lấp sông Bến Hải" và chuẩn bị đánh ra miền Bắc.

Về kinh tế, chúng đưa hàng hóa ế thừa vào miền Nam, làm cho nền kinh tế dân tộc bị lũng đoạn và phụ thuộc vào Mỹ. Viện trợ Mỹ tăng vọt : từ năm 1955 - 1957, Mỹ đã viện trợ cho Diệm 1,1 tỉ đô la (trong đó gần 60% chi dùng vào mục đích quân sự). Tháng 1-1955, Diệm tuyên bố "Cải cách điền địa" với những luận điệu "chia ruộng đất cho dân", "hữu sản hóa vô sản", "bãi phong, đả thực"... Thực chất là chúng tước lại ruộng đất mà cách mạng đã chia cho nông dân từ thời kháng chiến chống Pháp và khôi phục, củng cố lại giai cấp địa chủ ở miền Nam.

Về văn hóa, chúng đưa "lối sống Mỹ" tràn vào miền Nam để đầu độc nhân dân ta, nhất là tầng lớp thanh - thiếu niên.

Dựa vào các đạo dụ cũ của Bảo Đại đã ban hành từ năm 1953, Mỹ - Diệm cho bổ sung thành những đạo dụ mới : Dụ số 2 (ra ngày 8-1-1955), Dụ số 7 (ra ngày 3-2-1955) và Dụ 57 (22-10-1956). Dụ số 2 quy định tá điền phải lập kế ước lĩnh canh. Dụ số 7 quy định hàng tháng chủ ruộng đất phải khai báo về việc khai thác ruộng đất. Mục đích của hai đạo dụ này là lấy lại ruộng đất của nông dân đã được chia từ thời kháng chiến chống Pháp, khôi phục lại quyền chiếm hữu của giai cấp địa chủ, biến nông dân đã có ruộng trở thành tá điền của địa chủ như trước đây.

Dụ 57 quy định những ruộng đất đem phân phối cho nông dân là những ruộng bỏ hoang và đất "truất hữu" của những địa chủ có

trên 100 mẫu. Tính đến 31-12-1959, tổng số ruộng đất khai báo để "truất hữu" là 463.557 mẫu (trong số 454.874 mẫu đã "truất hữu" với tổng số điền chủ bị "truất hữu" là 1980 người). Trong số ruộng đất "truất hữu", chỉ có 252.179 mẫu được cấp bán cho 128.719 người. Nếu cộng thêm vào số đó số ruộng "truất hữu" của Pháp kiều là 228.620 mẫu, trong đó chỉ có 52473 mẫu đem cấp bán cho nông dân thì số người được "hữu sản hóa" quá ít ỏi so với số người cần ruộng. Qua đó, ta thấy rằng đại bộ phận giai cấp địa chủ và 2/3 số ruộng đất mà họ chiếm giữ không bị động chạm tới qua "truất hữu" ruộng đất.

Như vậy, thông qua các Dự số 2, Dự số 7 và Dự 57, chính quyền Diệm đã khôi phục và câu kết với giai cấp địa chủ để cướp đoạt ruộng đất của nông dân, khôi phục lại chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, tăng tô lan tràn để từ đó, xóa bỏ những thành quả mà cách mạng đã đem lại cho nông dân.

Với một hệ thống cố vấn chặt chẽ cầm từ Phủ Tổng thống, Bộ Tổng tham mưu, Nha cảnh sát, các Bộ của chính quyền Sài Gòn đến các đơn vị quân đội, các địa phương và dựa vào quyền lực của vũ khí, đòla viện trợ, Mỹ đã can thiệp ngày càng sâu vào miền Nam, quyết định từ đường lối, chính sách đến các công việc cụ thể của chính quyền miền Nam như chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xã hội và ngoại giao. Miền Nam đã trở thành "thuộc địa kiểu mới" của Mỹ. Âm mưu xâm lược của Mỹ ở miền Nam là nhằm biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ để tiến công miền Bắc và hệ thống XHCN, làm "con dê" ngăn chặn chủ nghĩa xã hội và không cho phong trào cách mạng tràn xuống vùng Đông Nam Á.

(Theo Lịch sử Việt Nam đại cương tập 3)

CƯỜNG ÉP DI DÂN - MỘT THỦ ĐOẠN CHÍNH TRỊ THÂM ĐỘC CỦA MỸ

Ngày 1 tháng 8 năm 1954 là ngày ngừng chiến, theo chủ trương của Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, 50.000 người phần lớn là công nhân các xí nghiệp quan trọng, cơ sở hạ tầng xung yếu như nhà đèn, bến cảng... cả công nhân đang làm việc trong các đơn vị hậu cần quân Pháp (SLOM, Intendence Militaire...) và các tầng lớp khác, biểu tình tại đường Kitchner (Nguyễn Thái Học bây giờ) hoan hô hòa bình, đòi thi hành đúng hiệp định Genève.

Cùng lúc đó, Sài Gòn lại diễn ra một cảnh tượng trái ngược: hết ngày này sang ngày khác, những chiếc tàu há mồm chạt ních những người công giáo miền Bắc bị lừa mị và cưỡng ép, di cư vào Nam gọi là "tị nạn cộng sản", đang nối đuôi nhau cập bến cảng Sài Gòn. Hối hả hốt từ Bắc vĩ tuyến 17 và dồn vào Nam cho được ít ra một triệu dân di cư để tính chuyện lâu dài, bọn tay sai Mỹ đang gây ra bao cảnh ly hương, nheo nhóc. Hàng chục vạn người phút chốc rời khỏi nơi chôn nhau cắt rốn, gia đình ly tán...bị dồn chạt ở các bãi đậu xe chờ đưa đi các trại buộc phải ngửa tay xin bố thí.

Trong và sau 300 ngày (thời gian mà Hiệp định Genève quy định hoàn toàn thành việc tập kết, chuyển quân) bọn đầu cơ chính trị, tay sai đế quốc đã lừa gạt, cưỡng ép, lôi kéo hàng chục vạn người từ nhiều tỉnh miền Bắc, đa số là Thiên Chúa giáo, di cư có tổ chức hoặc vượt biên vào miền Nam, tổng số lên đến 888.505 người. Sau khi đưa một số đi các tỉnh, số đồng bào Thiên Chúa giáo còn lại ở Sài Gòn đã lên trên 243.000 người trong số 2 triệu dân Sài Gòn, phân bố thành 23 xứ, 7 hạt, có 517 linh mục (343 mới di cư). Riêng ở Củ Chi, số mới di cư vào là 10.000 người. Tờ báo cánh hữu Pháp Le Monde thừa nhận: "Diệm coi giáo dân là một nguồn dự trữ cho quân đội và những tổ chức chính trị của chế độ Sài Gòn".

Chỉ riêng sự việc này đủ báo trước tính chất quyết liệt của cuộc chiến đấu mới.

Chiến lược ban đầu của Mỹ nhằm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, được phác họa trong bị vong lục của Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ số 561/1 ngày 3 tháng 9 năm 1956: "Giúp đỡ nước Việt Nam tự do (Nam Việt Nam) phát triển một chính phủ hợp hiến, ổn định và hùng mạnh, để có thể khẳng định sự tương phản ngày càng hấp dẫn so với các điều kiện trong khu vực hiện nay của cộng sản ở miền Bắc cũng như ở miền Nam Việt Nam, để cuối cùng đi đến thống nhất nước Việt Nam bằng phương pháp hòa bình, thành lập nước Việt Nam tự do, độc lập dưới sự lãnh đạo của chính phủ chống cộng sản".

Trước ngày lý Hiệp định Genève, tháng 4 năm 1954, cơ quan MAAG (phái đoàn cố vấn viện trợ quân sự - Military Assistance Advisory Group) do O'Daniel cầm đầu đã đến Sài Gòn. Ngày 8 tháng 6 năm 1954, Ngô Đình Diệm, một quan lại phong kiến đã từng làm tay sai cho Pháp, cho Nhật, được Mỹ vun đắp thành một con chủ bài trong âm mưu mới, đã được đưa về Sài Gòn. Một tháng sau Diệm lên làm "thủ tướng" (ngày 7 tháng 7 năm 1954) với những công việc cần làm ngay đã vạch sẵn để đi đến thành lập "nước Việt Nam Cộng hòa", vĩnh viễn chia cắt đất nước, thực thi chiến lược bao trùm là "diệt cộng". Tháng 11 năm 1954, tướng Mỹ Collins được cử sang Sài Gòn làm đặc sứ cho Ngô Đình Diệm.

(Lịch sử Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn kháng chiến 1945 - 1975)

NHỮNG TRÒ HỀ DÂN CHỦ

Ngày 23 tháng 10 năm 1955, Diệm bày trò trưng cầu dân ý gạt hẳn Bảo Đại, lập lễ đài ở đường Gallieni, tự phong thủ tướng.

Từ cuối năm 1955, Diệm cắt nốt mọi quan hệ với Pháp, trực tiếp nhận viện trợ của Mỹ, không qua trung gian Pháp nữa. Ngày 26 tháng 10 năm 1955 Diệm tuyên bố thành lập "nước Việt Nam Cộng hòa", lấy Sài Gòn làm "thủ đô". Đến đây đế quốc Mỹ không qua trung gian thực dân Pháp trực tiếp nắm bộ máy tay sai, thực hiện mưu đồ biến miền Nam Việt Nam thành vùng đất nằm trong quỹ đạo của Mỹ.

Sau việc đăng bài của Max Clos tố cáo trò gian lận của Diệm biến 450.000 phiếu thành 605.025 phiếu, tờ báo Le Figaro ngày 26 tháng 10 năm 1955 đã đăng bài nói về việc tẩy chay của nhân dân Sài Gòn đối với việc thành lập "nước Việt Nam Cộng hòa": "Để ăn mừng chính thể cộng hòa được thành lập, nhà cầm quyền miền Nam động viên công chức, người di cư và trẻ em các trường học làm một cuộc biểu tình không lấy gì làm quan trọng. Còn dân chúng thì ai ở nhà nấy, không buồn ra đường... không làm sao so sánh được với những cuộc tuần hành ở Hà Nội..."

Cuối tháng 1 năm 1956, Diệm ký một đạo luật công khai khước từ tổng tuyển cử: đạo luật bầu cử quốc hội riêng rẽ. 8 ứng cử viên bị tình nghi tán thành hòa bình thống nhất buộc phải rút lui trước. Hãng thông tấn Mỹ thừa nhận, chỉ có "người của Diệm tranh cử với nhau". Biết địch sẽ khùng bố nếu chống bầu cử, cán bộ ta khuyên dân cứ đi nhưng đi trễ, bỏ phiếu trắng, phiếu không hợp lệ. Mặc dù vậy, nhiều người vẫn không đi. Diệm đặt giải thưởng một triệu đồng cho ai bắt được người xé áp phích, nhưng chỉ trong 3 ngày, trước và sau bầu cử (ngày 4 tháng 3 năm 1956) 80% số áp phích quảng cáo bầu cử bị xé. Lần tháng 3 năm nay, người đi bỏ phiếu ít hơn tháng 10 năm ngoái từ 15 đến 30 phần trăm, nhưng tất nhiên là phe Diệm "toàn thắng".

Để nắm chặt quân đội ngụy, Mỹ liên tục tăng cố vấn quân sự và kiện toàn tổ chức MAAG (tổng số cố vấn từ 200 năm 1954 lên 669 tên năm 1956); giải tán "phái bộ huấn luyện hỗn hợp" Pháp - Mỹ (TRIM); tổ chức ra "phái bộ huấn luyện" tác chiến lục quân (CATO: Combat Army Training Organisation) gồm toàn người Mỹ, cho triển khai thêm "phái bộ trang bị và cung cấp "(TERM: Temporary Equipment Recovery Mission). Cả hai tổ chức này đặt dưới quyền của MAAG.

(Lịch sử Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn kháng chiến 1945 - 1975)

MỸ DIỆM THIẾT LẬP BỘ MÁY CẢI TRỊ MỚI

Ngày 7-7-1954, trước khi hiệp định Genève được ký kết 13 ngày, Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm (người được Mỹ nuôi dưỡng từ lâu) về nước làm thủ tướng bù nhìn thay thế Bửu Lộc. Tháng 9-1954, Mỹ quyết định viện trợ trực tiếp cho Ngô Đình Diệm. Tháng 11-1954, Mỹ cử tướng L. Colins sang làm đại sứ ở Sài Gòn. Colins đề ra kế hoạch 6 điểm để củng cố chính quyền Ngô Đình Diệm nhằm độc chiếm miền Nam bằng chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Kế hoạch Colins gồm những vấn đề sau :

Bảo trợ chính quyền Diệm. Viện trợ thẳng cho Chính phủ Sài Gòn. Xây dựng quân đội Nam Việt Nam gồm 15 vạn người do Mỹ trang bị, huấn luyện. Bầu cử quốc hội ở miền Nam, hợp pháp hóa chính quyền Sài Gòn. Định cư cho số người công giáo miền Bắc di cư vào Nam và vạch kế hoạch cải cách điền địa. Thay đổi chế độ thuế khóa, dành ưu tiên cho hàng hóa Mỹ ở miền Nam. Đào tạo cán bộ hành chính.

Ngày 13-12-1954, Pháp buộc phải ký với Mỹ bản hiệp ước giao trách nhiệm huấn luyện, trang bị quân ngũ ở miền Nam cho Mỹ.

Ngày 19-12-1954, Pháp ký hiệp định trao quyền hành chính, chính trị ở miền Nam cho Ngô Đình Diệm.

Sau khi lên nắm chính quyền, Ngô Đình Diệm đã xây dựng miền Nam thành một "quốc gia mạnh" của "thế giới tự do", có một "đạo quân cảnh sát" và một "đạo quân sen đầm" lớn mạnh để chống cách mạng, chống cộng sản. Để tạo chỗ dựa, Diệm đã cho thành lập "Đảng Cần lao nhân vị", phong trào "cách mạng quốc gia", "thanh niên cộng hòa", "phụ nữ liên đới" từ Trung ương tới địa phương nhằm tập hợp bọn phản động trong gia cấp tư sản, địa chủ, Thiên Chúa giáo và những tên có hận thù với cách mạng, làm hậu thuẫn cho chính quyền Diệm. Ngày 4-3-1956, Diệm tổ chức bầu "Quốc hội" riêng rẽ và

ngày 26-10-1956 cho công bố "Hiến pháp Việt Nam cộng hòa". Đây là việc làm hoàn toàn bất hợp pháp, trái với tinh thần Hiệp nghị Giơnevơ nhằm biến miền Nam nước ta thành một "quốc gia" riêng.

Về quân sự, cho tới tháng 6-1955, Mỹ đã xây dựng cho chính quyền Sài Gòn một đội quân dưới quyền điều khiển trực tiếp của Mỹ gồm 10 sư đoàn bộ binh, 17 tiểu đoàn pháo binh, 5 tiểu đoàn xe tăng thiết giáp và 54.000 quân địa phương. Số cố vấn Mỹ từ 35 người (năm 1950), tăng lên 699 người (năm 1956). Các cố vấn Mỹ có mặt đến tận cấp sư đoàn. Đội quân đó được trang bị tương đối hiện đại và huấn luyện theo chương trình do cố vấn Mỹ đặt ra. Mỹ còn cho xây dựng một hệ thống sân bay, quân cảng, đường giao thông chiến lược nhằm biến miền Nam nước ta thành một căn cứ quân sự khổng lồ. Chúng hò hét "Bắc tiến", "lấp sông Bến Hải" và chuẩn bị đánh ra miền Bắc.

Về kinh tế, chúng đưa hàng hóa ế thừa vào miền Nam, làm cho nền kinh tế dân tộc bị lũng đoạn và phụ thuộc vào Mỹ. Viện trợ Mỹ tăng vọt : từ năm 1955 - 1957, Mỹ đã viện trợ cho Diệm 1,1 tỉ đô la (trong đó gần 60% chi dùng vào mục đích quân sự). Tháng 1-1955, Diệm tuyên bố "Cải cách điền địa" với những luận điệu "chia ruộng đất cho dân", "hữu sản hóa vô sản", "bãi phong, đả thực"... Thực chất là chúng tước lại ruộng đất mà cách mạng đã chia cho nông dân từ thời kháng chiến chống Pháp và khôi phục, củng cố lại giai cấp địa chủ ở miền Nam.

Về văn hóa, chúng đưa "lối sống Mỹ" tràn vào miền Nam để đầu độc nhân dân ta, nhất là tầng lớp thanh - thiếu niên.

Dựa vào các đạo dụ cũ của Bảo Đại đã ban hành từ năm 1953, Mỹ - Diệm cho bổ sung thành những đạo dụ mới : Dụ số 2 (ra ngày 8-1-1955), Dụ số 7 (ra ngày 3-2-1955) và Dụ 57 (22-10-1956). Dụ số 2 quy định tá điền phải lập kế ước lĩnh canh. Dụ số 7 quy định hàng tháng chủ ruộng đất phải khai báo về việc khai thác ruộng đất. Mục đích của hai đạo dụ này là lấy lại ruộng đất của nông dân đã được chia từ thời kháng chiến chống Pháp, khôi phục lại quyền chiếm hữu của giai cấp địa chủ, biến nông dân đã có ruộng trở thành tá điền của địa chủ như trước đây.

Dự 57 quy định những ruộng đất đem phân phối cho nông dân là những ruộng bỏ hoang và đất "truất hữu" của những địa chủ có trên 100 mẫu. Tính đến 31-12-1959, tổng số ruộng đất khai báo để "truất hữu" là 463.557 mẫu (trong số 454.874 mẫu đã "truất hữu" với tổng số điền chủ bị "truất hữu" là 1980 người). Trong số ruộng đất "truất hữu", chỉ có 252.179 mẫu được cấp bán cho 128.719 người. Nếu cộng thêm vào số đó số ruộng "truất hữu" của Pháp kiều là 228.620 mẫu, trong đó chỉ có 52473 mẫu đem cấp bán cho nông dân thì số người được "hữu sản hóa" quá ít ỏi so với số người cần ruộng. Qua đó, ta thấy rằng đại bộ phận giai cấp địa chủ và 2/3 số ruộng đất mà họ chiếm giữ không bị động chạm tới qua "truất hữu" ruộng đất.

Như vậy, thông qua các Dự số 2, Dự số 7 và Dự 57, chính quyền Diệm đã khôi phục và câu kết với giai cấp địa chủ để cướp đoạt ruộng đất của nông dân, khôi phục lại chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, tăng tô lan tràn để từ đó, xóa bỏ những thành quả mà cách mạng đã đem lại cho nông dân.

Với một hệ thống cố vấn chặt chẽ cầm từ Phủ Tổng thống, Bộ Tổng tham mưu, Nha cảnh sát, các Bộ của chính quyền Sài Gòn đến các đơn vị quân đội, các địa phương và dựa vào quyền lực của vũ khí, đòla viện trợ, Mỹ đã can thiệp ngày càng sâu vào miền Nam, quyết định từ đường lối, chính sách đến các công việc cụ thể của chính quyền miền Nam như chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xã hội và ngoại giao. Miền Nam đã trở thành "thuộc địa kiểu mới" của Mỹ. Âm mưu xâm lược của Mỹ ở miền Nam là nhằm biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ để tiến công miền Bắc và hệ thống XHCN, làm "con đê" ngăn chặn chủ nghĩa xã hội và không cho phong trào cách mạng tràn xuống vùng Đông Nam Á.

(Theo Lịch sử Việt Nam đại cương tập 3)

CẢI CÁCH ĐIỀN ĐỊA, CƯỚP ĐẤT NÔNG DÂN

Để "tranh thủ trái tim khối óc người nông dân", tách nông dân khỏi ảnh hưởng cách mạng, chương trình "cải tiến nông thôn" của Diệm được sớm triển khai. Lấy việc thực hiện chính sách "cải cách điền địa" làm khẩu hiệu trung tâm, ngày 8 tháng 1 năm 1955 Diệm ra Dụ số 2, tiếp đến ngày 3 tháng 2 năm 1955 ra Dụ số 7 "cải cách điền địa" về giảm tô và giao đất bỏ hoang cho tá điền canh tác. Ngày 22 tháng 10 năm 1956 lại ra Dụ số 57 về quyền truất hữu ruộng đất của chính phủ và "tiểu điền chủ hóa tá điền". Những cái gọi là "cải cách" trên quanh đi quẩn lại đã làm cho 650.000 ha mà cách mạng đã cấp cho nông dân miền Nam trong kháng chiến và trước ngày tập kết, bị gặc cướp không rồi lại bán đấu giá ngược trở lại; nhưng người nghèo không có tiền mua, người giàu không đủ đất mua. Thành quả cách mạng bị xóa. Việc này, nông dân không thể nhìn được, do đó "cải cách điền địa" chẳng những đã không "tranh thủ trái tim khối óc người nông dân" mà còn làm cho mâu thuẫn giữa nông dân và tay sai đế quốc thêm quyết liệt. Nhà sử học Mỹ Gabriel Kolko thừa nhận : "chỉ có 12% tá điền được nhận đất, nhưng phải mua trong khi chính sách của Việt Minh là cho không", do đó, "trước 1955, địa chủ là đối tượng chủ yếu của sự cay đắng của nông dân, bây giờ còn thêm những quan chức hung hăng của Diệm".

Nông dân Gia Định vào cuộc đấu tranh về ruộng đất ngay sau khi "Dụ 1" ra đời. Ngày 9 tháng 3 năm 1955 trong một cuộc họp tá điền tại Sài Gòn, có hơn 100 đại biểu nông dân đòi hủy bỏ chế độ đấu giá công điền. Ngày 1 tháng 5 năm 1956, trong cuộc biểu tình lớn tại Sài Gòn, nông dân Gia Định trưng khẩu hiệu đòi sửa đổi luật công điền.

Địch lại bắt 96 nông dân các xã Đông Hưng Thuận, Trung Mỹ Tây, Tân Thới Hiệp rời làng để chúng lấy đất xây dựng khu căn cứ quân sự liên hoàn Lê Lợi và Quang Trung, mở xa lộ Sài Gòn - Biên

Hòa. Nông dân hai xã Đông Hưng Thuận và Trung Mỹ Tây cử đại biểu lên tận "quốc hội", phủ tổng thống Diệm, Bộ quốc phòng phản đối dời làng. Cuộc đấu tranh chống dời làng kéo dài đến hàng năm, có người như chị Trương Ngọc Thanh bị bắt đến cả chục lần, có những nông dân cầm dao, mác, gây đuổi cố vấn Mỹ. 96% nông dân các huyện xung quanh Sài Gòn đã nhập cuộc trong cuộc đấu tranh chống "cải cách điền địa", buộc việc đấu giá công điền phải tạm ngưng. Đến cuối 1956, Diệm mới lấy lại được khoảng một phần ba đất công của nông dân Gia Định.

(Theo sách Lịch sử Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn kháng chiến 45-75)

NỘI DUNG HIỆP ĐỊNH GENEVE VỀ ĐÔNG DƯƠNG 1954

Tiếp theo hội nghị ngoại trưởng 4 nước Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp tại Béc-lin tháng 1/1954 để bàn về việc triệu tập hội nghị quốc tế tại Genève giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hòa bình ở Đông Dương; ngày 26/4/1954, giữa lúc quân ta chuẩn bị mở cuộc tấn công thứ 3 để quyết định số phận quân viễn chinh Pháp ở Điện Biên Phủ, thì Hội nghị Genève về Đông Dương khai mạc.

Ngày 8/5/1954, Hội nghị Genève bắt đầu thảo luận vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương. Phái đoàn chính phủ ta do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn bước vào hội nghị với tư thế là đại biểu cho một dân tộc chiến thắng. Trong phiên họp ngày thứ hai (ngày 10/5/1954) trưởng đoàn Phạm Văn Đồng đã tuyên bố lập trường căn bản của chính phủ và nhân dân ta là hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Lập trường chính nghĩa và những điểm cụ thể nêu lên làm cơ sở cho việc lập lại hòa bình ở Đông Dương được nhân dân tiến bộ Pháp và các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới nhiệt liệt đồng tình và ủng hộ. Ngược lại các thế lực đế quốc và hiếu chiến Pháp hết sức lúng túng, bị cô lập trong âm mưu phá hoại hội nghị Genève nhằm kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương. Trải qua 26 phiên họp toàn thể và hạn chế, hội nghị đã thảo luận 4 vấn đề chính :

Vấn đề ngừng bắn cùng một lúc trên toàn cõi Đông Dương. Vấn đề liên quan giữa hai mặt chính trị và quân sự. Vấn đề quyết định khu vực tập kết của quân đội hai bên. Vấn đề kiểm soát việc thi hành hiệp định đình chiến.

Ngày 18/6/1954, chính phủ Pháp do Laniel làm Thủ tướng, một chính phủ ngoan cố và phản động bị đổ, chính phủ mới Mendès France lên làm thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ ngoại giao chủ trương

thương lượng trực tiếp với Chính phủ ta để đi đến một giải pháp hy vọng cứu vãn được ít nhiều uy tín và danh dự của nước Pháp. Phái đoàn chính phủ Pháp đã có những đóng góp tích cực hơn, góp phần đưa hội nghị Genève tiến tới một bước mới.

Thể hiện tinh thần yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta và xu thế chung giải quyết các vấn đề tranh chấp của thế giới bằng thương lượng, Việt Nam đã chấp thuận giải pháp mà hội nghị đã thỏa thuận.

Ngày 20/7/1954, tại Genève chính phủ Pháp phải ký kết hiệp định đình chiến với ta. Chính phủ Pháp cùng với các nước tham dự hội nghị tuyên bố : "Mỗi nước tham gia hội nghị và toàn vẹn lãnh thổ của những nước trên (tức Việt Nam, Lào, Campuchia) và tuyệt đối không can thiệp vào nội trị của những nước đó". Hai bên phải ngừng bắn, tập kết quân đội về hai vùng, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời cùng với một khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến. "Giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là ranh giới về chính trị và lãnh thổ".

Hiệp định cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào 3 nước Đông Dương. Các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương. Các nước Đông Dương không được gia nhập những khối liên minh quân sự và không được để các nước khác dùng lãnh thổ của mình để gây lại chiến tranh hoặc phục vụ mục đích xâm lược. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước. Cuộc tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7/1956 dưới sự kiểm soát của Ủy ban quốc tế (gồm Ấn Độ, Ba Lan, Canada do Ấn Độ làm chủ tịch). Trách nhiệm thi hành hiệp định Genève thuộc về những người ký Hiệp định và những người kế tiếp nhiệm vụ của họ. Đế quốc Mỹ không ký vào bản tuyên bố chung của hội nghị, mà đã ra một tuyên bố riêng cam kết tôn trọng hiệp nghị Genève về Đông Dương.

Tuy còn những hạn chế, nhưng hiệp định Genève cùng chiến thắng Điện Biên Phủ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương. Pháp phải rút quân viễn chinh về nước, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Một thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam đã được mở ra thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở

miền Bắc, đồng thời tiếp tục đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

(Lịch sử Việt Nam - tủ sách ĐHTH 1996)

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI HOÀ BÌNH, ĐÒI HIỆP THƯƠNG Ở SÀI GÒN - CHỢ LỚN

Tháng 10 năm 1954, cuộc họp Xứ ủy tại Cán Gáo - Biển Bạch (Tây Nam rừng U Minh) chính thức thành lập lại Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Tỉnh Gia Định vẫn duy trì tỉnh ủy đương nhiệm do đồng chí Phạm Khải (Ba Ka) làm bí thư. Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm bí thư; Nguyễn Ngọc Thanh - phó bí thư, Trần Quốc Thảo - ủy viên thường vụ (một năm sau làm phó bí thư)...

Tháng 9 năm 1954, Bộ Chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng họp xác định nhiệm vụ cách mạng dân tộc giải phóng của ta chưa hoàn thành, cuộc đấu tranh cứu quốc không vì đình chiến mà kết thúc mà đang tiếp tục, song về phương châm đấu tranh thì "phải thay đổi từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị", mọi "hình thức đấu tranh kịch liệt (như kiểu khởi nghĩa và chiến tranh du kích) cần phải thay đổi ngay" (NQ9, BCT).

Tháng 11 năm 1954 Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn và Tỉnh ủy Gia Định đều họp, tiếp thu nghị quyết trên và đề ra nhiệm vụ hai năm tới đẩy mạnh phong trào quần chúng đấu tranh đòi hỏi thi hành Hiệp định Genève, bảo vệ hòa bình, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, đòi các quyền dân sinh, dân chủ; về sách lược, phải khôn khéo, triệt để lợi dụng mâu thuẫn địch, đề ra khẩu hiệu sát hợp với yêu cầu của quần chúng; về tổ chức và hành động; tận dụng cả ba thế : hợp pháp, nửa hợp pháp, không hợp pháp, với ba hình thức : công khai, nửa công khai, bí mật. Theo phương châm đó, thành lập các Ban vận động trong các ngành các giới : công vận, phụ vận, tư sản vận, trí vận, riêng hoa vận do Xứ ủy nắm các Ban báo chí, Văn nghệ, Ban học sinh, sinh viên; đưa Đảng viên vào bám và xây dựng cơ sở ở các trọng điểm; gấp rút đào tạo cán bộ hoạt động đô thị; tổ chức cài cắm người và xây dựng cơ sở nội tuyến trong các cơ quan đầu não địch như : Sở công an Nam phần, Bộ tư lệnh đệ nhất quân khu (Nam Bộ),

Phủ tổng thống, Sở Nghiên cứu chính trị, văn hóa xã hội, Bộ tổng tham mưu, sân bay Tân Sơn Nhất... Tỉnh ủy Gia Định chủ trương chống khủng bố kết hợp đòi thi hành hiệp định, giữ ruộng đất mà cách mạng đã tạm cấp cho nông dân, vận động nông dân trở về vườn cũ làm ăn... củng cố các căn cứ cũ, địa đạo, hầm bí mật...

Phong trào hòa bình bắt liên lạc với Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát đình chiến. Đại biểu của phong trào đi thăm tù chính trị, yêu cầu Ủy ban quốc tế đòi các nhà chức trách Liên hiệp Pháp phải thả người mà họ đang cố giữ.

Qua theo dõi, ngày 7 tháng 11 năm 1954, Diệm ra lệnh khám xét trụ sở của Phong trào ở đường Gallieni, bắt một số cán bộ của phong trào đưa ra tòa, nhưng không đủ lý để buộc tội. Diệm lại dựng lên "tội lập hội không xin phép", bắt giam 8 người, trong đó có luật sư Nguyễn Hữu Thọ, giáo sư Nguyễn Văn Dưỡng, giáo sư Phạm Huy Thông, kỹ sư Lưu Văn Lang...

Không kết tội được những người yêu nước, Diệm dựng lên các bằng chứng man trá, như tổ chức rải truyền đơn rồi vu là của phong trào Hòa Bình, để tiếp tục khủng bố. Số người bị bắt tiếp tục tăng vọt. Cuộc đấu tranh ở tòa án Sài Gòn ngày càng quyết liệt. Các trò gian trá, vu khống liên tiếp bị lật tẩy, nhưng địch thua keo này bày keo khác, cố đưa các vị ra tòa án quân sự, uy hiếp phong trào đấu tranh chính trị đang dâng cao.

Cuộc đấu tranh phản đối hành động phát xít của ngụy quyền trở thành phong trào lớn, thu hút từ lớp nghèo thành thị đến giới thợ thầy, công thương gia. Các sạp của 50 chợ, mỗi người góp một số tiền để mượn 6 luật sư bênh vực những người bị bắt. Suốt hai tháng 11, 12 năm 1954, Diệm mở phiên tòa xử "Phong trào Hòa Bình Sài Gòn - Chợ Lớn", nhưng các ủy ban cơ sở của phong trào lại càng hoạt động mạnh.

Cuối tháng 12 năm 1954, gần 25.000 công nhân trong 28 cơ sở quân sự của Pháp ở Sài Gòn -Chợ Lớn đình công đòi tăng lương 20%, đòi giảm giá sinh hoạt, đòi thi hành Hiệp định Genève. Cuộc đấu tranh lan ra Thủ Dầu Một, Biên Hòa, kéo dài đến ngày 4 tháng 1 năm 1955 mới tạm dừng, sau khi đạt được một phần yêu sách.

Ba tháng đầu năm 1955, đã có trên 80.000 người dân Sài Gòn - Chợ Lớn, trong đó công nhân lao động giữ vai trò nòng cốt, với 30 cuộc bãi công, đấu tranh đòi giải quyết đời sống, đòi thi hành hiệp định.

Phong trào đấu tranh của nông dân ngoại thành đòi thi hành hiệp định bắt đầu từ huyện Củ Chi lan nhanh đến Gò Vấp, Thủ Đức, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè.

Tháng 6 năm 1955, Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn họp thường kỳ tại nhà số 300A đường Ngô Tùng Châu, làng Bình Hòa (nay là quận Bình Thạnh) để kiểm điểm, đánh giá tình hình công tác của đảng bộ trong 3 tháng đầu năm 1955, và đề ra những nhiệm vụ trước mắt. Cũng tại nơi đây, tháng 7 năm 1955, Khu ủy họp lần thứ hai và định ra chế độ họp thường kỳ 3 tháng một lần trong hai năm 1955 - 1956 để chỉ đạo phong trào được liên tục.

Cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân đòi thả những người của "Phong trào Hòa Bình Sài Gòn - Chợ Lớn" và đòi hiệp thương hai miền tiếp tục phát triển mạnh.

(Theo sách Lịch sử Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn kháng chiến 45-75)

ĐÔLA MỸ VÀ LỐI SỐNG MỸ

Sức nặng của đồng đôla và giá cả điên đảo

Trong những năm đầu sau Hiệp định Genève, từ 1955 đến 1960, Mỹ viện trợ cho Diệm gần 2 tỷ USD. Dưới tác động của viện trợ Mỹ, kinh tế của Sài Gòn phát triển khá nhanh theo chiều hướng kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa. Nhà máy mọc lên khá nhiều: 70% trong tổng số 12.000 cơ sở công nghiệp của toàn miền Nam tập trung tại vùng Sài Gòn - Gia Định - Biên Hòa. Công cuộc sản xuất ở thành phố sớm bộc lộ nhiều nhược điểm nghiêm trọng, như phụ thuộc quá lớn vào nước ngoài (Mỹ, Nhật...) về nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị và cả về Kỹ thuật; phát triển một cách què quặt (vì thiếu những ngành then chốt như cơ khí chế tạo máy, hóa chất cơ bản, sản xuất nguyên liệu kỹ thuật) và mất cân đối, không những không chú trọng toàn bộ nền kinh tế mà ngay cả trong từng ngành, từng xí nghiệp (như thiếu sợi cho công nghiệp dệt, thiếu bột giấy cho công nghiệp giấy...). Từ khi chiến tranh lan rộng, những ngành nghề trực tiếp hay gián tiếp phục vụ chiến tranh có điều kiện phát triển mạnh, còn nhiều ngành nghề khác bị chững lại hay suy sụp. Mặt khác, do viện trợ, Mỹ cũng buộc ngụy quyền Sài Gòn phải mua hàng của Mỹ rồi bán hàng đó mà lấy tiền trả lương cho công chức, binh lính... khiến hàng sản xuất trong nước không cân sức với hàng ngoại nhập.

Mười mấy năm sau, các tác giả của Tài liệu mật Lầu Năm Góc kể công: "Không có sự giúp đỡ của Mỹ, gần như chắc chắn là Diệm không thể củng cố được chỗ đứng của mình ở miền Nam trong thời gian 1955 và 1956 (...) Không có viện trợ của Mỹ trong những năm sau đó, chắc chắn là chế độ Diệm (...) không thể sống sót được". Họ kết luận một cách không úp mở: "Về cơ bản, miền Nam Việt Nam là sản phẩm do Mỹ tạo ra".

Được Mỹ cố vấn và tài trợ, chính quyền Diệm đáp lại những nguyện vọng của nhân dân bằng đàn áp, khủng bố. Diệm đề ra "quốc

sách tố Cộng" (11-4-1955), dụ số 6 (11-1-1956) thành lập các trại tập trung để an trí những người bị xem là "nguy hại cho quốc phòng và an ninh", luật 10/59 (6-5-1959) lập các tòa án quân sự đặc biệt chỉ xử hai mức án: tử hình và khổ sai chung thân. Tài liệu mật của Lầu Năm Góc ghi: "Trong cái gọi là chiến dịch tố Cộng bắt đầu từ mùa hè 1955, có từ 5 đến 10 vạn người bị bắt vào các trại giam". Đó là những người yêu nước, trước đây đã kháng chiến giành độc lập tự do, nay tiếp tục đấu tranh cho hòa bình thống nhất. Đặc biệt, nhiều cán bộ lãnh đạo Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định lần lượt bị Mỹ - Diệm bắt giết như Trần Quốc Thảo, Nguyễn Trọng Tuyển, Đoàn Văn Bơ...

Để nắm rõ tình hình và âm mưu của địch, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ Lê Duẩn quyết định vào Sài Gòn. Từ tháng 6 đến tháng 12-1956, đồng chí sống và làm việc tại nhà số 29 đường Huỳnh Khương Ninh (Đakao, quận 1) giữa sự bao bọc của đồng bào, đồng chí. Chính trong lòng địch, đồng chí đã viết bản Dự thảo đề cương Đường lối cách mạng miền Nam, khẳng định: "Nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng. Ngoài con đường đó, không có con đường nào khác". Và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là "đánh đổ chiến quyền độc tài phát xít của Mỹ - Diệm" để "cùng toàn quốc thực hiện hòa bình, thống nhất".

Để thực hiện ý đồ xâm lược Mỹ không tìm đâu ra đất trống giữa đô thành đông dân để lập doanh trại, một mặt Mỹ thuê một số khách sạn ở những khu vực "an ninh" (thường là ở các quận trung tâm của Sài Gòn), mặt khác chi tiền cho các nhà thầu xây dựng mới một số cao ốc. Sau khi ký hợp đồng với Mỹ và nhận trước tiền cho thuê trong hai năm, các chủ thầu tiến hành xây dựng cấp tốc. Vì vậy, hầu hết cao ốc này là những tòa nhà hình hộp với đường nét kiến trúc cực kỳ đơn giản, hoàn toàn không có hoa văn cầu kỳ như các công trình xây dựng dưới thời thuộc Pháp.

Quân Mỹ đổ vào Sài Gòn càng đông thì các cao ốc xây cho Mỹ thuê mọc lên càng nhiều. Chỉ riêng đường Trần Hưng Đạo đã có khoảng mười cao ốc từ 5 đến 10 tầng mọc lên bên cạnh những ngôi nhà trệt hay hai, ba tầng xây dựng từ trước.

Luôn luôn sống trong nỗi lo sợ bị tấn công, Mỹ cho canh gác các cư xá này một cách cẩn mật ngày đêm. Bất chấp vẻ thẩm mỹ của cảnh quan đô thị, các cư xá này thường được che chắn bằng hàng rào kẽm gai, tấm lưới chống B.40 và thùng phuy chứa đầy cát và xi-măng để làm ụ chiến đấu khi cần!

Sau vụ Tòa đại sứ Mỹ bị quân giải phóng tấn công hư hại nặng, Mỹ treo bảng cấm người đi bộ và người đi xe dừng lại trước cư xá Mỹ; nếu không, lính gác Mỹ sẽ nổ súng. Đọc bảng cấm đó, người Sài Gòn ai ai cũng phẫn nộ. Có tờ báo viết: "Thành phố này là của người Việt Nam. Lính Mỹ là khách không mời mà đến, có quyền gì mà ra lệnh cấm chủ nhà?". Một hôm, một chiếc xe lam chạy ngang một cư xá Mỹ trên đường Hai Bà Trưng thì hỏng máy. Tài xế vừa bước xuống đất định đẩy xe đi nơi khác thì lính gác Mỹ xả súng vào xe, khiến tài xế và nhiều hành khách chết tại chỗ. Những sự cố tương tự như thế xảy ra như cơm bữa, không tháng nào không có.

Thực hiện chiến lược "hai gọng kìm: tìm - diệt và bình định", Mỹ - Thiệu liên tục mở các cuộc hành quân càn quét ở nông thôn, ném bom bắn phá xóm làng, xua đuổi hàng chục vạn nông dân lìa bỏ ruộng đồng, chạy lên Sài Gòn. Trên tạp chí Xây dựng mới số 5 xuất bản ở Sài Gòn tháng 9 - 1967, tác giả Phạm Hoàng Thanh viết: "Mỗi ngày dân chúng ở quê lũ lượt kéo lên thành phố khiến dân số nơi đây gia tăng một cách kinh khủng, có nơi mật độ lên tới 28.000 người một cây số vuông. Người ta chen lấn giành giật nhau từng tấc đất để xây cất. Hiện giờ ở Sài Gòn, sau những cao ốc đẹp đẽ, có ai ngờ có hàng ngàn hàng vạn ngôi nhà ván lợp tôn chen ép nhau, tối tăm bẩn thỉu, bên cạnh những ao tù nước đọng, những đống rác thối tha ghê tởm". Báo cáo của Tổng cục gia cư nguy quyền cũng thừa nhận: trong những xóm nhà ổ chuột đó, người dân "sống trong cảnh thiếu thốn, không thể tưởng tượng được, chen chúc bên cạnh những ao vũng, rấn rết, thiếu từ không khí, vệ sinh, ánh sáng... thậm chí đến cả lối đi. Mùa mưa thì bị ngập nước, sinh lầy nhơ nhớp, mùa nắng thì lo sợ hỏa hoạn".

Những khu ổ chuột đó không chỉ làm mất vẻ mỹ quan của "thủ đô" mà còn khó kiểm soát về an ninh chính trị và trật tự xã hội. Vì vậy, một số chung cư bắt đầu được xây dựng. Tuy có điện nước, đường sá, cống rãnh... song cuộc sống không lấy gì làm thoải mái lắm trong

những căn hộ khá chật hẹp (nhất là đối với những gia đình đông người) chồng chất lên nhau trên những diện tích không rộng lắm (chung cư Ấn Quang gồm 850 căn hộ trên khu đất rộng 2,39ha; chung cư Bàn Cờ, 1.260 hộ/ 3,62ha; chung cư Nguyễn Văn Thoại và Nguyễn Kim: 2.445 hộ/5,06 ha; chung cư Minh Mạng: 3.150 hộ/10,82 ha). Khu cư xá Thanh Đa được xây dựng trên diện tích khá rộng (36ha) ven bờ sông Sài Gòn, cảnh trí nên thơ, bốn bề gió lộng, nên khắc phục được cảm giác tù túng của những chung cư trong nội thành. Khu cư xá này gồm 31 tòa nhà 5 tầng, chứa được 4.074 hộ, thuộc nhiều loại khác nhau (và giá bán cao, thấp khác nhau): có loại chỉ rộng 53m², có loại rộng tới 80m², có loại cầu thang chung cho cả một tầng lầu, có loại cầu thang riêng cho từng hai hộ...

Để giải quyết nạn khan hiếm nhà hết sức trầm trọng ở Sài Gòn lúc đó, theo tính toán của ngụy quyền, thành phố cần xây mới 50.000 căn hộ và giải tỏa 110.000 nhà ổ chuột. Thế nhưng, trong suốt 10 năm trời, chỉ có vắn vện 15.700 căn hộ được xây.

Hai công trình kiến trúc lớn được xây trong những năm 1960 là dinh Độc Lập (mới) và Tòa đại sứ Mỹ (mới).

Ngày 27-2-1962, hai trung úy phi công ngụy Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc (thuộc một tổ chức chống Diệm) đã ném bom dinh Độc Lập trong 10 phút. Cánh bên trái của dinh bị hư hại nặng. Ngô Đình Diệm cho san bằng dinh để xây lại mới hoàn toàn theo bản thiết kế của kiến trúc sư tài ba Ngô Viết Thụ. Nhưng Diệm không được ở dinh mới: ông ta bị nhóm tướng tá đảo chính giết chết ba năm trước khi dinh mới khánh thành (31-10-1966). Dinh mới cao 4 tầng, gồm 100 phòng, được trang trí lộng lẫy, kinh phí xây dựng lên tới 2,7 triệu đôla Mỹ.

Công trình thứ hai là Tòa đại sứ Mỹ ở góc hai đường Thống Nhất (nay là Lê Duẩn - Mạc Đĩnh Chi), xây xong tháng 9-1967, để thay cho Tòa đại sứ Mỹ cũ (ở số 39 đường Hàm Nghi) bị các chiến sĩ biệt động thuộc đơn vị F.21 tấn công ngày 30-3-1965 làm hư hại nặng.

Sứ quán mới là một tòa nhà lớn hình khối chữ nhật, sơn màu trắng, cao 6 tầng, gồm 140 phòng, được xây dựng hết sức kiên cố như

một pháo đài. Báo chí gọi là "Tòa nhà trắng ở phương Đông" vì tại đây các kế hoạch chính trị và quân sự được bàn bạc và quyết định.

Để thu hút thanh niên Mỹ tham gia vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Chính phủ Mỹ dành cho họ nhiều ưu đãi về vật chất. Lương tháng của một binh nhất Mỹ là 90 đôla (sau tăng lên 95đôla), nghĩa là bằng thu nhập bình quân của một người Sài Gòn trong một năm. Chưa hết, nhờ mua đi bán lại hàng PX (hàng được Chính phủ Mỹ trợ giá), thu nhập của lính Mỹ ở miền Nam Việt Nam tăng lên gấp nhiều lần lương chính thức. Do đó, họ mặc sức tiêu pha gây đảo lộn trong sinh hoạt kinh tế - xã hội của thành phố.

Trước hết là tình trạng phân hóa ngày càng sâu sắc trong xã hội. Giữa lúc đại đa số nhân dân lao động, trí thức... vật lộn hết sức khó khăn với đời sống hằng ngày do vật giá không ngừng leo thang, thì một bộ phận trong dân cư thành phố trở nên giàu có nhanh chóng. Đó là những người sống bằng những nghề phục vụ cho các nhu cầu ăn ở, đi lại, chơi bời... của lính viễn chinh, từ những chủ thầu cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho lính Mỹ, những người làm sỏ Mỹ... đến bọn ma cô, gái điếm, gái nhảy, gái tắm hơi, gái bán "bar"... Sự phân hóa về kinh tế đó dẫn tới sự đảo lộn các bậc thang giá trị truyền thống trong xã hội: "thứ nhất là sỏ Mỹ, thứ nhì là gái đi, thứ ba bọn ma cô, thứ tư tướng tá ngụy".

Hàng Mỹ và hàng các nước và lãnh thổ trong phe Mỹ (Nhật, Nam Triều Tiên, Đài Loan...) được nhập tràn lan hoặc được tuần từ các cửa hàng PX của quân viễn chinh vừa sang, vừa rẻ, đã bóp chết nhiều ngành sản xuất thủ công và nửa cơ giới truyền thống của thành phố. Nhiều nhà sản xuất hàng nội hóa muốn tồn tại phải chấp nhận hạ giá hàng (như 1kg xà bông giá 66,6đ (1965) hạ còn 44,7đ (1966), 1 tạ đường cát giá 2.745đ (1965) hạ còn 2.580,6đ (1966)... Đặc biệt nghề dệt - vốn là một thế mạnh của thành phố với những xóm dệt nổi tiếng ở Tân Bình, Gò Vấp... bị giáng một đòn trí mạng: "Hàng vạn khung cử phải ngừng hoạt động, hàng tỉ bạc đầu tư trong máy móc bỗng nhiên trở thành vô dụng và hàng chục ngàn thợ phải từ bỏ lãnh vực sản xuất bước sang lãnh vực khác". "Bước sang lãnh vực khác" chẳng qua là một lối nói "tế nhị" nhằm tránh bị kiểm duyệt, trong thực tế, đông đảo những người thợ dệt này đã gia nhập vào đạo

quân thất nghiệp của thành phố (đông đến 30 vạn người vào tháng 2-1966).

Chiến tranh càng leo thang, nạn lạm phát càng nghiêm trọng (báo chí gọi là "lạm phát phi mã"): 140 tỷ (1969), 162 tỷ (1970), 187,4 tỷ (1971), tỷ lệ gia tăng bình quân hằng năm là 15%.

Để đối phó, Thiệu - Kỳ không còn biện pháp nào khác hơn là phá giá đồng bạc và tăng thuế.

Ngày 17-6-1966, với tư cách là Chủ tịch Ủy ban hành pháp trung ương, Nguyễn Cao Kỳ ký hai sắc lệnh 001/66 và 002/66 quy định 1 đôla Mỹ ăn 118 đồng (trước đó 1 đôla tương đương 60 đồng). Trên chợ đen, giá 1 đôla Mỹ lên tới 270 đồng và không ngừng tăng đến 360đ (1969), 414đ(1971), 640đ (1974), 700đ (1975).

Hậu quả tức thời của biện pháp phá giá đồng bạc là cả mọi hàng hóa đều tăng vọt. Theo thống kê của Ngân hàng quốc gia ngụy, giá một số thực phẩm vào cuối năm 1965 và cuối năm 1967 như sau:

1kg thịt gà tăng từ 96 đồng lên 309 đồng (gấp 3,2 lần).

1kg thịt vịt tăng từ 63 đồng lên 203 đồng (gấp 3,2 lần).

1kg tôm tươi tăng từ 62 đồng lên 216 đồng (gần 3,5 lần).

Người dân lao động Sài Gòn không dám động đến các món hàng "cao cấp" nói trên, nhưng họ không thể không ăn cơm với rau trong bữa ăn hàng ngày. Thế nhưng giá cả các thực phẩm thiết yếu này cũng tăng không dưới 3 lần (vẫn theo thống kê của cơ quan ngụy quyền nói trên):

1kg gạo sọc nâu từ 9,03đ lên 27,83đ (hơn 3 lần).

1 kg rau muống từ 7đ đến 21đ (gấp 3 lần).

Mặt khác, như báo Điện tín ngày 5-12-1973 viết: " với nhu cầu ngân sách gồm những chi phí cực nặng trên lĩnh vực quốc phòng... người dân sẽ phải hứng đỡ gánh nặng thuê khóa bằng tất cả mọi tàn lực của mình". Thật vậy, chính quyền Thiệu không ngừng tăng thuế cũ và đặt thêm thuế mới: thuế nhà hàng (31-3-1966), thuế lương bổng (3-9-1966), thuế lợi tức (3-9-1966)... để ngày càng vơ vét tài lực của

người dân: từ 77 tỷ (1969), 97 tỷ (1970) lên 126 tỷ (1973), 240 tỷ (1974)!

Tức nước phải vỡ bờ, công nhân và nhân dân lao động thành phố lập các tổ chức như Ủy ban bảo vệ quyền lợi lao động, Ủy ban đấu tranh chống sa thải công nhân, Ủy ban cải thiện đời sống công nhân, v.v... để đòi chính quyền Thiệu và giới chủ phải tăng lương, hạ giá sinh hoạt, chống đuổi thợ dưới bất kỳ hình thức nào và nhất là đòi Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút quân về nước vì đó là những nguyên nhân của mọi khổ đau về vật chất và tinh thần của dân ta.

Lối sống sa đọa và truy lạc

Để "giúp vui" cho đạo quân viễn chinh, Mỹ - Thiệu cho phép mở cửa hàng loạt snack bars, phòng tắm hơi, hộp đêm, tiệm nháy và nhất là nhà chứa, nhan nhản khắp Sài Gòn, đặc biệt là xung quanh các cư xá Mỹ. Thị trường mại dâm - được gọi một cách nôm na là "chợ heo" - được Mỹ - Thiệu công khai hóa và hợp pháp hóa. Năm 1966, từ Sài Gòn về, Thượng nghị sĩ Mỹ William Fulbright nhận xét: "Mỹ đã biến Sài Gòn thành một ổ điểm". Câu nói đó tuy có xúc phạm đến thể diện và danh tiếng của thành phố, song đã phản ánh một thực tế đau lòng. Một tạp chí xuất bản ở Sài Gòn mô tả: "Tại chợ heo đó, hằng ngày có hai ba trăm người con gái Việt Nam đứng sắp hàng... cho lính Mỹ đến chọn dặt đi. Với một nắm đôla trong tay, lính Mỹ thật là nhiều tự do: tự do phá hoại văn hóa Việt Nam".

Lối sống dâm ô truy lạc, không chỉ là hậu quả tất nhiên của sự có mặt của hàng ngàn, hàng vạn lính viễn chinh đứ đởn và lăm lăm, nó còn nằm trong chủ trương thâm độc của Mỹ - Thiệu muốn sa đọa hóa thanh niên Việt Nam hòng làm cho giới trẻ quên đi hoàn cảnh đất nước đang bị xâm lược, quay lưng lại với nghĩa vụ đối với dân tộc.

Từ chủ trương đó xuất hiện ở Sài Gòn một dòng văn học khiêu dâm trong đó các tác giả chuyên khai thác thị hiếu thấp kém của người đọc, đề cao bản năng thú tính, công khai cổ vũ cho lối sống hưởng thụ, xem việc thỏa mãn tính dục là mục đích tối thượng của cuộc đời. Bên cạnh những phim "con heo", báo chuyên in hình phụ nữ khỏa thân (như Play-boy, Penthouse, Nude...) bày bán công khai trên vỉa hè các đường Lê Lợi, Công Lý... ở ngay trung tâm thành phố, là

những tiểu thuyết Yêu, Sóng, Loạn... của Chu Tử, Cậ chó, Chú Tư Cầu, Đêm không cùng... của Lê Xuyên và những truyện ngắn, truyện dài khiêu dâm của các tác giả khác như Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu, Thụy Vũ, Túy Hồng...

Sự có mặt của quân Mỹ cũng như chủ trương nói trên của Mỹ - Thiệu gây ra những hậu quả nghiêm trọng trong đời sống văn hóa - tinh thần của thành phố. "Sự sa đọa, sự truy lạc trong xã hội... đã gây ra biết bao thảm cảnh gia đình, bao nhiêu đổ vỡ hạnh phúc, bao nhiêu chuyện bi đát thương tâm. Qua các báo hằng ngày, không ngày nào là không có những vụ án mạng vì tình, những vụ tự tử, đâm chém, bắn giết lẫn nhau vì giành nhau một người đẹp..."

Bảo vệ văn hóa dân tộc

Chống lại âm mưu đồi trụy hóa xã hội của Mỹ - Thiệu, nhân dân Sài Gòn nhanh chóng thành lập các tổ chức quần chúng rộng rãi như Lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc, Hội bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi phụ nữ, Hội bảo vệ tinh thần thanh thiếu niên..., xuất bản các tạp chí Tin Văn, Hồn Trẻ, Tiếng Nói Trí Thức..., tổ chức nhiều buổi diễn thuyết, hội thảo, ra tuyên ngôn, nghị quyết vạch rõ: chính chiến tranh xâm lược và sự hiện diện của quân viễn chinh là nguyên nhân dẫn tới những đổ vỡ trong đời sống văn hóa - tinh thần của Sài Gòn nói riêng và toàn miền Nam nói chung: "Hiện tượng văn hóa đồi trụy lúc này thể hiện rõ nhất, tai hại nhất ở khía cạnh khêu gợi bản năng dục tính, khuấy động thú tính. Trong văn chương thì rõ nhất, nhưng không phải chỉ có văn chương bao gồm báo chí, mà cả hội họa, âm nhạc, điện ảnh, ca kịch nữa. Nguyên nhân là chiến tranh và người ngoại quốc (ám chỉ lính Mỹ) quá đông, là sự nhập cảng những tác phẩm văn nghệ, phim ảnh kiểu sexy, cũng là tinh thần vô trách nhiệm của những văn nghệ sĩ vong bản".

Người tiêu biểu nhất cho đám "văn nghệ sĩ vong bản" đó là Chu Tử. Các nhà phê bình văn học như Vũ Hạnh, Lữ Phương,... đã phê phán Chu Tử phục vụ cho chủ trương đồi trụy hóa xã hội của Mỹ - ngụy. Sinh viên tổ chức "phiên tòa" để "xử án" Chu tử và quyết định thiêu hủy các tiểu thuyết độc hại của ông ta. Mỹ - Thiệu ra mặt bênh vực Chu Tử, bắt giam Vũ Hạnh và định bắt Lữ Phương, nên Lữ Phương phải ra bưng tham gia Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình.

Trong suy nghĩ của người Sài Gòn, cách tốt nhất để chống lại những tác hại của chủ trương văn hóa đồi trụy, phản động là xây dựng một nền văn hóa dân tộc, tiến bộ và lành mạnh.

Phong trào hát sử ca (những bài hát ca ngợi các sự kiện oanh liệt trong lịch sử dân tộc như Hội nghị Diên Hồng, các chiến thắng Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa...) và kháng chiến ca (những bài hát sáng tác trong thời kỳ chống Pháp) lan nhanh trong các trường phổ thông và đại học, làm sống lại truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc ta. Sinh viên học sinh phát động phong trào Hát cho đồng bào tôi nghe phổ biến những bài hát do chính sinh viên sáng tác, phản ánh thực tiễn đấu tranh phong phú của các tầng lớp nhân dân Sài Gòn (như Người mẹ Bàn Cờ, Tự nguyện, Dậy mà đi, Tổ quốc ơi ta đã nghe...). Sinh viên học sinh còn trình diễn các vở kịch (như Tiếng gọi Lam Sơn, Tiếng trống Hà Hồi, Hàm Tử quan, Diêm Vương xử án Sầu Thợ (ám chỉ Nguyễn Văn Thiệu)...), các nhạc cảnh (như Tiếng trống hào hùng, thăm cảnh Mỹ Lai, Làm thân cỏ cú, Công trường chiều nay...) rất được quần chúng tán thưởng. Nhà nghiên cứu âm nhạc Tô Vũ nhận xét: "Trong lịch sử âm nhạc cách mạng, hiển nhiên phong trào Hát cho đồng bào tôi nghe với sự hưởng ứng rộng rãi của quần chúng đô thị, với hàng loạt bài hát xuất sắc, đã chiếm lĩnh một vị trí đẹp đẽ mà giới nghệ thuật nói chung, ngành âm nhạc nói riêng, có thể tự hào".

Phát huy tác dụng của phong trào Hát cho đồng bào tôi nghe, sinh viên học sinh Sài Gòn tổ chức những đêm không ngủ bên ánh lửa trại để ca hát và hội thảo về các chủ đề: Hát cho hòa bình Việt Nam, Đốt lửa lên cho rõ mặt kẻ thù...

Bất chấp lưỡi kéo kiểm duyệt của Mỹ- Thiệu, khi Bác Hồ qua đời, nhiều trí thức, nhà văn, nhà báo đã công khai ca ngợi công đức của vị lãnh tụ kính yêu (như nói chuyện với người đã khuất của Lý Chánh Trung, chói sáng như mặt trời của Lưu Nghi...) Các bài nghiên cứu của nhà sử học Trương Bá Cần như Từ cách mạng tháng mười đến Cách mạng tháng tám, hai mươi lăm năm xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc...được dân Sài Gòn hoan nghênh, còn Mỹ- Thiệu thì run sợ, đưa tác giả ra tòa, tịch thu sách báo...

Mặc cho Mỹ- Thiệu đàn áp khủng bố, những nhà báo chân chính vẫn anh dũng phản ánh những suy nghĩ của người Sài Gòn

trên mặt báo công khai qua các bài như Lòng dân (của Thanh Giang, báo Thân Dân), Những ngày tàn của cuộc chiến (của Giang Nguyên, báo Tin Lửa), Viễn Cảnh hòa bình mới ở Việt Nam (của Phạm Hồng, báo Tin Lửa)...

Văn hóa trở thành mặt trận

Sài Gòn là nơi tập trung nhiều tờ báo nhất nước. Ngoài những tờ vô thưởng vô phạt nặng về kinh doanh, báo chí Sài Gòn lúc đó có hai lập trường chính trị đối lập hẳn nhau.

Lập trường thứ nhất là chống Cộng, chống hiệp thương tổng tuyển cử, kêu gào "lấp sông Bến Hải" để mở cuộc "Bắc tiến". Những tờ báo có lập trường này đều nhận tiền của Mỹ - Diệm, như các tờ: Cách mạng quốc gia, Tự Do, Dân Tộc, Ngôn Luận, Tin Bắc, Tin Mới, v.v... hô hào chống cộng lớn nhất là số ký giả di cư như Tô Văn, Vũ Bắc Tiến, Hiếu Chân (Nguyễn Hoạôt), Phạm Việt Tuyền...

Sau chín năm khói lửa, người dân Sài Gòn hiểu thế nào là giá trị của hòa bình, độc lập, thống nhất, nên họ ủng hộ những tờ báo chủ trương thực hiện đầy đủ Hiệp định Genève như các báo Công Lý, Điện Báo, Duy Tân, Nhân Loại, Gọi Đàn, Hùng Sáng, Bình Minh, v.v... Tất cả những tờ báo này đều có sự cộng tác - tất nhiên là rất kín đáo - của những cán bộ kháng chiến như Nguyễn Văn Hiếu, Dương Tử Giang, Lý Văn Sâm, Lý Văn Sinh, Trường Xuân Thúc, Tô Nguyệt Đình, Thanh Giang, Nguyễn Khắc Công, Văn Phụng Mỹ, Trần Ngọc Sơn, Hương Ngô, v.v...

Báo chí trở thành một mặt trận đấu tranh chính trị quyết liệt. Các nhà báo kháng chiến càng được bạn đọc Sài Gòn mến mộ thì Mỹ Diệm càng "để ý" đến họ. Ái Lan, Hương Nam, Trần Thanh Thế, Nguyễn Văn Mai, Dương Tử Giang, Lý Văn Sâm... bị bắt; Trần Ngọc Sơn, Anh Hoàng... bị đày ra Côn Đảo và hy sinh ở ngoài đó.

Lúc đầu sau chiến tranh kết thúc, các đoàn cải lương hoạt động rộn rịp hẳn lên. Bên cạnh các đoàn của Sài Gòn, còn có các đoàn ở các tỉnh lên thành phố trình diễn. Ngoài ra, còn mấy đoàn từ ngoài Bắc vào như Kim Chung, Bích Hợp, Phụng Khánh... hát cải lương theo giọng Bắc.

Nhiều đoàn cải lương tiến bộ chuyên dàn dựng các vở về đề tài lịch sử, ca ngợi truyền thống chống xâm lược của dân tộc như Bạch Đằng Giang nổi sóng, Hỏa hồng Nhật Tảo, Ngược sóng Phù Luông, Tiếng sấm Phú Kinh, Cứu lấy non sông... hoặc khoác lên sự kiện cũ một ý nghĩa thời sự (chẳng hạn, vở Lấp sông Gianh không chỉ phê phán cuộc phân tranh của hai dòng họ phong kiến Trịnh - Nguyễn mà chủ yếu là lên án âm mưu của Mỹ - Diệm muốn kéo dài tình trạng chia cắt đất nước, chống hiệp thương tổng tuyển cử tái thống nhất Tổ quốc). Vì vậy, giữa lúc đoàn Kim Thoa đang diễn vở này tại rạp Nguyễn Văn Hảo, Mỹ - Diệm cho ném lựu đạn lên sân khấu khiến nghệ sĩ Ba Cương và nhiếp ảnh viên Nguyễn Mai chết tại chỗ, nghệ sĩ Duy Lâm và hàng chục người khác bị thương nặng.

Sân khấu Đuốc Việt ở Phú Nhuận cũng bị đốt vì diễn vở Bút xiềng nô lệ.

Diệm ra lệnh cấm diễn các vở có nội dung tiến bộ như Người mặt cháy, Nhụy hoa lan...

Nhiều soạn giả và nghệ sĩ cải lương bị bắt như Phạm Trần (Phi Vân), Năm Châu, Tám Cao... Soạn giả Trần Hữu Trang bị truy lùng, đến 1960 phải rời thành phố ra vùng giải phóng.

(300 năm Sài Gòn-TP.HCM)

CÁC CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH CỦA MỸ Ở VIỆT NAM

Trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam kéo dài tháng 7/1954 đến tháng 5/1975 qua năm đời tổng thống Mỹ (Aixenhao, Kennơđi, Giônxon, Nichxon, Pho) điều hành 4 kế hoạch chiến lược thực dân mới và chiến tranh xâm lược của Mỹ. ("Chiến tranh đơn phương", "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ", Chiến tranh "Việt Nam hóa"). Chúng đã chi trực tiếp cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam tới 676 tỉ đôla (so với 341 tỉ trong Chiến tranh thế giới thứ hai và 54 tỉ trong chiến tranh Triều Tiên), và nếu tính cả chi phí gián tiếp thì lên tới 920 tỉ. Chúng huy động lúc cao nhất là 55 vạn quân viễn chinh, lôi kéo 5 nước ở châu Á - Thái Bình Dương tham chiến với số quân lúc cao nhất là hơn 7 vạn người vào cuộc chiến, trực tiếp chiến đấu và làm nòng cốt cho hơn một triệu quân tay sai ở miền Nam. Chúng đã giội xuống hai miền đất nước ta hơn 7,8 triệu tấn bom đạn, một khối lượng bom đạn lớn hơn lượng bom đạn mà chung đã sử dụng trong bất cứ cuộc chiến tranh nào trước đó.

Chúng tôi xin giới thiệu vài chiến lược tiêu biểu mà đế quốc Mỹ đã thực hiện tại Việt Nam.

Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ

Thắng lợi của phong trào "Đồng Khởi" của nhân dân ta ở miền Nam đã đẩy chính quyền Sài Gòn vào thời kỳ khủng hoảng triền miên. Chiến lược "Chiến tranh đơn phương" của Aixenhao được thực thi ở miền Nam đã bị phá sản.

Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đang cuộn cuộn dâng lên, làm sụp đổ từng mảng lớn của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.

Trước tình hình trên, G. Kennơđi lên làm Tổng thống Mỹ đã phải điều chỉnh lại chủ nghĩa Aixenhao. Kennơđi đề ra chiến lược "phản ứng linh hoạt" thay cho chiến lược "trả đũa ô ạt" với ba loại chiến tranh: chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ và chiến tranh tổng lực. Hai kiểu chiến tranh trên được coi là "chiến tranh hạn chế". Mục đích của "Chiến tranh đặc biệt" (còn gọi là "chiến tranh thứ ba", "chiến tranh chống du kích", "chiến tranh lật đổ") là chống lại phong trào giải phóng dân tộc. Công cụ để tiến hành chiến tranh là lực lượng quân sự người bản xứ do Mỹ trang bị và chỉ huy; tiền bạc, vũ khí trang bị của Mỹ là công cụ chủ yếu của chiến tranh đặc biệt. Chúng coi đó là hình thức linh hoạt, kịp thời để đối phó có hiệu quả đối với phong trào giải phóng dân tộc. Cùng ngày nhận chức Tổng thống Mỹ, 20-1-1961 Kennơđi chính thức công bố học thuyết mới và chọn Việt Nam làm nơi thí điểm "chiến tranh đặc biệt". Kennơđi đã chấp nhận viện trợ cứu nguy chế độ Diệm và đưa 19.000 quân chiến đấu, dưới tên gọi cố vấn quân sự, sang Việt Nam. Kennơđi coi Việt Nam là tuyến cuối cùng chống cộng sản ở Đông Nam Á và nếu Mỹ rút khỏi Việt Nam thì sự sụp đổ sẽ diễn ra ở cả khu vực Đông Nam Á! Ngày 8-5-1961, chính sách đối với Việt Nam đã được chính thức phê chuẩn và mang tên NSAM-52 với nội dung chủ yếu: Tăng cường và mở rộng quyền điều hành tác chiến, chỉ huy yểm hộ của phái đoàn cố vấn quân sự MAAG; đưa lực lượng đặc biệt của Mỹ vào miền Nam Việt Nam, giúp Diệm xây dựng lực lượng đặc biệt, chốt chặt biên giới, chống miền Bắc thâm nhập; tăng cường mở rộng, cải tiến trang bị và huấn luyện quân đội, coi đó là công cụ chủ yếu để chống chiến tranh du kích; khản trương bình định, lập "ấp chiến lược" hòng dồn hơn 10 triệu người dân miền Nam vào các trại tập trung trá hình để thực hiện "Tác nước bắt cá", cô lập để tiêu diệt cách mạng miền Nam; ra sức củng cố chính quyền các cấp và đẩy mạnh các hoạt động chiến tranh phá hoại chống lại miền Bắc. Ngày 11-5-1961, Mỹ đưa 400 tên lính đầu tiên thuộc lực lượng đặc biệt Mỹ vào miền Nam, nâng tổng số quân Mỹ ở miền Nam từ 1077 cố vấn quân sự (1960) lên 10640 (1962) - gồm 2360 cố vấn và 8280 tên thuộc các đơn vị kỹ thuật. Tháng 4-1961, Mỹ tiến hành cải tổ hệ thống tổ chức chiến trường: bỏ các quân khu, lập ba vùng chiến thuật, do các quân đoàn chủ lực đảm nhiệm với đủ các thành phần quân địa phương, binh chủng yểm trợ, chỉ huy; dưới là các tiểu khu (tỉnh) và các chi khu quân sự (huyện hoặc quận). Cố vấn Mỹ có mặt ở các cấp đến tận các tiểu khu, các

trung tâm huấn luyện, các cơ quan tác chiến, các cấp tiểu đoàn, các biệt khu - chi khu chủ yếu. Chúng tăng cường trang bị cho quân đội Sài Gòn nhiều máy bay, xe bọc thép, vũ khí hiện đại và đưa dần lực lượng không quân, hậu cần yểm trợ Mỹ vào miền Nam. Diệm đã cử người học hỏi kinh nghiệm chống du kích, dần dần lập "ấp chiến lược" ở Malaixia, Philippin về để đàn áp cách mạng. Mỹ cho mời Tômxơn (Thomson) - chuyên gia quân sự chống du kích của Anh tại Malaixia, sang làm cố vấn "bình định". Năm 1961, quân của Diệm tăng lên 17 vạn người, 5 vạn bảo an dân vệ và 85 đại đội đặc biệt. Đồng thời, Mỹ - ngụy tăng cường bắt lính, tăng thời hạn quân dịch từ 12 đến 18 tháng. Được Mỹ hỗ trợ, quân đội Sài Gòn đã mở 2 vạn cuộc càn quét quy mô (từ tiểu đoàn đến trung đoàn), đánh phá ác liệt phục vụ cho việc gom dân lập ấp chiến lược. Chúng còn dự định tăng quân của Diệm lên 27 vạn người. Tháng 6-1961, Kennơđi cử E.Xtalây sang miền Nam Việt Nam. Xtalây đưa ra một kế hoạch chiến lược gồm ba điểm: 1- Dự kiến trong vòng 18 tháng (từ giữa năm 1961 đến cuối năm 1962) sẽ lập được 16.000 ấp chiến lược, đánh phá cơ sở cách mạng, cơ bản bình định được miền Nam; 2- Dự kiến trong năm 1963 sẽ khôi phục nền kinh tế, phát triển lực lượng, tiến hành các hoạt động gây rối, phá hoại làm mất ổn định miền Bắc; 3-Chuyển sang phát triển kinh tế và dự kiến đến cuối năm 1965 miền Nam sẽ trở thành một quốc gia mạnh của "thế giới tự do".

Tháng 5-1961, Mỹ quyết định tăng gấp hai lần viện trợ quân sự cho Diệm. Ngày 14-11-1961, Kennơđi chuẩn y kế hoạch Xtalây và những kiến nghị của Taylo (Taylor) (trừ 2 điểm là đưa lực lượng đặc nhiệm Mỹ vào miền Nam và ném bom miền Bắc). Sau một năm thăm dò thử nghiệm, kế hoạch này được hoàn chỉnh dần. Ngày 8-2-1962, Mỹ thiết lập Bộ chỉ huy quân sự Mỹ tại miền Nam (gọi tắt là MACV, thay cho phái đoàn MAAG). Bộ tư lệnh lực lượng đặc biệt Mỹ cũng được thành lập. Lực lượng không quân, hậu cần cũng dần dần được đưa vào miền Nam. Đầu năm 1962, kế hoạch Xtalây - Taylo được tiến hành toàn diện. Cuối năm 1962, lực lượng yểm trợ chiến đấu Mỹ đã lên tới 11300 tên, lực lượng quân của Diệm cũng tăng lên 354000 người. Tháng 7-1961, đợt thí điểm lập ấp chiến lược được triển khai ở Vĩnh Long (Nam Bộ) và Quảng Ngãi (Trung Bộ). Đến tháng 8-1961, chúng triển khai kế hoạch này trên toàn miền Nam. Kế hoạch này được chúng coi là "quốc sách", dự định dồn 10 triệu người dân vào 16000 ấp chiến lược, trong tổng số 17000 ấp trên toàn miền Nam. Ở

những vùng chúng nắm được quyền kiểm soát, chúng dùng sức mạnh của bộ máy quân sự và chính trị để cưỡng bức, càn quét dồn dân lập "ấp chiến lược". Ở những vùng chúng không kiểm soát được, chúng dùng quân đội đánh phá bao vây, cô lập, càn quét, buộc dân phải chạy vào vùng chúng kiểm soát. Chúng còn tiến hành các cuộc hành quân càn quét dài ngày đánh vào vùng Bến Cát, Tây Ninh, vùng giải phóng Bình Định, Phú Yên, các căn cứ U Minh, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An, chiến khu Đ. Chúng dùng xe rải bom đạn chà xát nhiều lần, đánh vào từng khu vực, chia thành từng lô để khống chế, biến những "ấp chiến lược" thành điểm tựa phòng thủ chống cộng. Đối với Campuchia, Mỹ xúi giục và vũ trang cho bọn phản động tiến hành các hoạt động phá rối (kể cả ám sát nhà vua), bạo loạn nhằm thực hiện âm mưu cướp chính quyền, lật đổ chính phủ hòa bình trung lập, gạt bỏ ảnh hưởng của Pháp. Ở Lào, Mỹ đưa lực lượng lính thủy đánh bộ vào Thái Lan, sẵn sàng tham chiến ở Lào và thúc ép chính quyền Sài Gòn đưa quân vào Đông Nam Lào để ngăn chặn đường tiếp tế của ta từ Bắc vào Nam. Từ giữa năm 1961, quân đội phái hữu Lào từ 3 vạn tăng lên 5 vạn với 11600 cố vấn Mỹ, chúng thúc đẩy bọn phản động lấn chiếm vùng giải phóng Lào. Trên thực tế từ năm 1961, cùng với việc thực hiện "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, Mỹ còn tiến hành "chiến tranh đặc biệt" cả ở Lào.

Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ

Đầu 1965, cuộc "chiến tranh đặc biệt" mà Mỹ tiến hành chống lại nhân dân ta ở miền Nam đã phát triển đến đỉnh cao và đứng trước nguy cơ thất bại hoàn toàn. Để cứu vãn tình thế, Mỹ đã ồ ạt đưa quân viễn chinh cùng với vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam, đẩy mạnh chiến tranh xâm lược, chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

"Chiến tranh cục bộ" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, một trong ba hình thức chiến tranh (đặc biệt, cục bộ, tổng lực) được đề ra phù hợp với chiến lược quân sự toàn cầu "phản ứng linh hoạt". "Chiến tranh cục bộ" bắt đầu từ giữa năm 1965, được tiến hành bằng lực lượng của quân viễn chinh Mỹ, quân của một số nước thân Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và quân của chính quyền Sài Gòn, trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị.

Lính Mỹ có mặt ở miền Nam vào cuối năm 1964 là 26.000 người, đến cuối năm 1965 lên tới 180.000 người và 20.000 lính của các nước thân Mỹ. Đó là chưa kể 70.000 lính hải quân và không quân trên các căn cứ của Mỹ ở Guam, Philippin, Thái Lan và Hạm đội 7 luôn sẵn sàng tham chiến ở miền Nam.

Sau khi đã đưa một đại đội máy bay F.105 vào Biên Hòa và một tiểu đoàn tên lửa phòng không "Hốc" vào Đà Nẵng, ngày 8-3-1965, Mỹ cho hai tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn 9 lính thủy đánh bộ từ Ôkinaoa vào Đà Nẵng, mở đầu việc đưa quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam Việt Nam.

Ngày 26-6-1965, Oétmolen được Chính phủ Mỹ cho phép đưa quân Mỹ ra trận "khi nào thấy cần thiết".

Ngày 17-7-1965, khi Giônxon thông báo quyết định đưa 44 tiểu đoàn Mỹ vào miền Nam Việt Nam và chấp nhận chiến lược "tìm diệt" của Oétmolen, một quyết định đã "vượt quan ngưỡng cửa bước vào cuộc chiến tranh trên bộ ở châu Á", thì cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã bước vào giai đoạn mới - giai đoạn "chiến tranh cục bộ".

Tiến hành "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, Mỹ nhằm thực hiện âm mưu:

Nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực có thể áp đảo được chủ lực ta bằng chiến lược quân sự mới "tìm diệt", cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, buộc ta phải phân tán đánh nhỏ, hoặc rút về biên giới, làm cho chiến tranh cách mạng tàn lụi dần. Mở rộng và củng cố hậu phương của chúng, lập đội quân "bình định" kết hợp hoạt động càn quét với các hoạt động chính trị và xã hội lừa bịp; tung tiền, đồ của nhiều hơn nữa, cố thực hiện cho kỳ được "mặt trận thứ hai" nhằm "tranh thủ trái tim của nhân dân", thực chất là giành lại dân (trước hết là nông dân ở vùng được giải phóng), bắt họ trở lại ách kìm kẹp tàn bạo của Mỹ - ngụy.

Ý vào ưu thế quân sự với đội quân đông, vũ khí hiện đại, hỏa lực mạnh, cơ động nhanh, Mỹ vừa mới vào miền Nam đã cho quân viễn chinh mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" tiến công đơn vị quân giải

phóng ở Vạn Tường - Quảng Ngãi (8-1965). Tiếp đó, Mỹ mở liên hai cuộc phản công chiến lược trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 bằng hàng loạt cuộc hành quân vào "đất thánh Việt cộng".

Chiến lược "Việt Nam hóa" của Mỹ

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân, là đòn bất ngờ góp phần quyết định chiều hướng của cuộc chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ, làm chấn động dư luận nước Mỹ và thế giới.

Sau đòn bất ngờ Tết Mậu Thân, phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam, đòi rút hết quân đội về nước của nhân dân dấy lên khắp nước Mỹ. Hạ nghị viện Mỹ cũng ra quyết định đòi rút tất cả quân đội Mỹ ở Việt Nam về nước trong thời hạn ngắn nhất.

Lợi dụng tâm lí chống chiến tranh, mong muốn sớm chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam và đổi mới tình hình chính trị - xã hội nước Mỹ, Níchxơn tung ra lời hứa chấm dứt chiến tranh trong vòng 6 tháng và sẽ có những thay đổi trong chính sách đối nội, đối ngoại của nước Mỹ, để mong trúng cử tổng thống trong kỳ bầu cử cuối năm 1968.

Sau khi trúng cử tổng thống, chính thức bước vào Nhà Trắng (đầu năm 1969), Níchxơn đã cho ra đời học thuyết mang tên mình - "Học thuyết Níchxơn" và tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương.

"Học thuyết Níchxơn" với chiến lược quân sự tương ứng "Ngăn đe thực tế" được thay thế cho chiến lược toàn cầu "phản ứng linh hoạt" của Kennơđi đã bị phá sản. Đề ra học thuyết mới, chiến lược toàn cầu mới, tập đoàn Níchxơn mưu toan khôi phục lại sức mạnh của Mỹ, cố giữ vai trò "sen đầm quốc tế", vai trò lãnh đạo "thế giới tự do", cố bám lấy những lợi ích đế quốc chủ nghĩa trên thế giới.

"Học thuyết Níchxơn" được thực hiện thí điểm ở Việt Nam và Đông Dương, là nơi Mỹ đã từng dùng làm điểm khởi đầu thực hiện chiến lược toàn cầu "Phản ứng linh hoạt" (1961 - 1968) và cũng đã trở thành điểm kết thúc chiến lược đó. Học thuyết này được vận dụng cụ thể trong những chiến lược chiến tranh ở từng nước. Ở Việt Nam, đó

là chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh; ở Lào - "Lào hóa" chiến tranh; ở Campuchia - "Khome hóa" chiến tranh và trên toàn Đông Dương là "Đông Dương hóa" chiến tranh.

Chiến lược này được đề ra trên cơ sở điều chỉnh chủ trương "phi Mỹ hóa" chiến tranh của Giônxon. Chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Níchxon giống chủ trương "phi Mỹ hóa" chiến tranh của Giônxon ở chỗ: rút dần quân Mỹ ra khỏi Đông Dương, tránh những tổn thất lớn hơn đối với quân viễn chinh Mỹ, trong lúc vẫn bám giữ miền Nam Việt Nam.

"Việt Nam hóa" chiến tranh hay "phi Mỹ hóa" chiến tranh, như tên gọi của nó, về cơ bản, đó là cuộc chiến tranh giữa những người Việt Nam với nhau. Âm mưu cơ bản của Mỹ vẫn là "dùng người Việt đánh người Việt", "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương" với bom đạn, đôla Mỹ, do Mỹ chỉ huy và vì lợi ích của Mỹ.

Mỹ rút quân không chỉ ở lời tuyên bố như của Giônxon (3-1968) mà cả trên thực tế, bắt đầu từ sau trận đòn Tết Mậu Thân (1968). Nhưng không phải vì thế mà cho rằng cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam và Đông Dương đã "tàn lụi" dần. Trái lại, cuộc chiến tranh của Mỹ dưới thời Níchxon càng được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương. Có điều khác với Giônxon, là Níchxon đã tận dụng triệt để xương máu của người bản xứ vào những mục tiêu chiến lược ở Việt Nam và Đông Dương. Với "Việt Nam hóa" chiến tranh, xương máu của người Mỹ có giảm, nhưng vai trò "cố vấn" của Mỹ ngày càng quan trọng, những điều kiện vật chất của Mỹ để thực hiện chương trình "Việt Nam hóa" chiến tranh ngày càng lớn.

Tuy nhiên, trong thời kỳ đầu của "Việt Nam hóa" chiến tranh, quân Mỹ vẫn còn giữ vai trò quan trọng, cùng với quân đội Sài Gòn là hai lực lượng chiến lược: quân Mỹ là chỗ dựa của quân đội Sài Gòn và của "Việt Nam hóa" chiến tranh còn quân đội Sài Gòn là công cụ chủ yếu để thực hiện "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Để đạt được mục tiêu chiến lược của "Việt Nam hóa" chiến tranh, Níchxon đưa ra thực hiện cùng lúc ba loại chiến tranh là "chiến tranh giành dân", "chiến tranh hủy diệt", "chiến tranh bóp nghẹt", trên cơ sở huy động sức mạnh tối đa về quân sự của nước Mỹ, kết hợp với những thủ đoạn chính trị và ngoại giao xảo quyệt.

Khi triển khai chương trình "Việt Nam hóa" chiến tranh, một yêu cầu trọng tâm được các nhà chiến lược Mỹ nêu lên là bằng mọi cách "bình định", cho được vùng nông thôn rộng lớn miền Nam, thực hiện cái gọi là "chiến tranh giành dân" ("tranh thủ nông dân chống lại Việt Cộng").

Chính sách "bình định" trong tất cả các thời kì của cuộc chiến tranh được nâng lên thành "quốc sách". Tuy nhiên, dưới thời Kennơđi và nhất là thời Giônxơn, vẫn lấy việc tiêu diệt các lực lượng cách mạng làm mục tiêu đầu tiên. Đến thời Níchxơn, "quốc sách bình định" được nâng lên thành lí luận và dùng làm cơ sở cho chiến lược "Việt Nam hóa".

Để thực hiện cái gọi là "quốc sách bình định", chính quyền Níchxơn đã giúp chính quyền Sài Gòn thiết lập một hệ thống chính trị và vũ trang ở cơ sở cho hoàn chỉnh, được huấn luyện theo kiểu thống trị của chủ nghĩa thực dân mới, tạo cho chính quyền Sài Gòn một cơ sở xã hội kiểu chủ nghĩa thực dân mới. Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã thực thi chương trình "cải cách tiền địa", ban hành "Luật người cày có ruộng" (26-3-1970) nhằm xóa bỏ chế độ bóc lột phong kiến, chuyển địa chủ sang kinh doanh tư bản chủ nghĩa, "giúp nông dân có ruộng đất để cày cấy"(!); phát triển kinh tế nông nghiệp hàng hóa, tạo lập chủ nghĩa tư bản ở nông thôn, xóa bỏ ảnh hưởng sâu rộng của cách mạng đối với nông dân, tăng cường bóc lột nông dân, xây dựng cơ sở kinh tế, chính trị và xã hội mới của chế độ thực dân mới của Mỹ.

Đi đôi với việc thực hiện chính sách "bình định", Mỹ còn giúp chính quyền Sài Gòn xây dựng lực lượng quân chủ lực với hơn 1 triệu người, được huấn luyện đầy đủ, trang bị hiện đại để có thể "tự đứng vững", "tự gánh vác chiến tranh" khi quân Mỹ rút hết về nước.

Quân đội Sài Gòn được tăng cường và hiện đại hóa để rồi biến thành "công cụ" của Mỹ trong chiến lược "Việt Nam hóa". Đội quân này được sử dụng vào các cuộc hành quân càn quét chống phá cách mạng, xóa bỏ các căn cứ của quân giải phóng, hòng đẩy chủ lực quân giải phóng ra xa, cắt đứt con đường tiếp tế từ hậu phương lớn miền Bắc. Quân đội Sài Gòn cùng với quân Mỹ, còn bị đẩy vào các cuộc hành quân xâm lược Lào và Campuchia.

Cũng như ở Việt Nam, Mỹ đẩy mạnh "chiến tranh đặc biệt" ở Lào. Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Lào dưới hình thức "chiến tranh đặc biệt" bắt đầu từ thời Kennơđi, qua thời Giôn-xơn, đến thời Ních-xơn thì được tăng cường phù hợp với "học thuyết Ních-xơn", gọi là "chiến tranh đặc biệt tăng cường" hay "Lào hóa" chiến tranh. Lực lượng tiến hành "chiến tranh đặc biệt tăng cường" ở Lào là quân phỉ Vàng Pao và quân ngụy Viêng Chăn, ngoài ra có sự tham gia của quân Thái Lan và quân Sài Gòn. Còn Mỹ đóng vai trò cố vấn, trực tiếp chỉ huy và yểm trợ bằng hỏa lực và không quân.

Mở đầu cho hành động tăng cường "chiến tranh đặc biệt" ở Lào là cuộc hành quân lớn mang tên "Cù kiết" (có nghĩa là gỡ danh dự) của lực lượng lớn quân phỉ Vàng Pao, quân Thái Lan và quân Sài Gòn do Mỹ trực tiếp chỉ huy, đánh chiếm vùng giải phóng Lào ở Cánh đồng Chum-Xiêng Khoảng.

Đồng thời với những hành động đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Việt Nam và Lào, Mỹ còn mở rộng chiến tranh xâm lược Campuchia.

Ngày 18-3-1970, Mỹ làm cuộc đảo chính quân sự ở Campuchia, lật đổ Chính phủ trung lập Xi-han-út, thành lập Chính phủ bù nhìn Lon Non, với hi vọng bằng cách đó sẽ cô lập được cách mạng Việt Nam. Tiếp đó, ngày 30-4-1970, Mỹ đưa hơn 10 vạn - vừa quân Mỹ vừa quân Sài Gòn, mở cuộc hành quân đánh chiếm Campuchia, nhằm cứu bọn ngụy Lon Non đang có nguy cơ sụp đổ, triệt phá cái mà chúng gọi là "đất thánh Việt cộng" trên đất Campuchia, biến nước này thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mỹ, thực hiện ở đây một chiến lược chiến tranh mới phù hợp với "học thuyết Ních-xơn" - chiến lược "Khơ-me hóa chiến tranh".

Đi đôi với việc sử dụng sức mạnh tối đa của nước Mỹ vào những cuộc phiêu lưu quân sự mới ở Đông Dương, Ních-xơn còn dùng nhiều thủ đoạn chính trị và ngoại giao nhằm đạt những mục tiêu của cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương và mục tiêu của chiến lược toàn cầu phản cách mạng.

Lên nắm quyền, Ních-xơn liền cho triển khai chiến dịch "ngoại giao toàn cầu", đóng vai trò "sứ giả hòa bình" đi thương lượng với nhiều nước (trước hết là với các nước lớn) với mưu đồ lôi kéo họ, nhất là các nước đồng minh, vào hùa với Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm

lược Đông Dương, thực hiện cái gọi là "cùng chia sẻ trách nhiệm"; chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa với phong trào giải phóng dân tộc; chia rẽ ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung; cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân Đông Dương với các nước xã hội chủ nghĩa và bè bạn gần xa trên thế giới.

(Đại cương Lịch sử Việt Nam tập 3 - NXB Giáo dục)

SÀI GÒN TRONG CUỘC ĐẤU TRANH HOÀN THÀNH SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC THỐNG NHẤT TỔ QUỐC

a) Từ đấu tranh chính trị đến phát động chiến tranh nhân dân

Hiệp định Genève về Đông Dương ký kết (tháng 7/1954) lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở công nhận nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước Việt Nam, Campuchia và Lào. Nhưng ngay tức khắc, đế quốc Mỹ ra sức phá hoại việc thi hành hiệp định Genève.

Đế quốc Mỹ đặc biệt chú trọng xây dựng và củng cố Sài Gòn (hiện nay bao trùm cả Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định với số dân hơn 3 triệu người) thành thủ đô của cái gọi là "Việt Nam cộng hòa". Về chính trị, Sài Gòn là nơi tập trung bộ máy đầu não của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, trong đó có đại sứ quán Mỹ, các cơ quan cố vấn cao cấp Mỹ, các cơ quan trung ương của cái chính phủ bù nhìn tay sai Mỹ. Về quân sự, Sài Gòn trở thành một căn cứ quân sự khổng lồ với một hệ thống đồn bót dày đặc, một lực lượng quân đội rất lớn (gần 40% tổng số quân địch). Đế quốc Mỹ đã xây dựng quân cảng Sài Gòn, các căn cứ không quân Vũng Tàu, sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay Biên Hòa thành căn cứ không quân chiến lược loại lớn ở Đông Nam Á. Để bảo vệ Sài Gòn, đế quốc Mỹ xây dựng một vài đại quân sự từ Vũng Tàu, qua Phú Mỹ, Biên Hòa, Xuân Lộc, Tân Uyên, Bình Dương, Bến Cát, Phước Vĩnh, Củ Chi, Đức Hòa, Bến Lức, đến Cần Giuộc, Gò Công. Về kinh tế, Sài Gòn tràn ngập hàng hóa thừa ế của đế quốc Mỹ và của các nước phe Mỹ. Đời sống của nhân dân rất khó khăn. Nạn thất nghiệp thường xuyên đe dọa nhân dân lao động. Về văn hóa, lối sống cao bồi, du đàng và sinh hoạt đồi trụy thối tha của Mỹ và phương Tây tràn vào Sài Gòn. Cùng với nhân dân miền Nam, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn lại bắt đầu một giai đoạn đấu tranh mới: giai đoạn đấu tranh chống Mỹ cứu nước. Mười ngày sau khi Hiệp nghị Genève được ký kết, phong trào hòa bình Sài Gòn, Chợ Lớn ra đời. Đây là một phong trào do một số trí thức yêu nước sáng lập nhằm đấu tranh cho hòa bình và thống nhất đất nước. Do đó bọn Mỹ - Diệm thắng tay

khủng bố, bắt nhiều người cầm tù. Giáo sư Nguyễn Văn Dương, một trong những người lãnh đạo phong trào này đã chết trong nhà giam. Sau phong trào bảo vệ hòa bình ở Sài Gòn một phong trào đã thu hút được hầu hết các tầng lớp nhân dân Sài Gòn tham gia. Đó là phong trào cứu tế, xây cất lại nhà cửa, quyên góp quần áo chăn màn cho bà con sau khi Ngô Đình Diệm, vì xung đột với Bình Xuyên đã đốt sạch hàng mấy vùng liên lưng với nhau giữa Sài Gòn và Chợ Lớn.

Ngày 10 tháng 7 năm 1955, nhân dân Sài Gòn trong đó phần đông là công nhân và lao động đình công, bãi công, bãi chợ họp mít tinh... đòi Mỹ - Diệm phải nhận hiệp thương với miền Bắc để tổ chức tổng tuyển cử, hòa bình thống nhất nước nhà. Mỹ - Diệm thẳng tay đàn áp bắt bớ sát hại nhiều người, trong đó có nữ giáo sư Nguyễn Thị Diệu đang có mang 4 tháng.

Gần đến ngày 20 tháng 7 năm 1956, ngày mà Hiệp nghị Genève đã qui định có cuộc tổng tuyển cử để thống nhất hai miền Nam - Bắc, phong trào đấu tranh chính trị ở Sài Gòn lại lên mạnh. Đi đầu là phong trào công nhân: 5 ngàn công nhân xe lửa bãi công cả tháng; 5 ngàn rưỡi công nhân của 20 kho, cảng Sài Gòn đình công; công nhân Nhà máy đèn Chợ Quán bãi công 3 ngày liền... Những cuộc đấu tranh đó đã lôi cuốn hàng vạn quần chúng các tầng lớp khác xuống đường tham gia đấu tranh.

Trước khí thế đấu tranh của nhân dân Sài Gòn, các đô thị khác và vùng nông thôn, bọn Mỹ - Diệm đã dùng mọi hình thức, thủ đoạn đàn áp rất dã man như "quốc sách chống cộng" luật 10-59, nhưng càng áp bức bao nhiêu thì đấu tranh lại càng có điều kiện để chuyển lên mạnh bấy nhiêu.

Năm 1960 với cuộc đồng khởi long trời chuyển đất của nhân dân miền Nam đã bước vào một thời kỳ đấu tranh mới: kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Năm 1960, ở Sài Gòn có 1.500 cuộc đấu tranh của công nhân dưới nhiều hình thức khác nhau và rất nhiều cuộc đấu tranh của bà con dân nghèo thành thị, trí thức học sinh, tiểu chủ, tư sản dân tộc, văn nghệ sĩ, ký giả v.v... Ngày 20 tháng 12-1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra đời và công bố

bản Tuyên ngôn và Chương trình 10 điểm. Toàn thể nhân dân miền Nam vô cùng phấn khởi đón mừng sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng đó. Trong ngày 2-1-1961 nhân dân Sài Gòn và ngoại ô đã bãi chợ, không chạy xe, thuyền, đóng cửa tiệm vài giờ... để họp mít tinh hoan nghênh Mặt trận.

*(Theo sách Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định
kháng chiến 45-75 - NXB TP.HCM)*

b) Chống chiến tranh đặc biệt

Để quốc Mỹ tiến hành cuộc "chiến tranh đặc biệt" vào giữa năm 1961 cũng không thể ngăn cản được phong trào đấu tranh của nhân dân Sài Gòn ngày một phát triển. Trên cơ sở lực lượng chính trị, tại các nhà máy, các xóm lao động đã phát triển các đội tự vệ vũ trang. Năm 1962, có nhiều cuộc đấu tranh đáng chú ý: cuộc đấu tranh của 5 vạn công nhân cao su kéo vào thành phố. Cuộc đình công của một vạn công nhân xích lô, của một ngàn công nhân ô tô buýt và tắc xi; cuộc biểu tình của công nhân hãng dệt Việt - Mỹ "Vi-mi-tếch"; cuộc bãi công kéo dài 17 ngày của công nhân hãng cầu đường Ep-phen; công nhân làm đồ điện Vi-đê-cô bãi công chiếm xưởng... Phong trào học sinh cũng đặc biệt sôi nổi, đã được Chủ tịch Đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, luật sư Nguyễn Hữu Thọ, quyết định tuyên dương ngày 20-12-1962.

Bên cạnh những cuộc đấu tranh chính trị, xuất hiện ngày càng nhiều những tiếng súng, tiếng lựu đạn nổ trong các khách sạn, câu lạc bộ, trại lính, nhà cố vấn Mỹ... Từ tháng 1 đến tháng 9-1962 ở Sài Gòn có tới 86 vụ "cố vấn" Mỹ bị tiêu diệt. Tháng 9-1963, quan và dân ta thắng lớn trận Ấp Bắc (Mỹ Tho) ngay sau đó nhân dân Sài Gòn, mà ngòi pháo là sinh viên, học sinh đã tổ chức mít tinh, biểu tình hưởng ứng. Đến đây Sài Gòn lại sôi nổi thêm phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo. Cuộc biểu tình của đồng bào Phật giáo trong hai ngày 7 và 8 tháng 5-1963 đã bị Mỹ - Diệm thẳng tay khủng bố. Ngày 21-5-1963, 600 nhà sư biểu tình đi từ chùa Ấn Quang đến chùa Xá Lợi để phản đối Mỹ - Diệm. Ngày 30-6-1963 hàng ngàn sư sãi Sài Gòn bắt đầu tuyệt thực để ủng hộ cuộc đấu tranh của đồng bào Phật giáo ở Huế. Hôm sau, các nhà sư Sài Gòn có sự hưởng ứng ủng hộ của

học sinh, sinh viên đã kéo đến biểu tình ngồi trước trụ sở quốc hội Ngô Đình Diệm. Ngày 11-6-1963 trước hàng ngàn sư sãi và hàng vạn nhân dân, hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu. Năm ngày sau, ngày hỏa táng cho Hòa thượng, 70 vạn nhân dân Sài Gòn đã xuống đường biểu tình. Cảnh sát của Diệm dùng súng, lựu đạn đàn áp. Quần chúng biểu tình dùng đá, gậy gộc đánh lại kịch liệt.

Tình hình Sài Gòn căng thẳng. Biểu tình luôn luôn diễn ra. Mỹ - Diệm thẳng tay khủng bố bắt 2.000 sư sãi, 4.000 học sinh, sinh viên, giết chết và làm bị thương 200 người. Ngày 7-9-1963 nữ sinh Gia Long dùng guốc, bàn, ghế, lọ mực đánh lại bọn cảnh sát dã chiến. Ngày 1-11-1963, Mỹ tổ chức cho tay sai làm cuộc đảo chính, giết anh em Diệm - Nhu và đưa Dương Văn Minh rồi đến Nguyễn Khánh lên nắm chính quyền ở Sài Gòn. Ngày hôm sau, gần một triệu đồng bào Sài Gòn - Gia Định tổ chức thành 20 đoàn biểu tình đi qua các phố với khẩu hiệu "Đánh đổ chế độ độc tài phát xít", "Phải thực hiện tự do dân chủ!", "Đế quốc Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam"... Đế quốc Mỹ ra lệnh đàn áp. Nhưng lính ngụy không tuân lệnh. Đoàn biểu tình tiến vào trụ sở "quốc hội", bộ công dân vụ, nha thông tin ngụy phá các bót cảnh sát Lê Văn Ken, quận 2, Chương Dương, Ký Con; xé báo phản động, lòng bắt ác ôn... Lực lượng cách mạng phát triển mạnh. Các đội biệt động, tự vệ vũ trang hình thành ngày càng nhiều. Ngay tại Sài Gòn, bên cạnh những cuộc đấu tranh chính trị, đã xuất hiện ngày càng nhiều những cuộc đấu tranh vũ trang. Hai hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang xen kẽ nhau, nương tựa vào nhau và thúc đẩy nhau phát triển.

Năm 1964 năm Mỹ bắt đầu ném bom, bắn phá miền Bắc, Sài Gòn có một số cuộc đấu tranh và trận đánh làm nức lòng quần chúng cả nước.

Trận nổ bom ở sân bóng rổ trong khu vực Tân Sơn Nhất (9-2-1964), trận tập kích rạp chớp bóng Kinh Đô giành riêng cho Mỹ (16-2-1964) làm chết và bị thương 150 tên Mỹ. Ngày 2-5-1964, đánh chìm hàng không mẫu hạm Ca-đơ trọng tải 15.000 tấn tại bến Sài Gòn diệt 55 Mỹ và 19 máy bay.

Từ 15 đến 22-5 liên tục có những cuộc biểu tình với khẩu hiệu "Đả đảo Mỹ - Khánh", "Đế quốc Mỹ rút đi!... Ngay sau đó có cuộc đập nát tượng Ken-nơ-đây tại Quảng trường Hòa Bình (7-6-1964).

Ảnh hưởng của trận đánh mìn nhà ăn đường Nguyễn Minh Chiếu (1-8) gần sân bay Tân Sơn Nhất diệt 10 Mỹ chưa dứt thì lại tiếp luôn trận đánh sập tầng gác thứ 5 khách sạn Ca-ra-ven, làm chết và bị thương gần 100 Mỹ (25-8). Cũng trong ngày này 10 vạn học sinh, sinh viên và đồng bào Sài Gòn xuống đường biểu tình đòi lật đổ Nguyễn Khánh và đòi tổng cổ đế quốc Mỹ.

Ngày 31-8, một quả lựu đạn nổ ở ngã tư Đồng Khánh - Chu Văn Tiệp làm 8 Mỹ chết.

Trước phong trào đấu tranh chính trị và vũ trang của Sài Gòn lên mạnh, Nguyễn Khánh tuyên bố "tình trạng khẩn cấp" và đưa ra sắc luật 18-64 cấm biểu tình, đình công, hội họp; bóp nhẹt báo chí hạn chế hoạt động nghiệp đoàn. Ngay tức khắc 20 vạn công nhân các ngành dệt, vận tải, điện nước, xăng dầu, xích lô, tắc xi, xe buýt, cảng... xuống đường tỏ thái độ phản đối Nguyễn Khánh (21-9). 6 vạn công nhân cao su tuyên bố sẽ tiến về Sài Gòn ủng hộ yêu sách của anh em cùng giai cấp mình. Nguyễn Khánh buộc phải cho đại diện ra tiếp đoàn đại biểu công nhân, hứa tôn trọng quyền tự do hội họp, hứa thu nhận lại những công nhân của hãng Vi-mi-tếch bị sa thải...

Ngày 7-10-1964, đặc công đánh 3 tàu chở xăng của Mỹ ở sông Nhà Bè thiêu hủy 70 vạn lít. Ngày 18-11 đánh mìn cầu lạc bộ hàng không ở sân bay Tân Sơn Nhất diệt 77 Mỹ. Trong tháng 11-1964, thanh niên học sinh liên tục đấu tranh. Mỹ - Ngụy bắn chết em Lê Văn Ngọc (25-11-1964). Ba ngày sau, 2 vạn học sinh xuống đường phản đối. Mỹ -ngụy khủng bố bắn chết chị Loan, nữ sinh trường Gia Long. Chấm hết năm 1964 là trận đánh khách sạn Bơ-rin-cơ kỳ diệu, một tòa nhà 6 tầng ngay trung tâm thành phố, diệt 155 sĩ quan Mỹ, trong đó có 2 đại tá, 9 trung tá, 5 thiếu tá, phá hủy 24 xe quân sự.

Cũng trong năm 1964 một sự kiện làm xúc động lòng người, và mãi mãi còn in đậm nét trong lòng người dân Sài Gòn là sự hy sinh cao cả của người thợ điện *anh hùng Nguyễn Văn Trỗi*. Anh Trỗi là một thanh niên quê ở Quảng Nam, vào Sài Gòn trước đó vài năm để sinh sống. Vì không chịu được cảnh sống ngột ngạt giữa một thành phố mà người công nhân điện không có điện dùng, người thợ nề không có nhà ở, còn lũ giặc cướp Mỹ thì phè phỡn, ngênh ngang hống hách, anh Trỗi đã gia nhập hàng ngũ cách mạng và nhận nhiệm vụ trường trị tên "hung thần chiến tranh" Mắc-na-ma-ra khi hấn đến

Sài Gòn. Nhưng nhiệm vụ chưa thành thì anh Trỗi bị bắt và ngày 15-10, đúng 9 giờ 59 phút, chúng đã sát hại anh tại Khám Chí Hòa. Cả Sài Gòn đều sôi sục phẫn nộ.

9 phút cuối cùng của anh Trỗi cũng là 9 phút anh tiến công quyết liệt kẻ đã gây ra tặc ác đối với đồng bào ta. Anh nói: "Còn giặc Mỹ là không ai có hạnh phúc được". Bọn ác ôn xô đến bịt mắt, nhưng anh đã giựt phăng miếng vải đen, phóng tầm mắt ra xa như muốn ôm trọn cả thành phố, nơi đây đồng bào, anh chị em, đồng chí và người vợ yêu thương của anh đang sống và chiến đấu. Tiếng nói cuối cùng của anh cũng là lời nhắn nhủ đồng bào và người thân:

"Hãy nhớ lấy lời tôi:"

"Đả đảo đế quốc Mỹ!"

"Việt Nam muôn năm!"

"Hồ Chí Minh muôn năm!"

Và, Nguyễn Văn Trỗi đã hiên ngang đi vào lịch sử! Sau đó đúng ngày cúng anh, theo tập quán dân tộc, đồng bào Sài Gòn đã dựng lên 4 đài kỷ niệm Nguyễn Văn Trỗi ở ngay 4 góc nhà lao Chí Hòa. Cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam tung bay trên đỉnh cao các đài ấy.

(Theo sách Sài Gòn TP HCM - NXB SGGP 1975)

c) Chống chiến tranh cục bộ

Năm 1965 đánh dấu một chuyển biến mới: "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ đã bị phá sản hoàn toàn; nguy quân, nguy quyền đang đứng trước sự sụp đổ không gì cứu vãn nổi. Để cứu nguy, đế quốc Mỹ, một mặt điên cuồng tiến hành chiến tranh phá hoại ở miền Bắc; mặt khác, chuyển từ "chiến tranh đặc biệt" sang một hình thức khác "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, ồ ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam. Nhưng càng vào nhiều thì chúng càng chết nhiều. Trên đà chiến thắng, nhân dân Sài Gòn - Gia Định tiếp tục giáng vào đầu quân Mỹ - nguy những đòn đích đáng. Chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ và rộng khắp chung quanh thành phố và ngay cả nội thành. Nhiều cơ quan chỉ huy và căn cứ quan trọng của

Mỹ - nguy liên tiếp bị quân và dân Sài Gòn - Gia Định đánh phá, gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng nề như Sở chỉ huy phái đoàn MAAG, sứ quán Mỹ, sân bay Tân Sơn Nhất, khách sạn Mỹ Cảnh trên sông Sài Gòn, tổng nha cảnh sát nguy. Khách sạn Mê-tơ-rô-pôn, đồn lính gác cầu Tân Thuận và các đồn cảnh sát quận 6 và quận 7, cơ quan tình báo quân sự của lực lượng quân Mỹ, v.v... Với những thành tích xuất sắc nói trên, quân và dân Sài Gòn - Gia Định đã được Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam "tuyên dương công trạng" (25-12-1965) và tặng thưởng 3 huân chương quân công giải phóng hạng nhì, 5 huân chương quân công hạng ba, 4 huân chương chiến công giải phóng hạng nhất, 8 huân chương chiến công giải phóng hạng nhì.

Trên cơ sở những thành tích lớn lao đó, Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã quyết định tặng thưởng Huân chương Thành đồng hạng nhất cho quân và dân Sài Gòn - Gia Định.

Cùng với những chiến công vang dội của nhân dân miền Nam anh hùng, nhân dân Sài Gòn - Gia Định liên tiếp lập được những thành tích xuất sắc, góp phần đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 - 1966, 1966 - 1967) của đế quốc Mỹ.

Trong hai năm 1966 - 1967, nhiều cơ quan chỉ huy và căn cứ quan trọng của Mỹ, nguy tiếp tục bị đánh phá dữ dội và bị tổn thất nặng nề. Nhiều tên sĩ quan Mỹ bị trừng trị, trong đó có cả cấp tướng và rất nhiều cấp tá, cấp úy. Nổi bật là những trận đánh vào trụ sở bộ tổng tham mưu nguy (tháng 2-1966), tòa nhà 6 tầng Vích-tô-ri-a, nơi ở của bọn sĩ quan cao cấp Mỹ (tháng 4-1966), đánh chìm hàng chục tàu vận tải có cả loại trọng tải 10.000, 12.000 tấn và tàu vớt mìn trên sông Lòng Tàu (tháng 6 và 8-1966, tháng 1, 2 và 4-1967), đốt cháy một kho quân sự lớn của quân Mỹ ở Nhà Bè (tháng 9-1966), đánh đồn Phú Lâm (tháng 10-1966), phá sập chiếc cầu dài 100 mét cách Sài Gòn 7km (tháng 10-1966), đánh cuộc diễu binh trong ngày "Quốc Khánh Cộng hòa" (1-11-1966) bắn súng lớn vào sân bay Tân Sơn Nhất (tháng 12-1966, tháng 4-1967), tiến công sở chỉ huy chiến tranh tâm lý của lực lượng quân Mỹ (tháng 12-1966), sở chỉ huy tiểu đoàn Mỹ (thuộc lữ đoàn 199) ở tại Long Thới cách Sài Gòn 6km về phía Nam (tháng 5-1967), phá hủy trung tâm thông tin quân sự Mỹ (26-10-1967).

Song song với phong trào đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân Sài Gòn - Gia Định trong những năm này cũng phát triển mạnh mẽ, nhất là phong trào công nhân, phong trào thanh niên, sinh viên, học sinh và phong trào trí thức đòi hòa bình, đòi quyền tự quyết của nhân dân miền Nam. Bọn Mỹ, ngụy mở rộng chiến tranh, hạ giá đồng bạc gây khó khăn cho đời sống của công nhân và lao động, đã đưa đến những cuộc đấu tranh của công nhân đòi đế quốc Mỹ rút đi, đòi lật đổ ngụy quyền bán nước Thiệu Kỳ nổ ra liên tục. Nhiều cuộc đấu tranh lớn đã nổ ra trong các xí nghiệp thuộc các ngành chiến lược của địch như hãng thầu quân sự RMK - BRJ, các hãng dầu Sen, Can-tếch, Eét-xô và bến cảng Sài Gòn. Riêng cuộc đấu tranh của công nhân hãng thầu quân sự RMK - BRJ kéo dài đến 4 tháng (5-9-1966). Trong cuộc biểu tình của công nhân cảng Sài Gòn tháng 12-1966, quân chúng đã trang bị dao, gậy gộc chiếm bến tàu, kịch liệt chống lại bọn cảnh sát đến đàn áp.

Phong trào thanh niên, sinh viên, học sinh cũng tiến lên mạnh mẽ. Các cuộc hội thảo của học sinh, sinh viên vạch mặt bọn phát xít, bóp nghẹt dân chủ của Mỹ, Thiệu, Kỳ liên tiếp diễn ra. Cuộc đấu tranh chống bắt lính trong giáo sư và sinh viên, tố cáo chính sách bắt lính tăng cường chiến tranh của Mỹ, Thiệu, Kỳ của sinh viên trường Đại học Nông Lâm Sóc và Kỹ thuật Phú Thọ đã lôi cuốn được nhiều giáo sư và chuyên viên cao cấp của Mỹ, ngụy tham gia.

Nhiều cuộc biểu tình chống Mỹ rầm rộ có từ hàng ngàn đến hàng chục vạn người gồm công nhân, lao động, thanh niên, sinh viên, học sinh và các tầng lớp khác đã nổ ra rất quyết liệt như những cuộc biểu tình 10.000 người đòi hành hình bọn Thiệu, Kỳ, Có (31-3-1966); 15.000 người diễu hành đi suốt đêm 2 rạng 3-4-1966 hét vang những khẩu hiệu "đả đảo Mỹ", "Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam" và bao vây đài phát thanh Sài Gòn; 100.000 người bao vây "dinh thủ tướng" của Nguyễn Cao Kỳ với khẩu hiệu "Lật đổ ngụy quyền Thiệu, Kỳ" (8-4-1966); 300.000 người kéo đi khắp các đường phố lớn đòi lật đổ bọn Thiệu, Kỳ bán nước (14-4-1966) và cuộc xuống đường của 4 vạn công nhân lao động ngày 1-5-1966 đòi chấm dứt chiến tranh, đòi hạ giá sinh hoạt, đòi Mỹ rút đi. Đặc biệt là cuộc đấu tranh chống trò hề bầu cử gian lận của bọn Mỹ - Thiệu - Kỳ ngày 3-9-1967 của nhân dân Sài Gòn - Gia Định. Nhiều cuộc mít tinh lớn tố cáo màn kịch gian lận của bọn Thiệu, Kỳ và tẩy chay cuộc bầu cử gian lận đó. Những cuộc

đấu tranh của các nhà báo đòi bãi bỏ chế độ kiểm duyệt. Những tổ chức như "lực lượng bảo vệ tinh thần thanh thiếu niên", "hội bảo vệ quyền lợi và nhân phẩm phụ nữ", "lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc", "Ủy ban xây dựng kinh tế tự chủ" lần lượt được thành lập và tiến hành đấu tranh chống bọn Thiệu, Kỳ. Phong trào đấu tranh trên đây đã có tiếng vang lớn và đã có ảnh hưởng mạnh mẽ trong quần chúng, được các tầng lớp nhân dân Sài Gòn nhiệt liệt ủng hộ. Đây là một phong trào đậm nét dân tộc, dân chủ, kích thích tinh thần yêu nước chống xâm lược Mỹ của nhân dân ta ở miền Nam. Các cuộc đấu tranh của nhân dân Sài Gòn - Gia Định đã được đông đảo anh em binh sĩ đồng tình và ủng hộ. Chính hãng thông tin Mỹ UPI đã than phiền "binh sĩ Việt Nam (ngụy) đã cung cấp các phương tiện truyền tin, phóng thanh cho các cuộc biểu tình". Số binh sĩ bỏ ngũ ngày càng nhiều.

Bọn Mỹ, Thiệu, Kỳ hết sức hoang mang, lo sợ trước phong trào đấu tranh ngày càng mạnh mẽ và quyết liệt của nhân dân thành phố Sài Gòn - Gia Định. Chúng điên cuồng khủng bố, dùng những biện pháp hết sức trắng trợn, dã man: thả tay đàn áp và bắt bớ quần chúng biểu tình, ra "lệnh khẩn cấp chống biểu tình và mít tinh" trên đường phố, dựng thêm nhiều hàng rào dây thép gai, dựng cả "pháp trường cắt" ngay giữa chợ Bến Thành, rải quân đội, cảnh sát khắp đường phố và đe dọa sẽ dốc toàn lực ra đối phó mạnh hơn nữa.

Nhưng, bất chấp khủng bố và đe dọa, nhân dân Sài Gòn vẫn tiếp tục đấu tranh chống Mỹ, ngụy ngày càng quyết liệt. Các cuộc đấu tranh toàn diện và mạnh mẽ trong những năm này đã thực sự chuẩn bị một bước nhảy vọt kỳ diệu cho phong trào Sài Gòn - Gia Định trong Tết Mậu Thân (1968).

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt đưa chiến tranh vào đô thị của nhân dân miền Nam anh hùng trong Tết Mậu Thân là một đòn trời giáng đánh vào đầu Mỹ, ngụy khiến cho chúng thất điên bát đảo, không phương chống đỡ, bị tổn thất cực kỳ nghiêm trọng.

Riêng ở Sài Gòn - Gia Định bão lửa dữ dội vào đầu Mỹ, ngụy hai đợt: đợt 1 từ đêm 30 rạng 31-1 đến giữa tháng 2; đợt 2 từ đêm 4 rạng ngày 5-5 đến 31-5. Trong cả hai đợt, Quân giải phóng đã cùng với các lực lượng vũ trang của nhân dân và những người yêu nước trong quân đội ngụy quyền Sài Gòn nổi dậy dồn dập tiến công nhiều cơ

quan đầu não và căn cứ quan trọng của bè lũ Mỹ, ngay giữa thành phố Sài Gòn - Gia Định cùng với nghĩa binh yêu nước đánh phá sứ quán Mỹ, bộ tổng tham mưu, sân bay Tân Sơn Nhất, phá hủy đài phát thanh Sài Gòn, trại huấn luyện Quang Trung, "dinh độc lập", tổng nha cảnh sát, bộ tư lệnh biệt khu thủ đô, bộ chỉ huy hải quân và nhiều căn cứ khác, tiến công tiêu diệt các trận địa pháo, các bãi để xe tăng ở Trại Phù Đồng, Cổ Loa và nhiều kho xăng dầu, đạn dược, trong đó có những kho lớn như Long Bình, Hạnh Thông Tây. Nhiều giặc Mỹ, binh lính và cảnh sát ngụy kể cả lính dù, lính thủy đánh bộ bị diệt và bị bắt. Nhiều cơ quan và căn cứ của địch bị đánh đi đánh lại nhiều lần, đặc biệt là sân bay Tân Sơn Nhất bị đánh hàng chục lần trong hai đợt và riêng trong đợt 1 đã bị quân giải phóng chiếm khu vực phía Bắc và phía Tây. Cũng trong đợt 1, bộ tổng tham mưu ngụy bị Quân giải phóng chiếm hoàn toàn.

Nhân dân nhiều nơi trong thành phố đã xuống đường phối hợp với Quân giải phóng và các lực lượng du kích đánh phá các đồn bót, quét bộ máy ngụy quyền, bắt trừng trị bọn phản cách mạng ác ôn, kêu gọi binh sĩ ngụy mang súng trở về với nhân dân, làm chủ nhiều khu vực trong thành phố (quận 5, 6, 7, 8 và phần lớn quận 3, 4) và nhanh chóng mở rộng lực lượng. Ở những nơi nhân dân làm chủ, hàng ngàn thanh niên Sài Gòn đã nô nức cầm súng đứng vào hàng ngũ các lực lượng vũ trang cách mạng chiến đấu chống địch; hàng trăm đơn vị dân quân du kích và các đoàn thể chính trị, cách mạng đã nhanh chóng thành lập và sôi nổi hoạt động, nhiều nơi đã lập tòa án nhân dân xử tội bọn ác ôn ngoan cố. Trước khí thế đồng khởi mãnh liệt của nhân dân, nhiều binh sĩ ngụy đã vác súng tham gia hàng ngũ cách mạng, nhiều đơn vị quân ngụy đã giao súng cho nhân dân và cùng nhân dân đi đánh chiếm các đồn bót.

Tất cả các đường giao thông vận tải chạy về Sài Gòn đều bị băm nát, cắt đứt kể cả đường số 4, đường số 1, đường số 15 liên lạc giữa bọn Mỹ, ngụy ở Sài Gòn với các địa phương bị tê liệt.

Bị thua một vố đau nhưng Mỹ, ngụy vẫn rất ngoan cố, liều mạng đến cùng. Chúng cố gắng tập trung lực lượng chống lại một cách điên cuồng, dùng cả xe tăng, đại bác, máy bay bắn và thả bom bừa bãi xuống nhiều nơi trong thành phố, phá hủy nhiều nhà cửa và

tài sản của nhân dân, giết và làm bị thương nhiều người kể cả những người già cả, phụ nữ, trẻ em.

Các chiến sĩ cách mạng kiên cường của Sài Gòn - Gia Định vừa chiến đấu quyết liệt với địch, vừa tận tình giúp đỡ đồng bào thành phố, cứu chữa những người bị thương, dập tắt các đám cháy do bom đạn Mỹ và Thiệu, Kỳ gây ra, hướng dẫn đồng bào đào hầm hố, công sự, tổ chức đội ngũ chiến đấu để bảo vệ khu phố. Đồng bào thành phố đã hết lòng ủng hộ các chiến sĩ vũ trang cách mạng. Đông đảo thanh niên, học sinh, sinh viên cả nam lẫn nữ đã ra tận chiến hào tiếp tế lương thực cho các chiến sĩ và tiếp tay với quân cách mạng lung diệt bọn tay sai ác ôn ngoan cố. Việc ra đời của Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình giữa thành phố Sài Gòn rực lửa là thêm một đòn đau cho Mỹ, ngụy. Qua hai đợt của Liên minh tổng tiến công và nổi dậy, quân và dân Sài Gòn - Gia Định đã loại khỏi vòng chiến đấu 47.000 tên địch (có gần 20.500 tên Mỹ và chư hầu), tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 21 tiểu đoàn, 97 đại đội Mỹ, ngụy và chư hầu, bắn rơi và phá hủy gần 500 máy bay các loại, phá hủy 1.480 xe quân sự (có gần 630 xe tăng và xe bọc thép), 45 kho bom đạn, xăng dầu, đánh chìm và bắn cháy hàng chục tàu (có nhiều tàu trọng tải 10.000 đến 13.000 tấn), đánh sập 29 cầu, tiêu diệt, bức rút, bức hàng 150 đồn bót. Với những chiến thắng hết sức to lớn đó, quân và dân Sài Gòn - Gia Định đã vinh dự được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tuyên dương công trạng và tặng thưởng 2 huân chương Thành đồng Tổ quốc hạng nhất và hai huân chương Quân công giải phóng hạng hai.

Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân nhân dân Sài Gòn - Gia Định lại trải qua nhiều đợt giành giật ác liệt với quân thù. Ở vùng nông thôn ven thành phố về phía Đông Bắc, phía Tây Nam, đồng bào đã chịu đựng hàng chục trận ném bom tọa độ của máy bay B. 52 và hàng trăm cuộc rải chất độc hóa học đã hủy diệt hầu hết các vườn hoa quả nổi tiếng của miền Nam như chôm chôm, măng cụt, măng cầu, xoài, cam, chuối... Mỹ ngụy còn rải thảm bom bi, mìn nổ chậm hòng ngăn cản việc đi lại của du kích. Nhưng Sài Gòn vẫn vững chãi lớn lên. Tháng 6-1969, một sự kiện lịch sử quan trọng đã làm nức lòng nhân dân miền Nam, đó là việc thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Tiếp theo đó, Ủy ban

nhân dân cách mạng Sài Gòn - Gia Định được thành lập là một trong những đơn vị chính quyền được hình thành sớm nhất ở miền Nam.

d) Đấu tranh chống Việt Nam hóa chiến tranh

Sau chủ trương "Phi Mỹ hóa chiến tranh" của Johnson (từ giữa năm 1968), ngày 7 tháng 4 năm 1968, Nixon (Tổng thống Mỹ tiếp sau Johnson) chính thức tuyên bố bắt đầu Việt Nam hóa chiến tranh theo kế hoạch 3 giai đoạn, trong đó quyết tâm của giai đoạn 3 là hoàn thành chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, củng cố thành quả đã đạt được, đối phương suy yếu và chiến tranh tàn lụi dần.. Báo cáo trước ủy ban quân lực thượng nghị viện Mỹ, Melvin Laird, bộ trưởng quốc phòng Mỹ tuyên bố: "Chính sách Việt Nam hóa có nghĩa vừa kết thúc vừa mở đầu... kết thúc sự dính líu của Mỹ vào Việt Nam, mở đầu một chính sách mới của chúng ta về việc họ phải tự lực, tự dựa vào bản thân họ...". Từ tháng 10 năm 1968 đến tháng 1 năm 1969, địch "bình định cấp tốc", tháng 1 năm 1969 bắt đầu bình định "xây dựng".

Từ tháng 1 năm 1969 (trước cả tuyên bố của Nixon) đến tháng 2 năm 1972 là thời kỳ mà 3 vấn đề trung tâm được triển khai thực hiện.

Trên chiến trường Sài Gòn - Gia Định, ngoài 3 tuyến phòng thủ (tập trung 47% quân chiến đấu Mỹ, 37% quân chủ lực ngụy so với toàn Miền), đã hình thành từ giữa năm 1968, ở nội thành Sài Gòn, địch tổ chức 9 quận thành 11 đặc khu, bổ nhiệm sĩ quan cấp trung tá là đặc khu trưởng, tăng cường cho mỗi đặc khu một đại đội đặc vụ (công an đặc biệt), hai đại đội cảnh sát dã chiến và từ 1 đến 2 đại đội tuần canh. Để kiểm soát chặt chẽ nội thành hơn, các phường, khóm lại được chia nhỏ, nâng số phường từ 56 lên 72, số khóm từ 861 lên 1100. Địch lại bắt đầu đổi thẻ căn cước, người tập kết, gia đình theo Việt cộng, chỉ cần có một người tố cáo là có thể bắt ngay không cần chứng cứ.

Sau các sắc lệnh tổng động viên, địch quân sự hóa học đường, quân sự hóa phường, liên gia, công tư sở, công tư chức, ra sắc lệnh cấm hội họp, biểu tình, đình công. Thực hiện tuyên bố: "Bắn bỏ ngay tức khắc bất cứ ai đòi hỏi hòa bình".

Lực lượng nhân dân tự vệ được đặc biệt coi trọng phát triển không chỉ để đồn quân, bắt lính mà còn để mỗi người dân thành một người lính địch. Chúng thành lập ở mỗi phường một ban và ở mỗi khóm một tiểu ban quân sự.

Nhân dân tự vệ được trang bị súng, phải làm nhiệm vụ canh gác, lùng sục, gây không khí căng thẳng triền miên ở trong dân chúng. Chỉ riêng quận 7 đến cuối năm 1969, địch đã tổ chức trên 6000 nhân dân tự vệ thuộc lứa tuổi từ 14 đến 50, trang bị 2433 súng. Công an, cảnh sát, nhân dân tự vệ... kết hợp liên tục lùng sục, vây ráp trong nội thành gây cho ta rất nhiều khó khăn. Tại Sài Gòn năm 1969 có trên 7000 cuộc hành quân cảnh sát và có đêm như đêm 20 tháng 1 năm 1969 trên 9.700 người bị khám xét, bị bắt giam. Nhiều cơ sở Đảng bị phá vỡ, nhiều đảng viên, cán bộ bị bắt. Các căn cứ Rạch Bà Tàng, Hố Bần, Bến Đá, Cầu Sập, Phú Định, Hàng Thái, Chánh Hưng, Rạch Ông, Rạch Cát... bị đánh phá chà đi xát lại liên miên. Đời sống nhân dân lao động điêu đứng, đi lại, làm ăn khó khăn. Trong lúc đó phim ảnh, sách báo Mỹ, văn hóa đồi trụy, dâm dật, tràn ngập đang đầu độc tầng lớp thanh niên, học sinh, gieo rắc tâm lý hưởng thụ, sống gấp, không cần biết lý tưởng, không cần biết tương lai.

Ở ngoại thành, quân Mỹ vẫn tiếp tục làm nhiệm vụ lá chắn, đẩy lùi chủ lực ta ra xa hơn, đại bộ phận quân nguy làm nhiệm vụ càn quét với mật độ lớn hơn các năm trước nhằm triệt phá các nhóm căn cứ, các bàn đạp, làm bật gốc các lực lượng ta ra khỏi ven đô.

Tiếp sau phong trào chống lệnh động viên, quân sự hóa học đường, đòi hòa bình, tháng 4 năm 1969, đội vũ trang tuyên truyền học sinh đột nhập trường Huỳnh Khương Ninh kêu gọi học sinh vùng lên lật đổ Thiệu, Kỳ, gia nhập các lực lượng vũ trang cách mạng.

Vào dịp lễ Phật Đản năm 1969, "Ủy ban thanh niên học sinh, sinh viên tranh thủ dân chủ và hòa bình" được thành lập, phối hợp cùng các giới khác lên án Mỹ nguy tiến hành chiến tranh hủy diệt, đòi văn hội hòa bình.

Nguyễn Văn Thiệu cấm tổ chức lễ Quốc tế Lao động ngày 1 tháng 5 năm 1969, nhưng hơn 500 đại biểu của 118 nghiệp đoàn Sài Gòn - Chợ Lớn bất tuân lệnh, cứ tổ chức ngày hội lớn của giai cấp

công nhân, vạch mặt Thiệu và tay sai, đòi tự do nghiệp đoàn, đòi hòa bình, lập lại quan hệ bình thường Nam - Bắc.

Tháng 5 năm 1969, Đại hội đại biểu các lực lượng thành phố bầu ra Ủy ban Nhân dân Cách mạng thành phố do giáo sư Nguyễn Văn Chì làm chủ tịch.

Sau đợt tiến công tháng 5 trên chiến trường, Đại hội Đại biểu Quốc dân miền Nam họp trong các ngày 6, 7, 8 tháng 6 năm 1969 quyết định thành lập chế độ cộng hòa, bầu ra Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn Chính phủ. Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, làm Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời. Hội đồng cố vấn Chính phủ do luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, làm Chủ tịch và luật sư Trịnh Đình Thảo, Chủ tịch Ủy ban Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam làm Phó Chủ tịch. Đại hội ra đời hiệu triệu quân và dân miền Nam tăng cường đoàn kết, ra sức chiến đấu đưa sự nghiệp chống Mỹ cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Vào lúc này ở Sài Gòn, Gia Định xuất hiện hai phong trào mới: phong trào các nghiệp đoàn nông dân, tá điền và phong trào lực lượng quốc gia tiến bộ. Các nghiệp đoàn nông dân và tá điền ở các tỉnh lân cận Sài Gòn, từ trước năm 1968 đã đấu tranh chống dự luật của Hạ nghị viện ngụy về nông dân, nay lại kéo về thành phố tiến hành đại hội. Lực lượng quốc gia tiến bộ do luật sư Trần Ngọc Liễng làm chủ tịch, với nội dung đấu tranh từ cứu giúp nạn nhân chiến cuộc, tiến lên đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh: từ nội san Hòa Giải của lực lượng không chỉ phát hành nội bộ mà còn phát hành công khai, đòi hòa bình, lên án chiến tranh.

Tháng 7 năm 1969, công nhân ngành xe buýt đấu tranh chống chủ trương của Mỹ -ngụy, giải tán việc công quản xe buýt để cho tư nhân tham gia đấu thầu, thực chất là chúng âm mưu sa thải những công nhân tích cực đấu tranh, chuyển việc quản lý xe buýt cho những tên tay chân của ngụy quyền, ngụy quyền để dễ bề nắm giữ, thao túng. Toàn thể công nhân xe buýt kiên quyết giữ vững vị trí, dũng cảm chống lại lực lượng cảnh sát dã chiến ngụy đến đàn áp, kiên trì

giữ vững yêu sách đòi chính quyền phải hủy bỏ chính sách đầu thầu xe buýt.

Cuộc đấu tranh kéo dài trong nhiều tháng, được đại biểu của 118 nghiệp đoàn ra tuyên bố ủng hộ. Công nhân các ngành dầu hỏa, bến cảng, hóa phẩm, các hãng ESSO, Silico, Mic, xưởng Caric, bệnh viện Đồn Đất, các hãng pin Quang Minh, Con Ó, cơ quan USAID... đồng tình hưởng ứng. Một số đồng bào ở các chợ mang cơm gạo, bánh mì, thực phẩm đến tiếp tế cho công nhân xe buýt. Các lực lượng vũ trang nội thành đẩy mạnh hoạt động trừ gian, trừng trị nhiều tên tay sai quan trọng như Lê Minh Trứ, tổng trưởng văn hóa giáo dục và thanh niên (ngày 6 tháng 1 năm 1969), Lê Diệu Luận, phó chủ tịch nhân dân tự vệ khóm 24 phường Chợ Quán, Trưởng văn phòng đặc vụ Đài Loan (ngày 6 tháng 4 năm 1969) Văn Diễm Quang, nghị viện đô thành (ngày 19 tháng 6 năm 1969), Hà Thành Tín phụ trách Phân cục cảnh sát quận 6 (tháng 7 năm 1969)... Biệt động đã tấn công Phân cục cảnh sát ngay trên đường Nguyễn Tri Phương, quận 10, Phân cục cảnh sát quận 5. Các xe quân sự Mỹ liên tục bị tấn công, chúng buộc phải tổ chức yểm trợ các cuộc di chuyển quân sự trong thành phố. Một lực lượng đáng kể binh lính địch bị trói chân vào công việc canh gác ở đường phố. Nhân dân Củ Chi có câu "giết một thằng bình định bằng giết ba thằng Mỹ", bọn tâm lý chiến được xếp vào hàng đầu trong số này. Du kích Tân Thạnh Tây, một lần đột nhập áp chiến lược Tân Quy diệt một đội bình định 7 tên. Vào khoảng tháng 8 năm 1969, trước tình thế khó khăn, huyện chủ trương cử một trung đội nữ du kích Củ Chi về hoạt động bên trong các ấp chiến lược, vào các tổ du kích mật và bổ sung một số chỉ em cho biệt động thành. Lực lượng này thật sự trở thành lực lượng biệt động tại chỗ, tấn công địch bất kỳ nơi nào: quán nước, nhà ăn, trụ sở... Các khẩu cối 82 ly phân tán cho du kích giấu dưới địa đạo, khi cần lấy lên sử dụng ngay. Các công trường xã tiếp tục duy trì, phát triển, du kích nghĩ ra nhiều loại mìn gạc, mìn hóa học, "mìn chĩn mắ", mìn nylon... chống được máy dò của địch. Những bãi mìn, trái lòn hình thành, có những bãi dài đến hàng nghìn mét như ở Nhuận Đức, An Nhơn Tây, Thái Mỹ. Bãi ở An Nhơn Tây gài đến 900 trái các loại. Có nhiều người rất thành thạo trong sản xuất vũ khí như: Tô Văn Đức, Phạm Văn Cội, Nguyễn Văn An, Lê Văn Đạm...

Ở Thủ Đức, Gò Vấp, Hóc Môn, lực lượng võ trang tập trung chia nhỏ ra thành từng phân đội cùng du kích bám địa bàn, bám địch, đánh tiêu hao ở các khu vực Bình Trung, Phước Long, Long Trường, Tăng Nhơn Phú, Long Thạnh Mỹ, An Phú Đông, Thạnh Lộc, Quới Xuân, Nhị Bình, Tân Thới Hiệp, Đông Thạnh...

Ở Rừng Sác, đại hội Đảng Đoàn 10 lần thứ ba cuối mùa xuân 1969, diễn ra trong tình thế hết sức căng thẳng: Rừng Sác đang bị bao vây, đội 5 vào sinh ra tử quân cảng Nhà Bè trung bình tấn công hơn chục trận mà chỉ hy sinh 1 chiến sĩ, nhưng sau một trận đánh càn số quân còn một nửa, đánh đi đánh lại chỉ còn 9 tay súng. Các đội khác (cấp đại đội) còn 15, hai ba chục tay súng được coi là sung sức. Các chiến sĩ dùi đường về chiến khu Đ lần lượt hy sinh. Hàng loạt DK75, B40, B41 hết đạn. Lần lượt từ đại đội 2 trên sông Ông Kèo, đến các đơn vị khác bắt đầu ăn cháo rau kềm, có nơi luộc trái sù, vệt ăn thay cơm. Đảng ủy lúc này gồm các đồng chí Bảy Ước (chính ủy), Cao Thanh Tao và đồng chí Hải lãnh đạo, chỉ huy đơn vị vượt thời kỳ khó khăn nhất.

Hàng loạt câu hỏi đặt ra: lấy gì đánh, lấy gì ăn, đánh rồi lui về đâu, hay tạm lui hết về đất liền?

Trong tình thế đó, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III của Đoàn 10 nêu rõ: "bất cứ giá nào cũng phải đứng tại Rừng Sác", bằng biện pháp và quyết tâm "Rừng Sác là nhà". Nghị quyết nêu thành khẩu hiệu lịch sử:

Rừng Sác là nhà.

Sông Lòng Tàu là trận địa.

Bến cảng, kho tàng, tàu địch là quyết chiến điểm.

Có lệnh là đi, hoàn cảnh nào cũng đánh thắng, đánh phải thắng.

Nghị quyết xuống các đơn vị kèm theo chỉ thị:

Bắt cá, mò cua.

Tại chỗ tùy cơ ứng biến - Nghe xă luận đài mà đánh...

Chỉ huy Đoàn nhận được những lá thư quyết tử bám trụ từ phía Tây sông Lòng Tàu. Lá thư viết bằng máu của đội 6: "Chúng tôi một tác không đi, một ly không rời khi chưa có lệnh"; "còn người còn chiến đấu, còn người còn trận địa". Có biết bao tấm gương về những chiến sĩ Rừng Sác chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, hơi thở cuối cùng, về trận địa một người chống chọi hàng đại đội giặc. Trên một cù lao không tên, đồng chí Kiệt, một cán bộ đại đội là người còn lại cuối cùng, bị địch bắn gãy lìa một khúc chân, còn bò đi gom súng đạn của đồng đội hy sinh để lại, đánh gãy đợt xung phong tiếp của địch. Lịch sử Đoàn 10 đang trải qua những tháng năm gian khổ nhất gọi là thời kỳ "bắt cá - mò cua - mua gạo - cháo rau kèm". Gần 200 cơ sở quần chúng gắn bó với Đoàn tập trung lo tiếp tế gạo, thực phẩm thuốc men. Cán bộ chiến sĩ đội quân giới của Đoàn vào "chiến dịch" truy tìm bom pháo lép (tính đến năm 1971 lấy được 4275 kg thuốc nổ từ trái bom lép). Đội quân giới của đồng chí Tư Tiên và kỹ sư Mười Thiện đã sáng chế, cải tiến ra nhiều loại mìn trong đó có "bom bay" chế từ DKB đánh được tàu 10.000 tấn, mìn ngòi phèn chua thay mìn hẹn giờ Liên Xô...

Ngày 18 tháng 5 năm 1969, quyết lập công mừng sinh nhật Bác, trong vòng 30 phút trên sông Lòng Tàu, chiến sĩ Đoàn 10 bắn cháy 2 tàu dầu của giặc, một chiếc 7.000 tấn và một chiếc 12.000 tấn.

Thấy hiện tượng hoạt động của đặc công ta tăng lên, ngày 24 tháng 6 năm 1969, địch tổ chức trận càn Mỹ - Ngụy hỗn hợp quy mô lớn do lữ đoàn 199 Mỹ chủ công, lữ trưởng David chỉ huy, đánh vào khu vực sông Ông Kèo, nơi mà chúng đinh ninh có cơ quan chỉ huy của Đoàn 10.

Qua cơ sở quân báo, ta nắm được ý định của địch nên đã bố trí trận địa đánh địch từ Vàm Ông Kèo vào gồm các chốt: B40, B41, DKZ, mìn của đội 1, đội 2, các trận địa bộ binh đại đội 1, đại hội 2.

Chiến sự ác liệt diễn ra từ sáng sớm đến 15 giờ, phía sông Ông Kèo, ta loại đoàn tàu 10 chiếc của Mỹ, nhưng phía sau tiểu đoàn ngụy tràn qua được, gây thiệt hại cho đại đội 2. Ta giết, làm bị thương 200 tên Mỹ - Ngụy, bắn chìm cháy 10 tàu. Đặc biệt tại Vàm sông Ông Kèo, ta bắn rơi chiếc máy bay chỉ huy của tướng David lữ trưởng lữ 199, tên này bị thương.

Cũng tháng 6 năm 1969, đặc công Rừng Sác đã tổ chức vượt lên đất liền, liên tiếp pháo kích Bộ tư lệnh Hải quân ngụy và kho xăng Nhà Bè.

Giữa những ngày chiến tranh ác liệt, đêm 3 tháng 9 năm 1969, Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam truyền đi một tin đau thương, mất mát không gì bù đắp nổi của dân tộc ta: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Không ai tưởng tượng một sự thật đau buồn như vậy có thể đến, dù đó là điều không thể tránh. Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Người xây dựng nền Cộng hòa Dân chủ và Mặt trận thống nhất, là Bác Hồ, Người Cha thân yêu của dân tộc. Bác ra đi để lại cho toàn đảng, toàn quân, toàn dân ta bản di chúc lịch sử. Người khẳng định: "Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn".

Sài Gòn - Gia Định đang trong những ngày khó khăn gian khổ nhất. Quân dân Sài Gòn - Gia Định nén đau thương, anh hùng phấn đấu, quyết tâm vượt lên, đập bằng mọi trở lực, chông gai để đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam.

Với lòng tiếc thương vô hạn, nhiều đồng bào thành phố bất chấp sự theo dõi của địch đã tổ chức truy điệu Bác bằng nhiều hình thức công khai hoặc bí mật.

Công nhân xe buýt giành cả ngày và đêm 9 tháng 9 làm lễ truy điệu Hồ Chủ Tịch. Trên 100 thanh niên, sinh viên thuộc đoàn văn nghệ học sinh, sinh viên Sài Gòn kính cẩn mặc niệm Bác trong tiếng hát trang nghiêm của bài "Hồn tử sĩ".

Tại nhà lao Chí Hòa, anh chị em tù chính trị để tang Bác 7 ngày. Suốt tuần lễ tang, sáng nào 600 anh chị em tù chính trị cũng hát Quốc ca và làm lễ tưởng niệm Người.

Tại Ngã Bảy, anh chị em công nhân và các nghiệp đoàn quanh vùng đó chiếm trụ sở Tổng liên đoàn lao động để tổ chức mít tinh, làm lễ truy điệu Bác.

Tại vùng Hòa Hưng 200 Phật tử, nhân sĩ trí thức, sinh viên học sinh tập trung về chùa Khánh Hưng. Đúng 2 giờ chiều ngày 9 tháng 9 năm 1969, chỉ mấy tiếng đồng hồ sau lễ tang truy điệu Bác Hồ ở

quảng trường Ba Đình (Hà Nội), lễ truy điệu tại đây bắt đầu. Thượng tọa Thích Pháp Lan đọc diếu văn ca ngợi công lao và đức độ Bác Hồ. Nhiều người không cầm được nước mắt. Bốn ngày sau, tổng nha cảnh sát gửi giấy mời thượng tọa Thích Pháp Lan đến thăm viếng suốt từ 8 giờ đến 5 giờ chiều. Trước lý lẽ sắc bén của thượng tọa và khí thế của phong trào đấu tranh của thành phố, địch buộc phải thả thượng tọa. Trong khi đó, đồng bào ở hẻm 258/5/21A phường Phan Thanh Giản, quận 10 làm lễ truy điệu Bác và nghe đọc tiểu sử bác dưới hình thức một đám giỗ tại nhà chị Biểu. Ở quận 8, chi bộ phường Hưng Phú, sau khi tổ chức canh phòng chu đáo, tập trung đồng bào tại xóm Đầm để truy điệu Bác. Cảnh sát ngại biết, nhưng không dám xúc phạm đến tình cảm của nhân dân. Nhiều gia đình trong thành phố đốt nhang trên bàn thờ làm lễ tang Bác, đón nghe các buổi phát thanh về Bác trên đài Hà Nội, Giải phóng. Quân dân ngoại thành làm lễ truy điệu Bác ở nhà, ngoài căn cứ, dưới địa đạo. Có nơi cán bộ làm lễ truy điệu Bác dưới hầm bí mật.

Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nguyện biến đau thương thành hành động cách mạng, thực hiện di chúc Bác để lại: "... Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn...".

Thực hiện chủ trương của Thành ủy, các đội biệt động tổ chức lại thành 3 cụm, mỗi cụm có nhiều đội, khẩn trương vừa củng cố vừa xây dựng và hoạt động theo phương châm kết hợp chặt chẽ chính trị với vũ trang, thực hiện "3 mũi giáp công" ở cơ sở.

Trong thời kỳ khó khăn này, tức mùng 3 Tết âm lịch, Đoàn Thị Ánh Tuyết cùng nữ biệt động Sáu Hạnh thực hiện cuộc tấn công Trung tâm Quốc gia báo chí, loại một số cổ vấn tình báo Mỹ và 28 tên mật vụ, cán bộ bình định và sĩ quan tình báo Sài Gòn.

Cũng vào những ngày này, ta đánh chất nổ trong Tổng nha cảnh sát ngục, do một nữ chiến sĩ an ninh thực hiện, nhiều tên chết và bị thương, phần lớn là thẩm viên cảnh sát, làm cháy trên 100 xe gắn máy. Địch huy động đến máy bay lên thẳng để chữa cháy, đem xe GMC đến lấy xác và đưa số bị thương đi cứu chữa. Trận này làm cho địch nghi ngờ lẫn nhau.

Với ý thức đánh địch để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, cuối tháng 1 năm 1970, nữ chiến sĩ Tư Kiên thuộc Lực lượng vũ trang

Thành Đoàn, đang bụng mang dạ chứa tự nguyện xin "đi đánh trận nữa để cổ vũ phong trào rồi đi đẻ". Ngày 30 tháng 4 chị đã cùng các chiến sĩ Lê Phi Hùng, Phạm Văn Triệu thực hiện cuộc tiến công táo bạo vào cư xá Thái Lan thuộc sư đoàn Báo Đen ở phường Phan Thanh Giản (nay là công trình bưu điện II ở phường 14 quận 10) gây thiệt hại cho địch không đáng kể nhưng có ảnh hưởng ngay đến khí thế tiến công chính trị của sinh viên đang diễn ra tại khu vực Bàn Cờ. Cũng chính nơi này địch phát hiện chỗ đặt cối 60 li của biệt động Sài Gòn đích thân chỉ huy cuộc lùng sục. Đồng chí Thanh một mình chống chọi một đại đội địch từ 10 giờ tối đến 4 giờ sáng, hy sinh tại trận.

Tại đường Nguyễn Văn Thoại, chị Tám A và nữ đồng chí Ngoạn hy sinh trong trận dùng thuốc nổ đánh nơi tập trung binh lính Đại Hàn.

Theo phương hướng Nghị quyết Bình Giã IV, khẩu hiệu đấu tranh chính trị tập trung lúc này là đòi Mỹ rút hết quân, chống chính quyền phản động Nguyễn Văn Thiệu, đòi thành lập chính quyền tiến bộ, chấm dứt chiến tranh, văn hòa hòa bình, tận dụng các hình thức công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp của học sinh, sinh viên, của công nhân và lao động, của mọi ngành, mọi giới và các tầng lớp trung gian.

Nội dung và hình thức đề ra nói trên rất sát hợp yêu cầu và tình hình nhân dân Sài Gòn trong tình thế hiện tại.

Học sinh, sinh viên là lực lượng nắm bắt và khơi dậy ngay thành phong trào tiến đến cao trào theo phương hướng khẩu hiệu được phát động, đồng thời tạo được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các ngành các giới, có liên kết các phong trào khác tạo thành sức mạnh tổng hợp của mặt trận chính trị thành phố.

Tháng 6 năm 1970, trong một cuộc biểu tình đòi trả tự do cho tất cả sinh viên, học sinh còn bị giam giữ tại nhà lao Chí Hòa, sinh viên, học sinh xung đột dữ dội với cảnh sát ngay đến đàn áp, đốt cháy 1 xe, sau đó lại tấn công đốt cháy 1 xe cảnh sát và 1 xe quân cảnh Mỹ, đánh bị thương 2 tên Mỹ đi trên xe, thu cả súng đại liên, dùi cui và mũ sắt. Phong trào học sinh, sinh viên từ Sài Gòn lan xuống Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Cần Giờ, Châu Đốc, Rạch Giá, ra Đà Lạt, Bình Định, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế... trở thành cao trào học sinh,

sinh viên toàn miền Nam đấu tranh chống Mỹ - Thiệu - Kỳ, đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh, tự do, độc lập và ngay người nước ngoài cũng đấu tranh kêu gọi hòa bình cho Việt Nam.

Cuối tháng 6 năm 1970, sinh viên liên viện đại học Sài Gòn, Huế, Đà Lạt, Cần Thơ, Vạn Hạnh, tổ chức đại hội nhằm thống nhất khẩu hiệu và hành động của sinh viên trên toàn miền Nam. Một trong những khẩu hiệu hành động chung đó là: chống huấn luyện quân sự học đường với nội dung: không học, không thi, không đi quân trường.

Kết quả suốt các tháng 7, 8, 9 năm 1970, trong các trường đại học, phong trào chống quân sự học đường phát triển rất mạnh mẽ. Có đến 30.000 sinh viên không đi học quân sự, không thi môn quân sự học đường, 450 sinh viên đang học ở quân trường bỏ về. Sinh viên các trường đại học Y, Văn, Vạn Hạnh, Kỹ thuật Phú Thọ, đốt cháy các phòng huấn luyện quân sự học đường.

Đêm 17 tháng 7 năm 1970, học sinh, sinh viên tổ chức đêm văn nghệ "Năm châu đấu tranh cho hòa bình" tại số 240 đường Công Lý, đại diện sinh viên Việt Nam tặng cho phái đoàn sinh viên quốc tế 1 lá cờ có vẽ hình chim bồ câu trắng tượng trưng cho khát vọng hòa bình của nhân dân ta. Đáp lại, các sinh viên Mỹ rút thẻ quân dịch châm lửa đốt và dẫm nát dưới gót giày để biểu hiện tinh thần phản đối chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Tiếp theo, đêm văn nghệ "Năm châu đấu tranh cho hòa bình" là những đêm "Văn nghệ xung kích", những đêm "Đốt lửa căm thù", nhằm "đốt lửa lên để nhận mặt kẻ thù, đốt lửa lên để nung nấu ý chí căm hờn, đốt lửa lên soi sáng niềm tin hy vọng", để cùng nhau sát cánh đấu tranh.

Bài hát "Dậy mà đi" thôi thúc, giục giã lớp lớp người vùng dậy đấu tranh. Từ tháng 5 đến tháng 10 có đến 24 đêm biểu diễn văn nghệ tập trung, 27 buổi văn nghệ xung kích, 49 tổ báo sinh viên, 66 tập san học sinh, và 26 cuộc đi cắm trại. Hàng trăm đội xung kích thanh niên học sinh, sinh viên tỏa về các xí nghiệp, các chợ, các xóm lao động và các vùng nông thôn ngoại thành để nói "cho đồng bào tôi nghe và nghe đồng bào tôi nói" để "hát cho đồng bào tôi nghe và nghe đồng bào tôi cùng hát" nhằm tuyên truyền vận động nhân dân đấu tranh đòi quyền sống, đòi hòa bình, đòi chấm dứt chiến tranh, đòi lật đổ Thiệu, đòi Mỹ phải rút hết...

Ngày 18/3/1970 Mỹ cho tiến hành cuộc đảo chính lật đổ nền trung lập của Campuchia. Sau đảo chính, Mỹ tập trung dựng lên chế độ Lon Non làm tay sai và tìm cách mở rộng chiến tranh xâm lược sang Campuchia. Ngày 29/4/1970 Mỹ ngụy Sài Gòn sử dụng 10.000 quân phiêu lưu đánh sang khu vực phía Đông - Bắc Campuchia, giáp với miền Đông Nam Bộ của Việt Nam.

Từ giữa tháng 6/1970 quân dân miền Nam và liên quân Việt Nam - Campuchia đã phối hợp để đánh Mỹ ngụy Sài Gòn, ngụy Phnôm-pênh. Sau hai tháng phối hợp chiến đấu ta và bạn đã giải phóng hoàn toàn 5 tỉnh và giải phóng phần lớn 6 tỉnh khác của Campuchia sát với vùng giải phóng của miền Nam Việt Nam. Tình hình khó khăn ở Campuchia được cải thiện rõ rệt, trong khi ấy ở Lào và ở miền Nam Việt Nam ta cũng tranh thủ đẩy mạnh hoạt động. Ở Lào, liên quân cách mạng Việt - Lào đã tấn công và giải phóng thị xã Xaravan (hạ Lào). Ở miền Nam ta mở đợt hoạt động Xuân - Hè trên toàn miền chống phá bình định của địch. Các đô thị miền Nam từ tháng 4/1970 đến tháng 6/1970 bùng lên nhiều cuộc đấu tranh của hàng vạn người chống Mỹ - Ngụy, đòi tự do, dân chủ, hòa bình, chấm dứt chiến tranh. Đến giữa năm 1971 đã làm xuất hiện nhiều hình thức tổ chức công khai hợp pháp chuẩn bị đưa đấu tranh chính trị ở miền Nam lên một cao trào mới. Sinh viên học sinh chống quân sự hóa học được, những cuộc xuống đường của "Phong trào phụ nữ đòi quyền sống", "Ủy ban nhân dân tranh thủ hòa bình", "Ủy ban nhân dân đòi quyền sống", "Nghịệp đoàn 36 chợ đô thành", những cuộc tổng bãi công của 21 nghiệp đoàn chống thế lương bổng, phong trào chống bắt thanh niên miền Nam Việt Nam đi làm bia đỡ đạn ở Lào và Campuchia... Đó là những trận đấu tranh rung chuyển phố phường và từ đó một "Mặt trận nhân dân tranh thủ hòa bình" đã ra đời từ Sài Gòn lan nhanh khắp các thành thị miền Nam.

Đón trước thời điểm chính trị của nước Mỹ năm 1972, từ tháng 5/1971 Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã đề ra chủ trương "Kịp thời nắm lấy thời cơ lớn, trên cơ sở phương châm chiến lược đánh lâu dài, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và ngoại giao, phát triển thế chiến lược tiến công mới trên toàn chiến trường miền Nam và cả trên chiến trường Đông Dương, đánh bại một bước quan trọng kế hoạch xâm lược của chúng ở Campuchia và Lào, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến

tranh bằng thương lượng trên thế thua, đồng thời sẵn sàng chuẩn bị, kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh còn kéo dài". Điều bất ngờ là hành động điên cuồng của Mỹ chỉ càng làm cho loài người tiến bộ, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ công phần, lên án và đòi chính quyền Nixon phải chấm dứt chiến tranh. Ngày 27/7/1972 tại hội nghị các Đảng Cộng sản và công nhân châu Âu đoàn kết với nhân dân Việt Nam, 27 đoàn đại biểu các nước Đông Âu, Tây Âu, Bắc Âu đã ra "Tuyên bố Paris" kêu gọi "chính phủ Mỹ chấm dứt tức khắc các cuộc ném bom và mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... chấm dứt mọi sự can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, Lào và Campuchia".

Mỹ không muốn chấp nhận việc ký kết hiệp định bất lợi cho Mỹ và Ngụy nên chủ trương đánh đòn quân sự để ép ta phải nhượng bộ chúng. Chúng cho rằng "đe dọa phải... kết hợp với hành động thực thì mới có hiệu quả thuyết phục đối phương". Johnson năm 1965 đã dùng biện pháp leo thang đánh phá ra miền Bắc để thực hiện ý đồ chiến lược ở miền Nam; còn Nixon năm 1972 dùng biện pháp leo thang để gây một sức ép cuối cùng theo cách tính toán "được ăn cả, ngã về không". Ngay sau ngày thắng cử, Nixon cho đánh phá mạnh hơn nữa ở vĩ tuyến 20, ồ ạt tuôn đổ vũ khí và viện trợ cho ngụy, đốc thúc ngụy phản kích mạnh ở miền Nam, đòi ta sửa đổi 120 chỗ trong dự thảo hiệp định. Bộ Chính trị Đảng ta đã nhắc nhở "phải đề phòng Mỹ tăng cường hành động quân sự. Tuyệt đối ta không được lơ là mất cảnh giác". Trận chiến đấu của quân dân miền Bắc chống tập kích của không quân Mỹ bắt đầu từ 19 giờ 40 phút ngày 18/12/1972 và kéo dài suốt 12 ngày đêm sau đó. Chưa bao giờ và ở đâu có 1 chiến dịch phòng không như 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở miền Bắc; cũng chưa từng có trong lịch sử cảnh tượng B.52 của Mỹ cháy rụi đỏ mặt Hồ Gươm. Quân dân miền Bắc đã dám đánh và đã đánh thắng chúng. Phó tham mưu trưởng không quân Mỹ thú nhận "Bắc Việt Nam đã phát triển được các lực lượng phòng không dày dặn nhất thế giới. Bảy (7) giờ sáng ngày 30/12/1972 chính phủ Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 và đề nghị nối lại đàm phán ở Paris. Mỹ muốn giáng cho đối phương một đòn quân sự mạnh thì lại gặp một trận "Điện Biên Phủ trên không"; muốn tỏ rõ sức mạnh không thể tưởng tượng nổi của không quân chiến lược Hoa Kỳ thì những biểu tượng của sức mạnh răn đe bị mất uy thế. Tổng thống Nixon vừa tái đắc cử đã bị một trận "phản đòn", muốn đàm phán trên thế mạnh đã

phải trở lại Paris khẩn cấp và "cần đạt được một giải pháp dù đối phương đưa ra những điều kiện khắt khe", chấp thuận tất cả những gì đã chối từ và chấp nhận cả kết quả đàm phán ngoài mong muốn.

(Theo sách Lịch sử Việt Nam tập 3 - NXB Giáo dục)

e) Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris

Sau gần một năm phá hoại Hiệp định Paris, nguy quyền đứng trước những khó khăn mới, quân số tụt giảm, viện trợ quân sự của Mỹ bị cắt bớt, kinh tế đình đốn, ngân sách nguy quyền 1973 - 1974 hao hụt 266 tỉ (tiền Sài Gòn), lạm phát tới 200 tỉ, số người thất nghiệp lên tới 1 triệu 32 vạn. Trong thông điệp tháng 6 năm 1974, Thiệu đã phải kêu gọi binh lính "đánh giặc theo kiểu con nhà nghèo". Trong khi đó cuộc thanh lọc và sa thải công nhân viên chức của Thiệu làm cho nội bộ nguy quân, nguy quyền càng lục đục gay gắt.

Nhưng tập đoàn tay sai Thiệu vẫn còn rất ngoan cố. Ngày 6 tháng 1 năm 1974, Thiệu trắng trợn tuyên bố"... không có hòa bình, không có tổng tuyển cử... "Y gào thét "phải đẩy mạnh tấn công ngay tại vùng cộng sản kiểm soát", "phải đánh trước"... và tiếp tục ráo riết thực hiện kế hoạch 2 năm 1973 - 1974, lần lượt tung xuống xã, ấp 40% công chức và 2400 sĩ quan để tăng cường bộ máy kềm kẹp tại cơ sở.

Đầu năm 1974, địch huy động lực lượng sư đoàn 25 mở cuộc hành quân đánh sâu vào các vùng căn cứ giải phóng Bắc Củ Chi, đồng thời sử dụng một bộ phận chủ lực còn lại kết hợp vào bảo an, dân vệ, phòng vệ dân sự, cảnh sát và các đoàn binh định mở các cuộc hành quân bình định lấn chiếm vùng ven chung quanh Sài Gòn.

Trong tình hình trên, Hội nghị Thành ủy tháng 1 năm 1974 chủ trương: dưới khẩu hiệu trung tâm là hòa bình, độc lập, dân chủ cải thiện dân sinh, ở nội thành đẩy mạnh phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris, ra sức xây dựng lực lượng cơ sở, tạo điều kiện và thời cơ đi tới cao trào, phối hợp chặt chẽ với phong trào nông thôn và mũi tiến công của quân sự, tiến lên đánh đổ tập đoàn quân phiệt, phát xít tay sai phản động của đế quốc Mỹ ở miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ.

Phối hợp chặt chẽ với phong trào ở nội thành, ở nông thôn, phải tập trung chống phá bình định của địch, chống phá địa hình, chống phá càn quét, lấn chiếm, chống cướp lúa, gom dân, chống đồn quân bắt lính...

Hội nghị đề ra yêu cầu: phát triển các loại lực lượng lên từ 2 đến 3 lần ở cả thành phố lẫn nông thôn; tăng cường số lượng và chất lượng của lực lượng vũ trang đảm bảo tiêu diệt lực lượng ác ôn, kềm kẹp, lực lượng súng lục, đánh bại lực lượng càn quét, lấn chiếm; đẩy mạnh đấu tranh phá lỏng kềm và giành quyền làm chủ của nhân dân; công tác xây dựng Đảng, xây dựng thực lực cách mạng đô thị phải đi sâu hơn nữa vào xí nghiệp, xóm lao động và các ngành trọng điểm.

Sinh khí mới về chính trị của các tầng lớp quần chúng sau Hiệp định Paris gặp sự khủng hoảng kinh tế của ngụy và thái độ hiếu chiến của Thiệu hợp thành một phát khởi mới trong phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị. Kinh nghiệm ngày một dày dặn, trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức của Thành ủy với phong trào ngày một chặt chẽ, sắc sảo hơn.

Ngày 14 tháng 2 năm 1974, Tổ chức nhân dân đòi thi hành Hiệp định Paris mà tiền thân của nó là Lực lượng quốc gia tiến bộ, do ông Trần Ngọc Liễng làm chủ tịch ra mắt. Hàng loạt tổ chức khác của các giới cũng được thành lập: Ủy ban chống sa thải, Ủy ban chống đàn áp, bắt công, Mặt trận nhân dân cứu đói, Ủy ban bảo vệ các bạn hàng chợ, Ủy ban bảo vệ quyền lợi sinh viên, Ủy ban bảo vệ tự do báo chí...

Theo sự chỉ đạo của ta, một lực lượng chính trị mới, "lực lượng thứ ba" đang hình thành sau Hiệp định Paris bao gồm các nhân sĩ trí thức, binh sĩ, dân biểu, nhà báo, tu sĩ, công thương gia, cựu tướng tá ngụy... có khuynh hướng chống Thiệu, đòi hòa bình, độc lập, dân chủ; nổi bật là các nhân vật như: bà luật sư Ngô Bá Thành, ông Trần Ngọc Liễng, kỹ sư Dương Văn Đại, dân biểu Hồ Ngọc Nhận, dân biểu Lý Quý Chung, giáo sư Lý Chánh Trung, linh mục Phan Khắc Từ, thượng tọa Thích Pháp Lan, dân biểu Kiều Mộng Thu, ni sư Huỳnh Liên, nhà báo Nam Đình... Tổ chức nhân dân đòi thi hành Hiệp định Paris đóng vai trò nòng cốt trong hoạt động của lực lượng thứ ba. Cũng trong thời gian này Ủy ban Liên minh các Lực lượng Dân tộc,

Dân chủ và hòa bình khu Sài Gòn - Gia Định ra mắt bao gồm nhiều nhân sĩ, trí thức đã ra vùng giải phóng, do giáo sư Nguyễn Văn Chì làm Chủ tịch. Lực lượng thứ ba tiêu biểu cho xu hướng chính trị của giai cấp tư sản dân tộc, tuy còn những mặt hạn chế, nhưng hoạt động của lực lượng này làm cho đế quốc Mỹ và tập đoàn quan liêu quân phiệt, đại biểu cho giai cấp tư sản mại bản và phong kiến phản động, bị phân hóa, cô lập, tạo ra một thế rất tốt cho phong trào đô thị.

Tháng 4 năm 1974 tất cả các nghiệp đoàn ở Thành phố đã phát động một chiến dịch đấu tranh chống sa thải. Tiêu biểu là những cuộc đấu tranh của 1000 công nhân hãng MIC, của 1500 công nhân các hãng bột mì Sakibomi, Viphumico của 1000 công nhân bốc vác Khánh Hội và cuộc đấu tranh của 3000 công nhân Hàng không Việt Nam. Ngày 30 tháng 4 năm 1974, đại diện 200 nghiệp đoàn họp Hội nghị chống sa thải, kêu gọi công nhân đòi Thiệu phải ban hành về lương tối thiểu, văn hóa hòa bình.

Cùng với phong trào dân sinh dân chủ của công nhân và lao động, phong trào đấu tranh đòi trả tù chính trị cũng liên tục tiếp diễn đến cuối năm 1974. Tháng 10, tháng 11 có hai cuộc biểu tình hàng ngàn người ở Gia Định và ở Sài Gòn đòi thả tù chính trị, có đông đảo ni sư và Phật tử tham gia.

Giới báo chí đã nhập cuộc và trở thành một mũi xung kích công khai chống chế độ độc tài Nguyễn Văn Thiệu. Ngày 20 tháng 9 năm 1974 các chủ báo và ký giả họp mít tinh, diễu hành trước tòa soạn báo Điện Tín, một trong những tờ báo đối lập chế độ Sài Gòn và do ta chi phối, mở đầu cuộc đấu tranh chống sắc luật 007, sắc luật kèm kẹp báo chí của Thiệu.

Ngày 25 tháng 9 năm 1974 Ủy ban Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Khu Sài Gòn - Gia Định ra lời kêu gọi chống Thiệu, đòi hòa bình, tự do, dân chủ. Đối phó với phong trào đấu tranh của nhân dân đô thị, ngày 22 tháng 9 năm 1974, Mỹ Thiệu vạch ra "Kế hoạch Sao chổi" nhằm "đàn áp cho kỳ được các phong trào này", "thanh toán toàn bộ phản động (cộng sản, thân cộng...)", "cô lập, chia rẽ nội bộ các phong trào".

Ngày 1 tháng 10 năm 1974, báo chí lột trần "Kế hoạch Sao chổi" này trước dư luận, gây nên làn sóng căm phẫn lan tràn. Tập đoàn Thiệu hết sức bối rối.

Thừa thắng, ngày 10 tháng 10 năm 1974 lực lượng báo chí được sự hỗ trợ của các lực lượng sinh viên, UYy ban bảo vệ quyền lợi lao động và Mặt trận nhân dân cứu đói... tổ chức một cuộc xuống đường gọi là "ngày ký giả ăn mày" do nhà báo lão thành Tô Nguyệt Đình đứng đầu. Hàng trăm ký giả mang bị, gậy xuống đường đã thu hút nhiều dân biểu, nghị sĩ đối lập và một "biển đông bào" trên đoạn đường công trường Lam Sơn đến chợ Bến Thành với khẩu hiệu: "Còn Thiệu, còn chiến tranh". Một "rừng cảnh sát" đã không làm gì được. Các hãng thông tin UPI (Mỹ), AFP (Pháp), Reuter (Anh) đều cho đây là cuộc biểu tình lớn nhất trong 9 năm cầm quyền của Thiệu. Tiếp sau đó là 3 cuộc biểu tình lớn nữa vào các ngày 31 tháng 10, ngày 28 tháng 11 và ngày 22 tháng 12 năm 1974 gọi là những "ngày báo chí và công lý thọ nạn", gây tiếng vang lớn trong ngoài nước. Thiệu phản ứng quyết liệt, nhưng lực lượng quần chúng và giới báo chí vẫn xóc tới. Cho đến cuối năm 1974, Sài Gòn có đến 30 tổ chức chính trị xã hội chống Thiệu, đòi tổng tuyển cử, đòi tự do dân chủ, đòi cải thiện đời sống. Đáng chú ý là trong phong trào đô thị có cả lực lượng thương phế binh, mà về quan điểm, ta coi là một bộ phận quần chúng đau khổ vì bị ngụy quyền hắt hủi và có thể đấu tranh với chế độ độc tài, phản dân. Ngày 4 tháng 12 năm 1974 Ủy ban hành động cho công bằng xã hội ra đời tập hợp trên 10.000 sinh viên Thiên chúa giáo là một nét mới của phong trào Công giáo chống Thiệu. Đêm Noel ngày 24 tháng 12 năm 1974, tại nhà thờ dòng Chúa cứu thế và nhà thờ Vườn Xoài, hàng trăm thanh niên học sinh và sinh viên Thiên Chúa tổ chức mít tinh phản đối ngụy quyền bắt lính. Tổ chức rất rộng rãi Mặt trận nhân dân cứu đói ra mắt từ tháng 9 năm 1974 do đại đức Thích Hiến Pháp làm Chủ tịch và dân biểu Nguyễn Văn Hàn làm tổng thư ký, thu hút nhiều thành phần có thể lực: tổng vụ trưởng vụ cư sĩ giáo hội Phật giáo thống nhất Thích Quảng Long, ni sư Huỳnh Liên, linh mục Phan Khắc Từ, chủ tịch Ủy ban bảo vệ quyền lợi lao động, các dân biểu đối lập Kiều Mộng Thu, Hồ Ngọc Nhuận, giáo sư Lý Chánh Trung, luật sư Ngô Bá Thành, các nghệ sĩ Kim Cương, Thanh Nga... Ta đưa một số cán bộ tham gia đứng tên vào Mặt trận: Ngọc Trảng, Ba Thép, Xuân Thượng. Với khẩu hiệu "lá lành đùm lá rách", ẩn giấu nội dung tố cáo chế độ. Hình thức hoạt động của mặt

trận thật sáng tạo: biểu tình có ca hát "dậy mà đi", biểu tình "xa luân chiến" (biểu tình không lớn mà liên miên ngày này qua ngày khác, đêm này qua đêm nọ như bánh xe quay làm cho cảnh sát mất ăn mất ngủ). Phong trào công khai, nhưng ra báo bí mật "Cứu đói" với 10.000 bản được báo công khai cổ vũ (Điện Tín của Lý Chánh Trung, Đại Dân tộc của Kiều Mộng Thu). Mặt trận còn lập "Khối dân tộc xã hội" đấu tranh nghị trường, tổ chức "báo nói", "văn nghệ chạy", "biểu tình ngồi", "phát chân", có cả dân biểu, ni sư tham gia. Chưa lúc nào tập đoàn phản dân Thiệu bị cô lập hơn lúc này. Ngày 25 tháng 1 năm 1975, 18 đoàn thể thuộc nhiều khuynh hướng chính trị cùng ký chung một bản kiến nghị đòi Mỹ chấm dứt viện trợ cho Thiệu, đòi Thiệu từ chức. Một tuần sau, ngày 1 tháng 2 năm 1975, 23 tổ chức tiến bộ công bố chung một bản cáo trạng tố cáo Thiệu là sản phẩm của chiến tranh, còn Thiệu là còn chiến tranh. Thiệu "chữa cháy" bằng con đường phát xít hóa ngày càng trắng trợn. Những trận xô xát của nhân dân với mật vụ, cảnh sát xảy ra hàng ngày trên đường phố. Ngày 4 tháng 2 năm 1975, các ký giả tổ chức mít tinh mừng xuân Ất Mão tại rạp Khải Hoàn. Đêm trước đó, mặc dù bị công an, mật vụ đồng loạt khám xét nhà, bắt giữ một số ký giả và đóng cửa một loạt các báo đối lập, nhưng cuộc mít tinh vẫn được tiến hành. Lễ đài mừng xuân trở thành diễn đàn tố cáo chế độ phát xít độc tài của Thiệu, lên án việc khủng bố, bắt ký giả, sinh viên và đóng cửa các báo. Tính ra từ tháng 5 năm 1972 đến đầu năm 1975, Thiệu ban hàng 60 sắc lệnh phát xít, thủ tiêu mọi quyền dân chủ sơ đẳng nhất, đặc biệt là sắc lệnh ngày 12 tháng 5 năm 1973 (ký hiệu 009-SLNV) khủng bố tất cả những ai không đồng tình với Thiệu. Trong 2 năm 1973 - 1974 chúng đã giam cầm 93.340 người... Trong tình thế đó, sự lãnh đạo phong trào đô thị của Thành ủy ngày càng sắc bén, biết tìm ra khẩu hiệu cho từng giới, từng ngành, biết căn cứ vào khả năng và điều kiện cụ thể từng thời điểm mà chuyển các khẩu hiệu cho từng giới, từng ngành và từng thời điểm chuyển các khẩu hiệu từ thấp lên cao, chuyển hình thức và quy mô đấu tranh một cách linh hoạt, sát hợp... Nhờ vậy phong trào đô thị không chỉ thu hút quần chúng cơ bản mà còn lôi kéo được nhiều thành phần trung gian, thậm chí tranh thủ được sự đồng tình của một bộ phận sĩ quan, binh lính, nhân viên ngục quyền giúp phong trào đấu tranh vừa có hiệu quả vừa bảo tồn được lực lượng. Gần 2 năm sau Hiệp định Paris, phong trào đô thị vươn lên mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy nhanh sự khủng hoảng toàn

diện của nguy quyền Sài Gòn, đồng thời tập dượt quân chúng đô thị tiến lên phối hợp ngày càng chặt chẽ với đòn tấn công quân sự trong cuộc chiến mùa khô 1974 - 1975.

*(Theo sách Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định
kháng chiến 45-75 - NXB TP.HCM)*

SỰ KIỆN CẦU CÔNG LÝ

Ngày 2-5-1964, một sự kiện gây chấn động dư luận thời bấy giờ là kế hoạch gài bom dưới chân cầu Công Lý (nay là cầu Nguyễn Văn Trỗi) hòng giết chết Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mac Namara. Người thực hiện kế hoạch này là chiến sĩ biệt động nội thành Nguyễn Văn Trỗi.

Anh Nguyễn Văn Trỗi sinh ngày 1-2-1940 tại làng Thanh Quýt, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Sau hiệp định Genève anh theo gia đình vào Sài Gòn làm nghề thợ điện ở nhà máy đèn Chợ Quán. Tại đây anh giác ngộ cách mạng, tham gia vào tổ chức vũ trang biệt động thuộc Đại đội Quyết tử 65, cánh tây nam Sài Gòn. Năm 1964 nhân dịp Tết Nguyên đán, anh ra căn cứ Rừng Thơm (thuộc huyện Đức Hòa, tỉnh Long An) học chính trị và nghệ thuật đánh biệt động tại nội thành.

Tháng 5-1964 chính phủ Mỹ cử một phái đoàn chính trị quân sự cao cấp sang Sài Gòn nghiên cứu tình hình miền Nam. Với lòng căm thù giặc, anh xin Ban chỉ huy quân sự biệt động cho anh thực hiện nhiệm vụ tiêu diệt phái đoàn này. Do bị lộ, trước giờ xe Mac Namara chạy qua anh bị bắt. Trận đánh không thành, nhưng là một đòn cảnh cáo đối với những hoạt động chuẩn bị leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ. Mac Namara không dám ngồi ô tô vào Sài Gòn mà phải đi bằng trực thăng.

Trong nhà lao, dù đồ không được, dịch dùng nhiều cực hình nhưng anh cương quyết không khai báo. Trước kẻ thù, câu trả lời duy nhất của anh là : "Tôi nói với mấy người, tôi làm việc phải, tôi giết bọn cướp nước thì dù nguy hiểm, thương tật hay hy sinh, tôi cũng vui lòng. Tôi không thể sống như bọn tay sai mong được an thân để làm hại đồng bào!". Chính quyền Nguyễn Khánh đưa anh ra tòa án quân sự kết án tử hình nhằm uy hiếp tinh thần chống Mỹ trong nhân dân thời bấy giờ. Được tin này, phong trào cách mạng Vénézuéla tuyên

bố, nếu tử hình anh họ sẽ trừng trị ngay tên trung tá Mỹ mà họ đang bắt giữ. Mỹ buộc phải cam kết không tử hình anh. Nhưng khi tên trung tá Mỹ vừa được thả ra thì chúng trở mặt. Ngày 15-10-1964, bọn đao phủ Mỹ ngụy đưa anh ra pháp trường tại bãi bắn sau nhà lao Chí Hòa. Trong phút cuối cùng của đời mình, anh giật phất mảnh băng đen mà kẻ thù bịt mắt và đồng dục nói : "Không, phải để tôi nhìn mảnh đất này, mảnh đất thân yêu của tôi!". Và anh hô to : "Hãy nhớ lấy lời tôi! Đả đảo đế quốc Mỹ!" "Hồ Chí Minh muôn năm!" "Việt Nam muôn năm!"

Anh hy sinh lúc 9 giờ 45 phút ngày 15-10-1964 hưởng dương 24 tuổi. Sau khi hy sinh, anh được Đảng nhân dân cách mạng miền Nam truy nhận là Đảng viên và truy tặng Huân chương thành đồng hạng nhất.

(Hỏi và đáp 300 năm Sài Gòn - TPHCM)

TRẦN TIẾN CÔNG PHỦ TỔNG THỐNG

Tết Mậu Thân 68 - Trận tiến công "Phủ tổng thống" (giờ G, ngày N trên toàn miền được quy định là 00 giờ đến 2 giờ ngày 31/1/1968 (đêm mừng 1 sáng mừng 2 Tết) lực lượng tiến công "Phủ tổng thống" (Dinh Độc Lập) gồm 15 chiến sĩ đội 5 (có 1 nữ) do Trương Hoàng Thanh chỉ huy. Lúc 1 giờ 30 phút sáng, từ số nhà 280/70 Trần Quý Cáp (nay là Võ Văn Tần), lực lượng xuất phát với 3 xe hơi nhỏ và một honda (có 1 xe hơi chứa chất nổ để phá hủy mục tiêu). Gần đến Dinh Độc Lập ở phía đường Nguyễn Du, lính gác địch phát hiện bắt dừng lại. Đoàn xe cứ tiến, chúng la lên báo động. Các chiến sĩ đi trên xe đầu tiên nổ súng diệt mấy tên này và dùng bộc phá để phá cổng cho xe chứa chất nổ lao vào, tiếc rằng bộc phá không nổ do trục trặc kỹ thuật. Tuy vậy, tổ đột phá đã lọt vào được bên trong. Địch bắn xối xả, 2 chiến sĩ hy sinh, số còn lại phải tạm lui, hai bị thương. Địch từ các phía bên trong ập tới bịt kín các cổng. Các tổ xung kích buộc phải triển khai đội hình chiến đấu trên đường Nguyễn Du. Từ phía Đông xuất hiện 1 toán 7 tên Mỹ, theo sau có 7 xe Jeep chở đầy lính đang lao tới. Các chiến sĩ dùng B40 bắn cháy cả hai xe và dùng AK quét sạch đám chạy bộ. Ngay sau đó trên đường Thủ Khoa Huân lại xuất hiện 1 xe Jeep chở lính cũng đang lao tới. Đội chúng đến thật gần, chiến sĩ ta liên tiếp đánh 5 lựu đạn, diệt tất cả địch trên xe. Như vậy, sau 30 phút, đội 5 diệt 3 xe Jeep và khoảng 20 tên địch. Địch kéo đến mỗi lúc một đông, có cả xe bọc thép. Thêm một số chiến sĩ hy sinh. Đã 3 giờ sáng, không thấy tiểu đoàn bộ binh mũi nhọn và thanh niên, sinh viên kéo đến tiếp sức như kế hoạch. Đến 4 giờ sáng thêm đội trưởng Trương Hoàng Thanh hy sinh. Gần sáng điểm lại còn 8 người, anh em rút vào số nhà 56 Thủ Khoa Huân và tổ chức cố thủ trên lầu 3. Đói, mệt, giữa vòng vây giặc, 8 chiến sĩ ngoan cường, chiến đấu suốt cả ngày 31 tháng 1 năm 1968 tức mùng 2 Tết (trong đó có nữ y tá Chín Nghĩa). Quân nguy dùng thang cứu hỏa leo lên lầu. Anh em chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, tháo súng, vứt bỏ, lại dùng gạch đá, gỗ chặn địch. Đồng chí Lê Tấn Quốc (Bảy Rau muống), với khẩu

AK làm nhiệm vụ chốt chặn ở cầu thang đã anh dũng hy sinh. Mờ sáng hôm sau, 7 chiến sĩ còn lại lên sân thượng chuyển qua ngôi nhà kế tiếp và tiếp tục di chuyển. Đến ngôi nhà 108 đường Gia Long (đường Lý Tự Trọng bây giờ), tất cả rơi vào tay giặc. (Liệt sĩ Lê Tấn Quốc được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang).

*(Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định
kháng chiến 45 - 75 - NXB TP HCM 1994)*

CHI BỘ HỒ CHÍ MINH VÀ TRẬN ĐÁNH TÒA ĐẠI SỨ MỸ

Khoảng hơn 12 giờ đêm mùng Một Tết một thanh niên đi mobylette xanh đến quán Phở Bình (số 7 đường Yên Đỗ). Đó là đồng chí Ngô Văn Vân tức Ba Đen người chỉ huy tổ biệt động đánh vào tòa đại sứ Mỹ. Chủ quán phở Bình là ông Ngô Toại một cơ sở cách mạng đã bố trí nhà mình thành trung tâm liên lạc bí mật của một bộ tư lệnh tiền phương bao gồm : biệt động võ trang Thành Đoàn, tham mưu, chính trị, binh vận và hậu cần. Nơi đây trước mặt đại tá Nguyễn Đức Hùng, Ba Tam (tức Tư Chu) tham mưu trưởng khu Sài Gòn - Gia Định năm 68 - đồng chí Ngô Văn Vân thay mặt toàn đội cảm tử của đoàn biệt động F.100 hạ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ trong trận đánh chiếm tòa đại sứ Mỹ. Đội cảm tử này được đặt phiên hiệu là D5 gồm 17 đồng chí đặt dưới sự lãnh đạo của một chi bộ mang cái tên vinh dự là Chi bộ Hồ Chí Minh, do đồng chí Ngô Văn Vân là chỉ huy trưởng kiêm bí thư, đồng chí Uút Nhỏ phó bí thư, hai đồng chí Bảy Tiến và Sơn là chính trị viên. Giờ nổ súng được quy định : chậm nhất là 3 giờ sáng phải đánh chiếm và giữ cho đến rạng đông sẽ có các đơn vị mũi nhọn đến tăng viện.

2 giờ 45 phút : Toàn đội biệt động D5 ngồi trên ba chiếc du lịch từ phía đường Mạc Đĩnh Chi quẹo qua đường Thống Nhất, rà sát trước tòa đại sứ Mỹ. Xe chưa ngừng hẳn mấy loạt AK đã lia vào cổng chính. Hai tên lính Mỹ gác cổng vội thụt vào bên trong và nhanh tay đóng sập cánh cửa thép khóa lại. Bên ta hai chiến sĩ biệt động khác nhanh nhẹn nhảy xuống xe ôm bọc phá đến đánh sập một lỗ hổng trên vách tường tòa đại sứ chỗ gần bốt gác ở góc đường Mạc Đĩnh Chi - Thống Nhất. Theo đột phá khẩu, toàn đội tràn vào chiếm lĩnh trận địa bên trong. Mũi thứ nhất khống chế cổng chính. Mũi thứ hai kiểm soát cổng phụ bên đường Mạc Đĩnh Chi. Mũi thứ ba do đồng chí Ba Đen chỉ huy đánh thẳng vào trung tâm "Tòa Nhà Trắng" này. Nói thì lâu nhưng diễn biến đó chỉ xảy ra trong vòng chưa đầy hai phút hầu

hết các đòn tiến công của biệt động thành đều mở đầu như vậy - bắt ngờ và thần tốc từ chiến lược đến chiến thuật.

2 giờ 47 phút : Hai quân cảnh Mỹ một là Charles Daniel, một là William Sebast ban nãy thoát chết trong đường tơ kẽ tóc vừa lọt vào bên trong đã gọi điện thoại báo động. Chúng phát "Tin hiệu số 300" - mật hiệu ngắn nhất của quân cảnh Mỹ có nghĩa là "Bị Địch Tấn Công". Nhưng Daniel chỉ kịp gào lên hai lần trong máy : "Chúng đang tràn vào tràn vào. Cứu với! Cứu với!" - Rồi im tiếng. Liên lạc điện thoại đã mất. Một băng đạn AK đã quật vào đầu hấn phá hủy luôn máy điện thoại. Sebast cũng chết gục tại chỗ vì một băng đạn trở qua ngực.

3 giờ 5 : Một xe Jeep của quân cảnh Mỹ đi tuần bắt được "Tin hiệu 300" vội từ hướng Dinh Độc Lập chạy tới. Hai quân cảnh Mỹ - một là Jonnie Thomas, một là Owen Mebust - vừa từ trên xe nhả xuống đã bị bắn gục ngay tại chỗ. Bên trong các chiến sĩ biệt động chiếm lĩnh tầng dưới một cách dễ dàng bắt được một số tù binh gồm quân cảnh và lính thủy đánh bộ Mỹ lại đánh lên lầu ba lầu bốn bắt thêm một số tù binh nhốt cả vào phòng. Số tù nhân này cả quân sự lẫn dân sự, Mỹ có Việt có. Khi đã đầy hàng chúng đều được tha chết. (Ngay cả những phút ngặt nghèo nhất sau đó các chiến sĩ biệt động vẫn chấp hành đúng chính sách, không thêm sát hại một mạng nào).

3 giờ 30 đến 4 giờ : Xe hú còi vang ngoài đường. Địch đã điều động các lực lượng hỗn hợp Mỹ ngụy đến phản kích tái chiếm Tòa Đại sứ. Chúng không dám đột phá vào cổng chính mà bố trí hỏa lực mạnh từ một cao ốc đối diện bắn sang. Bên trong ta vẫn làm chủ trận địa. Ba Đen dẫn một tổ sục sạo khắp các phòng ốc trên lầu ba để tìm bắt sống đại sứ Mỹ Ellsworth Bunker. Anh có biết đâu rằng lão già "tủ lạnh" này đã được nhân viên bảo vệ đưa ra khỏi Tòa Đại sứ theo một lối đi bí mật để sau đó trốn vào phòng ngủ của Leo Crampsay, một tên trùm mật vụ, nhà ở đường Pasteur. Gặp một căn phòng kiên cố cửa đóng im ỉm, tổ Ba Đen bắn vào đấy một quả B.40. Bên trong không có người mà chỉ toàn hồ sơ mật bị bốc cháy.

5 giờ sáng : Giặc vây bốn phía. Quân cảnh Mỹ học theo cách của biệt động phá một lỗ hổng khác ở tường tràn vào bố trí hỏa lực ở các bồn cỏ cao trong sân. Quân ta di động trong sân đánh trả Ba Đen nhìn đồng hồ; đã qua hơn hai giờ chiếm giữ. Chi bộ Hồ Chí Minh đã

hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn trên giao. Trời đã hừng đông nhưng viện binh đâu? Ba Đen than thầm : "Các anh ơi! Hãy đến nhanh. Nếu chậm thì đơn vị cảm tử của chúng tôi sẽ không còn mấy người".

5 giờ 30 : Trục thăng của sư đoàn Ky binh không vận 101 âm âm quần đảo trên nóc Tòa Đại sứ. Súng ở dưới bắn lên dữ dội. Máy bay chuồn mất. Nhưng bên cổng Mạc Đĩnh Chi đã không còn nghe tiếng súng của các chiến sĩ ta. Trong tổ của Ba Đen lại thêm đồng chí Vinh, hy sinh vì bắn quả B.40 cuối cùng trong góc phòng chật hẹp vì nghi trong phòng có lão già Bunker.

6 giờ : Nguyễn Văn Luận, Trung tá giám đốc Cảnh sát Đô thành điều động bộ hạ đến tiếp tay cho Mỹ. Từ trên lầu nhìn xuống các chiến sĩ ta thấy cả một rừng phóng viên báo chí nhiếp ảnh, quay phim...

7 giờ : Trời sáng rõ. Lính Mỹ mang mặt nạ đầu heo xuất hiện tấn công các chiến sĩ biệt động bằng lựu đạn cay.

7 giờ 20 : Hãng tin Mỹ AP bắt đầu loan tin do ký giả danh tiếng Peter Arnett từ Sài Gòn điện về New York : "Việt cộng đã chiếm lĩnh bên trong Tòa Đại sứ". Các hãng thông tấn khác cũng tới tấp đưa tin. Cả thế giới đã biết và đang hồi hộp theo dõi trận đánh của biệt động Sài Gòn.

8 giờ : Trục thăng quay trở lại đổ quân lính Mỹ từ sân thượng dồn hỏa lực đánh xuống. Út Nhỏ, Sơn, Văn bị thương vẫn chiến đấu quyết liệt. Bên ta đã gần hết đạn. Phía Mỹ thêm một tên bị hạ. Đó là James Marehall, hạ sĩ quân cảnh. Tên này chết gục trên sân thượng. Lính Mỹ tiếp tục tràn xuống.

8 giờ 30 : Đồng chí Mang bắn phát B.40 cuối cùng của đời mình cam chịu hy sinh vì sức ép của đạn lõm để tạm thời đẩy lui thêm một đợt phản kích của giặc.

9 giờ : Địch tràn ngập. Bên ta, toàn đội cảm tử đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Tất cả mười bảy người đều thương vong. Sau này chỉ còn một người may mắn sống sót và bị bắt làm tù binh. Đó là đồng chí Ba Đen.

Những chi tiết trong trận đánh này về phía ta do đồng chí Ba Đen kể lại. Thời điểm, giờ giấc và các tình tiết phía bên địch do nhà báo Mỹ Don Oberdorfer tường thuật trong quyển sách nhan đề là "TET" nói về Mậu Thân - sách bán chạy nhất năm 1972 ở Mỹ.

Sau ngày giải phóng; đồng chí Ba Đen có lần tâm sự :

"Cho đến nay tôi vẫn không quên những hình ảnh máu lửa của trận đánh Tòa Đại sứ Mỹ. Suốt đời nhớ từng gương mặt, từng lời nói. Tôi thường nghĩ : các tướng lãnh chỉ huy hàng chục vạn quân khi phải hy sinh mười mấy chiến sĩ không biết có vấn đề gì đọng lại trong trái tim của các đồng chí ấy không? Còn tôi chỉ huy có 16 người và đã hy sinh cả 16. Toàn đội đã làm tròn nhiệm vụ nhưng con số 17 - 16 mà hơi ôi! Một người còn sống sót đó lại là tôi"...

Đây là lời cuối cùng để kết thúc trận đánh. Đánh Tòa Nhà Trắng ở phương Đông mà chấn động cả Tòa Nhà Trắng ở phương Tây.

(Nguyễn Lê Thu An - trong sách Mậu Thân Sài Gòn NXB Trẻ - 1988)

TRẦN ĐÁNH ĐÀI PHÁT THANH SÀI GÒN

Lực lượng tấn công Đài phát thanh Sài Gòn gồm 12 chiến sĩ đội 4 biệt động do Nguyễn Văn Tăng, cụm trưởng cụm 3-4-5, phụ trách chung, Năm Lộc trực tiếp chỉ huy. Vũ khí được ém tại nhà vợ chồng đồng chí Trần Phú Cường (Năm Mộc), Trần Thị Út số 65 đường Nguyễn Bình Khiêm quận I (tiệm may Quốc Anh), xuất phát tại đây là một tổ đi bộ, 2 tổ đi xe (1 xe Toyota và 1 honda) lúc 2 giờ 59 phút. Vừa tiếp cận mục tiêu, mới bước xuống xe, địch đã nổ súng, đồng chí Trần Phú Cường bị thương nặng, trước khi tắt thở, đồng chí động viên đồng đội tiến lên. Sau 3 phút chiến đấu, ta đã làm chủ Đài phát thanh. Ý định của ta là đập tiếng nói của địch, đồng thời dùng phương tiện của địch vừa chiếm được phát đi tiếng nói của cách mạng động viên tinh thần, sĩ khí của quân dân thành phố và toàn miền Nam tiến lên giành thắng lợi quyết định. Thế nhưng sau khi chiếm, kỹ thuật viên của ta đã bị địch ngăn chặn không đến được, kỹ thuật viên của địch thì đã bỏ chạy, nên kế hoạch không thực hiện được. Trong khi đó, trực thăng của địch đã xuất hiện và kêu gọi đầu hàng (!), 15 phút sau từ hướng Đa Kao, một đoàn xe thiết giáp địch lao tới. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt đến sáng. Đội 4 đánh thiệt hại 1 đại đội lính dù, 1 trung đội an ninh thủ đô nguy. Nhưng nhiều cán bộ chiến sĩ lần lượt hy sinh. Không có lực lượng mũi nhọn Phân khu 5 và lực lượng thiết giáp địch làm binh biến đến tiếp cứu như hiệp đồng. Các chiến sĩ biệt động trước lúc hy sinh dùng 20 kg thuốc nổ phá hủy hệ thống máy móc của đài. Tập thể 4 đồng chí đã hy sinh ở Đài phát thanh : Năm Lộc, Bảy Thân, Nhẹ, Hồng. Sáng hôm ấy, trong dòng người tiến về Đài phát thanh, chị Trần Thị Út, vợ đồng chí Năm Mộc, hết sức bàng hoàng, tận mắt thấy địch khiêng xác chồng mình quăng lên xe, chị cố nén đau thương để không cất lên tiếng khóc. Quay trở lại nhà, chị bình tĩnh và thông minh trước tình huống địch đang bao vây, khám nhà, đặt máy nghe trộm... trong lúc 2 cán bộ ta về được còn trong hầm bí mật. Mãi đến sáng ngày 3 tháng 2 tức mừng 5 Tết, chị mới tổ chức được cho các anh Tư Tăng và Ba Tẻo thoát ra được

khỏi nhà về căn cứ an toàn. Đêm hôm đó, chị Út độn bụng giả làm người đi nhà thương sinh đẻ để thoát khỏi ngôi nhà, đến tạm trú nhà chú ruột là Trần Văn Trỏ ở đường Trần Quý Cáp. Ngày 10 tháng 2 năm 1968, địch khám xét, lục lọi nhà chị một lần nữa, phát hiện được hầm bí mật, nhưng mọi việc đã rồi.

Cuối năm 1969, với tấm căn cước thật mà địch đã cấp mang tên Trần Thị Liên, chị Út hợp pháp trở lại Sài Gòn với cương vị đội trưởng một đội trinh sát gồm 20 chiến sĩ hoạt động trong thành phố, cho đến ngày Sài Gòn giải phóng.

Trận đánh Đài phát thanh Sài Gòn đã làm âm tiếng nói gọi là "Tiếng nói Việt Nam Cộng hòa" từ những giờ phút đầu ta đồng loạt tấn công Tết Mậu Thân vào Sài Gòn. Đồng chí Trần Phú Cường sau được tuyên dương anh hùng.

*(Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định
kháng chiến 45 - 75 - NXB TP HCM 1994)*

QUẦN CHÚNG THAM GIA ĐỢT TẤN CÔNG NỔI DẬY VÙNG CẦU THO

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) quần chúng công nhân và lao động, dưới sự chỉ đạo chung đã phối hợp chặt chẽ với Quân Giải phóng chiến đấu dũng cảm và làm chủ nhiều khu xóm lao động trong cả các đợt một và hai.

Riêng trong đợt hai (5-1968). Trước giờ hành động, công tác chuẩn bị của quận ủy và các chi bộ được tiến hành khẩn trương, có kiểm tra nhiều lần khá chu đáo. Lực lượng nòng cốt tại chỗ gồm 30 đảng viên và đoàn viên thanh niên, 40 quần chúng tích cực kể cả những người bị lộ trong đợt một nay trở về hoạt động.

Công tác tuyên truyền, vận động được tiến hành khá tốt : treo, dán cờ Mặt trận, rải truyền đơn nơi công cộng, phát truyền đơn vào tận nhà dân, gửi thư cảnh cáo bọn thám báo ác ôn, v.v...

Trong một thời gian ngắn, đã vận động thêm được 10 gia đình nhận chứa người, 10 gia đình khác nhận chứa người và vũ khí. Vũ khí được đưa từ ngoài vào gồm 80 súng các loại AK, K54, B40 có đủ cơ số đạn, 200 ký thuốc nổ TNT. Ngoài ra còn chuẩn bị được 40 lá cờ lớn, hàng trăm lá cờ nhỏ, 30.000 truyền đơn, 4 micro pin, 15 xà beng, 15 cuốc và cúp để đào công sự. Trong lúc chuẩn bị có 12 người bị mất liên lạc hoặc bị bắt lính nhưng không lộ kế hoạch. Lực lượng nòng cốt còn 58 người gồm 18 người từ ngoài vào và hai phần ba là nữ thanh niên. 21 giờ của đêm nổi dậy, ta mở kho súng phân phát cho lực lượng vũ trang và bao vây sẵn nhà bọn ác ôn. Dịch vẫn canh phòng nghiêm ngặt ngoài đường lớn nhưng không sục sạo vào xóm. Đến giờ G, pháo của Quân Giải phóng nổ rất ít nhưng ở đây vẫn hành động theo kế hoạch.

Việc đầu tiên là diệt ác ôn, chiếm lĩnh trận địa, phát loa kêu gọi đồng bào nổi dậy lật đổ chính quyền, giành quyền làm chủ. Cả một

vùng rộng lớn bao gồm nhiều xóm lao động đã thức dậy bật đèn, mở cửa. Một số rất đông các gia đình tự phá băng liên gia, xé các áp phích chống cộng của địch, cùng lực lượng vũ trang bắt cảnh cáo bọn liên gia trưởng, khóm trưởng, đồng thời tham gia dựng chương ngại vật và đào công sự chiến đấu trên đường Đề Thám. Thanh, thiếu niên nhận truyền đơn và cờ đi tán phát trên các đường phố lớn.

Khoảng 300 gia đình vùng Bến Chương Dương, Cầu Kho chuẩn bị để sáng đi biểu tình, nhưng do phải chiến đấu vũ trang nên không thực hiện được. Đến 3 giờ sáng, ta đánh vào Chi khu cảnh sát Cầu Kho trong lúc tiếng loa hô vang làm chúng hoảng sợ. Cho đến 8 giờ sáng, địch mới điều được hai đại đội cảnh sát dã chiến, một đại đội biệt động quân và ba xe bọc thép đến đàn áp cuộc nổi dậy. Lực lượng địch gấp hàng chục lần lực lượng ta, nhưng ta vẫn cố thủ và đánh trả nhiều đợt tiến công của địch. Dựa vào công sự chiến đấu và nhờ chiếm được điểm cao, ta đã dũng cảm chống trả cuộc phản kích của địch. Đến gần trưa, địch phải dùng xe bọc thép ủi sập nhà đồng bào và phá được phòng tuyến của ta. Quân ta xông ra đánh xáp lá cà với chúng, trong lúc đó đồng bào tràn ra làm công tác binh vận, kêu gọi chúng đừng bắn vào đồng bào và cản địch để ta rút quân vì chênh lệch lực lượng quá lớn.

Cuộc nổi dậy tuy mới ở mức đó nhưng thể hiện khả năng và tinh thần quần chúng khu xóm lao động rất cao, có thể nổi dậy ngay giữa trung tâm thành phố và ngay lúc nổi dậy, đồng bào vẫn có khả năng duy trì thế hợp pháp để bảo toàn lực lượng. Đó là những cuộc tập dượt cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

(Theo sách Chung một bóng cờ)

WESTMORELAND VIẾT VỀ MẬU THÂN

William C. Westmoreland, gọi tắt là Wesly - tướng bốn sao, giữ chức tư lệnh quân đội Mỹ ở Việt Nam. Trong thời gian ở Việt Nam, Wesly có nhà riêng tại số 60 đường Trần Quý Cáp (nay là đường Võ Văn Tần quận 3, TP. Hồ Chí Minh). Sau những thất bại chiến lược chiến thuật trên chiến trường miền Nam, nhất là sau "sự thất bại bất ngờ" của đợt I Mậu Thân, Westmoreland bị cách chức ngày 23-3-1968.

Sau đây là những giòng tâm sự của Westmoreland trích từ tập bút ký nhan đề "Trường trình của một quân nhân" - một tài liệu tham khảo thú vị.

Người Mỹ không có cái lễ nào giống với cái Tết của Việt Nam bắt đầu từ ngày đầu năm âm lịch - dù là lễ Noel, lễ tạ ơn hoặc ngày 4-7 cũng không đủ nói lên tầm quan trọng mà người Việt Nam gán cho những ngày Tết của họ...

Tết bắt đầu vào hôm trước ngày đầu năm Âm lịch : năm 1968, năm con Khỉ. Mồng Một Tết tương ứng ngày thứ hai 29 tháng 1 Dương Lịch. Hôm đó năm mới bắt đầu và sau đó là một chuỗi ngày nghỉ quan trọng nhất kéo dài cả tuần lễ. Có thể vì cuộc chiến tranh đang tiến triển tốt và một chính phủ dân chủ muốn chứng minh sự thông cảm với nhân dân nên chính phủ Sài Gòn đã hủy bỏ lệnh cấm đốt pháo được thực hiện từ nhiều năm nay. Đối với người Việt Nam, pháo đồng nghĩa với Tết...

Sợ rằng việc mở đầu cuộc tấn công sẽ làm cho máy bay Mỹ trở lại quấy rối lễ Tết ở Hà Nội, chính phủ Bắc Việt Nam đã đề ra chỉ thị thay đổi ngày Tết. Đáng lẽ ngày Mồng Một Tết là vào thứ ba 30-1 thì nó lại được lùi lại vào tháng thứ hai 29-1 như vậy có nghĩa là đêm giao thừa ở Hà Nội sẽ bắt đầu từ chủ nhật 28-1 : Làm như vậy là đã cho người Việt Nam ở miền Bắc có ba ngày Tết quan trọng trước khi

binh lính của họ ở miền Nam đi vào cuộc tấn công thực sự bắt đầu vào ngày 31-1...

Lúc những tháng mùa thu đã trôi qua, ngày càng có những dấu hiệu chứng minh là đang hình thành một hình thức thay đổi nào đó, có lẽ là thay đổi lớn. Sự dẻo dai được thể hiện ở Lộc Ninh trong tháng 10 và Dakto trong tháng 11 có tính chất khác thường. Số lượng các trận tấn công gia tăng trong cả nước. Số người đầu hàng theo chương trình chiêu hồi giảm xuống rõ rệt. Lực lượng địch ở khu phi quân sự tăng lên. Số xe vận tải phát hiện dọc đường mòn Hồ Chí Minh tăng 200 phần trăm.

Theo tôi, trong giai đoạn này, cách làm lô gích nhất đối với địch là nỗ lực đánh tràn vào hai tỉnh phía Bắc kết hợp các cuộc tấn công nhỏ khắp nơi để tìm cách giam chân các lực lượng Mỹ không cho tăng viện ra phía Bắc...

Rất dễ hiểu là hầu hết báo chí, bộ chỉ huy của tôi và các quan chức Washington đều chăm chú vào Khe Sanh. Đó là một mục tiêu đương nhiên nếu họ muốn luồn qua các đồn bót vùng phi quân sự để tiến sâu vào Quảng Trị. Khe Sanh là một vị trí cô lập và có nhiều đặc điểm giống như Điện Biên Phủ để kích thích các chiến lược gia bàn giấy. Sau đó tôi được biết tổng thống Johnson đã bắt đầu chăm chú đến nó. Tướng Taylor đã thành lập một phòng tình hình đặc biệt ở Nhà Trắng để theo dõi và phân tích các đội hình của Mỹ và của địch kết hợp với một bức ảnh lớn chụp bằng máy bay và một sa bàn vùng Khe Sanh. Tổng thống yêu cầu tướng Wheeler nộp một bản báo cáo về cách thức bảo vệ Khe Sanh, dẫn tới một chuyện giả tạo là tổng thống yêu cầu hội đồng tham mưu trưởng liên quân "ký tên bằng máy" cam kết bảo vệ Khe Sanh...

Tết càng đến gần, tôi càng lo lắng trước việc địch tăng cường binh lực ở phía Bắc Khu phi quân sự và ở Lào và tranh thủ lệnh ngừng bắn để chuyển quân ví dụ mới nhất là địch dùng máy ủi đất để xây dựng một con đường ở thung lũng A Sao hướng về Huế.

Theo yêu cầu của tôi, đại sứ Bunker đã yêu cầu Washington cho hủy bỏ hoàn toàn việc ngừng bắn ở hai tỉnh phía Bắc và nếu Washington ngừng ném bom ở đâu thì ngừng nhưng vẫn cứ tiếp tục ở hai tỉnh ấy. Cả Washington và tổng thống Thiệu đều tán thành. Để

địch có ít thời gian thích ứng với việc hủy bỏ lệnh ngừng bắn này, chính phủ Nam Việt Nam đã hoãn thông báo cho tới sáng thứ hai 29-1, tức 24 giờ trước khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực. Nhưng buổi sáng đã trôi qua mà không có lệnh hủy bỏ. Tôi gọi điện thoại cho sứ quán để yêu cầu chính phủ Nam Việt Nam bảo văn phòng báo chí của họ ra thông báo. Nhưng văn phòng này đã đóng cửa nghỉ Tết. Tổng Thống Thiệu đã đi Mỹ Tho ăn Tết ở quê vợ.

Một thái độ như vậy của phía chính phủ thật là đáng kinh ngạc và thất vọng nhưng đó là dấu hiệu cho thấy một trạng thái tinh thần gần như hể hả, hí hửng đang bao trùm lên người Việt Nam vào ngày Tết...

Làm thế nào mà báo động cho mọi người biết khi mà báo chí, quốc hội và Nhà Trắng đang lo chuyện Khe Sanh và tác động có thể của việc ngừng ném bom để thúc đẩy cuộc thương lượng? Bắc Việt Nam đã vạch ra một bài bản khôn khéo trong đó có việc đe dọa Khe Sanh rồi đánh tiếng khôn ngoan về vấn đề thương lượng? Thế rồi...

Lúc 12 giờ 35 phút sáng 30-1, hơn nửa giờ sau khi năm con Khi bắt đầu, các pháo thủ cộng sản đã bắn 6 phát súng cối vào Trung tâm huấn luyện Hải quân ở Nha Trang. Một giờ sau, lúc những người ăn Tết đang dạo chơi trên đường phố Buôn Mê Thuật thì một loạt súng và rốc kết nã vào thành phố, sau đó là cuộc tấn công của 2 tiểu đoàn. Đồng thời một tiểu đoàn địch đánh vào quận lỵ Tân Cảnh, gần Dakto. Nửa giờ sau, 3 tiểu đoàn tấn công vào Nha Trang. Chưa đầy một giờ sau đó, cuộc tấn công diễn ra ở Hội An. Và tại Đà Nẵng, một đại đội đánh vào Sở chỉ huy quân đoàn I của Việt Nam. Đến 4 giờ 10 phút sáng, 2 tiểu đoàn Việt Cộng tấn công ngoại ô Quy Nhơn rồi nhanh chóng thâm nhập chiếm đài phát thanh của chính phủ. Đến 4 giờ 30 phút cuộc tấn công mà người ta chờ đợi từ lâu đã diễn ra khiến tướng Vĩnh Lộc vội vã từ Sài Gòn trở về, hình như lo cho biệt thự của ông hơn là lo cho trận đánh...

Mà lời cảnh cáo của các cuộc tấn công quá sớm đó đưa ra không kéo dài, nhưng là một lời cảnh cáo đầy đủ Philippe Davidson nói với tôi : "Nó sẽ xảy ra khắp cả nước đêm nay hoặc sáng mai".

Vào giữa buổi sáng 30-1, tổng thống Thiệu thông báo hủy bỏ việc ngừng bắn khắp cả nước, mặc dầu đài phát thanh suốt ngày hôm đó ra lệnh cho tất cả quân nhân Việt Nam trở về các đơn vị của họ nhưng ít ai thi hành. Các cuộc tấn công mà chúng tôi đã dự kiến và một số cuộc mà chúng tôi không dự kiến đã diễn ra, kể cả cuộc tấn công của đặc công vào tòa đại sứ Mỹ.

Tôi mặc quần áo và đứng cạnh máy điện thoại ở nhà tôi. Cuộc tấn công vào sứ quán là đáng tiếc. Nhưng dù địch đã kiểm soát từng tấc đất trong sứ quán, điều đó vẫn không ảnh hưởng đến hoạt động quân sự của Mỹ và nhân viên sứ quán đã có địa điểm thay thế ở nơi khác trong thành phố. Đáng lo ngại nhất về mặt quân sự là các cuộc tấn công vào Tân Sơn Nhất. Khu vực Bộ Tổng Tham mưu và những cuộc tấn công khác đã diễn ra trong các thành phố trong cả nước...

Lúc đó là 8 giờ 30 phút sáng, tôi lái xe đến sứ quán. Cũng giống như bất cứ chiến trường nào, khu sứ quán thật là hỗn độn, xác người Mỹ và người Việt ngổn ngang. Nhưng không giống như hầu hết chiến trường, ở đây các nhà báo và nhà quay phim vô tuyến truyền hình Mỹ hình như có mặt khắp nơi. Nét mặt họ ánh lên nỗi buồn bực và tuyệt vọng như thể đã đến ngày tận thế...

(Theo sách Mậu Thân Sài Gòn - NXB Trẻ 1988)

MẬU THÂN TRÊN MẶT BÁO

Vào thời điểm bình thường, Sài Gòn có 39 tờ báo, mỗi ngày phát hành 800.000 số. Điểm lại những tờ báo cũ Tết Mậu Thân 1968 chúng ta thấy :

- Báo Chính Luận (số Tất niên 27-01-1968). Về chiến sự Thiệu có phần lạc quan hơn : "Từ những chiến dịch lớn chuẩn bị chuyển sang tổng phản công năm 1965, địch đã bị đẩy dần vào thế giằng co cầm cự vào năm 1966 và đến nay dần dần rơi vào thế phòng ngự... Các đơn vị cộng sản đã bị đánh bật rể khỏi các chiến khu kiên cố. 95% vùng sản xuất lúa gạo và đông dân cư đã được kiểm soát trở lại".
- Báo Sống Mới số Tất niên. Trang một dành trọn cho tranh hí họa nhiều cảnh, nhiều nhân vật. Nào cảnh 15.000 quân nhân được thăng cấp, còn sinh viên lại bị gọi lính. Cảnh học sinh đâm thầy và cảnh "Quốc hội" họp hành bát nháo. Cảnh binh lính Mỹ ngênh ngang đi đứng vì có luật pháp riêng và cảnh bọn tham nhũng hoành hành...

Các trang báo cũng đã không cho biết được gì về những dấu hiệu của một cuộc tập kích lớn sẽ bùng nổ ngay trong Tếtở! Trong khi ấy công nhân các cơ quan quân vận Mỹ, công nhân điện nước, công nhân thương cảng đã bãi công từ cuối tháng 12. Trong khi ấy ở một số trường đại học, sinh viên vẫn tiếp tục hội thảo chống sắc lệnh tổng động viên họ, và tên Ngô Vương Toại, một sinh viên phản động, bị biệt động Thành Đoàn bắn bị thương ngay ở diễn đàn Văn khoa trong một cuộc tuyên truyền xung phong ở đây vào ngày 16-12.

Và trong khi ấy, Tết 1968 đã đến!

Chợ Tết đã mở, Báo Chính Luận vào những số cuối năm, nói đến hội Tết của tổ chức "Thanh niên nguồn sống" ở 96 Lê Thánh Tôn, hội Tết của "Việt võ đạo" ở sân Hoa Lư, chợ Tết của cựu chiến binh ở đường Hiền Vương... nhưng không thấy nói đến một hội Tết có quy mô gấp bội đang được chuẩn bị ở Học viện Quốc gia hành chánh. Đó là Hội Tết Quang Trung do Tổng hội sinh viên Sài Gòn tổ chức, đó cũng là địa điểm của Thành Đoàn "đăng cai" phát động khởi nghĩa khi giờ G điểm.

Bí mật về cuộc tiến công trong Tết vẫn được giữ kín trước dư luận.

Đợt 1

Chiến sự xảy ra quá bất ngờ không chỉ làm cho các bộ phận nguy quân nguy quyền lâm vào thế bị động mà các cơ quan báo chí, nhất là báo in cũng bị lúng túng, tê liệt. Nhiều tờ báo mãi đến giữa năm 1968 mới gắng gượng xuất bản lại. Nội dung và hình thức in ấn rất lồi thoi luộm thuộm.

Tờ Chính Luận - nhật báo vẫn được tiếng "thân chính phủ", ít đưa tin bài đối lập, đã ra được sớm nhất, cũng sau nhiều ngày chiến sự. Trên số ra ngày 8-2-1968 chỉ đưa những tin hiếm hoi về hoạt động của quân giải phóng : "Trưa 7-2 vẫn còn đánh nhau tại khu Trần Nhân Tôn, Sư Vạn Hạnh", "Việt cộng dùng thiết giáp từ Lào kéo về tấn công căn cứ ở Quảng Trị".

Tin bài bị kiểm duyệt đục bỏ khá nhiều nên trên mặt báo trang một, người đọc có cảm tưởng báo giống như một mảnh đất bị pháo kích, chỉ chít những lỗm trắng. Có cả một mẫu quảng cáo nước hoa "Au printemps" đăng chình ình trên trang 1 để lấp bài! Những tin bài nào đã bị bóc bỏ nơi những khoảng trống đó?

Một điều lý thú là ta có thể tìm thấy trên báo Chính Luận tin và bài viết về hoạt động của "Ủy ban thanh niên cứu trợ đồng bào nạn nhân chiến cuộc" với Trung tâm cứu trợ đặt ở số 4 Duy Tân! Trưởng trung tâm này là sinh viên Lê Công Giàu. Báo cho biết Ủy ban chỉ có 4 sinh viên Y khoa, 12 dì phước, một bác sĩ mà hoạt động rất "trôi chảy". Nó đã phục vụ trực tiếp 200 người dù chỉ mới nhận

một ít gạo và dầu của Bộ Xã hội và đã tổ chức chương trình sinh hoạt cho thiếu nhi để các em quên đi những cảnh đau lòng.

Lê Công Giàu là ai? Số 4 Duy Tân là địa điểm nào? Chỉ một thời gian sau, người ta mới được biết người cán bộ Tổng hội sinh viên ấy bị tổng giam vì là một "phần tử cộng sản" trong tổ chức Thành Đoàn. Và đến ngày 3-8-1968 thì cảnh sát đã xông vào chiếm mất trụ sở 4 Duy Tân một điểm hẹn tập hợp lực lượng đấu tranh của sinh viên học sinh thành phố do những thanh niên cộng sản bí mật tổ chức.

Trong khi báo chí Sài Gòn hầu như không đưa tin nhiều và có được cái nhìn khái quát về cuộc tập kích đợt I, thì các phóng viên nước ngoài lại có vẻ "dễ ăn dễ nói" hơn.

- Báo Pháp Le Monde ngày 1-2-1968 đã đặt câu hỏi cho người Mỹ: "Người Mỹ từng khẳng định rằng dân chúng Việt Nam chịu đựng hơn là ủng hộ Mặt trận dân tộc giải phóng, giờ đây liệu họ có thể nêu lên những lý lẽ như thế nữa không sau khi đã xảy ra một cuộc biểu dương đáng khâm phục về sức mạnh và lòng dũng cảm của Việt cộng như vậy?".
- Báo Pháp Le Combat ra cùng ngày nói trên lại khẳng định: "Điều hiển nhiên là người Mỹ đã thua đứt về mặt chính trị trong cuộc chiến tranh này. Những gì đã xảy ra ở Sài Gòn đủ cho thấy Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã nắm được các tầng lớp nhân dân trong mức độ to lớn biết chừng nào!". Đài B.B.C. trong buổi phát ngày 6-2-1968 cho biết : "Trong mấy ngày này, quân đội cộng sản thâm nhập đã ăn cơm của nhân dân như người trong nhà họ".

Hãng thông tấn A.P của Mỹ dẫn lại lời kể của một Pháp kiều, giám đốc Công ty BGI : "Hàng trăm thanh niên sống ở vùng nhà máy rượu Chợ Lớn đã đi theo Việt cộng và được phát băng đỏ đeo cánh tay và được phát súng".

Thông tấn xã Reuter nhận xét "Điều có ý nghĩa nhất là Việt cộng được sự ủng hộ của các nhân sĩ liên minh với Việt cộng".

Báo Time đã không để lỡ cơ hội chạy trước tờ Newsweek, nó đã dành phần lớn số báo ra ngày 9-7-1968 cho chuyên đề "The days of death in Vietnam" (Những ngày chết chóc ở Việt Nam). Hình bìa của số báo này là bức họa chân dung đại tướng Võ Nguyên Giáp (báo Time vốn có nét truyền thống là sử dụng tranh họa chân dung của các nhân vật trên bìa báo!). Còn lại hơn 10 trang kế tiếp là tin bài hình ảnh về cuộc tập kích Sài Gòn mới xảy ra. Báo đăng những tấm ảnh màu ghi nhận quang cảnh tang thương của Tòa Đại sứ Mỹ sau khi bị biệt động Sài Gòn đột nhập. Aónh lính Mỹ trúng đạn trên đường phố Huế.

Báo Time có đoạn viết : "Double Trouble!" (Họa vô đơn chí!) Quân cộng sản đã tấn công đồng loạt Nam Việt Nam làm cho chính Washington cũng choáng váng. Bởi vì trong khi mọi cặp mắt đều đổ dồn về Khe Sanh nơi có 5 sư đoàn địch đang vây chặt như là một trận đánh then chốt thì thật bất ngờ địch lại tấn công cùng lúc 38 thành phố quan trọng, kể cả việc đánh vào Tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn và chiếm giữ nó sáu giờ rưỡi đồng hồ liền".

Báo Newsweek tuy tỏ ra chậm chân hơn nhưng để bù lại, đến số 11-3-1968, báo này đã kịp cho ra mắt bài tổng luận "The Tet offensive : how they did it" (Cuộc tiến công Tết : họ đã tiến hành nó như thế nào). Có lẽ đây là lần đầu tiên báo chí Mỹ dùng nguyên xi chữ Tết vào ngôn ngữ tiếng Anh để nói đặc thù của cuộc tấn công Tết Mậu Thân. Sau này, nhiều sách báo Mỹ đều dùng như vậy.

Cùng tuần, tờ Time số ra ngày 8-3-1968 có bài "Saigon under siege" (Sài Gòn trong sự phong tỏa). Bài báo điểm ra nhiều chi tiết : Các phương tiện giao thông công cộng đình trệ. Cơ sở chính quyền chỉ làm việc ít tiếng đồng hồ vì sợ quân khủng bố Việt cộng. Giá cả lên cao. Bài báo nhận xét : "Sài Gòn chỉ sống có một nửa".

Một phát hiện khác của phóng viên báo Time là những chiếc áo dài xuất hiện nhiều hơn trên đường phố thay cho những chiếc áo diêm dúa, lai căng. Ở một số quán rượu người ta thấy có một thức uống mang tên "Saigon tea" (Trà Sài Gòn) đã được chuyển thành "Saigon - Hanoi tea".

Đi với bài trên là tấm ảnh những cao ốc của Sài Gòn trong đêm mà nhìn xa xa nơi ngoại ô là ánh chớp hỏa châu hay là những vệt đạn đại bác cũng chính là hình ảnh của tâm trạng hoảng sợ phập phồng, lo lắng bị giáng trả sau cuộc tiến công và nổi dậy vào ngày Tết.

Thế mà đợt 2 của "Việt cộng" lại tiếp tục nổ ra.

Đợt 2

Đợt 2 Mậu Thân bắt đầu vào ngày 5-5-1968. Sang tháng 6, lại thêm một đợt tiến công khác. Cường độ chiến tranh trong thành phố gia tăng dữ dội.

Hãng thông tấn AFP (Pháp) ghi nhận trong những ngày đầu tháng 5, máy bay Mỹ phải phóng bom lửa đốt hơn 16.000 nhà để ngăn chặn quân giải phóng ở nhiều khu vực. Mỹ còn dùng cả pháo đài bay B.52 để rải thảm bom ở ngoại ô Sài Gòn. Hãng AFP nhận xét "Trong 40 ngày qua, số bom Mỹ ném xuống vùng phụ cận ở Sài Gòn đã bằng tổng số bom Mỹ ném ở Nam Việt Nam trong năm 1962, 1963, 1964. Còn hãng AP thì đưa tin : "Tại Sài Gòn, người ta nghe tiếng nổ ầm ầm như sấm dậy của những quả bom 500 cân Anh, 700 cân Anh, của 20 chiếc B.52 ném một triệu cân thuốc nổ!".

Sài Gòn phải đội lửa như vậy nhưng báo chí Sài Gòn không nói hết chuyện ấy! Báo Sài Gòn Mới, số ra ngày 7-5, cho biết giờ giới nghiêm mới ở Sài Gòn là 7 giờ tối và tòa đô chính phải kêu gọi đồng bào đừng ra đường nếu không có chuyện cần thiết.

Tờ Trắng Đen ra ngày 8-5, chạy hàng tit lớn : "Nhiều trận đánh (đục bỏ) còn tiếp diễn. Đại tá Lưu Kim Cương tư lệnh Tân Sơn Nhất tử thương (...). Việt cộng pháo kích tấn công 116 nơi. Xấp lá cà ở góc đường Đề Thám - Cô Giang. Việt cộng đánh ở đường Trần Quý Cáp, Phó Cơ Điều, Tòa hành chánh quận 5, truyền đơn của liên minh Trịnh Đình Thảo xuất hiện. 4 phóng viên ngoại quốc bị bắt ở đường Minh Phụng".

Tờ Tia Sáng, có tòa soạn ở trong khu vực hành quân - nên ra báo trễ - số ra ngày 7-5 có nhiều thông tin : "Theo BBC, Bắc Việt sẽ cứng rắn ở Ba Lê (đục bỏ). Việt cộng điều động (đục bỏ) để kéo dài cuộc tấn công. Chợ Lớn, Thị Nghè và gần Tân Sơn Nhất là ba nơi có đánh nhau trong ngày vừa qua, Phi cảng Sài Gòn đóng cửa".

Tờ tuần báo hiệu chiến Văn nghệ tiền phong số ra ngày 9-5-1968 có bài bình luận thời sự tán thành tổng động viên. Số kế tiếp, ra ngày 16-5, có bài lược thuật "Trận đánh Sài Gòn lần thứ 2". Riêng số ra ngày 23-5 thì có bài "tiết lộ" về những kỹ thuật quân sự của Mỹ để bảo vệ Sài Gòn. Nào là những "Bụi kim khí mắt thần" nào là các "luồng điện rada" phát hiện cả đoàn quân... Song cuối cùng bài viết này phải thừa nhận : "Nhưng dầu sao thì việc bảo vệ thủ đô cũng cần rất sớm sự có mặt của những đoàn biệt kích chuyên đánh trong thành phố. Điều này cần hơn là các lực lượng nhân dân tự vệ. Nhân dân tự vệ là để phòng ngừa các đoàn biệt kích thành phố là để đánh thật, ít thiệt hại".

Đề cao quân chính quy như vậy cũng phải vì lực lượng nhân dân tự vệ đã tan rã.

Một sự kiện lúc này mà cả thế giới đã biết đến qua truyền hình và báo chí là cảnh thiếu tướng cảnh sát ác ôn Nguyễn Ngọc Loan bắn chết tù binh quân giải phóng ngay trên đường phố Sài Gòn. Hình ảnh trên đã lột trần bản chất phi nhân phi nghĩa, hung hăng của những tên tay sai Mỹ và do đó gây ra "phản tác dụng" trong dư luận của các nước thế giới tự do, vốn bị ngợp choáng bởi hình ảnh đế quốc Mỹ văn minh bấy lâu!

Chính vì vậy mà báo Time số 7-1968 khi viết về sự kiện này đã cố gắng lồng vào một lời thanh minh bên tấm ảnh Loan trở súng Mỹ vào mòng tang tù binh : "Chuẩn tướng Nguyễn Ngọc Loan 37 tuổi, tư lệnh của 75.000 cảnh sát quốc gia đã lạnh lùng bắn chết một người cao gầy, sợ hãi nhưng bướng bỉnh, khả nghi du kích mặc áo ca rô và quần đùi, bị bắt trên đường phố Sài Gòn. Mặt vẫn không biến sắc và trên tay vẫn còn cầm khẩu P.38, tướng Loan nói với phóng viên truyền hình : "Vừa lúc này có mấy người Mỹ bị giết. Nhiều người bạn thân của tôi cũng vì vậy Đức Phật sẽ hiểu cho tôi về hành động này, phải không?".

Chỉ ít lâu sau, trên gần khắp các tờ báo trong và ngoài nước, hình ảnh tướng "Sáu Lèo" (tức Nguyễn Ngọc Loan) lại xuất hiện. Trong trận đụng độ tại Hàng Xanh, hắn bị thương nặng đến thân tàn ma dại. Phải chăng Đức Phật đã mượn tay quân giải phóng để trả lời Nguyễn Ngọc Loan : "Thiện ác đão đầu chung hữu báo?"

(Theo sách Mậu Thân Sài Gòn - NXB Trẻ 1988)

LỄ THỌ TANG BÁC HỒ TẠI KHÁM CHÍ HOÀ

Ngày Bác Hồ qua đời, lần lượt các nhà tù ở miền Nam nơi sớm, nơi muộn đều nhận được cái tin đau đớn đó. Một đồng chí lúc bấy giờ bị địch giam ở khám Chí Hòa, kể lại rằng (Theo cuốn Trui rèn trong lửa đỏ), ban đầu chúng tôi không ai tin rằng Bác đã mất. Làm sao có thể có chuyện đó được. Rồi mọi người bảo nhau : "Coi chừng, đây lại là đòn tâm lý của địch!". Nhưng sau đó, chính tên trưởng khu nói một câu này thì nhiều người tù mới tin và bắt đầu xuống nước mắt : "Ông Hồ Chí Minh đã mất, một người có một không hai trên thế giới!". Rồi qua tin báo của những người đi thăm nuôi, ngày một nhiều và chính xác mà họ đã nghe được qua đài Hà Nội. Sau đó thì tất cả những người tù, tuy sống cách biệt thế giới bên ngoài, đều được thông báo tường tận về sự qua đời của Bác.

Tổ chức Đảng trong nhà tù Chí Hòa quyết định tất cả những khu trại giam chính trị sẽ làm lễ thọ tang Bác Hồ trong vòng mười ngày. Nhờ sự giúp đỡ của một số tù thường phạm, những người tù chính trị đã có một số phương tiện cần thiết làm bàn thờ Tổ quốc ngay tại phòng giam... Những người tù cách mạng ở Chí Hòa, trong suốt những ngày để tang Bác, nước mắt rưng rưng. Nhiều người hát ca về Bác, kể chuyện về cuộc đời Bác mà ít nhiều họ biết được...

Sáng ngày 10-9-1969, hơn 1.000 tù chính trị của khu EG và 400 tù nữ của khu BC chính thức nêu yêu sách đòi được quyền để tang Bác Hồ. Không chờ quyết định của bọn quản đốc nhà lao, tập thể tù chính trị tự động để tang. Các anh chị em đeo băng trắng, đeo băng đen ở ống tay áo và treo cờ tang ở các xà lim...

Tất nhiên bọn địch không bao giờ để yên cho những người tù được tự do làm chuyện ấy.

Ngày 25-9-1969, một số tên "trật tự an ninh" xông vào các xà lim với đầy đủ vũ khí để đánh đập tù nhân. Có người bị thương nặng.

Tất cả những người bị giam giữ đều hét vang : "Đả đảo đàn áp!" và treo một mảnh vải trắng vào chân song xà lim ý để báo cho tù ở các khu khác biết là có một đồng đội của mình đã bị lâm nguy. Một mệnh lệnh của tổ chức Đảng lập tức được truyền đạt rộng rãi : "Nhân lễ thọ tang Bác, chính thức phát động đấu tranh chống chấp hành nội quy, phá bỏ việc bắt buộc chào cờ nguy...". Khí thế đấu tranh lên cao chưa từng thấy.

Kẻ thù lùi bước chỉ là tạm thời. Bọn chúng vẫn quyết tâm tìm cách đánh tổ chức lãnh đạo Đảng ở Chí Hòa. Sau đó, chúng đưa những người mà chúng cho là cầm đầu ra chuồng cọp ở Côn Đảo để cắt đứt mọi sự liên lạc. Nhưng đó lại là theo cách hiểu của chúng.

Trong lao tù vừa mới nghe Bác mất Tuy chưa tin nhưng tai té cả lòng Khấp không gian là cả một mùa đông Giữa ngục tối con miên man suy nghĩ : Bác Hồ ơi, phải Bác đã ra đi Đi vĩnh viễn vào tận lòng lịch sử Đi về vang khi làm xong phận sự Với quê hương và nhân loại năm châu ... Giữa ngục tù vang dội tiếng kêu la Khóc miên Nam chưa thấy mặt người Cha Và khóc Bác chưa thấy được niềm ước mơ trọn vẹn.

Đoạn thơ này chúng tôi trích trong bài thơ dài mang tựa đề "Thương nhớ Bác" của đồng chí Hồ Vĩnh, tức là đồng chí Hồ Hiếu, làm tại xà lim Nha cảnh sát đô thành Sài Gòn ngày 4-9-1969, một ngày sau khi Bác mất.

(Theo sách Đây các nhà tù Mỹ nguy - NXB TPHCM - 1995)

GIANG-PIERO-ĐÊBRI

Tự giới thiệu :

Tôi sinh tại Ăng-danh, vùng mở miền Bắc nước Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1944. Cha tôi làm trưởng kíp tán ri-vê. Tôi có một người anh và một người chị. Tôi học ở vùng Ăng-danh rồi đi học ở trường Sư phạm Đu-e ba năm. Tôi học một năm ở trường trung học Sắp-tan tại Paris để chuẩn bị thi vào trường Đại học Sư phạm, nhưng thi trượt. Tôi trở về Lin, học một năm ở trường Sư phạm Lin rồi năm năm ở đại học để thi lấy bằng cử nhân toán.

Năm 1968, đi làm nghĩa vụ quân sự, tôi xin làm nhiệm vụ hợp tác quân sự ở nước ngoài và xin sang Indonesia, Thái Lan, Lào, Campuchia, hoặc Việt Nam. Tôi được điều sang Việt Nam.

Tôi thích đi du lịch, hồi còn rất trẻ tôi đã đi thăm châu Phi đen, Bắc Phi. Tôi đã được chứng kiến cuộc chiến tranh Angiêri chấm dứt, thời gian tiếp theo các hiệp nghị Ê-vi-ăng, không khí các doanh trại Pháp, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ngấm ngấm ngay cả những thanh niên mà xét cho cùng, khi ra đi cũng chỉ là những thanh niên như tôi. Tôi cũng đã nhiều lần đi tới các nước A-rập, sang châu Á, ở Ấn Độ, ở Ăp-ga-ni-xtăng.

Tôi chưa hề bao giờ làm chính trị và không có thể của một đảng phái chính trị nào : đến giờ vẫn vậy. Tôi vốn ưa thích khám phá những phong cảnh mới, những con người mới và cố gắng có những tiếp xúc với con người.

Tôi thích Việt Nam; tôi cảm thấy mình có liên quan đến Việt Nam như bất kỳ ai khác; đối với một sinh viên, đó là chuyện thường thôi.

ĂNGĐƠÊ-MĂNGRAX

Tự giới thiệu :

Tôi quê ở Bê-di-ê, tỉnh Hê-rôn, gia đình tôi làm nghề trồng rau. Sinh ngày 25 tháng chạp năm 1945, tôi là con một. Tôi học ở Bê-di-ê rồi học trường Sư phạm Mông-pe-li-ê bốn năm và đã làm giáo viên một năm tại Vi-lơ-nơ-vơ-lét-Bê-di-ê, một làng nhỏ trồng nho. Bị gọi đi làm nghĩa vụ quân sự, tôi xin sang Việt Nam, trong khuôn khổ hợp tác. Trái với Găng-Pie-rơ, tôi hoàn toàn không hề xúc cảm gì cả, tôi không thấy mình có liên quan gì đến chiến tranh Việt Nam.

Đó là một thế giới khác ở cách xa tôi hơn 10.000 cây số. Sở dĩ tôi xin sang Việt Nam là vì tôi muốn phiêu lưu phát hiện một dân tộc mới, một đất nước mới. Trước đó, tôi chưa đi đâu bao giờ. Bây giờ đã biết được những gì tôi biết, tôi không quan niệm nổi tại sao mình đã đứng ngoài cuộc đến như thế.

Giăng-Pie-rơ và tôi, quen nhau trên máy bay chở khoảng 15, 16 thanh niên đi làm nghĩa vụ "hợp tác".

Ngay sau khi đến Sài Gòn, chúng tôi đã có một ấn tượng giống nhau về những kẻ đại diện phái bổ văn hóa Pháp mà thái độ, hành động sau này đã gây cho chúng tôi một sự bất bình, và những phản ứng như nhau. Tình trạng thối nát dễ dàng nhận thấy ở Sài Gòn đã lây sang họ, mà rất có thể là ngược lại không chừng. Tập thể người Pháp tách rời hẳn người Việt Nam; ngay khi vừa tới, người ta đã cảm thấy tinh thần đẳng cấp ấy rồi.

Một ví dụ trong rất nhiều thứ buôn gian bán lận : vấn đề đồng "phơ-răng" và đồng "pi-a-trơ". Chúng tôi hoàn toàn bị bọn đổi tiền bắt sao phải chịu vậy, họ chính là đồng bào của chúng tôi và họ đã nâng nhẹ bớt một phần số tiền mà chúng tôi có được.

NHỮNG ĐÁM TANG NUNG NẤU CẨM THÙ

Cuộc đấu tranh của sinh viên, học sinh chống kẻ thù tàn bạo không tránh khỏi sự hy sinh xương máu. Mỗi lần như vậy, căm thù lại dâng cao, không những trong học sinh, sinh viên mà trong tất cả các tầng lớp nhân dân thành phố. Những đám tang có hàng trăm ngàn người dự thể hiện lòng căm thù đó.

Cuối tháng 11-1964, những cuộc bãi học chiếm trường nổ ra trong sự giằng co với cảnh sát. Chống trả cảnh sát bằng mọi phương tiện sẵn có, những cánh tay học trò lăn cả những ống cống để bịt đường ở Viện Hóa đạo. Một chiếc xe Jeep cảnh sát bị đốt bất ngờ. Bọn lính dù xuất hiện và xả súng. Khoảng 20 giờ 30, em Lê Văn Ngọc 16 tuổi, học sinh trường Hồng Lạc đứng ở hàng đầu bị chúng bắn trúng tim. Cảnh sát vội vã nhào tới cướp xác nhưng sinh viên, học sinh giằng lại được.

Sáng hôm sau, chính quyền Hương thiết quân luật khẩn cấp. Thành phố sống trong không khí sục sôi và đám tang Lê Văn Ngọc sẽ là đám tang chính trị khổng lồ như đám tang trò Ôn ngày nào.

Các phe phái chính trị Sài Gòn rất muốn giành giữ xác em Ngọc, tổ chức đám tang này để gây uy tín chính trị của mình. Ta kịp thời thuyết phục gia đình Ngọc, kiên quyết giữ quyền tổ chức đám tang. Ban tang lễ bao gồm nhiều thành phần. Trong ba ngày sau đó, đồng bào nườm nượp đến Viện Hóa đạo đặc hoa và cắm những nén nhang thương tiếc em, căm thù giặc.

Sáu giờ sáng ngày 29-11, đám tang được cử hành. Các khẩu hiệu phát động căm thù được chuẩn bị khá tốt, tránh quá khích, nhưng cũng không ngăn được những lời phẫn uất của quần chúng.

Đoàn xe tang đi trong vỏ ngựa chậm rãi, trầm hùng. Bao quanh quan tài là đội bảo vệ của học sinh Cao Thắng. Vòng ngoài có nhiều lực lượng khác hộ tống. Ta dự định kéo thẳng ra trung tâm. Bị công an ngăn cản, đồng bào vẫn tìm mọi cách đến đưa đám. Lộ trình đám tang là: Trần Quốc Toản - Hiền Vương - Cầu Bông - Bà Chiểu. Đoàn đầu đến Cầu Bông mà đoàn cuối còn ở Viện Hóa đạo.

Địch quyết tâm phá bằng được, xua lính cắt đoàn đưa tang làm nhiều bộ phận, xe chở hoa cũng bị chặn lại, xúc đi. Anh em giải thích cho binh lính và nêu câu hỏi: "Vì sao đến người chết cũng bị đàn áp?", làm cho nhiều lính chùn bước. Địch phải điều Tiểu đoàn 7 dù từ lực lượng tổng trừ bị chiến lược, có cả xe tăng "tham chiến". Xô xát xảy ra dữ dội, cuối cùng chúng cũng cướp quan tài Lê Văn Ngọc. Điều đó bộc lộ bộ mặt dân chủ giả hiệu của chúng.

Tháng 8-1971, bị cưỡng bách đi học quân sự học đường, sinh viên Đại học Vạn Hạnh tổ chức đấu tranh ngay tại quân trường, từ biểu tình chuyển sang đốt quân trang, quân dụng, phá rào trở về nhà. Trong không khí đấu tranh đó, ngày 1-9-1971 sinh viên Phạm Hạnh bị bệnh não chết sau những đợt bị cưỡng bức huấn luyện quân sự. Đám tang Phạm Hạnh trở thành một cuộc đấu tranh biểu hiện sự căm phẫn cao độ của sinh viên và quần chúng. Hàng chục ngàn người, hầu hết là đồng bào lao động các quận nội thành tự nguyện đứng vào hàng ngũ những người đưa tang nối dài không dứt. Những vành khăn trắng căm hờn, trùng trùng đi bên nhau, bảo vệ lấy nhau trong vòng vây kẻ thù, trải dài từ cầu Trương Minh Giảng đến ngã Bảy. Những biểu ngữ trắng chữ đỏ "Đả đảo quân sự học đường", "Tiếc thương Phạm Hạnh - nạn nhân quân sự học đường", "Mỹ rút về nước", "US go home" xuất hiện theo đám tang. Bọn cảnh sát lao vào bứt xé đoàn đưa tang, bắt đi 200 sinh viên, nhưng chúng không ngăn chặn được cuộc tuần hành.

(Theo sách Chung một bóng cờ)

ĐỒNG BÀO THÀNH PHỐ SÀI GÒN TỔ CHỨC LỄ TRUY DIỆU BÁC HỒ

Giữa những ngày tháng chiến tranh ác liệt, đêm mùng 3-9-1969 qua Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, đồng bào thành phố đau đớn trước tin Chủ tịch Hồ Chí Minh đã qua đời. Với lòng tiếc thương vô hạn, bất chấp mọi sự theo dõi, bắt bớ của địch, ngay trong lòng Sài Gòn, hang ổ của kẻ thù, nhiều đồng bào thành phố đã tổ chức lễ truy điệu Bác bằng nhiều hình thức công khai hoặc bí mật. Có thể nêu ở đây một số hoạt động tiêu biểu :

Công nhân xe buýt Sài Gòn đã dành cả ngày và đêm 9 tháng 9 làm lễ truy điệu Hồ Chủ tịch. Trên 100 thanh niên, sinh viên thuộc đoàn văn nghệ học sinh sinh viên Sài Gòn kính cẩn mặc niệm Bác trong tiếng hát trang nghiêm của bài "Hồn tử sĩ". Tại nhà lao Chí Hòa, 600 anh chị em tù chính trị để tang Bác 7 ngày. Suốt tuần lễ tang, sáng nào anh chị em cũng hát Quốc ca và làm lễ tưởng niệm Người. Tại Ngã Bảy, anh chị em công nhân và các nghiệp đoàn quanh vùng đó chiếm trụ sở Tổng Liên đoàn lao động để tổ chức mít tinh, làm lễ truy điệu Bác. Tại vùng Hòa Hưng, 200 Phật tử, nhân sĩ trí thức, học sinh sinh viên tập trung về chùa Khánh Hưng. Đúng 2 giờ chiều ngày 9-9-1969, chỉ mấy tiếng đồng hồ sau lễ truy điệu Bác Hồ ở quảng trường Ba Đình (Hà Nội), lễ truy điệu ở đây bắt đầu. Đồng bào ở hẻm 528/5/21A đường Phan Thanh Giản quận 10 làm lễ truy điệu Bác và nghe đọc tiểu sử Bác dưới hình thức một đám giỗ. Ở quận 8, Chi bộ phường Hưng Phú, sau khi tổ chức canh phòng chu đáo, tập trung đồng bào tại xóm Đầm để truy điệu Bác. Nhiều gia đình trong thành phố đốt nhang trên bàn thờ làm lễ tang Bác đón nghe các buổi phát thanh về Bác trên đài Hà Nội, Giải Phóng. Quân dân ngoại thành làm lễ truy điệu Bác ở nhà, ngoài căn cứ, dưới địa đạo, hầm bí mật.

(Hỏi và đáp 300 năm Sài Gòn - TPHCM)

MƯỜI HAI NGÀY ĐÊM LÀM CHỦ TOÀ ĐẠI SỨ LON NON

Tháng 4-1970, bọn cầm quyền Lon Non, tay sai Mỹ ở Kampuchia, gây ra một tội ác tày trời: thảm sát hàng loạt Việt kiều từ lâu sinh sống bên Kampuchia, thả xác trôi đầy sông, lay động tình máu mủ ruột rà của mọi người dân Việt. Sự kiện đó lại diễn ra trong lúc Mỹ - Thiệu đàn áp thẳng tay phong trào sinh viên, học sinh, báo hiệu bão táp chính trị sẽ nổi lên.

Ngày 18-4-1970, Đại hội sinh viên, học sinh kỳ III kết thúc bằng một cuộc xuống đường tiến thẳng ra Hạ nghị viện với các khẩu hiệu : "Đả đảo Lon Non, chặt đầu Lon Non để trả thù cho đồng bào chúng ta!". Đêm hôm đó, sinh viên Đại học xá Minh Mạng tổ chức đêm "uất hận" làm lễ truy điệu Việt kiều, đốt hình nộm Lon Non, Sêrik Matak, Cheng Heng rồi kéo đi tuần hành ở Ngã Sáu. Bọn cảnh sát dã chiến bắn phi tiễn, đạn cay vào đoàn biểu tình, lập tức bị sinh viên, học sinh chống trả bằng gạch đá, gây gộc và những tiếng thét phản nộ. Chúng phải rút lui, bỏ lại những chiếc mặt nạ đầu heo, dùi cui, khiên mây...

Đêm 24-4-1970, "một đêm không ngủ" được tổ chức tại Đại học Khoa học và cũng là nơi xuất phát của một chiến dịch mới: "chống tàn sát Việt kiều ở Campuchia". Mặc dù bọn công an chìm cúp điện để phá nhưng đồng lửa đã được đốt lên giữa sân, các micro pin vẫn hoạt động. Bàn thờ Tổ quốc rất uy nghi trên có các dòng chữ : "Dân tộc Việt Nam bất khuất", "Đồng bào ơi! Máu chảy ruột mềm". Cả rừng người vây quanh đài kỷ niệm và bàn thờ gồm thanh niên sinh viên học sinh, công nhân và các tầng lớp đồng bào khác đã đến dự với tấm lòng nồng nàn yêu quê hương, dân tộc. Những khăn tang được phân phát. Những ngọn đuốc nhỏ làm bằng lon sữa bò được tỏa ra thấp sáng cuộc đấu tranh.

Đúng 7 giờ tối, sau lời khai mạc của ban tổ chức, đốt nến, nhang, mặc niệm là đến phần phát biểu của đại diện sinh viên, học sinh, các dân biểu tiến bộ và các tầng lớp nhân dân cùng với những tiếng hô "đả đảo Lon Non". Hình nộm bọn Lon Non bị đốt trong tiếng hát hào hùng "Dậy mà đi! Dậy mà đi! Hỡi đồng bào ơi!".

Một học sinh Pétrus Ký phát biểu: "Đến bây giờ sự phần nộ không thể chỉ bằng tiếng thét. Chúng ta phải hành động! Phải chiếm Tòa đại sứ Kampuchia để đòi hỏi chính quyền Sài Gòn phải can thiệp yêu cầu Lon Non chấm dứt tàn sát đồng bào chúng ta". Tiếng vỗ tay vang dội. Tổng hội sinh viên phát động cuộc xuống đường tiến chiếm Tòa đại sứ Lon Non. Mặc cho Đoàn Kinh - sinh viên khoa học nằm trong Ủy ban đấu tranh chống đàn áp học sinh, sinh viên nhưng chống lại phong trào - tìm cách ngăn cản và lên tuyên bố không chịu trách nhiệm về cuộc xuống đường này, đoàn biểu tình vẫn tràn ra Đại lộ Cộng Hòa tiến tới Tòa đại sứ Lon Non.

Anh Nguyễn Hoàng Trúc cùng một nhóm xung kích đi xe gắn máy, túc trực sẵn trước cổng Đại học Sư phạm, được lệnh chạy trước đến Tòa đại sứ Lon Non để hỗ trợ đoàn biểu tình, mang theo đèn pin, kìm cắt dây kẽm gai, cửa sắt, bao ny lông, chanh để đối phó với hơi cay.

Một cuộc hành quân nước rút của đoàn chiến sĩ biểu tình bằng mọi phương tiện sẵn có : xe gắn máy, xe đạp, chạy bộ... Sinh viên chạy xe hon đả cầm micro pin hướng dẫn đoàn và kêu gọi đồng bào tham gia xuống đường. Nhiều thanh niên lao động hai bên đường, sau khi hiểu được "nội vụ", đã gia nhập đoàn quân.

Cảnh sát dã chiến ngăn chặn đoàn từ ngã tư Trần Quý Cáp - Lê Văn Duyệt bằng hàng rào kẽm gai và lựu đạn cay, nhưng anh em vẫn xông tới. Các xe gắn máy rú ga mở hết tốc lực phóng ngay vào cảnh sát dã chiến làm chúng hoảng hồn dãn ra. Thế là vòng vây thứ nhất bị phá.

Tuyến cảnh sát dã chiến thứ hai đã chờ sẵn đoàn ở gần cổng Tòa đại sứ bắn phi tiễn từ xa và ném lựu đạn cay dồn dập. Đồng bào các nơi và bà con bán quán hai bên đường đã tiếp tế cho đoàn những bọc ny lông, nước đá, chanh và cả những chai bia đã đập gãy cổ dùng để chống đàn áp. Lực lượng xung kích học sinh, sinh viên đi xe gắn

máy vừa lạng xe, vừa giơ chân đạp mạnh làm té nhào mấy tên cảnh sát dã chiến, dùng võ thuật đánh xáp lá cà với chúng. Thế là vòng vây thứ hai cũng bị chọc thủng.

Anh em xung kích cùng đoàn biểu tình đã phá kềm gai và phá tung hai cánh cửa lớn của Tòa đại sứ, khóa bằng lòe tời sắt, ủa vào chiếm trận địa và phản công trở lại cảnh sát dã chiến.

Lúc đó là 20 giờ 30 phút đêm 24-4-1970, chỉ khoảng một tiếng đồng hồ sau khi xuất phát, 300 học sinh, sinh viên Sài Gòn đã hoàn toàn làm chủ Tòa đại sứ Lon Non. Lực lượng học sinh, sinh viên đã cố thủ ở Tòa đại sứ này 12 ngày trong vòng vây và sự tiến công liên tục của bọn cảnh sát dã chiến. Đó là một điều khó tưởng tượng nổi ở một "thủ đô" mà lính tráng được "trang bị đến răng!".

Sinh viên, học sinh tuyên bố chiếm Tòa đại sứ này làm trụ sở Tổng hội học sinh, sinh viên Sài Gòn cho đến khi được cấp trụ sở mới và kẻ hẳn một hàng chữ đỏ to tướng dài mấy chục mét phía trước Tòa đại sứ : Tổng hội sinh viên học sinh Sài Gòn.

Tổ chức cố thủ trên sân thượng được bố trí khá chu đáo bằng mọi thứ vũ khí sẵn có và cướp được của cảnh sát dã chiến. Anh chị em còn chế được hàng trăm bom xăng bằng các nhiên, nguyên liệu dễ kiếm như : mốp, crếp cao su nhồi vào những chai cô ca, xá xị đầy xăng..., một loại vũ khí đáng sợ đối với bọn cảnh sát dã chiến. Cuộc chiến đấu diễn ra liên tục, khi thì để tự vệ, khi thì chủ động tiến công, kể cả dùng bom xăng đốt cháy xe jeep của cảnh sát dã chiến. Tuổi trẻ học đường đã chứng tỏ khả năng tổ chức và sức sáng tạo của mình. Một hệ thống phóng thanh được thiết lập với những chiếc loa có công suất lớn đặt trên bốn góc sân thượng phát đi hàng ngày những bài tố cáo chính quyền, kêu gọi đồng bào tham gia đấu tranh, hát những bài ca yêu nước v.v... Anh chị em còn đặt bàn thờ Việt kiều bị tàn sát và làm lễ cầu siêu với biểu ngữ : "Lon Non vay nợ máu, phải trả bằng máu". Cũng tại đây, trong những ngày chiếm giữ, học sinh, sinh viên đã tổ chức những cuộc họp báo, tiếp nhiều phái đoàn đến thăm, có cả những dân biểu đối lập với những lời hứa "mỗi ngày sẽ cung cấp vài cây nước đá để mấy em uống chơi cho mát".

Bên ngoài, cuộc đấu tranh của học sinh, sinh viên diễn ra liên tục, hội thảo, biểu tình, kéo đến bổ sung lực lượng cho đoàn quân cố

thủ... cùng với sự hỗ trợ của phong trào các giới đồng bào đã gây sức ép lớn đối với chính quyền.

Bên trong, do tổ chức chặt chẽ, có kế hoạch hành động, chỉ huy thống nhất nên đã giữ vững được trận địa. Gian khổ như thế nhưng sinh hoạt văn nghệ cũng sôi nổi phong phú. Có nhiều cuộc lửa trại thật vui vẻ. Quanh đồng lửa đốt bằng vỏ xe hơi cũ, đã trình diễn vở hoạt cảnh - Xử án Lon Non, Sêrik Matak, Cheng Heng. Có đủ các vai : Chánh án, biện lý, luật sư, bị cáo... với những câu đối thoại khôi hài, cười ngặt nghèo. Kết cuộc tòa tuyên án bọn khát máu Lon Non phải làm trâu cày ruộng để đền tội giết Việt kiều.

Đồng bào các nơi đã gửi đến giúp hàng tấn gạo, thực phẩm. Riêng sữa hộp có thể sử dụng cả tháng vẫn không hết, thuốc men thì có hàng mấy tủ.

Việc vận chuyển hàng tiếp tế từ ngoài vào được tổ chức chu đáo, từ một lỗ khá lớn được đục thủng sau tòa nhà với sự giúp đỡ ngầm của đồng bào xung quanh. Nhiều bà má và chị em bên ngoài thay phiên nhau vào nấu cơm nước, vá quần áo cho học sinh, sinh viên. Một số thiếu nhi đã đến tình nguyện làm liên lạc, trinh sát quanh Tòa đại sứ.

Nhiều bài thơ, bản nhạc hay đã được sáng tác ngay trong chiến dịch này như bài Bà mẹ Bàn Cờ (nhạc của Trần Long Ẩn, phổ thơ của Nguyễn Kim Ngân) :

Có người mẹ Bàn Cờ Tay gầy, tóc bạc phơ
Chuyền cơm qua vách cấm Khi ngoài trời đổ mưa...

Sau khi phái đoàn cảnh sát quốc gia đến gặp học sinh, sinh viên chiếm giữ, đề nghị đổi Tòa đại sứ lấy căn nhà 207 đại lộ Hồng Bàng để làm trụ sở Tổng hội, nhưng không được chấp thuận, chúng đã dùng mấy trăm cảnh sát dã chiến biệt đoàn 222 để tiến công lấy lại.

Mặc dù được mật báo trước, trừ một số phải chuyển ra ngoài làm nhiệm vụ khác, tất cả chiến sĩ nam nữ đã sẵn sàng chống trả. Dịch nổ súng lúc 2 giờ 30 phút sáng 5-5-1970. Cuộc chiến đấu ngoan cường đã diễn ra, trừ một số thoát ra được phía sau và trốn vào nhà đồng bào, số còn lại gồm 72 nam nữ học sinh, sinh viên bị bắt và đánh đập tàn nhẫn.

Có thể nói, vụ chiếm giữ Tòa đại sứ Lon Non là một đỉnh cao đầy sáng tạo của phong trào học sinh, sinh viên chống Mỹ - Thiệu trong thời gian đó. Trong số người trực tiếp chỉ huy chiến dịch này, có : Nguyễn Hoàng Trúc, Nguyễn Văn Thắng, phụ trách Tiểu đoàn sinh viên, Lê Văn Nuôi và Trương Anh Dũng, phụ trách Tiểu đoàn học sinh và người chỉ huy hậu cần xuất sắc : Nguyễn Thị Yến.

(Theo sách Chung một bóng cờ)

CUỘC ĐẤU TRANH THUẾ LƯƠNG BỔNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG

Cuộc đấu tranh chống "thuế lương bổng" của công nhân và lao động thành phố có qui mô khá lớn và kéo dài. "Thuế lương bổng" đánh vào đời sống vốn đã quá khó khăn cho người lao động, chỉ 1 ngày sau khi ban hành, một Ủy ban vận động yêu sách giảm "thuế lương bổng" đã được thành lập.

Mở đầu đợt đấu tranh này là cuộc đình công ngày 24 tháng 1 năm 1971 của gần 8 vạn công nhân và tư chức. Ngày hôm sau số người tham gia đấu tranh tới gần 10 vạn.

Ngày 29 tháng 4 năm 1971, hơn 4 vạn công nhân thuộc 26 nghiệp đoàn, nắm những cơ sở chủ yếu của Sài Gòn tiếp tục bãi công. Các bến cảng, các ngân hàng trong thành phố hoàn toàn ngưng hoạt động. Các hãng dầu Esso, Caltex bị tê liệt đến 70%. Hãng hàng không bị tê liệt 50%. Mỹ nguy bị thiệt hại trên 10 tỷ đồng.

Địch vẫn ngoan cố, dây dưa, mãi đến ngày 14 tháng 1 năm 1972 chính quyền ngụy mới buộc phải tuyên bố hủy bỏ chính sách thuế lương bổng và hứa sẽ bồi thường một tỷ rưỡi đồng cho công nhân lao động, tư chức đã bị thiệt hại do thứ thuế này gây ra.

Song song với những cuộc đấu tranh chống thuế lương bổng, trong từng nhà máy, xí nghiệp nổ ra những cuộc đấu tranh qui mô nhỏ đòi cải thiện đời sống, hầu hết thu được thắng lợi. Tiêu biểu như cuộc đấu tranh của hãng Pin Con Ó (Vidopin) - Một hãng sản xuất lớn về pin đèn ở miền Nam độc quyền cung cấp pin cho quân đội ngụy. Lúc đầu cuộc đấu tranh của công nhân chủ yếu là đòi chủ giải quyết một số quyền lợi vật chất. Nhưng chủ hãng dựa vào một số tên tai to mặt lớn trong chính quyền ngụy, bác bỏ yêu sách của công nhân và tuyên bố sa thải hàng loạt người tham gia đấu tranh. Song công nhân kiên quyết giữ vững yêu sách của mình. Hãng Pin Con Ó hoàn

toàn bị tê liệt. Việc cung cấp pin cho quân đội Sài Gòn bị đình trệ. Trước tình thế đó, chẳng những địch không nhượng bộ, trái lại đưa cảnh sát đến can thiệp, đánh đập dã man nhiều người và bắt đi 30 cán bộ nghiệp đoàn. Công nhân không chùn bước, tiếp tục đấu tranh. Tiếng vang bắt đầu vượt khỏi hăng Vidopin. Ngày 23 tháng 10 năm 1971, các nghiệp đoàn thuộc Tổng liên đoàn lao động Việt Nam đã quyết định đình công 12 giờ để phản đối cuộc đàn áp đẫm máu tại hăng Pin Con Ó. Các báo chí tiến bộ, các tổ chức quần chúng tiến bộ, các tầng lớp công nhân lao động và một số linh mục, các liên đoàn công nhân Nha Trang, Cam Ranh và thậm chí cả một số nghị viện và dân biểu ngụy quyền ra tuyên bố ủng hộ công nhân hăng Pin Con Ó, lên án chủ hăng và phê phán hoạt động dã man của chính quyền Sài Gòn. Tại quốc hội ngụy, một số dân biểu tuyên bố ngừng họp tháng, không dự lễ đăng quang tổng thống và phó tổng thống Thiệu Kỳ.

Cuộc đấu tranh đòi quyền lợi của công nhân ở một số xí nghiệp đã trở thành cuộc đụng độ gay gắt, lâu dài giữa một bên đòi tự do dân chủ, đòi dân sinh, dân quyền với một bên là lực lượng ngụy quyền phản tự do dân chủ. Tình hình ấy buộc địch phải nhượng bộ : chịu tăng lương 30% cho công nhân, nhận lại số công nhân bị sa thải và thả hết những người bị bắt.

Phong trào công nhân lao động thành phố tiếp tục giữ vững sang đầu năm 1972, trong 3 tháng đầu năm đã có tới 150 cuộc đấu tranh lớn nhỏ.

(Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến 45 - 75)

TỪ HỘI THẢO ĐẾN CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG MỸ 1/5/1966

Cuộc biểu tình ngày 1-5-1966 của công nhân, lao động Sài Gòn là điểm cao của cả một đợt vận động đấu tranh hàng tháng trước đó. Ngay từ cuối tháng 3 đến suốt tháng 4-1966, nhiều cuộc hội thảo đã được tổ chức ở các xí nghiệp, ngành nghề, xóm lao động, chợ búa, trường học, trong các tổ chức nghiệp đoàn, v.v... Nội dung hội thảo xoay quanh việc tố cáo tội ác của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, phản đối việc dùng chất độc hóa học, chà xát nông thôn, đòi Mỹ rút quân, vận động trốn lính và bàn bạc các yêu sách đấu tranh. Rõ ràng là nội dung hội thảo không chỉ là những vấn đề dân sinh, dân chủ mà còn mang màu sắc chính trị rõ rệt.

Có ba cuộc hội thảo lớn được tổ chức tại trụ sở Tổng Liên đoàn lao động, mỗi cuộc có hàng ngàn người đại diện các nghiệp đoàn nhà máy, nhà xưởng, chợ, xóm. Từ những cuộc hội thảo hợp pháp đó, các đại biểu được tỏa về các cơ sở tổ chức những cuộc hội thảo nhỏ, phát động tư tưởng của quần chúng một cách sâu rộng và chuẩn bị tư thế đấu tranh.

Chính quyền Sài Gòn phản ứng quyết liệt, ra lệnh cấm biểu tình, nhưng trước khí thế đấu tranh của công nhân, lao động, họ nhượng bộ với điều kiện không được bạo động.

Cuộc biểu tình ngày 1-5-1966 diễn ra trong vòng vây vũ trang của cảnh sát. Có 3 tổ chức nghiệp đoàn chỉ đạo riêng cuộc biểu tình của mình. Tổng Liên đoàn lao động và Lực lượng thống nhất hành động lao động Việt Nam huy động mỗi đoàn khoảng 1 - 2 nghìn người. Đoàn của Tổng liên đoàn lao động đông nhất, lúc xuất phát có khoảng 2 vạn người, được đồng bào hai bên đường nhập vào, cuối cùng được 4 vạn người. Đoàn này tập trung trước tòa đại sứ Mỹ nêu khẩu hiệu đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh, rút về nước, rồi đưa hàng tập yêu sách cho

Cảnh sát trưởng Nguyễn Ngọc Loan, điều hành về trụ sở Tổng Liên đoàn mới giải tán.

Tuy sau đó, chính quyền Sài Gòn bắt ông Lê Văn Thốt, chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động cùng nhiều ủy viên chấp hành và thẳng tay khủng bố nhiều nghiệp đoàn cơ sở, nhưng phong trào vẫn tiến bước theo những hình thức khác. Đợt đấu tranh này đánh dấu bước trưởng thành mới và nâng cao uy thế của phong trào công nhân, lao động thành phố Sài Gòn.

(Theo sách "Chung một bóng cờ")

MỘT SỐ CUỘC ĐẤU TRANH TRONG CÁC CƠ SỞ HẬU CHIẾN CỦA MỸ

Tiếp theo cuộc đấu tranh của gần ba vạn công nhân làm việc trong các hãng nhà binh Pháp nổ ra ngày 7-12-1954 kéo dài gần một tháng, ngày 16-11-1956, 500 công nhân hãng dầu SVOC của Mỹ phối hợp với công nhân khuôn vác Sài Gòn đã tổ chức bãi công đòi tăng lương. Quân cảng Sài Gòn bị tê liệt ba ngày; năm chiếc tàu bốc dỡ hàng "viện trợ" Mỹ phải ngừng lại và nhiều tàu của công ty tư bản Nhật, Mỹ không dám cập bến.

Ngày 28-2-1958, công nhân hãng dầu Caltex của Mỹ bãi công 10 ngày chống sa thải và tăng lương. Hàng ngàn công nhân các hãng khác như SVOC, Shell, công nhân điện nước và nhiều hãng xưởng khác ủng hộ công nhân Caltex bằng nhiều hình thức.

Trong những ngày đó, 30 cây xăng ở Sài Gòn hết dầu, ảnh hưởng lớn đến việc cung cấp dầu cho các đơn vị cơ giới, không quân của địch.

Cuộc đình công chiếm xưởng của 400 công nhân hãng dầu Stanvac trực tiếp chống chủ Mỹ bạc đãi công nhân và đòi tăng lương đã nổ ra ngày 4-9-1961, kéo dài ba tháng mới thu được thắng lợi. Cuộc đấu tranh này đã được sự ủng hộ của trên một trăm nghiệp đoàn tại Sài Gòn, của công nhân cao su, cả nông dân và một số giới kinh doanh. Hơn 100 trạm bán xăng dầu bị tê liệt, làm ngừng trệ từng lúc việc cung cấp xăng dầu cho máy bay Mỹ. Chủ Mỹ bị thiệt hại khoảng 3 - 5 triệu đồng tiền Sài Gòn mỗi ngày.

Trong năm 1964 còn có cuộc bãi công của hãng Vô tuyến viễn thông làm tê liệt việc liên lạc điện thoại giữa Sài Gòn và các tỉnh, cũng như giữa Sài Gòn với nước ngoài trong 20 giờ.

Cuộc đình công của công nhân giao thông Gia Định kiên quyết không đi sửa Đường số 7 đã làm cản trở kế hoạch hành quân càn quét của địch. Công nhân xi măng Hà Tiên và nhiều xưởng gạch ngói bãi công làm ảnh hưởng đến kế hoạch xây dựng đồn bót, công sự của địch.

Đầu tháng 3-1964, 7000 công nhân bốc vác của hãng Xtích, Xô-vi-cô-tơ-ra bãi công làm ngưng trệ mọi công việc của bến tàu Sài Gòn trong năm ngày.

Cuộc đình công kỷ niệm 10 năm ngày ký hiệp định Genève (20-7-1964) của hàng ngàn công nhân khuân vác ở cảng Sài Gòn làm tê liệt bến cảng; chiến tàu Mỹ mang tên tổng thống Mắc Kin-li chở nhiều xe quân sự cho Mỹ đã buộc phải rời bến và 10 tàu khác phải nằm chờ tại bến.

Ngày 21-6-1966 đã diễn ra cuộc bãi công của công nhân trên 10 công trường xây dựng thuộc hãng thầu RMK - BRJ, lúc đầu là 7.000 người và đến ngày 24-6 đã lên đến 15.000 người. Nội dung đấu tranh là đòi tăng lương, chống sa thải, chống kỳ thị chủng tộc, trực tiếp đánh vào thái độ hống hách, khinh rẻ người Việt Nam của bọn chủ thầu Mỹ. Cuộc đấu tranh này được công nhân hãng dầu Caltex ủng hộ và hàng ngàn công nhân Philippin, Nam Triều Tiên (cùng hãng RMK - BRJ) hưởng ứng.

Những công trình xây dựng, công trình quân sự thuộc loại ưu tiên nhất của Mỹ đã bị tê liệt như:

Đường băng mới cho máy bay phản lực và máy bay vận tải hạng nặng dài 3.000 mét ở sân bay Tân Sơn Nhất và Biên Hòa. Một sở thí nghiệm phim ảnh trinh sát. Một trung tâm tình báo và một trung tâm hành quân chiến thuật đang xây dựng ở Tân Sơn Nhất. Một công trình khai thác trên đường Sài Gòn - Biên Hòa. Một kho lớn cung cấp nguyên liệu và vật liệu xây dựng của công ty RMK - BRJ (Kho Island). Một tòa nhà mới cho sứ quán Mỹ. Một bệnh viện dã chiến Mỹ. Bến số 1 ở cảng mới Sài Gòn là nơi lục quân Mỹ đóng Bộ chỉ huy hậu cần. Một cơ sở chính của công ty RMK - BRJ.

Cuộc bãi công đã gây trở ngại lớn đến kế hoạch quân sự và hậu cần Mỹ và có nguy cơ lan rộng nên bản thân đại sứ Mỹ Cabot Lodge

và tướng Wesmoreland phải can thiệp với bọn chủ thầu RMK - BRJ giải quyết các yêu sách của công nhân.

Tiếp theo, ngày 26-12-1966, một cuộc bãi công toàn diện của 5.000 công nhân cảng chống Mỹ sa thải 600 công nhân, đã làm tê liệt cảng mới, ảnh hưởng nặng đến hoạt động của nhiều nhà máy và hãng xưởng. Gần 30 chiếc tàu Mỹ cập bến không dỡ hàng lên được. Quân Mỹ phải điều gần một nghìn lính đến khuân vác bốc dỡ nhưng chỉ đạt một nửa yêu cầu cần thiết hàng ngày.

Ngày 27-12, quyền đại sứ Mỹ Porter ra lệnh cho Sư đoàn bộ binh Mỹ số 9 tiến vào chiếm bến cảng Sài Gòn. Ngay tối hôm đó, Liên hiệp nghiệp đoàn Sài Gòn - Gia Định họp bàn phát động các nghiệp đoàn bãi công ủng hộ công nhân cảng. Công nhân cảng Đà Nẵng, Cam Ranh, Vũng Tàu... chuẩn bị đấu tranh hưởng ứng. Công nhân các ngành điện, nước, sơn, dược phẩm, sản xuất vỏ ruột xe máy, công nhân xe buýt Sài Gòn chuẩn bị bãi công, quyên tiền giúp đỡ công nhân cảng. Công nhân các cảng ở miền Bắc gửi điện ủng hộ.

Trước sức mạnh đoàn kết của giai cấp công nhân, trưa 30-12-1966, giám đốc nhân sự của lục quân Mỹ phải xuống nước, đến trụ sở nghiệp đoàn để thương lượng với đại biểu công nhân. Chúng hứa thu nhận lại 300 công nhân và số còn lại sẽ giải quyết từng bước nếu chưa có công ăn việc làm.

Qua những năm sau đó, còn có nhiều cuộc bãi công khác của công nhân làm trong các cơ quan kinh tế, quân sự quan trọng của Mỹ như: bãi công chiếm xưởng Éép-phen lãnh thầu cho nhà binh Mỹ hồi đầu 1967, bãi công của 2.700 công nhân tại kho hậu cần của Mỹ ở Long Bình và ở cơ quan "viện trợ" Mỹ, công nhân hãng dầu ESSO Nhà Bè, hãng sửa chữa cầu cống Paer, công nhân viên chức Việt Nam tại chi nhánh hàng không Pan American Tân Sơn Nhất và Sài Gòn v.v...

(Theo sách "Chung một bóng cờ")

DIỄN TIẾN CUỘC TỔNG CÔNG KÍCH VÀ NỔI DẬY TẾT MẬU THÂN 1968 Ở SÀI GÒN

Chấp hành Nghị quyết 14 của Trung ương Đảng ngày 25.10.1967, Trung ương cục miền Nam ra Nghị quyết về tiến hành Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa lấy miền Đông Nam Bộ và Sài Gòn - Gia Định làm trọng điểm, hướng tiến công chủ yếu là Sài Gòn. Nghị quyết này còn được gọi là Nghị quyết Quang Trung. Chiến dịch Xuân Mậu Thân ở Sài Gòn - Gia Định kéo dài gần 5 tháng gồm 2 đợt tiến công: đợt 1 từ 31.1.1968 đến 28.2.1968, đợt 2 từ 5.5.1968 đến 18.6.1968.

Trong chiến dịch này, riêng ở khu vực nội thành, ta đã sử dụng từ 15 đến 22 tiểu đoàn bộ binh cùng các đơn vị đặc công, biệt động và lực lượng vũ trang địa phương gồm quận huyện, ban ngành, đoàn thể, kết hợp với các lực lượng chính trị và binh vận.

Vào đợt 1, giờ G, ngày N trên toàn miền được quy định là 00 giờ đến 2 giờ sáng mùng 2 Tết theo lịch cũ. Các tư lệnh quân khu, các chỉ huy, các cụm biệt động đã được phổ biến 48 giờ trước giờ G.

Một việc đáng tiếc là do đổi lịch nên ở miền Bắc, Khu 5 và Tây Nguyên nổ súng trước, theo lịch cũ, B2 (tức miền Đông Nam Bộ và Sài Gòn - Gia Định) nhận được lệnh hoãn, nổ súng đúng lịch mới.

Kế hoạch của ta là: biệt động bất ngờ đánh chiếm mục tiêu và giữ trong khoảng 1 giờ chờ các tiểu đoàn mũi nhọn và lực lượng thanh niên xung kích hoặc lực lượng địch binh biến đến hỗ trợ tăng cường và giữ mục tiêu luôn. Theo hợp đồng, "giờ G" được báo hiệu bằng những loạt pháo ĐKB bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất và bộ Chỉ huy MACV, vị trí của tướng Westmoreland, nhưng đã không thực hiện được. Chờ mãi không thấy, 2 giờ sáng ngày 31.1.1968, bộ phận

phối thuộc cho tiểu đoàn 268 phân khu 2 ở phía tây Tân Sơn Nhất bắn 8 quả 82 ly vào sân bay. Cả thành phố coi đó là hiệu lệnh tấn công.

Đội biệt động nổ súng đúng giờ vào các mục tiêu dinh Độc Lập, Đại sứ quán Mỹ, Bộ Tổng tham mưu, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất. Riêng mục tiêu Tổng nha Cảnh sát, kho xăng Nhà Bè, Bộ tư lệnh hải quân không thực hiện được. Lực lượng ta chiếm một nửa sân bay Tân Sơn Nhất. Các tiểu đoàn do Bộ tư lệnh tiền phương Nam phụ trách cùng với các lực lượng bán vũ trang gồm cán bộ, công nhân viên, các cơ quan khu ủy, trung ương cục lọt sâu vào nội thành, kết hợp với lực lượng quần chúng, làm chủ một vùng rộng đến tận khu Ngã Sáu Chợ Lớn, Cầu Muối, Chợ Thiếc. Nhưng lượng chính qui không vào được thành phố nên cuối cùng phải rút lui.

Ý nghĩa lớn lao nhất của đợt 1 Tết Mậu Thân chính là đòn đánh "trúng sọ não" và sự bất ngờ về mọi mặt đối với địch. Việc quân dân ta đồng loạt tấn công vào hậu phương, sào huyệt của địch, "đưa chiến tranh vào đô thị" chính là điều choáng váng nhất đối với đế quốc Mỹ trong quá trình xâm lược Đông Dương. Ngày 31.1.1968 tổng thống Mỹ Johnson tuyên bố không ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ tới, chấp nhận chấm dứt ném bom Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 20 trở ra, đồng ý thương lượng với chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bắt đầu từ ngày 3.5.1968 tại thủ đô Paris.

Đợt 2 được bắt đầu lúc 0 giờ 30 phút ngày 5.5.1968, các loạt hỏa tiễn M.12, ĐKB bắn vào các mục tiêu sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ tổng tham mưu, Sứ quán Mỹ, dinh Độc Lập, Tân cảng Sài Gòn, Bộ tư lệnh Hải quân, Tổng nha cảnh sát. Trong đợt này trung đoàn 1, sư đoàn 9, tiểu đoàn 6 Bình Tân, trung đoàn bộ binh 2 phân khu 2, các lực lượng vũ trang các ngành, giới, các quận đã mở diện tấn công rộng rãi và mạnh mẽ ở các khu phố quan trọng trong khắp nội thành diệt nhiều cảnh sát, mật vụ ác ôn. Tại cửa ngõ tây nam quân ta thọc sâu vào tận đường Tổng đốc Phương. So với đợt 1, đợt 2 quân chủ lực tiến sâu hơn: chiếm ngã tư Hàng Xanh, phía bắc đường Chi Lăng, giữa thị xã Gia Định.

Vào đợt 2, mặc dầu yếu tố bất ngờ về chiến lược không còn, nhưng ta tiếp tục "đưa chiến tranh vào thủ đô địch", riêng trong thành phố ta diệt nhiều sinh lực địch hơn đợt 1.

Với hai đợt tấn công Tết Mậu Thân 1968, ta đã chuyển cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam sang một giai đoạn mới giành thắng lợi quyết định. Đợt Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân còn là cuộc tổng diễn tập chiến lược, phát huy thành quả đồng khởi 1960 và tạo tiền đề cho trận quyết chiến dứt điểm trong chiến dịch mùa xuân lịch sử 1975. Sau cuộc tổng công kích và nổi dậy tết Mậu Thân ở Sài Gòn - Westmoreland đã viết về Mậu Thân và các báo chí cũng ghi lại cuộc tiến công mùa Xuân năm 1968.

(Hỏi và đáp 300 năm Sài Gòn - TP. HCM)

TUỔI TRẺ SÀI GÒN XUỐNG ĐƯỜNG

Trong cuộc chiến đấu chống Mỹ, tên đế quốc hung bạo nhất của thời đại hiện nay, Sài Gòn như một trái núi lửa, luôn luôn nóng rực, luôn luôn rung chuyển bởi những cuộc biểu tình, hội thảo, những "đêm đốt lửa căm thù", "đêm không ngủ", "hát cho đồng bào tôi nghe", những chiến dịch quy mô chống Mỹ - nguy đòi hòa bình, đòi áo cơm, đòi quyền dân chủ, quyền tự quyết của tất cả các tầng lớp, từ trẻ đến già, từ những sinh viên sôi nổi đến những công nhân kiên định, từ những trí thức uyên thâm đến những nhà tu hành trầm lặng, thậm chí cả đến anh em phế binh trong quân đội Sài Gòn cũng có mặt trong hàng ngũ đấu tranh.

Một vài mẫu chuyện ngắn sau đây chỉ phản ánh được một phần nhỏ, rất nhỏ, cuộc chiến đấu hào hùng, sôi động của Sài Gòn đánh Mỹ vào những năm đầu của thập niên 70 này.

Tinh thần tranh đấu, dùi cui phải gồm.

Đợt đấu tranh chống Lon-non Ma-tắc tàn sát Việt kiều ta đã kéo dài gần 2 tháng. Hôm nay tuổi trẻ học đường lại mở trận đánh lớn. Từng đoàn học sinh sinh viên lũ lượt kéo về quảng trường Quách Thị Trang. Các nam nữ sinh lái xe honda chở nhau, người ngồi sau giương cao biểu ngữ nổi bật những dòng chữ:

"Đả đảo chế độ cảnh sát trị!" "Thái thú Bôn-cơ phải rút lại lời tuyên bố xác xược, phải xin lỗi học sinh!" "Mỹ đến đâu đâu lâu đến đó!" "Mỹ cút đi! chúng tôi muốn hòa bình!"

Đoàn biểu tình tiến tới Ngã Sáu thì đụng phải "chương ngại" cảnh sát dã chiến. Bọn chúng đeo mặt nạ "mồm heo"; tay dùi cui tay khiên mây, xô ra chặn đường. Chúng tung lựu đạn cay, khói bay sặc sụa. Người và xe dồn lại, nhốn nháo.... Nhưng chưa đầy một phút sau, nhóm sinh viên xung kích mang mặt nạ chống hơi cay, tay cầm

thùng nước lao lên phía trước. Thêm một loạt lựu đạn cay từ phía cảnh sát dã chiến bay tới. Lập tức anh em nhào vào đội nước, dùng chân dập tắt. Anh em hành động khẩn trương, dứt khoát, vừa làm vừa "hò dô":

"Lựu cay mặc kệ lựu cay. Tinh thần tranh đấu , lựu cay cũng xù"

Khi nhóm xung kích mở xong đường, đẩy lùi bọn "thủ vĩ lợn" ra xa, mọi người nhanh nhẹn ào vào quảng trường. Xe honda được bổ sung, đứng thành một hàng rào người ken đặc. Từ trong đám đông tiếng loa phóng thanh cất lên. Một giọng nữ trong trẻo nhưng dứt khoát, rành rọt: "Các bạn! tình hình sức khỏe của các bạn ta hiện nay trong khám Chí Hòa rất nguy kịch. Tổng Hội đã quyết định anh chị em tạm ngừng tuyệt thực, nhưng anh chị em không chịu. Chúng ta ở đây, tìm mọi cách, kể cả biện pháp mạnh, đòi nhà cầm quyền phải ngừng tay đàn áp, phải để cho thân nhân người bị giam được vào thăm. Nhưng họ vẫn cố tình làm ngược, không hề tỏ một chút thiện chí nào. Họ chỉ trả lời bắn lựu đạn cay, dùi cui, phi tiễn và tiếp tục những cuộc lùng ráp, bắt cóc...."

Từ trong khối quần chúng biểu tình, một nam sinh hét lớn: "Đả đảo chính quyền theo đuôi Mỹ!", "Phản đối chế độ cảnh sát trị!". Khối người rùng rùng chuyển động. Nhiều tiếng hô "phản đối", "đả đảo" dậy lên. Chờ cho tiếng la hét tạm lắng, Đ, một trong những sinh viên trong Ban chấp hành Tổng hội, bước đến tiếp nhận chiếc loa điện từ trong tay người nữ sinh. Anh nói: "Qua những sự việc vừa rồi, rõ ràng chính quyền (chỉ bọn Thiệu) sợ người Mỹ hơn là sợ dân chúng Việt Nam. Và chúng tôi cho rằng chính phủ Ních-xơn phải chịu trách nhiệm. Tôi xin dẫn chứng vài trường hợp sau đây:

- Anh Mẫn bị bắt là do đánh điện tín cho sinh viên Hoa Kỳ. - Anh Thắng bị bắt về Tổng Nha cũng do ký tên vào bức điện gửi Quốc Hội Mỹ".

Giữa lúc Đ. đang hăng hái tố cáo Mỹ thì tiếng còi cảnh sát rú lên inh ỏi như heo bị thọc huyết. Đ. nói nhanh: "Đại diện của "chánh quyền" lại sắp đến nữa đây! Thôi, chúng ta hãy phân tán mỏng, đánh "du kích" như kế hoạch đã bàn".

Khối người lập tức chuyển động. Nhưng bọn "thủ vĩ lợn" đã tràn tới. Nhiều tên hùng hổ xông vào vùng dùi cui đánh tới tấp. Phi tiễn trực xạ, gián xạ nổ tứ tung. Nhóm sinh viên xung kích chặn chúng lại bằng bom lửa, gạch, đá và cán biểu ngữ. Anh em vừa đánh nhau với cảnh sát dã chiến vừa hô vang:

"Dùi cui thì mặc dùi cui. Tinh thần yêu nước, dùi cui phải gờm"

Sau hơn mười lăm phút xô xát, bọn "thủ vĩ lợn" bị đẩy lùi. Đoàn biểu tình tràn ra như dòng thác lũ. Truyền đơn tung ra trắng đường. Đồng bào hai bên phố đổ ra đường hoan hô không ngớt. Các má, các chị mang la-ve, nước cam, dừa hấu trao tận tay "Đoàn quân chiến thắng"

(Sài Gòn TP.HCM - NXB Sài Gòn Giải Phóng tái bản 75)

CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ 30/4/1975

Những ngày đầu chiến dịch

Thời cơ nối tiếp thời cơ, chiến dịch mở ra chiến dịch, hội nghị Bộ chính trị ngày 31/3/1975 xác định "Từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân dân ta đã bắt đầu". Các nghị sỹ Mỹ theo dõi tình hình miền Nam quả quyết, đã quá muộn để làm bất cứ việc gì nhằm lật ngược tình thế ở Việt Nam. Ngày 1/4/1975 chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã bắt đầu được chuẩn bị theo tư tưởng chỉ đạo "thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng" với tốc độ "một ngày bằng 20 năm". Ngày 14/4/1975 Bộ chính trị phê chuẩn đề nghị của bộ chỉ huy chiến dịch đặt tên chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định là "Chiến dịch Hồ Chí Minh", phương án chiến dịch được thông qua lần cuối. Như một bức tranh hoành tráng, xe pháo và tàu thuyền đủ loại, bộ đội và dân nhân du kích, dân công và Thanh niên xung phong, những ngả đường tấp nập..., cả dân tộc từ Bắc chí Nam đang hành quân, hậu phương đang dốc toàn lực ra tiền tuyến, nửa miền Nam vừa được giải phóng cũng góp sức vào chuẩn bị giải phóng nửa còn lại. Đầu tháng 4/1975 Trung ương cục miền Nam ra chỉ thị cho quân dân Nam bộ và Nam Trung bộ (B2) hãy "táo bạo đánh các điểm theo chốt... khi có thời cơ". Bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn quyết định mở chiến dịch chia cắt địch trong toàn B2 để bao vây cô lập địch ở Sài Gòn. Điện của Bộ chính trị và quân ủy trung ương nhắc nhở cần chuẩn bị thêm trước khi làm ăn lớn. Chỉ thị của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn căn dặn phải biết tập trung lực lượng đầy đủ vào các trận then chốt. Ngày 8/4/1975, ta cho ném bom Dinh Độc Lập. Ngày 9/4/1975 ta tiến đánh địch ở Xuân Lộc. Ngày 16/4/1975 ta đập tan phòng tuyến phòng thủ từ xa của địch ở Phan Rang. Ngày 17/4/1975 Phnôm-pênh giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Campuchia đã kết thúc thắng lợi. Trong khi đó ở Lào chính phủ liên hiệp đóng cửa sứ quán ngụy Sài Gòn và ngụy Phnôm-pênh, sau đó vua Lào ra lệnh giải tán quốc hội, cuộc đấu tranh của quân và dân Lào bước hẳn sang thời kỳ

chính trị hiệp thương để giành thắng lợi hoàn toàn. Ngày 18/4/1975 tổng thống Mỹ. G.Ford ra lệnh di tản người Mỹ khỏi Việt Nam. Ngày 20/4/1975 Mỹ buộc Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Ngày 23/4/1975 Mỹ tuyên bố chiến tranh kết thúc, không thể giúp chính phủ Nam Việt Nam. Ngày 24/4/1975 Mỹ - Hương đề nghị xin ngưng bắn... Diễn biến dồn dập ấy diễn ra cùng lúc với 5 cách quân gồm 270.000 bộ đội chủ lực và 180.000 người khác phục vụ chiến dịch đang từng bước chiếm lĩnh các vị trí xuất phát tiến công vào Sài Gòn. 17 giờ ngày 26/4/1975 cuộc tổng kích đánh chiếm Sài Gòn bắt đầu, các mục tiêu tấn công ngập chìm trong bão lửa. Mỹ vội vàng mở chiến dịch "người liều mạng" để di tản. Các tướng tá quân đội Sài Gòn từ các sư đoàn bị đánh tơi tả, kẻ bị bắt, kẻ đầu hàng, kẻ tự sát, kẻ cõng quân phục lẫn trốn vào đám tàn quân. Tổng thống ngụy muốn xin "bàn giao chính quyền", các đại diện Mỹ, Pháp tìm kế hoãn binh... Nhưng tất cả đã không thể ngăn cản được sức tiến công của lực lượng vũ trang cách mạng trong "trận đánh cuối cùng" để kết thúc chiến tranh 30 năm.

(Theo sách Lịch sử Việt Nam tập 3 - NXB Giáo dục)

Diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh tại Sài Gòn

Tại Sài Gòn, sáng ngày 30 tháng 4, chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh (tướng Vĩnh Lộc tổng tham mưu trưởng đã bỏ chạy) và Nguyễn Hữu Có, lên gặp Dương Văn Minh báo cáo tình hình quân sự, đã thúc đẩy Dương Văn Minh và Vũ Văn Mẫu (thủ tướng) đi đến quyết định đơn phương ngưng bắn, chờ "bàn giao trong vòng trật tự". Dương Văn Minh họp bộ hạ và đưa ra ý kiến "tuyên bố thành phố bỏ ngỏ". Sau khi bàn luận, Vũ Văn Mẫu viết bản tuyên bố kêu gọi đơn phương ngưng bắn và bàn giao chính quyền cho cách mạng. Bản tuyên bố được phát trên đài phát thanh Sài Gòn lúc 9 giờ 30 phút.

Trên tất cả các hướng vào Sài Gòn, quân ta tiếp tục tiến công theo mệnh lệnh của Bộ Chính trị "tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống đối của chúng". Địch dùng pháo từ phía Đông xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa bắn ra cắt đội hình lữ đoàn xe tăng 20. Một phân đội của lữ đoàn rẽ vào đánh diệt chúng ở liên trường Thủ Đức (ở Cây Mai). Tại đây chiếc xe 707 đã phải chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và người cuối

cùng. 9 giờ 30 phút đoàn xe tăng tiến thuận lợi qua cầu Rạch Chiếc do Z23, lữ đoàn 316 đặc công biệt động đang chiến giữ. Phía trước là cầu Sài Gòn, ở đây tiểu đoàn 4 Thủ Đức đã chiến đấu quyết liệt, giằng co với địch từ đêm 29 rạng 30 tháng 4, đến 7 giờ sáng ngày 30 tháng 4 mới chiếm lại được đầu cầu phía Đông. Đoàn xe tăng lữ đoàn 203 đến đầu cầu Sài Gòn, 2 xe dẫn đầu đội hình tăng tốc vượt qua được nửa cầu thì bị xe tăng địch ở phía Tây vòm cầu bắn cháy. Đội hình xe tăng ta phải dừng lại ở đầu cầu phía Tây. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn xe tăng Ngô Văn Nhỡ cầm cờ hiệu và điện đài chỉ huy tốp xe dẫn đầu vượt cầu lại bị trúng đạn địch và hy sinh trên tháp pháo. Lữ đoàn phó Trần Minh Công lên chỉ huy vượt cầu. Địch tiếp tục bắn hỏng thêm 2 xe tăng. Đại đội trưởng Bùi Quang Thận và chính trị viên Vũ Đặng Toàn chỉ huy đại đội 4 vượt qua cầu. Địch lui về ngã tư Hàng xanh, ta bám sát và bắn cháy một xe tăng của chúng tại đây. Các lực lượng tại chỗ bao vây, vận động vô hiệu hóa một số xe khác. Địch ở cầu Thị Nghè ngoan cố chống cự, ta bắn cháy thêm 1 xe tăng, 1 xe thiết giáp. Qua cầu Thị Nghè, nữ chiến sĩ liệt động Nga (lữ đoàn 16) lên xe tăng cùng Phạm Duy Đô làm nhiệm vụ dẫn đường. Lữ đoàn 203 tiến vào Dinh Độc Lập theo đường Hồng Thập Tự và Đại lộ Thống Nhất do xe tăng 483 của trung úy Bùi Quang Thận dẫn đầu. Một số chiến sĩ biệt động đã có mặt trước dinh Độc Lập. Trong Dinh cũng đã có mặt một số cán bộ tình báo đường dài của ta: Tô Văn Cang, Vũ Ngọc Nhậm một cơ sở binh vận (chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh). Chiếc xe tăng 843 húc cánh cổng sắt Dinh Độc Lập, tiến thẳng vào cửa Dinh. Ngay tức khắc chiến sĩ lái xe Jeep Bùi Ngọc Vân cầm cờ chạy lên tầng 2 phát mạnh trước dân chúng đang reo vui ở cổng Dinh Độc lập. Trong lúc đó, Bùi Quang Thận nhảy ra khỏi xe, cùng một số chiến sĩ tiến thẳng lên ban công thượng của tòa nhà, giật bỏ lá cờ vàng 3 sọc và kéo cờ giải phóng lên cột cờ cao nhất của Dinh Độc Lập lúc 11 giờ 30 phút. Đại đội trưởng Phạm Duy Đô chạy thẳng vào trong Dinh quan sát và trở ra báo cáo ngay với trung tá chính ủy lữ đoàn 203 Bùi Văn Tùng xác nhận sự có mặt của tổng thống và nội các ngụy quyền tại Dinh. Trung tá lữ trưởng Nguyễn Tấn Tài lệnh điều chỉnh đội hình xe tăng bao vây Dinh để phòng địch phản kích, đồng thời phái một bộ phận ra đánh chiếm cảng Sài Gòn.

Đại úy trung đoàn phó trung đoàn 66 Phạm Xuân Thệ cùng một số cán bộ, chiến sĩ ta được Nguyễn Hữu Hạnh dẫn đường tiến thẳng vào phòng khánh tiết gặp Dương Văn Minh và nội các Vũ Văn Mẫu.

Tiếp đó, các đồng chí Bùi Văn Tùng và Nguyễn Tấn Tài vào phòng khánh tiết. Hai cán bộ tình báo của ta cũng đã có mặt tại đây từ sáng với tư cách là người của lực lượng thứ ba đến vận động Dương Văn Minh sớm đầu hàng: Vũ Ngọc Nhạ, Tô Văn Can. Dương Văn Minh đứng dậy nói: "Chúng tôi đang đợi các ông để bàn giao". Ta tuyên bố: "Các ông đã bị bắt làm tù binh, các ông phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Các ông không còn gì để bàn giao". Dương Văn Minh chấp nhận, trao khẩu súng ngắn cho đại úy Phan Xuân Thệ và đến đài phát thanh đọc bản tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Trung tá Bùi Văn Tùng đọc lời chấp nhận đầu hàng của Dương Văn Minh. Từ sáng ngày 30 tháng 4 cho đến lúc này tại trung tâm Sài Gòn đã có 34 điểm nổi dậy của quần chúng và lực lượng tại chỗ. Sau 11 giờ 30 phút ở 41 điểm chủ lực ta chưa tới, quân chúng và lực lượng tại chỗ tiếp tục nổi dậy. Ở quận 3, tại phường cư xá Đô Thành, lúc 12 giờ ngày 30 tháng 4 khi lực lượng vũ trang ta tiến công quận 3, anh Tư và anh Công, người địa phương, cùng một cán bộ biệt động của Z15 (lữ đoàn 316) dùng loa hô hào nhân dân nổi dậy giành chính quyền, kêu gọi sĩ quan và binh lính địch nộp vũ khí đầu hàng. Ngay chiều 30 tháng 4 hàng trăm đồng bào xin nhận công tác theo yêu cầu của cách mạng, hàng trăm người khác tự động ra đường thu gom vũ khí, quân trang, quân dụng của địch. Đồng bào treo đầy cờ giải phóng trước nhà riêng, công sở và tự nguyện góp cấp thời lương thực thực phẩm cho bộ đội. Tại phường Bàn cờ quận 3, các đồng chí cơ sở mật của ta: Chị Bảy, anh Châu, anh Ba Đông, phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền, chiếm giữ các kho tàng của địch, giữ gìn trật tự, an ninh, làm vệ sinh đường phố. Đồng bào thu gom được 3.000 súng các loại đem nộp cho cách mạng. 16 giờ ngày 30 tháng 4, phường Bàn Cờ tổ chức mít tinh, có 13.000 người dự lễ mừng chiến thắng và giới thiệu những người tốt vào chính quyền mới. Đến 17 giờ, thành lập xong các ban phụ trách phường, khóm và tổ chức chuyên việc đăng ký nguy quân, nguy quyền ra trình diện. Ở hướng xa lộ Biên Hòa, Z27 sau khi hoàn thành nhiệm vụ chiếm giữ cầu Rạch Chiếc cho lữ đoàn 203 đi qua, theo lệnh trên, tiến chiếm nhà máy xi măng Hà Tiên, nhà máy Zetco (nay là liên hợp công trình 4) và giữ nhà máy điện Thủ Đức. Nhờ đó, điện ở thành phố chỉ gián đoạn có vài giờ trong ngày 30 tháng 4. Tiểu đoàn 4 Thủ Đức, sau khi lữ đoàn 203 xe tăng qua cầu Sài Gòn tiếp tục tổ chức đánh chiếm các đồn bót địch trên trục lộ 33 đoạn từ ngã ba Bình Trưng đến ngã ba Phú Hữu, cùng cán bộ địa phương phát

động quần chúng nổi dậy trừng trị ác ôn, giải phóng hai xã Bình Trưng và Phú Hữu. Tại nhà máy nước Thủ Đức, từ những ngày 27 và 28 tháng 4, nòng cốt công nhân đã lập đội bảo vệ nhà máy. Hàng trăm công nhân và kỹ sư liên tục bám giữ máy, không cho địch phá, bảo đảm cung cấp đầy đủ nước cho thành phố cả nước và sau khi giải phóng.

Ngày 30 tháng 4, khi xe tăng ta tiến gần đến, đồng chí Muống, đứng đầu ủy ban khởi nghĩa nhà máy, lãnh đạo công nhân tung tin hù dọa địch và tự mình leo lên nóc nhà máy treo một lá cờ lớn. Địch ở đây rất đông: thường xuyên có một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, 1 tiểu đoàn cao xạ, 1 đại đội bảo an và ngày 30 tháng 4, còn kéo về đây thêm khoảng 40 xe tăng và thiết giáp... nhưng trước thế tiến như vũ bão của ta và khí thế công nhân tại chỗ, tất cả địch ở đây đã phải bỏ chạy. Toàn bộ lực lượng địch ở Thủ Đức tan rã. Quần chúng xông vào chiếm giữ các căn cứ quân sự của địch, tiến chiếm trụ sở quận. Toàn bộ ngục quyền quận bỏ chạy. Với mọi chuẩn bị từ trước, khi đại quân ta tiến vào Sài Gòn, cơ sở cách mạng và quần chúng lao động nội thành kịp thời nổi dậy chiếm lĩnh, làm chủ và bảo vệ các cơ sở kinh tế, chính trị văn hóa quan trọng, bảo đảm mọi sinh hoạt bình thường của một thành phố mới giải phóng.

Ở nhà máy điện Chợ Quán, ngay lúc địch đang tồn tại và thiết quân luật, công nhân đã thay phiên nhau đi sửa chữa đường dây, ổn định dòng điện. Anh em kêu gọi binh lính ngục quay về với chính nghĩa, ủng hộ hành động nổi dậy của công nhân. Tại xưởng Ba Son, công nhân tháo gỡ hết chất nổ địch gài, bảo vệ nguyên vẹn nhà máy. ở các hãng Esso, Shell, công nhân thành lập các ủy ban công nhân võ trang bảo vệ kho xăng Nhà Bè. Công nhân các xí nghiệp Vimytes, Sicovina, Vinatexco, Biopharma và hàng loạt hãng, xưởng khác bắt chấp công an, mật vụ, đã nổi dậy chiếm xưởng bảo vệ máy móc. Các cơ sở cách mạng và quần chúng nổi dậy chiếm lĩnh, cầm cờ trụ sở khóm hai phường Huyện Sĩ, ngã ba Thủ Khoa Huân, đường Lê Thánh Tôn, chợ Bến Thành, cư xá Đô Thành, ty cảnh sát quận 3, sở văn hóa... Một trí thức, cơ sở của ta, đã giữ gìn và trao lại nguyên vẹn cho cách mạng toàn bộ phòng báo chí Phủ tổng thống ngục của Hoàng Đức Nhã (đặt tại số 116 đường Hồng Thập Tự, nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai).

15 giờ ngày 30 tháng 4 tất cả cán bộ Thành ủy cánh A (luôn vào từ đêm 29 tháng 4) đã có mặt trong thành phố, tập kết nhận nhiệm vụ kế tiếp tại khu trường Pétrus Ký. Cán bộ, chiến sĩ cánh B của Thành ủy có mặt cùng nhân dân thực hiện nổi dậy giành chính quyền, giành quyền làm chủ từ ấp, xã đến thị trấn ngoại thành, cũng đã hội tụ về nhận nhiệm vụ tại dinh tỉnh trưởng Gia Định. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, riêng quân dân Sài Gòn - Gia Định đã diệt và làm tan rã 31.000 tên địch, bắt sống 12.619 tù binh, chiếm 9 căn cứ quân sự, 5 chi khu, 21 phân chi khu và trụ sở tề... thu 12.275 súng và gần như toàn bộ hồ sơ các cơ quan từ Phủ tổng thống trở xuống. Số ngụy quân lần lượt ra trình diện là 40 vạn và số công an cảnh sát là 10 vạn. 17 giờ ngày 30 tháng 4, tiếng súng đã thực sự chấm dứt ở "thủ đô" ngụy quyền, trừ một số mục tiêu quân sự. Thành phố hơn 3 triệu dân vừa qua cuộc chiến tranh 30 năm, vẫn nguyên vẹn đã chuyển sang trạng thái bình yên đến độ gây ngạc nhiên cho mọi người trên thế giới đang có mặt: nước vẫn chảy đều trong các đường ống; dòng điện chỉ tạm ngừng trong 2 giờ rồi mọi nhà lại sáng; công nhân nhà máy vẫn sẵn sàng cho máy chạy; chợ búa, quán xá vẫn sẵn sàng mở; đường phố vẫn đông người, xe cộ... Người dân Sài Gòn - Gia Định náo nức cất đèn còi hoa để xuống đường ngày 1-5 mừng cuộc toàn thắng và chờ đêm hội pháo hoa.

Chiến thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử

Sài Gòn là đô thị lớn nhất Việt Nam, nằm giữa miền Trung và miền Đông Nam Bộ, là trung tâm các đầu mối giao thông chiến lược cả về đường bộ, đường thủy và đường không. Các vùng nông thôn rừng núi, trung du đồng bằng và ven biển bao xung quanh thành phố có mối quan hệ mật thiết về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Trong thành phố, nhà cửa san sát với những cao ốc nhiều tầng, dân cư đông và tập trung ở mật độ cao. Những đặc điểm nêu trên làm cho Sài Gòn giữ một vị trí địa lý đặc biệt quan trọng. Đối với địch, nhất là trong chiến tranh xâm lược của Mỹ, Sài Gòn là thủ đô, trung tâm, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của cả miền Nam. Nơi đây là sào huyệt của tổ chức chính quyền trung ương ngụy và các đảng phái chính trị, tôn giáo, văn hóa, nơi tập trung cơ cấu chỉ đạo, chỉ huy quân sự của toàn bộ cuộc chiến tranh với từng vùng chiến trường, nơi phát ra và chỉ đạo thực hiện các chủ trương chiến lược, các kế hoạch, biện pháp và thủ đoạn chiến lược, chiến thuật trên toàn

chiến trường miền Nam và Campuchia. Chúng tập trung ở Sài Gòn và vùng phụ cận một bộ phận quan trọng lực lượng, sinh lực và phương tiện chiến tranh lớn cùng hệ thống phòng thủ nhiều tầng, từ xa, tập trung các cơ sở kinh tế công nghiệp, thương mại, đáp ứng phần lớn âm mưu cướp vét sức người sức của "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh"; đồng thời xây dựng, bố trí các cơ sở dự trữ vật chất, phương tiện chiến tranh lớn nhất ở Đông Dương.

Đối phó với phong trào cách mạng quần chúng, ngoài mạng lưới kèm kẹp đồ sộ và nghiêm ngặt, địch tiến hành đánh phá thường xuyên và ác liệt, tinh vi trên mọi phương tiện hình trị, quân sự, văn hóa, kinh tế, nơi chúng thực hiện một cách tập trung, đầy đủ nhất chủ nghĩa thực dân kiểu cũ (từ năm 1945 đến năm 1954) và kiểu mới (từ năm 1945 đến năm 1975). Thành phố Sài là nơi thực dân Pháp nổ súng tiến công mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược và là nơi đế quốc Mỹ cố giữ đến phút cuối cùng của cuộc chiến tranh, là điểm mở đầu và kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của hai đế quốc Pháp và Mỹ trong 30 năm qua. Đối với ta, thành phố Sài Gòn là nơi tập trung số lượng dân cư đông đảo nhất ở miền Nam, nơi có lực lượng học sinh sinh viên, nhân sĩ trí thức, tư sản dân tộc và đặc biệt là lực lượng công nhân công nghiệp (vốn có quan hệ huyết thống gần gũi với nông dân vùng nông thôn Nam Bộ và với công nhân các đồn điền cao su). Nhân dân Sài Gòn có truyền thống yêu tự do, bất khuất chống ngoại xâm rất sâu sắc và liên tục trong suốt lịch sử 300 năm của thành phố. Mọi biến động ở thành phố Sài Gòn, do vị trí trung tâm của nó, đều có ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình toàn miền Nam, cả nước và trên thế giới.

Sài Gòn trở thành trung tâm đấu tranh chính trị của cả miền Nam trong cả hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, là địa điểm quyết chiến chiến lược cuối cùng của cuộc chiến tranh cách mạng xét về mặt mục tiêu cơ bản của công cuộc giải phóng hoàn toàn đất nước của dân tộc ta. Những đặc điểm nêu trên tác động sâu sắc đến toàn bộ tiến trình cuộc kháng chiến diễn ra trên địa bàn Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Tiếng súng gây hấn ngày 23 tháng 9 năm 1945 là hành động kết thúc quá trình chuẩn bị trở lại xâm lược Đông Dương của giới tư bản quân phiệt Pháp từ khi nước Pháp còn bị phát xít Đức chiếm đóng. Chuẩn bị và xác định ngay từ đầu quyết tâm kháng chiến, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã đứng dậy

tiến hành cuộc đấu tranh toàn dân chống thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đồng thời nỗ lực đặt nền móng và phát triển mọi nhân tố của một Nhà nước Dân chủ Cộng hòa mới được thành lập. 15 tháng đầu kháng chiến của quân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định vào Nam Bộ, Nam Trung Bộ đã giáng một đòn phủ đầu vào dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, làm xáo trộn kế hoạch chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của chúng, tạo ra khoảng thời gian quý báu để nhân dân cả nước có điều kiện xây dựng lực lượng mọi mặt, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài diễn ra trên phạm vi toàn quốc. Từ đầu năm 1947, trong điều kiện Sài Gòn bị chiếm đóng hoàn toàn, "được bình định, ổn định" và ngày càng trở thành trung tâm chiến lược xây dựng Nam Bộ thành hậu phương dự trữ của chúng trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Đông Dương, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã từng tiếp tục xây dựng lực lượng mọi mặt, xây dựng các loại lực lượng vũ trang thích hợp, mở rộng phong trào chiến tranh du kích, đẩy mạnh công cuộc kháng chiến toàn diện cả về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, đưa cuộc kháng chiến phát triển thành cao trào vào năm 1950. Sau năm 1950, được sự chi viện của đế quốc Mỹ, thực dân Pháp ra sức bình định Nam Bộ, trọng tâm là Sài Gòn, Chợ Lớn - Gia Định, đẩy phong trào cách mạng vào thời kỳ khó khăn kéo dài. Quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định năng động tổ chức lại chiến trường, bố trí lực lượng, kết hợp nhiều hình thức đấu tranh, vượt qua nhiều khó khăn nhằm khôi phục, giữ vững và phát triển phong trào trong điều kiện bị địch bao vây và đánh phá ác liệt. Hoạt động kháng chiến ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã làm suy yếu địch từ trong hậu phương của chúng, cầm chân địch tại chỗ, tạo điều kiện cho quân và dân toàn miền đẩy mạnh đợt hoạt động hưởng ứng chiến cuộc Đông Xuân 1953 -1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Từ sau Hiệp định Genève 1954, đế quốc Mỹ gạt Pháp và các thế lực thân Pháp, từng bước nắm quyền thống trị miền Nam Việt Nam, xây dựng ngụy quân quyền, thi hành chính sách thực dân mới. Sài Gòn trở thành thủ đô của ngụy quyền miền Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân Sài Gòn - Gia Định đã phát động phong trào đấu tranh chính trị tiến công địch ngay từ đầu, phát triển phong trào bảo vệ hòa bình, đòi thi hành Hiệp định Genève, đưa Sài Gòn trở thành trung tâm đấu tranh chính

trị của toàn miền Nam. Vượt qua khó khăn thử thách trong những năm tiếp sau, đặc biệt trong các năm 1957 - 1958 - 1959, nhân dân Sài Gòn - Gia Định vẫn bền bỉ bảo tồn, gây dựng và duy trì phong trào đấu tranh chính trị liên tục, nhằm bảo vệ quyền dân sinh, dân chủ, chống chính sách tố cộng diệt cộng, từng bước xây dựng lực lượng tự vệ vũ trang ở vùng nông thôn Gia Định, phối hợp đấu tranh liên kết giữa đô thị và nông thôn nội ngoại thành, đưa dần đấu tranh chính trị phát triển lên đấu tranh chính trị có tự vệ vũ trang hỗ trợ, tiến đến thực hiện nổi dậy từng phần, giành quyền làm chủ ở một số vùng nông thôn ven sát sào huyệt địch (1960 - 1961).

Chuyển sang thời kỳ chiến tranh cách mạng, chống chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ ngụy, quân và dân Sài Gòn - Gia Định bám sát đường lối chủ trương và phương châm chiến lược đấu tranh cách mạng của trên, phát huy tính năng động cách mạng, đề ra phương thức tổ chức và hình thức đấu tranh cụ thể cho các vùng hoạt động (nội đô, ven đô, nông thôn, ngoại thành), trong xây dựng các loại lực lượng và kết hợp sử dụng các hình thức đấu tranh thích hợp ở từng vùng trong từng thời kỳ lịch sử nhất định. Các tầng lớp quần chúng nhân dân ở nội ngoại ô thành phố đều được huy động vào mặt trận đấu tranh chống Mỹ và ngụy quyền tay sai (đặc biệt lực lượng học sinh sinh viên và quần chúng lao động, Phật tử) đưa phong trào cách mạng phát triển lên thế chủ động tấn công địch, góp phần làm khủng hoảng sâu sắc chế độ chính trị ngụy quyền và cùng với lực lượng nhân dân ở vùng nông thôn làm phá sản quốc sách ấp chiến lược của chúng, Giữa năm, 1965, đế quốc Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược chiến tranh, ào ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam, tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ. Quân và dân Sài Gòn - Gia Định xác định quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, hình thành mặt trận chống Mỹ cứu nước ngày càng rộng lớn ngay tại Sài Gòn - Gia Định. Cao trào đấu tranh chính trị chống Mỹ cùng với những trận tập kích quân sự vang dội trong nội đô và sự phát triển tiến công của Quân giải phóng ở các hướng xung quanh thành phố đã góp phần làm thất bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1966 - 1967 của Mỹ ngụy.

Bước sang năm 1968, ngay tại sào huyệt địch, các lực lượng cách mạng Sài Gòn - Gia Định đã tích cực chuẩn bị táo bạo cùng lực lượng toàn miền thực hành tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968, đánh vào nhiều mục tiêu chiến lược quan trọng bậc nhất của Mỹ

ngụy, gây cho chúng những tổn thất nặng nề, góp phần cùng cả nước làm suy sụp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris.

Sau đợt 2 Tết Mậu Thân 1968, dù trong điều kiện bị địch phản kích đánh phá khốc liệt, lực lượng bị tiêu hao giảm sút, cơ sở bị bể vỡ nhiều, nhưng quân và dân Sài Gòn - Gia Định vẫn vững tin vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, kiên trì bám trụ địa bàn, chịu đựng gian khổ hy sinh, khéo léo chuyển hướng và phương pháp đấu tranh, quay về khôi phục xây dựng cơ sở, thực lực, giữ vững và tiến tới đẩy mạnh cao trào đấu tranh chính trị dưới nhiều hình thức ở nội đô, kiên cường đánh địch càn quét, liên tục chống phá chương trình bình định nông thôn của địch, giành lại và mở nhiều lổm làm chủ, giải phóng, phát triển hệ thống thông tin giao thông liên lạc ở vùng ven, tạo lại thế tiến công mới cho đến Hiệp định Paris. Trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh, quân và dân Sài Gòn - Gia Định kịp thời đề phòng và uốn nắn những biểu hiện hòa bình chủ nghĩa sau ngày ký Hiệp định Paris, tranh thủ thời cơ, tiếp tục phát triển thực lực cách mạng, tạo thế tạo lực mới.

Từ cuối năm 1974, khi thời cơ cách mạng chúng bắt đầu xuất hiện, đã tích cực xây dựng lực lượng quân sự và lực lượng chính trị, phát huy hiệu lực ở cả ba mũi chính trị, quân sự, binh vận, đẩy mạnh tiến công địch trên khắp nội ngoại ô thành phố, góp phần thúc đẩy tính thế cách mạng nhanh chính chín muồi. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Sài Gòn - Gia Định kịp thời đón nhận thời cơ, tham gia tổng tiến quân và nổi dậy trong chiến dịch Hồ Chí Minh, tạo điều kiện cho các binh đoàn chủ lực tiến vào thành phố, đập tan bộ máy ngụy quân ngụy quyền từ cơ sở tới trung ương, làm chủ mọi sinh hoạt của thành phố ngay từ giờ phút đầu giải phóng. Ba mươi năm chiến tranh ròng rã, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã hoàn thành vẻ vang sứ mạng mà lịch sử giao phó "đi trước về sau", cùng quân và dân cả nước lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Trải suốt những năm chiến tranh tàn khốc, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định một lòng son sắt với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của Bác Hồ, kiên cường chịu đựng và

vượt qua mọi gian lao thử thách, kiên cường chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng quê hương, giải phóng đất nước. Cả trong những ngày cam go nhất của buổi đầu kháng chiến, giai đoạn từ năm 1951 đến năm 1953, giai đoạn năm 1957 - 1958 - 1959, những ngày địch khủng bố ác liệt sau Tết Mậu Thân, dân và quân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định vẫn vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, lần hồi gây dựng cơ sở (có khi đi trở lại từ con số không), sẵn sàng chấp nhận hy sinh vì sự nghiệp chung, lòng không hề vương bận mấy may lợi ích riêng tư của bản thân mình.

Trên mảnh đất Củ Chi, có những căn nhà được dựng đi dựng lại không dưới mười lần trên nền đất cũ, có những người meo chít ngang đầu 8 vành tang trắng. Hàng ngàn đồng bào, chiến sĩ trải hết các nhà tù, ném đủ các đoàn tra tấn dã man và thâm hiểm nhất mà kẻ thù có thể nghĩ ra vẫn một lòng trung trinh với sự nghiệp cách mạng. Không thể nào ghi lại được đầy đủ chiến công và sự hy sinh của toàn thể dân, quân, cán bộ, đảng viên Sài Gòn - Gia Định những chiến sĩ anh hùng cách mạng. Máu của họ thấm đẫm trên mọi góc phố, cửa ô, mọi nẻo đường, làng xóm, vườn tược. Khôn thể nào nhắc lại được đầy đủ lịch sử các địa danh Vườn Thơm, Láng Le, Bàn Cờ, Bình Mỹ, Khu 5 Hóc Môn, Rừng Sác, Bưng Sáu Xã, Tám Giác Sắt, Củ Chi... những mảnh đất mà tên gọi và sự tích chắc chắn sẽ lưu lại mãi mãi trong lịch sử cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta.

Thắng lợi của quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của toàn dân tộc trong cuộc chiến tranh 30 năm vừa qua, một cuộc chiến tranh "mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ hai mươi, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế và có tính thời sự sâu sắc" (Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần IV).

Ba mươi năm, xương máu, mồ hôi của hàng vạn đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thành phố đổ xuống đã vun tưới thêm truyền thống chống ngoại xâm vốn được tinh cất trong suốt chiều dài lịch sử ba trăm năm của cư dân vùng đất Bến Nghé này. Đó là tình yêu quê hương đất nước, yêu độc lập tự do, là lòng trung thành vô hạn và ý nguyện dẫn

thân vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Đó là ý chí bất khuất và năng động trước mọi ngăn trở của hoàn cảnh, tinh thần chiến đấu dũng cảm kiên cường và trí tuệ mưu lược thấm đẫm tinh thần thượng võ, nghĩa hiệp, là phẩm chất cần cù lao động sáng tạo xây dựng cuộc sống mới. Đó chính là tinh thần đoàn kết gắn bó, là tình thương yêu giai cấp, thương yêu đồng loại, là lối ứng xử bất thiệp, hào hiệp, nhân nghĩa, có thủy có chung.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Sài Gòn-Chợ Lớn - Gia Định được vinh dự mang tên Bác Hồ -Thành phố Hồ Chí Minh. Quân và dân thành phố lại tiếp tục bước vào cuộc đấu tranh mới: khắc phục hậu quả chiến tranh, sửa đổi lệch lạc trong bước đi, đổi mới sự lãnh đạo, khôi phục và phát triển lực lượng sản xuất mới, từng bước đưa thành phố tiến lên theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng thành phố ngày càng giàu mạnh, văn minh, đấu tranh giữ vững thành quả cách mạng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tăng cường và củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc. Hàng ngàn người con của thành phố đã lên đường chiến đấu anh dũng giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và làm tròn nghĩa vụ quốc tế trên đất nước Campuchia. Lịch sử cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc kéo dài gần một phần ba thế kỷ đang lùi xa vào quá khứ. Nhưng những giá trị quyền thống và bài học lịch sử của nó thì còn lại mãi mãi với các thế hệ cư dân chủ nhân của thành phố Hồ Chí Minh - thành phố anh hùng

*(Theo sách Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định
kháng chiến 1945-1975. NXB TP.HCM)*

NGƯỜI NÉM BOM XUỐNG DINH ĐỘC LẬP

Đó là Nguyễn Thành Trung, người cán bộ nội tuyến binh vận của ta được cài vào trong lực lượng không quân quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Ngày 8.4.1975, anh đã lái máy bay F.5 xuất phát từ sân bay Thành Sơn (Phan Rang) bay vào ném bom trúng dinh Độc Lập và sau đó hạ cánh an toàn xuống sân bay Phước Long. Sự kiện này góp phần gây hoang mang cực độ trong giới đầu sỏ ngụy quyền Sài Gòn.

Ngày 28.4.1975, không đầy 10 phút sau khi tướng Dương Văn Minh thay Thiệu nhậm chức Tổng thống, Nguyễn Thành Trung đã dẫn đường cho 4 chiếc A.37 do Mỹ chế tạo từ sân bay Thành Sơn (Phan Rang), lượn vòng trên bầu trời Sài Gòn. Lúc 17 giờ 40 phút phi đội của Nguyễn Thành Trung đã ném bom và bắn đạn DK.28 vào sân bay Tân Sơn Nhất khiến 3 máy bay AC.119 và nhiều chiếc C.47 bị phá hủy. Hai trái bom nổ giữa trung tâm điều khiển và vọng kiểm soát. Máy bay phản kích của địch bay mò vì trạm hướng dẫn đã bị hỏng. Cuộc oanh tạc táo bạo, bất ngờ làm tiêu tan hy vọng "thương lượng" của "tân tổng thống" lẫn Hoa Kỳ, làm tăng thêm sự hoang mang và hỗn loạn của địch.

(Hỏi và đáp 300 năm Sài Gòn - TP.Hồ Chí Minh)

TOÁN LÍNH MỸ CUỐI CÙNG RỜI SÀI GÒN

Sau Hiệp định Paris 1973 Mỹ phải rút quân khỏi miền Nam chỉ còn để lại những cố vấn quân sự và số lính bảo vệ. Khi chiến dịch Hồ Chí Minh nổ ra, mấy ngày trước 30.4.1975, Mỹ tiến hành di sản số người Mỹ gây nên sự hỗn loạn chưa từng có.

3 giờ 30 sáng 30.4.1975 Tổng thống Mỹ Ford ra lệnh cho Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn: chấm dứt di tản. Nhưng lệnh không thi hành được. Đến 4 giờ 20 một máy bay CH.53 đưa Đại sứ Mỹ Martin di tản. Đến 5 giờ 24 trên nóc tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, chiếc trực thăng Mỹ CH.46 vội vã cất cánh mang đi 12 lính Mỹ cuối cùng ra khỏi Việt Nam, trong đó có thiếu tá James Kean người có quân hàm cao nhất trong toán lính này.

(Hỏi và đáp 300 năm Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh)

ĐỒNG ĐÔ LA VÀ ĐỘI QUÂN DỊCH VỤ

Sự dư thừa của Mỹ về bom đạn và tiền bạc và điều mà ai cũng phải thừa nhận. Để biến mảnh đất nhỏ bé này thành "một tiền đồn chống cộng", đế quốc Mỹ đã dốc vào đây một số tiền khổng lồ. Theo số liệu cho Mỹ công bố thì chi phí trực tiếp của Mỹ cho toàn bộ cuộc chiến tranh Việt Nam từ 1960 đến 1973 là 141 tỉ đô la, con số ấy sẽ lên đến 700 tỉ nếu tính luôn vào đó cả những chi phí gián tiếp nữa. Tỷ lệ của năm cao nhất - 1968 - chiếm ba phần trăm tổng sản phẩm quốc dân, tức là 26 tỉ đô - la/864 tỉ đô - la. So với chiến tranh thế giới lần thứ hai - mà chi phí trực tiếp của Mỹ vào cuộc chiến tranh ấy là 341 tỉ và vừa trực tiếp vừa gián tiếp là 900 tỉ - thì con số đổ vào Việt Nam quả thật là ghê gớm. Với số tiền đó, Mỹ đã dùng vào những hành động quân sự là chính, nhưng cũng đã đề ra một phần gọi là "quốc gia". "Trong niên khóa 1966, những hàng hóa viện trợ trị giá 445 triệu Mỹ kim đã được chở tới Việt Nam thuộc chương trình nhập cảng thương mại của cơ quan USAID, chương trình chống phiên cộng, viện trợ phát triển và chương trình thực phẩm phụng sự hòa bình. Con số này gấp đôi số viện trợ trong năm 1965".

Những loại người nào nằm trong cái phạm trù "nhân dân Việt Nam" được hưởng số tiền ấy thì mọi người đều biết. Ngoài việc dùng số tiền ấy để trang bị và củng cố nguy quân, nguy quyền đồng thời tiến hành các chương trình bình định nông thôn, đã có 5 đến 6 phần trăm đã thất thoát, rơi vào túi riêng của bọn tay sai hoặc chạy ra thị trường để tạo nên khu vực dịch vụ to lớn mà mục đích cuối cùng cũng vẫn là quay trở về phục vụ cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Cộng thêm với sự tiêu xài của khoảng 700.000 lính viễn chinh Mỹ và chư hầu - trung bình mỗi người tiêu thụ một ngày một đô - la - thì khu vực dịch vụ do đồng đô - la Mỹ tạo ra đã lên tới một mức độ không phải là nhỏ. Theo sự ước lượng của một chuyên viên kinh tế trong chế độ cũ, con số ấy đã lên với "vài ba trăm ngàn người", hầu hết đều sống ở các thành thị và các vùng ngoại ô, trong số những người đó bao

gồm có những công nhân làm sở Mỹ, những nhà thầu cung cấp vật liệu hay dịch vụ cho quân đội Mỹ, những người sống nhờ vào sự chi tiêu của Mỹ hoặc buôn đi bán lại những hàng hóa thất thoát từ PX (cơ quan Quân tiếp vụ Mỹ) ra. "Vài ba trăm ngàn" là một con số trừu tượng, một cách nói còn co dãn, nhưng phải nhìn vào sinh hoạt náo nhiệt của những con người cụ thể ấy mới thấy hết tác động dữ dội của đồng đô - la Mỹ như thế nào.

Tất nhiên số tiền ấy không phải đã được phân phối ngang đều cho các khu vực khác nhau có liên hệ đến những công việc làm ăn với Mỹ. Đối với những người Việt Nam trực tiếp đi làm cho Mỹ tại cơ quan quân sự và dân sự hoặc là qua những hãng năm 1969 là 141.868 người - số tiền thu nhập bình quân vẫn còn ở mức thấp nhất. So với đồng lương của một người đi làm công chức cho chính quyền ngụy thì đi làm cho Mỹ vẫn cao hơn - trong lúc lương một công chức làm khoán cho chính quyền ngụy vào năm 1969 là 3.000 đồng (tiền cũ) thì lương của một người giúp việc cho Mỹ là 3.336 đồng, lao công làm sở Mỹ là 4.092 đồng - nhưng sự chênh lệch không phải là quá xa cách. Tuy vậy, do dễ tìm việc làm, lại nhờ vào những thứ có thể kiếm chác thêm (mua bán, ăn cắp hàng, giờ phụ trội...) cho nên việc đi làm cho Mỹ vẫn tạo ra một sự lôi cuốn khá nô nức đối với nhiều người. Họ thường phục dịch cho Mỹ bằng những nghề đơn giản như lái xe, thông dịch, thư ký, sửa chữa, xây cất, những công việc lao động linh tinh như nấu bếp, phụ bếp, giặt giũ, coi kho, gác cổng, kể cả một số nghề mới mẻ mà lạ lẫm như nghề ướp xác chết và mổ ruột Mỹ nữa.

Bộ phận tư sản làm nghề thầu cho Mỹ mới là những kẻ được hưởng lợi nhiều và làm giàu nhanh. "Những nhà thầu hoạt động trong rất nhiều lãnh vực : xây cất cho quân đội đồng minh cung cấp sản phẩm dịch vụ cho họ. Người lính đồng minh thường có một nếp sống cao và quen hưởng nhiều tiện nghi, cho nên việc cung ứng dịch vụ cho họ đã là một món lợi rất lớn cho các nhà thầu người Việt. Có thể nói không sai lầm là đại đa số những triệu phú trong hai năm gần đây đã xây dựng cơ đồ do sự lãnh thầu nơi khu vực Hoa Kỳ. Rất khó có thể xác định số lượng các nhà thầu này, vì ngoài một số nhỏ có môn bài hẳn hoi, còn đại đa số không có môn bài, nhất là những gia đình thầu rác Hoa Kỳ, thầu đồ giặt, thầu chuyên chở vận tải.... Mỗi nhà thầu đó lại thuê mướn một số nhân công trực tiếp hoặc cho hàng trăm gia đình tái thầu lại công tác đã lãnh của mình. Tuy nhiên, ta có

thể có một ý niệm đại khái về mức quan trọng của họ qua các con số về số tiền ký thác tại ngân hàng Sài Gòn - Chợ Lớn và các đô thị. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, số ký thác trong hai năm qua đã vượt từ gần 8 tỉ hồi cuối 1964 lên gần 30 tỉ bạc hồi tháng 9/1967 mà một phần không nhỏ là của những nhà thầu triệu phú mới này. Tại các tỉnh có cơ sở ngân hàng và có căn cứ quân đội đồng minh, số ký thác cũng đã tăng gấp bội: tại Đà Nẵng hiện nay số ký thác lên tới hơn 800 triệu so với ngót 100 triệu cách đây hai năm. Tại Nha Trang, con số này là hơn 250 triệu trong khi đó cách đây hai năm chưa có ngân hàng nào hoạt động cả. Tại miền Tây, số ký thác tại các ngân hàng mới thành lập (kể cả số kí thác tại Cần Thơ mà ngân hàng đã thành lập từ lâu), tổng số kí thác đã vượt 300 triệu...".

Tính chất mại bản, bóc lột của những nhà thầu này rất gần gũi với bọn tướng tá đầu cơ chiến tranh, bọn thối nát trong guồng máy ngụy quyền: đây là một giai cấp xã hội hoàn toàn do cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đẻ ra và hoàn toàn phục vụ cho cuộc chiến tranh ấy.

(Theo Cuộc xâm lăng về VH TT - NXB VH 1981)

VÀI NÉT VỀ KHÁM CHÍ HOÀ

Toàn bộ khu nhà giam rộng bảy hécta.

Khu khám lớn gồm một tầng trệt và ba tầng lầu, xây theo hình tám cạnh, mỗi cạnh là một ô. Gồm các ô : A, B, C, D, E, F, G, H và chia thành sáu khu : AB, BC, ED, FG, AH, ID, (có lúc chia thành tám khu); có chấn song sắt kiên cố. Ở mỗi khu được sơn màu sơn khác nhau và can phạm nào ở khu nào cũng đều có mang biển số trên người cùng màu với khu giam của mình. Sự phân biệt này nhằm tạo thuận lợi dễ dàng cho việc kiểm soát của lực lượng canh giữ trại. Một phạm nhân ở khu này tự ý đi vào khu khác đều có thể bị phát hiện được ngay.

Ngoài ra còn có ba khu nằm nổi lưng với khu bát giác, mà bọn cai ngục gọi là khu hỏa thực, khu bệnh xá, khu kỷ luật. Tại khu kỷ luật có phòng "điện ảnh" và phòng "truyền hình". Tên gọi đẹp dễ là thế, nhưng mĩ mai thay, đây lại là nơi tra tấn người nghiệt ngã nhất.

Năm 1972, do yêu cầu của Bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia Sài Gòn, mặc dù có giám thị chịu trách nhiệm phòng an ninh của nhà lao, nhưng vẫn được tăng cường thêm một toán cảnh sát để theo dõi tình hình phạm nhân, nhân viên giám thị và phát hiện những điều đáng nghi qua việc thăm nuôi. Cũng từ đó, quyền hành dần dần lọt vào tay bọn cảnh sát chìm.

Khám Chí Hòa tổng cộng có 238 phòng giam, gồm :

Khu AB có : 52 phòng

Khu ID có : 17 phòng

Phòng an ninh : 3 phòng (biệt giam)

Khu D có : 65 phòng (diện tích hẹp).

Số 101 phòng còn lại đều có diện tích giống nhau.

Khu trung tâm lô cốt có dựng một thanh gươm lớn với các hình dấu âm dương, càn khôn, vũ trụ mang ý nghĩa rằng, đây là một thế giới riêng biệt mà những kẻ trót vào đây là không thể nào lọt ra được.

Đã từ lâu, có lắm huyền thoại về khu đất "linh thiêng" này. Nhiều người cho rằng, do sự chuyển động của âm dương ở đây như thế nào đó đã gây ra xung khí mạnh. Vì thế ở khu này thường bị sét đánh. Thực tế, sét đã đánh ở khu này nhiều lần. Xây đi, xây lại mấy lượt vẫn bị "đánh". Ngày nay, vào Chí Hòa, các mái ngói của khu bát giác đều đều nhau, nhưng khu FG bị khuyết thấp xuống. Đó là dấu vết còn lại của một ngàn lẻ một câu chuyện ở khám Chí Hòa ngày trước.

Ngoài công trình chính của nhà giam, còn có ngôi nhà hai tầng làm văn phòng ban quản đốc và một phòng tuyên úy cạnh lối vào khu AB. Một niệm Phật đài, một ngôi chùa và một nhà thờ được xây dựng trong khu vực khám Chí Hòa.

Ở chính giữa nhà tù, một tháp nước có trở lỗ châu mai, với bốn loa phóng thanh và một cột cờ trên đỉnh. Mùa mưa, sân nhà tù ngập nước, có khi tràn cả vào xà lim ở tầng dưới.

Ở khám Chí Hòa có một chiếc máy chém. Chiếc máy chém này có từ thời Pháp được chuyển từ khám Catina sang, do tên đội Phước phụ trách. Theo tài liệu cũ để lại, người cuối cùng chết với chiếc máy chém này là Ba Cụt, tức Nguyễn Văn Vinh, tướng Cao Đài, bị Ngô Đình Diệm giết. Ngày trước, hàng năm vào ngày rằm tháng bảy âm lịch, bọn quản đốc nhà giam tổ chức cúng chiếc máy chém này. Nhiều tù nhân cũng đến thắp hương, lễ bái.

Theo nhiều tài liệu để lại, thời Mỹ - ngụy, số lượng tù nhân ở nhà lao Chí Hòa trung bình là 6.000 người, có lúc lên tới 7.000 người. Cũng có tài liệu nói, cá biệt có đợt vọt lên ngót một vạn !

Trong số những phạm nhân vào Chí Hòa có những nhân vật cao cấp trong chính quyền Sài Gòn, như Ngô Đình Cẩn (đã bị bắn chết ngay tại Chí Hòa), Phan Khắc Sửu, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh, tướng Vũ Vũ Gia, tướng Lam Sơn... Nghị sĩ Trương Đình Dzu, dân biểu Trần Ngọc Châu..., cũng bị vào Chí Hòa.

Cũng như Côn Đảo, Phú Quốc và nhiều nhà tù khác ở miền Nam, bọn địch đã huấn luyện cho nhân viên phụ trách các nhà lao hết sức cẩn mật. Dưới đây là vài điều chúng đã quy định tại những nơi giam cầm tù chính trị, và chưa phải là tài liệu cuối cùng quy định về việc này.

Phải có một kho vũ khí, đạn dược chắc chắn, riêng biệt. Nơi đây cấm ngặt sự lai vãng của bất cứ nhân viên nào không phận sự giữ kho.

Cũng như hệ thống phòng thủ đồn bót, phải có một sơ đồ hỏa lực để cho mỗi tháp canh có thể khai thác hết khả năng của những vũ khí tự động một cách kiến hiệu.

Nếu được, song song với sơ đồ hỏa lực, mỗi tháp canh phải có đèn rọi mạnh để kiểm soát các rào kẽm gai.

Đặt một hệ thống liên lạc giữa các tháp canh với điểm gác cổng chính bằng điện thoại.

Tại điểm canh, lúc nào cũng phải có mặt ít nhất hai phân ba quân số và số tối thiểu quân số có mặt bao giờ cũng không thể dưới một tiểu đội.

Chặn bắt mọi kẻ khả nghi.

Cho phạm nhân ăn cơm sớm, để có đủ thời giờ kiểm điểm lại nhân số trước khi họ vào nhà giam... (Kho Lưu trữ Trung ương 2, hồ sơ mang ký hiệu SC.02, H.184, HS.3512).

Riêng ở Chí Hòa, những tên quản đốc vô cùng ác ôn, khét tiếng ở Sài Gòn một thời. Những tên tội ác ấy nổi dài, nếu tính từ khi có nhà tù Chí Hòa đến năm 1975. Dưới đây chỉ nêu một số tên dưới thời Mỹ - ngụy mà chúng tôi vừa sưu tầm được, chắc còn phải bổ sung.

Những tên quản đốc ở Khám Chí Hòa (1954 - 1975) :

1954 - 1956 : Tên Gia, cảnh sát trưởng

1956 - 1960 : Thiếu tá Nguyễn Văn Vệ

1960 - 1961: Thiếu tá Lê Quang Nhơn

1961 - 1962: Đại tá Trần Văn Đắc

1962 - 1963: Trung tá Luyện

1963 - 1965: Thiếu tá Sáu
1965 - 1968: Trung tá Luyện
1968 - 1970 : Trung tá Lại Nguyên Tấn
1970 - 1972 : Trung tá Đức
1972 - 1973 : Trung tá Nguyễn Văn Vệ
1973 - 1974 : Bùi Văn Tâm (dân sự, ngạch quản đốc)
1974 - 1975 : Đại tá Phạm Văn Hải.

Nhân đây, xin nói đôi chút về tên trung tá ác ôn Nguyễn Văn Vệ. Trước 1954, Vệ là trung úy cảnh sát ngự. Sau Hiệp định Genève, hắn sang phục vụ cho Mỹ, chuyên trách việc cai quản và đàn áp tù nhân ở các nhà tù miền Nam. Nhận thấy Vệ có khả năng về việc tra tấn giết người, chính quyền Sài Gòn giao cho hắn cai quản nhà tù Côn Đảo từ năm 1965 đến năm 1971. Năm 1969, nhà báo Mỹ Đôn Luxơ tố cáo vụ chuồng cọp ở Côn Đảo, Vệ tạm rút vào "hậu trường" để phụ trách chương trình "phượng hoàng", nhưng thực chất vẫn là tên chúa đảo. Năm 1972 -1973, Vệ về làm quản đốc nhà giam Chí Hòa. Ngày 10-12-1972, hắn ra lệnh cho 100 tên cảnh sát dã chiến mang gậy tre, mũ sắt, súng ngắn, súng phóng lựu đạn, dùi cui xông vào đàn áp tù chính trị giam ở các xà lim. Tất nhiên, việc hành hung qui mô lớn ấy không chỉ xảy ra một đôi ba lần. Nó đã trở thành thường xuyên và đôi khi liên tục. Hắn còn bày việc bí mật chuyển người tù đi nơi khác mà không ai biết...

Nguyễn Văn Vệ còn cấm người nhà đến thăm tù, nhằm mục đích các gia đình không hay biết gì về chồng con, cha, anh bị giam ở Chí Hòa. Hắn thường thông báo rằng một số tù chính trị ở Chí Hòa đã mãn hạn tù, nay mai sẽ được tha. Nhưng kỳ thực, sau đó hắn cho xe đến Chí Hòa để chở những người tù có "danh sách được tha" đi sang Tân Hiệp, Thủ Đức hoặc ra Côn Đảo mà không ai hay biết gì.

Nguyễn Văn Vệ là một tên chúa ngục ác ôn ở Côn Đảo và Chí Hòa.

*(Trần Thanh Phương - trong sách "Đây các nhà tù Mỹ ngụy"
NXB TP.HCM - 1995)*

SNACK BAR VÀ CÁC THỨ "NGHỀ NGHIỆP" KHÁC

Một số "nghề nghiệp" khác xoay quanh đồng đô-la cũng đã có những hoạt động khá rầm rộ.

Đáng kể trước tiên trong các hình thức làm ăn này là nghề mãi dâm cho Mỹ dưới rất nhiều hình thức khác nhau, và trong các hình thức ấy thì nghề làm chiêu đãi viên là khá ồn ào và được coi là hợp pháp. Con số snack-bar đăng ký với ngụy quyền năm 1969 là 219 cái và gái bán bar có giấy hành nghề là 4.980 người; nhưng theo những người biết chuyện thì con số ấy hoàn toàn xa rời sự thật : sự thật là trên toàn miền Nam năm 1969, số snack-bar có vào khoảng 1.400 cái, còn gái bán bar là khoảng 200.000 người, rải rác khắp những khu có Mỹ đóng quân, quan trọng nhất là các khu Sài Gòn, Biên Hòa, Phú Lợi (Thủ Dầu Một), Vũng Tàu, Cam Ranh, Đà Nẵng v.v... Vũng Tàu có khoảng 50.000 dân thì đã có khoảng 3.000 chiêu đãi viên, 300 snack-bar, 50 khách sạn vào năm 1967; còn Sài Gòn cũng vào năm 1967 đã có gần 200 snack-bar, còn số chiêu đãi viên vào năm 1969 là khoảng 20.000 người. Trung bình một chiêu đãi viên có thể kiếm đến 40.000 đồng một tháng (tiền cũ, theo giá trị năm 1967). Còn những chủ chứa thì số tiền kiếm được tất phải cao hơn nhiều lần : mỗi tháng ít nhất cũng vào khoảng 200.000 đồng. Thành phần những cô gái đi làm chiêu đãi viên cũng có nhiều loại khác nhau : có những cô gái quê ra tỉnh không muốn làm nghề chân tay, có những gái bụi đời lao vào trụy lạc, nhưng cũng có cả những phụ nữ coi nghề bán bar như một phương tiện sinh kế nuôi gia đình, trong loại này không hiếm gì những nữ sinh viên; dù khác nhau thế nào thì gốc rễ của vấn đề vẫn là sự lôi cuốn của những tiện nghi vật chất do Mỹ mang lại.

Đây là những trung tâm du hí, phục vụ cho các nhu cầu sinh lý và giải trí cho lính Mỹ và chư hầu, nhưng cũng là nơi hoạt động của việc buôn bán hàng PX, đổi đô-la, là hạt nhân từ đó xoay quanh hàng loạt những "nghề nghiệp" khác khá tập nập như nghề lái xe, ma-cô,

rước mồi, phá thai, và bộ phận sinh dục, mỹ viện, dạy tiếng Anh v.v... Bán thân cho Mỹ là một "nghề" khá náo động, không phải chỉ giới hạn trong các vùng có snack-bar. Để phục vụ cho bọn lính Mỹ, bọn thâu đã dùng cả máy bay hoặc hàng đoàn xe cam nhông chở gái điếm đến các vùng đang đánh nhau hoặc các căn cứ quân sự nữa. Đây cũng là một khu vực hoạt động có nhiều biến thái phức tạp : có khi lén lút kiểu lâu lâu "nhảy dù" vài lần, làm vợ hờ cho Mỹ, làm sở Mỹ hoặc công khai như các khách sạn, các nhà tắm hơi, các vũ trường, các tổ chức trình diễn thoát y vũ (Sexy show) v.v...

Chợ trời cũng là một trong những hoạt động khá tấp nập ở các đô thị miền Nam trước đây. Thực chất đây là những hoạt động chợ đen chuyên mua bán những hàng lậu thất thoát từ các PX của Mỹ. Việc thất thoát này có nhiều ngõ ngách, có thể là do nhân viên người Việt làm sở Mỹ đánh cắp, do gái bán bar đưa ra, nhưng căn bản vẫn là do bọn lính Mỹ. Chúng ăn cắp từng xe với số lượng hàng thật lớn, móc ráp với bọn buôn lậu bên ngoài để tiêu thụ. Số hàng này phần lớn là thực phẩm như rượu, thuốc hút, đồ hộp... nhưng cũng bao gồm khá nhiều những mặt hàng công nghiệp tiêu dùng như bột giặt, máy giặt, ti-vi, tủ lạnh, máy ảnh, máy chiếu phim, ra-đi-ô, máy hát, máy ghi âm... và hàng loạt những thứ hàng hóa linh tinh đủ loại, trong đó, theo một tác giả Mỹ, có cả súng nữa (tất nhiên không thể bán công khai). Đây là những hàng miễn thuế bán riêng cho những nhân viên, binh lính Mỹ cho nên khi thâm lậu ra ngoài, qua nhiều trung gian rồi giá vẫn còn rất hạ. Những người ở thành thị miền Nam trước đây có thể mua sắm được những máy móc sử dụng trong nhà chủ yếu là do các chợ trời cung cấp.

Theo con số của Ủy ban Nghiên cứu Kinh tế Hậu chiến thiết lập năm 1969 thì năm 1965, mỗi tháng PX bán ra khoảng 13 triệu đô-la hàng, tức là khoảng 156 triệu đô-la một năm, còn trong 1967, thì con số đó mỗi tháng tăng lên đến 23 triệu đô-la, tức là khoảng 276 triệu đô-la mỗi năm. Nhiều chuyên viên trước đây đã ước lượng là có khoảng từ 3 đến 25 phần trăm hàng PX đã thâm lậu ra thị trường bên ngoài, tính theo tổng số hàng PX đã nhập cảng, và như vậy thì số hàng thâm lậu ra vào năm 1966 đã có thể lên đến khoảng 20 triệu đô-la, tức là vào khoảng 3 tỉ tiền miền Nam (tiền cũ). Chính là số hàng này đã tạo nên đội quân dịch vụ, mua qua bán lại đông đảo, lôi cuốn vào đó không phải chỉ những người thành thị mà cả những người tị

nạn từ thôn quê đây cũng là nơi dung dưỡng những tệ đoan xã hội như lưu manh, ăn cắp và hàng loạt những lối làm ăn tạp nham phi sản xuất khác.

Các nghề nghiệp linh tinh phát triển xung quanh đồng đô-la và bám vào sự hiện diện của quân đội Mỹ cũng khá phức tạp. Dọc quốc lộ 19 gần An Khê, nơi có gần 2000 dân tị nạn, đã mọc lên san sát những tiệm giặt ủi phục vụ cho bọn Sư đoàn I Không kỵ Mỹ đóng gần đó. Tất nhiên, xung quanh những trung tâm như vậy, không phải chỉ có giặt ủi thôi. Bất cứ nơi nào có lính Mỹ đóng quân thì tất yếu nơi đó sẽ đẻ ra điếm, buôn lậu và đi đôi với cờ bạc, lưu manh, du đảng, tập nập xung quanh những nhà ngủ, phòng trà, khách sạn, quán xá... và bao nhiêu thứ làm ăn vặt vãnh khác. Trong khi đàn ông bị đẩy đi làm lính đánh thuê, đàn bà bị dụ dỗ đi làm điếm thì trẻ con nếu không đi đánh giày, đi dắt mồi thì cũng thất thủ ở những đồng rác của Mỹ để kiếm sống.

Sức cuốn hút của đồng đô-la trong những năm chiến tranh xâm lược của Mỹ lên cao, thật là dữ dội như mấy câu vè sau đây :

Cơn lốc đô-la xoáy tít mù Từ con đi lậu đến thầy tu Từ anh trí thức, thằng lao động Đều bị hôn mê, té ngã cù.

Thật thế, "cơn lốc" đô-la đó đã gây ra những xáo động ghê gớm về mặt xã hội. Nó phá hoại đời sống gia đình, làm cho những phụ nữ có 5, 6 con mà vẫn bỏ nhà đi lấy Mỹ. Nó hạ bệ cả những giá trị trước đây thường được coi là "thiên liêng", quý trọng : nó đẩy những nhà trí thức, những ông giáo đi làm nghề lái xe ôm, nó tạo ra những thầy tu hổ mang, những ông linh mục đi theo Mỹ để lấy tiền "phát triển đạo". Nó tạo ra những chính khách xoi thịt, những tên quân phiệt mồm luôn luôn hô hào "cách mạng xã hội", "chống tham nhũng" nhưng lại sống bằng buôn lậu, hối lộ. Nó là cái nền của mọi sự nhố nhăng, sa đọa của một thuộc địa kiểu mới.

(Theo : Cuộc xâm lăng về VH TT NXB VH - 1981)

CÁI GỌI LÀ "ƯU ĐIỂM" CỦA MỘT "LỐI SỐNG" MỸ

Cái "phồn vinh" do Mỹ đến và một số tên bồi bút chai sạn đã tro trên đề nghị cần phải "tri ân" thật sự chỉ là sự "phồn vinh" tạo ra trong nô lệ, mất nước. Để kiếm được những món hàng dư thừa từ Mỹ đưa sang, bao nhiêu máu người đã đổ ra vì bom đạn Mỹ, bao nhiêu nhân phẩm đã bị chà đạp, khinh miệt.

Bóng dáng cao lớn của bọn viễn chinh đổ dài xuống khắp nơi, không phải chỉ ở mặt biển, ở nông thôn, rừng núi để giết hại tàn phá, mà còn tràn ngập các đường phố, len lỏi cả vào những xóm lao động chen chúc nữa. Ở đâu chúng cũng có những hành vi thô bạo, kỳ quái. ở các căn cứ quân sự của chúng, chúng hay giở trò sàm sỡ với những phụ nữ đi làm thuê cho chúng, và khi không được thỏa mãn, chúng đã sẵn sàng đuổi họ để trả thù. "Trong căn cứ Tân Sơn Nhất, những đàn bà có chồng, con, kể lại mỗi buổi sáng, trưa, họ vào làm việc tại các phòng tắm rửa, giặt giũ của binh sĩ Mỹ, họ phải cúi gằm mặt xuống chậu quần áo, liên tay vò sát, vì binh sĩ Mỹ mỗi khi tắm là cứ trần truồng đi đi lại lại trước mặt họ, hoặc chúng gọi nhau đùa rỡ. Đôi khi đùa dai (chúng còn) gọi người đàn bà nào đó đang ngồi làm việc để nhìn lên trong khi chúng cười nhạo nhử". Ở những xóm lao động, nơi chúng thuê nhà ở, chúng vẫn thường để ngỏ cửa tổng ngồng mặc quần lót đủ đờn với các "me Mỹ" của chúng, bất chấp chung quanh. Có thể nói nói rằng hễ ở đây có lính Mỹ là có những cảnh tượng dâm dật, bẩn thỉu. Chúng nham nhử bất cứ lúc nào có thể nham nhử, ban ngày, ban đêm, trong giờ làm việc, ngoài giờ làm việc, trong sở làm, ngoài phố, bất cứ với hạng người nào, dù xấu hay đẹp, dù với những đứa con gái đáng tuổi con chúng hay với những người đáng tuổi chị, tuổi mẹ chúng.

Trên các đường phố, từng đoàn xe cam nhông của chúng phóng như gió, chèn các xe nhỏ vào lề, xuống ruộng, còn hễ cán người rồi, chúng bỏ chạy luôn. Ngồi trên xe thì chúng với tay giặt nón, nắn bóp

vào da thịt những phụ nữ đi xe đạp, đi xe gắn máy hoặc ném rác, ném lon bia vào đầu cổ những kẻ đi đường rồi hí hốc cười trơ trẽn. Ngay trên đường phố Sài Gòn, chúng say rượu ngả nghiêng, gặp bất cứ phụ nữ nào cũng đưa tay trả giá, hoặc giở những trò tồi tệ khác: năm 1966, một phụ nữ ở Khánh Hội đã bị binh lính Mỹ bắt cóc giữa ban ngày bằng xe Jeep. Còn khi đi hành quân lục soát, chúng cũng không quên, những trò khả ố với phụ nữ: xét các ghe máy từ Cam Ranh sang Ba Ngòi, chúng đã "công khai rờ rẫm những nữ hành khách" cởi áo lót các thiếu nữ trẻ tuổi rồi "vừa hò hét vừa cười với nhau hô hô". Chúng cũng đột nhập chùa chiền, xông vào nhà dân chúng như trường hợp cuộc càn bố của lính Mỹ ở Cam Ranh năm 1968.

Giàu có và dâm dật, dâm dật lại gắn liền với tàn bạo, những điều thường ngày diễn ra trên những phim Mỹ lại biểu hiện đầy đủ trong thực tế đời sống của đội quân viễn chinh Mỹ tại miền Nam Việt Nam. Sự thô lỗ về những thói quen xử sự của quân đội Mỹ trong chiến tranh Việt Nam đã hoàn toàn xác nhận điều đó: không một hành vi tàn tệ, man rợ nào mà chúng không làm, từ việc bắn giết, đốt phá, cướp bóc đến xẻo tai người để đếm xác, hãm hiếp tập thể, đặt chất nổ vào âm hộ đàn bà rồi cho nổ banh xác. Tính chất phi thân trong những hành động như thế không phải xảy ra một cách tùy tiện: trong nhiều trường hợp, chúng đã trở thành một thứ thú vui. Một tên Đại tá Mỹ tên là George S. Petton III, con trai của một tướng Mỹ lừng danh trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, thường có thói quen gửi kèm theo những tấm thiệp chúc mừng sinh nhật những bức ảnh màu chụp các binh sĩ "Bình an dưới thê" của "ông, bà Đại tá" v.v... Trong một bữa tiệc từ giã một đơn vị ở phía Nam Quảng Ngãi, hắn đã nhận được một huy chương hòa bình và cũng trong bữa tiệc ấy, hắn đã hoan hỉ đeo một cái sọ người gọi là của "Việt cộng" có một lỗ đạn từ phía trên hốc mắt trái. Tháng 9 năm 1969, hắn đã được Thượng viện Mỹ chấp nhận cho thăng chức Thiếu tướng.

"Giết người lúc đầu là một bài học, nhưng dần dần là một nhu cầu sinh lý. Giết để bảo vệ tính mạng. Nhưng giết cũng chỉ để giết". Duncan, một lính mũ nồi xanh thuộc binh chủng mà Kennedy đã chinh đồn để đi hoàn thành những chương trình gọi là "biên cương mới" của Mỹ, sau khi nhận ra những tội lỗi của mình đã nói về cái "lý tưởng" của mình như vậy đấy. Người ta hiểu được tại sao ở Việt Nam lại xảy ra sự kiện Calley ở Sơn Mỹ. Tên trung úy này đã chỉ huy một

đại đội lính Mỹ trong Sư đoàn Bộ binh 20, từ trực thăng nhảy xuống một địa điểm gọi là Mỹ lai 4, tại làng Sơn Mỹ, tỉnh Quảng Ngãi, ngày 16.3.1968. Sau khi đã chia thành ba nhóm, chúng đã mở màn một cuộc giết người cực kỳ tàn nhẫn. Chúng đâm người bằng lưỡi lê, ném xuống giếng, tập hợp những đám đông rồi bắn súng máy, ném lựu đạn cho đến khi thấy không còn một ai sống sót nữa mới thôi (những người còn sống là những người may mắn bị các thân ma vùi lấp). Kết cuộc sau ba giờ tàn sát, đại đội của Calley đã giết chết 567 người Việt Nam: tất cả đều là những người không vũ trang, là những người đàn bà những trẻ con, những ông già trong đó có cả nhà sư nữa.

Cái "ưu điểm" của một "lối sống" mà Thomas Dooley đã hứa hẹn chứng minh cho những người Việt Nam nghèo khổ là như thế đấy.

*(Theo sách Cuộc xâm lăng về Văn hóa - Thông tin.
NXB Văn Hóa - 1981)*

KẾ HOẠCH TALEY - TAYLO

Chiến lược toàn cầu của Mỹ với kế hoạch quân sự "Phản ứng linh hoạt" đã có một sự thay đổi lớn về quan niệm và biện pháp thực hiện. Lấy hòa hoãn thay cho chiến tranh lạnh trong đối sách với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; lấy sức mạnh hạt nhân kiềm chế các nước lớn khác; dùng chiến tranh dưới mức thông thường đối phó với phong trào giải phóng dân tộc.

Mối quan tâm lớn và nổi bật nhất của Mỹ là nguy cơ bị đe dọa của các chế độ tay sai trước sự nổi dậy của lực lượng cách mạng các nước, đặc biệt là ở miền Nam Việt Nam. Tại đây bước vào năm 1960 thời kỳ tạm thời ổn định của chế độ Mỹ - Diệm hoàn toàn chấm dứt, thời kỳ phát triển thế và lực của cách mạng miền Nam đã bắt đầu. Do vậy Nam Việt Nam sớm trở thành 1 trong 10 khu vực thử thách và là khu vực thử thách đầu tiên của chiến lược toàn cầu mới của nước Mỹ.

Đế quốc Mỹ thấy rằng cần phải tăng cường chiến tranh để chống lại phong trào cách mạng đã và đang bùng lên. Ngày 29/4/1961 Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ đã phê duyệt "Kế hoạch chống nổi dậy", theo đó Mỹ sẽ tăng lực lượng cố vấn và các đơn vị đặc biệt Mỹ, tăng thêm viện trợ cho nguy để đẩy nhanh việc xây dựng quân nguy, tăng cường phong tỏa miền Nam Việt Nam kể cả biên giới và vùng biển, xúc tiến các hoạt động phá hoại bí mật ở miền Bắc Việt Nam.

Mặc dù ngay sau đó "Kế hoạch chống nổi dậy" - phương án tạm thời của các thế lực hiếu chiến ở miền Nam không đem lại hiệu quả, nhưng có một quan niệm mới đang hình thành ở Mỹ lúc ấy là phải nhìn nhận Nam Việt Nam như là một trọng điểm của toàn bộ quyền lợi của Mỹ ở Đông nam Á. Chính vì thế trong năm 1961 các phái đoàn nghiên cứu của Mỹ tới tấp bay sang Nam Việt Nam: Phái đoàn của Johnson phó tổng thống Mỹ đã đến Sài Gòn tháng 5/1961, phái đoàn của Staley tiến sỹ viện nghiên cứu Stanford đến Sài Gòn tháng

6/1961, phái đoàn của Taylor và Rosow trong bộ quốc phòng Mỹ đến Nam Việt Nam tháng 10/1961..... Kết quả là Nam Việt Nam sẽ là nơi thí điểm điển hình loại chiến tranh của chiến lược toàn cầu "Phản ứng linh hoạt" vừa ra đời.

Kế hoạch chiến tranh đặc biệt của Mỹ áp dụng lần đầu tiên tại miền Nam đã tập trung vào việc tăng cường và mở rộng vai trò của lực lượng cố vấn, đưa lực lượng đặc nhiệm Mỹ vào tham chiến, xây dựng nhanh lực lượng của Diệm thành đội quân mạnh có vũ khí trang bị hiện đại, khẩn trương bình định và phát triển miền Nam, đẩy mạnh các hoạt động phá hoại miền Bắc... Kế hoạch Staley - Taylor là kế hoạch cụ thể để thực hiện chiến lược mới gồm ba giai đoạn:

- *Giai đoạn 1* thực hiện từ giữa năm 1961, nội dung chủ yếu là bình định miền Nam bằng biện pháp Ấp chiến lược.
- *Giai đoạn 2* thực hiện từ đầu năm 1963, khôi phục kinh tế, tăng cường lực lượng quân đội, hoàn thành công cuộc bình định.
- *Giai đoạn 3* thực hiện đến cuối năm 1965, phát triển kinh tế, ổn định miền Nam và kết thúc chiến tranh.

Kế hoạch được mở đầu và có ý nghĩa quyết định là ở giai đoạn 1 với hai biện pháp chiến lược là:

1. Tăng nhanh lực lượng và khả năng chiến đấu của quân ngụy. Quân ngụy là xương sống của cuộc chiến tranh theo công thức: Quân ngụy + vũ khí trang bị của Mỹ + cố vấn Mỹ.
2. Thực hiện cho được quốc sách Ấp chiến lược. Đó vừa là mục tiêu cơ bản, biện pháp chiến lược, vừa là kế sách trước mắt và lâu dài để giành thắng lợi trong chiến tranh ở Việt Nam.

Trong thực tế Mỹ - Diệm chuẩn bị cho việc triển khai kế hoạch mở rộng chiến tranh từ đầu năm 1961, khi kế hoạch Staley - Taylor ra đời thì nó đã được thực hiện nhanh chóng.

Đầu tháng 4/1961 hệ thống chiến trường miền Nam được cải tổ, giải tán các quân khu lập các vùng chiến thuật. Tháng 5 năm 1961

Mỹ đưa lực lượng đặc nhiệm và đưa thêm cố vấn Mỹ vào miền Nam. Quân nguy được tăng nhanh về số lượng, tổ chức các sắc lính được củng cố lại, trang bị thêm nhiều vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại. Trong vòng 18 tháng của kế hoạch chiến tranh mới, đến năm 1962 nguy đã có lực lượng 354.000 quân, trong đó có gần 200.000 chủ lực được trang bị hiện đại và tác chiến theo "chiến thuật tân kỳ". Lực lượng nòng cốt này còn có sự hỗ trợ trực tiếp của 2.630 cố vấn Mỹ, 8.280 quân thuộc lực lượng đặc nhiệm Mỹ, 257 máy bay chiến đấu, 346 xe thiết giáp..... Quân nguy sẽ có khả năng lớn để chiến đấu và chúng đang được đặt trong tình thế chiến tranh chống du kích với rất nhiều hy vọng sẽ dập tắt cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam vừa mới bùng lên.

Đầu năm 1962 bộ tư lệnh quân sự Mỹ ở Việt Nam (MACV) được thành lập do Paul Harkin đứng đầu, thay thế cho cơ quan viện trợ quân sự (MAAG) của Macgarr. Như vậy Mỹ sẽ trực tiếp nắm lấy quân nguy và điều hành cuộc chiến tranh ở Việt Nam, thông qua hai bộ phận chủ yếu là lực lượng yểm trợ và lực lượng cố vấn trong cơ quan MACV. Viện trợ Mỹ cho Nam Việt Nam trong tài khóa năm 1962 - 1963 tăng nhanh để phục vụ kịp thời cho việc mở rộng chiến tranh.

Tháng 4/1962, quốc hội của Diệm tuyên bố chương trình Ấp chiến lược là một "quốc sách chống cộng", trọng điểm là vùng đồng bằng khu 5, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ là các vùng ưu tiên quốc gia khác ở mỗi tỉnh. Chuyên gia quân sự về chống du kích là Thompson được mời sang Nam Việt Nam làm cố vấn bình định.

Hành quân càn quét lập ấp chiến lược trở thành hoạt động chủ yếu nhất, sôi nổi nhất của Mỹ Diệm ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1962 - 1963. Từ đó hàng vạn cuộc hành quân càn quét được mở ra, nhiều ấp chiến lược được xây dựng thí điểm. Đến cuối năm 1962 đã có gần 4.000 cuộc hành quân càn quét phục vụ cho chương trình ấp chiến lược, trong đó có nhiều cuộc càn quét quy mô lớn như "chiến dịch mặt trời mọc", "chiến dịch Bình Tây", "chiến dịch Sao mai", "chiến dịch Thu Đông"... Mục tiêu 17.000 ấp chiến lược với 10.000.000 dân được thực hiện với ưu tiên số 1 và là quốc sách xây dựng quốc gia, năm 1962 đã có 4.248 ấp hình thành, đến cuối năm

1962 đầu năm 1963 đã có 9.095 ấp được xây dựng gom giữ khoảng 8.000.000 dân.

(Theo sách Lịch sử Việt Nam - Tủ sách ĐHTH 1996)

NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HOÁ"

Phong trào giải phóng dân tộc được sự ủng hộ tích cực của phe xã hội chủ nghĩa đã phát triển các cuộc chiến tranh cách mạng ở khắp nơi. Đặc biệt là cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống Mỹ và tay sai đang trở thành ngọn cờ tiêu biểu của cả thế giới tiến bộ và cách mạng.

Tình hình ấy khiến cho chính giới Mỹ cảm thấy nền an ninh Mỹ bị đe dọa khi sức mạnh của nước Mỹ đang bị suy yếu đi bởi sa lầy vào chiến tranh Việt Nam. Mỹ thấy cần phải thay đổi lại chiến lược toàn cầu cho phù hợp, chủ trương của Mỹ lúc này là : Hòa hoãn với các nước lớn Liên Xô, Trung Quốc, khai thác tối đa mâu thuẫn và chủ nghĩa dân tộc trong phong trào cộng sản; khôi phục sức mạnh răn đe của Mỹ làm bừa bối của chính sách đối ngoại; lôi kéo các nước đồng minh cùng thực hiện chiến lược "ngăn đe thực tế". Biện pháp chiến lược của đường lối mới, đồng thời là những nguyên tắc cơ bản của "Học thuyết Nixon", đó là :

Ưu tiên tối đa cho việc đề cao sức mạnh của Mỹ,

Các đồng minh san sẻ trách nhiệm với Mỹ,

Mỹ sẵn sàng thương lượng hòa bình bất cứ ở đâu.

Những biện pháp này nhằm mục tiêu tiếp tục duy trì vai trò sen đầm của Mỹ, duy trì các cam kết của Mỹ cũng như quyền lợi của Mỹ ở các khu vực trên thế giới. Tuy nhiên khu vực mà Mỹ quan tâm hơn cả là châu Á - Thái Bình Dương. Tháng 2/1969 tại Guam tổng thống R. Nixon đã lần đầu tiên trình bày những ý tưởng về học thuyết toàn cầu mới của mình. Việc áp dụng "Học thuyết Nixon" vào thực tế được bắt đầu từ đó với việc triển khai hàng loạt kế hoạch hành động; từ trong thực tế hành động lại có nhiều nội dung mới bổ sung, trong đó

miền Nam Việt Nam là nơi thí điểm đầu tiên của chiến lược toàn cầu mới, là điểm khởi của "Học thuyết Nixon" trong hành động.

Ở miền Nam Việt Nam sau Tết Mậu Thân 1968 diễn ra sự đảo thế về quân sự giữa hai bên chiến tranh. Kẻ thù đã lợi dụng những sai lầm sơ hở của ta trong và sau tổng tấn công Mậu Thân để phản kích điên cuồng, chiếm đóng nhiều vị trí của ta ở vùng nông thôn. Các chiến dịch bình định cấp tốc được triển khai ồ ạt, địch nhanh chóng có trong tay một hệ thống đồn chốt dày đặc khắp miền Nam làm cơ sở ban đầu cho việc thực hiện những âm mưu bình định sắp tới.

Việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cho cách mạng ở miền Nam đến cuối năm 1968 và đầu năm 1969 được triển khai chậm chạp. Trong khi ấy lực lượng của tân tổng thống Nixon đã chuẩn bị xong chương trình Việt Nam hóa chiến tranh. Lúc đầu thành công lớn nhất của tổng thống Nixon và ê-kíp của ông là điều chỉnh kịp thời chủ trương của tổng thống Johnson "phi Mỹ hóa chiến tranh", thành đường lối chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Việc rút quân Mỹ ra khỏi Việt Nam sẽ phụ thuộc vào khả năng tự tiến hành chiến tranh của ngụy Nam Việt Nam. Việt Nam hóa chiến tranh là một kế hoạch tiếp tục chiến tranh gồm 3 giai đoạn :

Giai đoạn 1 : Chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu trên bộ cho ngụy quân, rút quân chiến đấu trên bộ của Mỹ, làm suy yếu lực lượng cách mạng Việt Nam.

Giai đoạn 2 : Chuyển giao nhiệm vụ trên không cho ngụy, làm cho quân ngụy đủ sức đương đầu với lực lượng cách mạng miền Nam, giữ vững được Việt Nam và Đông Dương.

Giai đoạn 3 : Hoàn thành và củng cố "Việt Nam hóa chiến tranh", lực lượng cách mạng miền Nam suy yếu đi và chiến tranh sẽ tàn lụi.

Giai đoạn 1 là giai đoạn khó khăn nhất, cơ bản nhất và có ý nghĩa quyết định. Bởi vì như Nixon đã trù liệu : "Nếu việc rút quân Mỹ là phản ánh kết quả của Việt Nam hóa chiến tranh thì bình định là mục đích chính của Việt Nam hóa chiến tranh". Để thực hiện mục tiêu đó, Mỹ ngụy dự tính cần có 3 bước trong vòng 3 năm rưỡi (từ đầu năm 1969 đến giữa năm 1972).

1. *Bước 1* : (thực hiện trong vòng 1 năm rưỡi) Bình định vùng đông dân quan trọng, đẩy chủ lực cách mạng ra xa các đô thị, làm giảm sự tập trung của quân giải phóng, cơ sở cách mạng bị tê liệt, quân ngụy được tăng cường và đủ sức đối phó với lực lượng vũ trang cách mạng, Mỹ bắt đầu rút quân.

2. *Bước 2* : (thực hiện trong khoảng 1 năm) Bình định tất cả vùng nông thôn, giảm tối đa hoạt động của lực lượng vũ trang cách mạng, ngụy được hiện đại hóa và mạnh lên đủ sức đối phó với tình hình, Mỹ rút được đại bộ phận lực lượng chiến đấu.

3. *Bước 3* : (thực hiện trong vòng 1 năm) hoàn thành bình định toàn miền Nam, lực lượng cách mạng hoạt động không đáng kể ở nội địa, ngụy đảm đương được vai trò của mình, Mỹ rút hết lực lượng chiến đấu ra khỏi miền Nam.

Những biện pháp chiến lược để thực hiện Việt Nam hóa chiến tranh bao gồm hàng loạt các chương trình kế hoạch, nhằm làm cho Việt Nam hóa phải có bốn yếu tố đảm bảo là : ngụy quân mạnh, ngụy quyền mạnh, bộ máy cảnh sát (bình định) mạnh và nền kinh tế mạnh. Biện pháp cụ thể là :

"Nỗ lực bành trướng, cải tiến và tối tân hóa quân đội ngụy", củng cố ngụy quyền, từng bước giảm dần sự dính líu của quân đội Mỹ trên chiến trường miền Nam và bàn giao chiến trường cho ngụy.

Đẩy mạnh phản kích ở miền Nam, đẩy mạnh bình định nông thôn, đảm bảo "an ninh lãnh thổ".

Mở rộng phản kích ra bên ngoài, tăng cường chiến tranh đặc biệt ở Lào, xóa bỏ nền trung lập ở Campuchia, xây dựng lực lượng thân Mỹ và liên minh khu vực.

Tiến hành chính sách ngoại giao nước lớn để ngăn chặn sự viện trợ của Trung Quốc, Liên Xô cho Việt Nam, tiến tới cô lập Việt Nam và cách mạng Đông Dương, đẩy chiến tranh đến tình trạng tự tàn lụi.

Ra sức phục hồi và phát triển kinh tế cho ngụy ở miền Nam.

Như vậy, với Việt Nam hóa chiến tranh, quân Mỹ vẫn còn vai trò quan trọng ở chiến trường, là chỗ dựa chủ yếu của quân ngụy,

nhưng quân nguy sẽ phải thay thế và dần dần trở thành lực lượng chủ yếu của chiến tranh. Bình định là một biện pháp chiến lược, là nội dung hoạt động cụ thể của chiến tranh Việt Nam hóa. Mỹ tập trung xây dựng cho Nguy có : nguy quân mạnh -nguy quyền mạnh - bộ máy cảnh sát mạnh - nền kinh tế mạnh, đó là những cái đảm bảo thành công của Việt Nam hóa chiến tranh; việc mở rộng chương trình bình định là "chìa khóa thắng lợi", là con đường dẫn đến những kết quả ấy. Chiến tranh tiếp tục cho đến khi nó "tự tàn lụi".

Trong thực tế việc rút quân viễn chinh Mỹ ra khỏi Việt Nam là xu thế không thể cưỡng lại được nữa và chính quyền Mỹ buộc phải thực hiện từ tháng 7/1969 (sớm hơn dự kiến trong bước 1 đến tháng 6/1970). Để không gây nên ảnh hưởng đột ngột cho nguy, đồng thời thực hiện được Việt Nam hóa chiến tranh, Mỹ dùng lối rút quân nhỏ giọt kết hợp với việc xây dựng nhanh cho quân nguy đủ mạnh thay thế vào các vị trí của Mỹ trên chiến trường miền Nam.

Sau hội đàm ở Midway đầu năm 1969, Mỹ nguy đã thống nhất đưa tổng quân số nguy lên 953.673 người vào năm 1970 và 992.336 người vào năm 1971, đến năm 1972 sẽ có 1.100.000 quân gồm chủ lực, bảo an, nghĩa quân, ngoài ra còn phải có 500.000 - 600.000 phòng vệ dân sự có vũ trang. Biện pháp đôn quân đã nhanh chóng đưa các đơn vị quân nguy trở nên có vai trò thay thế quân đội viễn chinh Mỹ : các sư đoàn bộ binh đôn lên thành lực lượng cơ động, bảo an đôn lên thành lực lượng chủ lực của các vùng chiến thuật, nghĩa quân đôn lên thành bảo an và phòng vệ dân sự có vũ trang thay thế cho lực lượng nghĩa quân chốt giữ ở xã ấp. Khối chủ lực cơ động nguy từ năm 1970 bắt đầu được trang bị hiện đại và có đủ hải, lục, không quân, các binh chủng pháo, xe tăng khá mạnh.

Chỉ trong vòng mấy năm đầu của chương trình Việt Nam hóa chiến tranh, quân nguy đã được đầu tư lớn nhất và trở nên hiện đại nhất, mạnh nhất so với cả quá trình phát triển cho đến lúc đó, trên cơ sở này Mỹ sẽ triệt thoái dần lực lượng viễn chinh về nước.

Từ tháng 7/1969 đến tháng 4/1972 đã có 11 đợt rút quân với gần 480.000 quân, chỉ còn 69.000 quân chờ đợi giải pháp chính trị. Gần 3 năm Mỹ mới đưa được gần nửa triệu quân ra khỏi chiến trường để chặn đứng việc gia tăng quân số thương vong và góp phần làm dịu cuộc chiến tranh trong lòng nước Mỹ. Trong thời gian ấy quân nguy

Nam Việt Nam không những trở thành quân đội có vũ khí trang bị vào loại mạnh và hiện đại nhất ở Đông Nam Á với hơn 1.100 máy bay chiến đấu các loại, gần 2.000 xe tăng xe thiết giáp..., mà còn trở thành lực lượng nòng cốt của cuộc chiến tranh mở rộng của Mỹ ở bán đảo Đông Dương, là xương sống của Việt Nam hóa chiến tranh và Đông Dương hóa chiến tranh.

Tiếp tục chiến tranh bằng đội quân hùng hậu ấy, Mỹ - Ngụy ở Miền Nam vẫn cần có hai yếu tố căn bản tối cần thiết, nền kinh tế ổn định và sự ủng hộ của dân chúng. Viện trợ của Mỹ do đó vẫn giữ vị trí quan trọng số 1, năm 1969 là 498.000.000 dollar, năm 1970 tăng lên 669.000.000 dollar, năm 1971 là 750.000.000 dollar. Nhưng quá trình này còn được kết hợp với viện trợ đầu tư của một số nước khác (năm 1964 - 1969 là 125.000.000 dollar, năm 1970 là 33.000.000 dollar, năm 1971 là 75.000.000 dollar). Từ năm 1970 mặc dù chiến tranh vẫn tiếp diễn, nhưng miền Nam Việt Nam vẫn trở thành địa chỉ đầu tư mới của giới tư bản Mỹ và các nước, gánh nặng viện trợ của Mỹ vì thế có thể giảm bớt dần.

Phương châm của Mỹ ngụy trong Việt Nam hóa chiến tranh là nhanh chóng phát triển nhanh kinh tế miền Nam để miền Nam có thể tự túc, tự cường và tự phát triển. Từ năm 1970 trở đi nhiều biện pháp thúc đẩy kinh tế phát triển được thực hiện như khôi phục phát triển công nghiệp, xây dựng thêm 30 dự án công nghiệp mới về sửa chữa lắp ráp. Ở nông thôn việc tiến hành cơ giới hóa nông nghiệp, xây dựng hệ thống thủy nông và đưa các biện pháp kỹ thuật vào đồng ruộng được triển khai, mục đích là làm tăng nhanh sản lượng nông nghiệp, nhất là lúa gạo. Từ cuối năm 1969 (sau tuyên bố của Thiệu tháng 10/1969) địch tiếp tục đẩy mạnh chính sách "cải cách điền địa". Tháng 3/1970 tại Cần Thơ, Nguyễn Văn Thiệu cho ban hành "Luật Người cày có ruộng". Từ 1970 - 1972 trong chương trình "hữu sản hóa nông dân" chính quyền ngụy đã cấp phát 1.332.500 ha ruộng có liên quan tới 858.821 hộ nông dân, bồi thường 714.131 ha liên quan tới 84.901 hộ điền chủ.

Để có sự ủng hộ của dân chúng phải tiếp tục chính sách bình định, nhưng phải đặt chính sách này trong khuôn khổ của cuộc "chiến tranh giành dân", phải coi bình định là biện pháp then chốt của Việt Nam hóa chiến tranh. Cơ quan chỉ đạo bình định của Mỹ

MACCORDS (Military Assistance Command Civil Operation and Revolutionary Development Support) ra đời do tướng Abram tư lệnh MACV chỉ huy, Colby phân cục trưởng CIA làm phụ tá đặc trách bình định. Các cơ quan MACV, phân cục tình báo CIA, tòa đại sứ Mỹ đã có sự thống nhất tư tưởng, phối hợp hành động với nhau một cách chặt chẽ. Cố vấn Mỹ xuống tận cấp quận từ 6 - 12 người trực tiếp chỉ đạo bình định.

Ngụy thành lập Trung tâm an ninh điều hợp bên cạnh Hội đồng bình định các cấp. Các cơ quan đặc trách bình định này có hệ thống từ trung ương xuống đến các địa phương và do các nhân vật đầu sỏ (tổng thống ngụy, thủ tướng ngụy, tỉnh trưởng, đô trưởng, quận trưởng ngụy) trực tiếp phụ trách. Lực lượng trực tiếp bình định là quân đội, cảnh sát, nhân dân tự vệ, cán bộ bình định, phụng hoàng, tề ấp xã. Tại vùng trọng điểm bình định như tỉnh Định Tường năm 1970, địch sử dụng 21.000 quân các loại phục vụ cho hoạt động bình định; vùng ven Sài Gòn - Gia Định năm 1972 có tới 113.000 quân các loại để tiến hành bình định. Chính vì vậy địch vẫn sử dụng hình thức hành quân càn quét làm hoạt động chủ yếu để thực hiện bình định. Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long nhiều chiến dịch bình định lớn được tổ chức như "Đồng Khởi", "Tổng tấn công đồng loạt", "nhỏ cỏ U Minh". Năm 1969 toàn miền Nam địch tổ chức 11.945 cuộc hành quân càn quét bình định, trong đó riêng Nam Bộ có 9.648 cuộc.

(Lịch sử Việt Nam tập 3 NXB Giáo dục)

TỪ THÁNG 11/1963 ĐẾN 1965: CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN 10 LẦN ĐẢO CHÍNH

Chính quyền Sài Gòn - chỗ dựa chủ yếu về chính trị của "chiến tranh đặc biệt", ngày càng tan rã, rối loạn. Phong trào đấu tranh chính trị, vũ trang sôi sục ở các vùng nông thôn đã dội vào các thành thị miền Nam, làm cho chính quyền Sài Gòn ngày càng chao đảo, nội bộ mâu thuẫn, lục đục. Chỉ tính từ tháng 11-1963 đến giữa năm 1965, chúng đã 10 lần làm đảo chính để thanh toán lẫn nhau:

1.11.1963, đảo chính lật đổ Diệm - Nhu, do Hội đồng tướng lĩnh thực hiện, đứng đầu là Dương Văn Minh. 30.1.1964, đảo chính lật đổ Dương Văn Minh, do "Hội đồng quân lực" thực hiện, đứng đầu là Nguyễn Khánh. Khánh lên làm Thủ tướng kiêm Tổng tư lệnh. 27.8.1964, "Hội đồng quân lực" lại "chỉnh lí", lập "tam đầu chế": Minh - Khánh - Khiêm. 13.9.1964, đảo chính hụt do Lâm Văn Phát và Dương Văn Đức cầm đầu. 1964, Nguyễn Khánh lật đổ Minh - Khiêm. 20.10.1964, do sức ép của Mỹ, Khánh phải ra khỏi chính quyền, đưa Phan Khắc Sửu lên làm Quốc trưởng và Trần Văn Hương làm Thủ tướng. 25.1.1965, "Hội đồng quân lực" do Nguyễn Văn Thiệu cầm đầu, loại Khánh ra khỏi quân đội. 1965, "Hội đồng quân lực" lật đổ chính quyền dân sự của Phan Khắc Sửu, Phan Huy Quát, lập Ủy ban quốc gia do Thiệu làm Chủ tịch và Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch Ủy ban hành pháp (Thủ tướng) v.v... Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ - Mácnamara từ miền Nam Việt Nam về đã báo cáo trước Nhà Trắng và Quốc hội Mỹ: "Quân lực Việt Nam cộng hòa (ngụy quân) đã không còn đủ sức chiến đấu, chế độ Sài Gòn đã thất bại". Thế là "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ được đẩy đến mức cao nhất và đã đứng trước nguy cơ phá sản hoàn toàn. Trước tình thế khốn quẫn đó, đế quốc Mỹ phải ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam, chuyển sang chiến lược mới - "chiến tranh cục bộ". Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta bước sang giai đoạn mới.

Sự phá sản của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" là một thất bại nặng nề của Mỹ trong âm mưu dùng miền Nam Việt Nam làm nơi thí điểm một loại hình chiến tranh mới - dùng người địa phương cộng với vũ khí, đô la và các phương tiện kỹ thuật của Mỹ, do cố vấn Mỹ trực tiếp chỉ huy hòng dập tắt phong trào nổi dậy của nhân dân và "cuộc chiến tranh đặc biệt mà chúng đang thí nghiệm ở miền Nam Việt Nam đã thất bại thì chúng cũng sẽ thất bại ở bất kỳ nơi nào khác".

(Lịch sử Việt Nam - Tủ sách ĐHTH 1996)

CHI PHÍ CỦA MỸ VIỆN TRỢ CHO NGỤY QUYỀN DƯỚI THỜI MỸ - NGỤY

Chúng ta cần điểm qua vài nét về tài chính ngụy quyền Nam Việt Nam dưới thời Mỹ ngụy để thấy rõ bộ mặt "thực dân mới", trong đó đặc biệt là lĩnh vực thuế khóa, tiền tệ, tín dụng ngân hàng nói riêng.

Sau hiệp định Giơnevơ, vào tháng 12/1954, thực dân Pháp theo lệnh của đế quốc Mỹ ký kết một loạt hiệp định với các ngụy quyền miền Nam Việt Nam, Campuchia, Lào, chính thức công bố phá vỡ sự thống nhất của hệ tài chính - ngân sách tiền tệ, quan thuế, ngân hàng chung trong cả Đông Dương, dọn đường cho đế quốc Mỹ trực tiếp nhảy vào miền Nam Việt Nam.

Những hiệp định này khẳng định rằng trên nguyên tắc từ nay mỗi quốc gia được quyền tự do phát hành và kiểm soát tiền tệ, tự ấn định các chế độ tài chính, ngân sách, thuế khóa, tiền tệ, ngoại hối, thương mại... Đây là cơ sở pháp lý để Mỹ lần lượt trực tiếp nắm lĩnh vực tài chính ở 3 nước Đông Dương. Mỹ tuyên bố ngay một chương trình viện trợ trực tiếp cho 3 quốc gia nói trên bắt đầu từ 1/1955 thay vì viện trợ qua trung gian Pháp. Như vậy, thực chất tài chính của ngụy quyền ở miền Nam Việt Nam từ 1954 đến 1975 là thực hiện một quá trình viện trợ của Mỹ và việc sử dụng viện trợ ấy của ngụy quyền.

Với âm mưu xâm lược hòng biến nước ta thành thuộc địa kiểu mới của chúng, đế quốc Mỹ trong hơn 21 năm từ 1954 đến 1975 đã không ngừng tăng cường viện trợ cho ngụy quyền tay sai. Tổng số viện trợ này qua các thời kỳ như sau: 1955-1964: 2.497 triệu đô la, 1965-1968: 2.945 triệu đô la, 1969-1972: 2.408 triệu đô la, 1973-1974: 1.119 triệu đô la.

Ở đây chưa kể số viện trợ riêng về quân sự bình quân mỗi năm khoảng 1.600 triệu đô la. Theo tập tài liệu miền Nam của Việt Nam thông tấn xã tháng 2/1973, thì trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Mỹ đã chi tiêu hàng trăm tỷ đô la. Chi phí trực tiếp từ 141-144 tỷ đô la, chi phí gián tiếp 350 tỷ đô la. Riêng số tiền để nuôi số lính Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam Việt Nam năm 1966 là 25 tỷ đô la, năm 1967 gần 30 tỷ đô la, năm 1968 hơn 30 tỷ đô la, năm 1969 là 36 tỷ... Số viện trợ về quân sự và chi tiêu để nuôi lính Mỹ này không nằm trong ngân sách của ngụy quyền. Với quy mô và hình thức viện trợ như vậy nên ngân sách hàng năm của ngụy quyền Sài Gòn dựa chủ yếu vào nguồn thu viện trợ của Mỹ. Hầu hết các khoản chi tiêu của ngân sách ngụy quyền cũng trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Tuy số viện trợ của Mỹ to lớn như vậy nhưng cuối cùng chúng vẫn thất bại thảm hại trước cuộc chiến đấu vô cùng ngoan cường dũng mãnh của quân dân ta.

(Theo Lê Quốc Sử - Một số vấn đề về lịch sử Kinh tế VN)

SÀI GÒN - GIA ĐỊNH, VÙNG ĐẤT MỚI PHƯƠNG NAM

Từ những năm đầu Công nguyên, vùng đất ngày nay tương ứng với các cửa sông Cửu Long và Đồng Nai, có lẽ đã được chi phối về mặt chính trị bởi các nhà nước cổ đại, và ta có thể chấp nhận rằng, đất Sài Gòn -Chợ Lớn, từ một thời kỳ rất xa xưa, mà niên đại sớm nhất có thể định vào khoảng giữa thế kỷ thứ VII hay thứ VIII, đã là một điểm cư trú của quần thể con người. Hai thị trấn nhỏ Prei Nokor (Sài Gòn, về sau là Chợ Lớn) và Kas Krobey (Kompong Krabei, Bến Nghé, về sau là Sài Gòn) đã có từ trước thế kỷ XVII. Năm 1623, chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên, 1613-1635) cho sứ giả thương lượng tìm cách để đặt các phòng sở thuế quan tại đây.

"Bấy giờ vua An Nam mới cử các viên chức thuế quan đến đóng tại Prei Nokor và Kas Krobey, và, từ lúc đó, bắt đầu tiến hành thu các loại thuế quan".

Năm 1860, nhóm cận thần nhà Minh: Dương Ngạn Địch, Huỳnh Tấn, Trần Thắng Tài, Trần An Bình đem khoảng 3.000 binh lính và gia quyến đến xin lưu trú ở Đàng Trong. Chúa Hiền (Nguyễn Phúc Tần, 1648-1687) cho phép họ vào khai khẩn vùng Mỹ Tho và Biên Hòa, thuộc đất Đông Phố (tên gọi vùng Gia Định thời bấy giờ).

Hậu bán thế kỷ thứ XVII và suốt thế kỷ XVIII, đất Gia Định đã chứng kiến những cuộc chiến tranh và sự tranh chấp nội bộ của các thế lực phong kiến và võ biên Xiêm, Chân Lạp, Chiêm Thành (Côn Man), nhóm cự thần nhà Minh, lực lượng các chúa Nguyễn và phong trào nông dân Tây Sơn. Vùng Sài Gòn - Gia Định là mục tiêu kiểm soát nhằm chiếm ưu thế kinh tế, chính trị và quân sự trong toàn vùng Nam Bộ.

Năm 1674, những mâu thuẫn giữa vua Chân Lạp Nặc Ông Nộn và Nặc Ông Đài liên minh với quân Xiêm đưa đến sự can thiệp quân sự của chúa Hiền, mở rộng tầm kiểm soát đến tận Sài Gòn (Sài Gòn).

Năm 1688, sự tranh chấp giữa hai lực lượng võ biên người Hoa: Dương Ngạn Địch (ở Mỹ Tho) và Huỳnh Tấn (ở Cù lao Phố, Biên Hòa), rồi giữa Huỳnh Tấn và Nặc Ông Thụ là những lý do đưa đến sự kiểm soát trực tiếp của chúa Nguyễn trên vùng Mỹ Tho và Đồng Nai - Gia Định.

Để ổn định vùng tranh chấp, chúa Nguyễn cho tổ chức những cuộc hành quân lớn trên vùng đất mới kiểm soát: Năm 1689-1690, Nguyễn Hữu Hào đem quân bắt vua Chân Lạp Nặc Ông Thụ rồi lui quân trú đóng ở Sài Gòn. Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh, được bổ nhiệm Kinh lược sứ Chân Lạp, lấy vùng đất kiểm soát được ở Đông Phố lập ra Gia Định phủ, gồm 2 huyện Phước Long (đất Đồng Nai) và Tân Bình (đất Sài Gòn - Bến Nghé), tổ chức guồng máy chính quyền và quân sự ở đây.

Năm 1705, vua Chân Lạp Nặc Ông Thâm liên minh với quân Xiêm để triệt hạ thế lực tranh chấp Nặc Ông Yêm. Nặc Ông Yêm phải chạy qua Gia Định cầu viện. Chúa Nguyễn cử Nguyễn Cửu Vân đem quân đánh tan quân Xiêm, đưa Nặc Ông Yêm về thành La Bích rồi rút quân về.

Năm 1714, Nặc Ông Thâm đem quân từ Xiêm về đánh lấy thành La Bích. Nặc Ông Yêm lại cho người sang Gia Định cầu viện. Đô đốc Phiên Trấn (Gia Định) Trần Thượng Xuyên phát quân sang đánh, Nặc Ông Thâm bỏ thành chạy sang Xiêm.

Năm 1729 đất Gia Định bị đe dọa trước sự động binh của Chân Lạp, chúa Nguyễn cho đặt sở Điều khiển để lo việc quân sự trong vùng.

Năm 1743 xảy ra cuộc tranh chấp ở triều đình Chân Lạp, giữa Nặc Nộn, Nặc Hiền và Nặc Nguyên. Nguyễn Hữu Doãn được cử đem quân từ Gia Định (thuộc sở Điều khiển) lập lại trật tự trong vùng.

Nhân việc Nặc Nguyên khi làm vua Chân Lạp đã áp dụng chính sách đàn áp nhóm người thiểu số Chiêm Thành (Côn Man) sinh sống trong vùng và có ý định liên minh với chúa Trịnh ở phía Bắc để chống lại chúa Nguyễn. Năm 1753, Nguyễn Cư Trinh được cử làm Kinh lược sứ Chân Lạp, đem quân từ 5 dinh (Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ) về đồn trú ở Bến Nghé; lập doanh trại gọi là Đồn Dinh, huấn luyện quân ngũ, trừ tính lương thực và kế hoạch điều binh. Cuộc hành quân kéo dài đến 1755, giải phóng được nhóm Chiêm Thành thiểu số, lập lại an ninh ở toàn vùng Gia Định.

Năm 1772, nhân việc Trịnh Quốc Anh, một người Hoa cơ hội chủ nghĩa xưng vương ở Xiêm La đem quân đánh vào Hà Tiên, Rạch Giá (1771), Nguyễn Cửu Đàm được cử đem quân đi đánh dẹp. Lực lượng chúa Nguyễn vào thời kỳ này đã chiếm được ưu thế chính trị và quân sự trên toàn vùng Nam Bộ.

Phong trào nông dân Tây Sơn bùng nổ năm 1771 đã nhanh chóng chiếm được thế chủ động ở Đàng Trong. Năm 1775, dưới áp lực của quân chúa Trịnh, chúa Nguyễn Phúc Thuần (1767-1777) phải rời Phú Xuân trốn vào Gia Định. Sau khi điều đình với quân Trịnh để tạm yên mặt Bắc, quân Tây Sơn bắt đầu mở những cuộc tấn công đánh vào lực lượng của chúa Nguyễn ở phía Nam. Từ năm 1776 đến 1783, quân Tây Sơn năm lần tiến vào Gia Định. Cả 5 lần, quân Nguyễn đều bị đánh bật ra khỏi đất liền. Số quân sống sót phải trốn tránh trên các hải đảo.

Năm 1776, Nguyễn Lữ đánh cửa Lạp (Soài Rạp) rồi cho thuyền vào cửa Cần Giờ tấn công lấy được ba dinh: Phiên Trấn (đất Sài Gòn - Bến Nghé), Trấn Biên và Long Hồ rồi rút quân về.

Năm 1777, Nguyễn Huệ đánh chiếm Gia Định, bắt được cả hai chúa Nguyễn Phúc Thuần và Nguyễn Phúc Dương đem xử tử tại chùa Kim Chương (góc Nguyễn Trãi và Cống Quỳnh ngày nay) vào tháng Chín và tháng Mười năm ấy.

Năm 1778, Nguyễn ánh cho đắp lũy đất từ bờ sông Sài Gòn đến kinh Tàu Hủ ngày nay, các vàm rạch lớn nhỏ đều cắm chông, nọc, các đường thủy, bộ đều bị phong tỏa. Trịnh Hoài Đức mô tả cảnh sống của nhân dân Gia Định vào thời kỳ này như sau:

"Từ lúc cầu binh vào tháng 10 năm trước, đến tháng 6 năm này (1778) đường thủy lục bị trở ngại, đồ thực dụng trong dân gian đều kiệt ráo, không tiếp tế nhau được. Trong chợ chỉ bán mắm ếch (hay mắm nhái), bánh đậu bà tương dùng lá dâu, lá khế làm trà uống, rễ cây bồ quỳ, cây trà la (hay chà là) để thế cho cau... Ngoài ra, những việc nhúng lậm, giả trá, di dịch, không kể xiết được. Khi ấy một chén nhỏ muối xấu nặng ước 3 lượng, bán giá năm tiền, nhưng cũng không có được nhiều, vậy nên người ta đều giấu muối ở trong lưng như bọc vật quý vậy. Còn một vuông gạo giá tiền đến 2 quan, quan và dân đều khổ cả".

Vào thời kỳ này, nhóm người Hoa ở Cù lao Phố (Biên Hòa), để tránh những cuộc giao tranh, đã ngược sông Tân Bình (sông Sài Gòn) kéo về tụ tập ở Sài Gòn lập ra khu Đề Ngạn (Chợ Lớn).

Năm 1782 Nguyễn Huệ đem quân vào cửa Cần Giờ đến Ngã Bảy tấn công các tàu chiến của Nguyễn Ánh. Viên thuyền trưởng người Pháp là Mạn Hòe (Manuel) chỉ huy một tàu chiến có 10 đại bác bị tử trận, thuyền bốc cháy. Nguyễn ánh lui về Ba Giồng (Tam Phú ở Định Tường) chỉnh đốn đội ngũ rồi trở lên với ý đồ tái chiếm Bến Nghé. Nguyễn Huệ chặn đánh tại ngã tư sông, gần cầu Bình Điền ngày nay, lại thắng thêm một trận nữa. Nguyễn ánh phải chạy ra đảo Phú Quốc.

Sau khi quân Tây Sơn rút về Qui Nhơn; tướng nhà Nguyễn là Châu Văn Tiếp chiếm lại thành Gia Định, cho người ra đón Nguyễn Ánh từ Phú Quốc về.

Năm 1783, Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Lữ đem quân trở lại Gia Định. Nguyễn ánh bố trí trận địa thật kỹ, dùng hỏa công đón đánh, nhưng quân Tây Sơn lại toàn thắng sau khi hạ hai đồn Cá Trê và Rạch Bàng (vùng cầu Tân Thuận ngày nay) án ngữ Bến Nghé. Nguyễn ánh phải chạy qua Xiêm xin cầu viện.

Tháng 7 năm 1784, thủy quân Xiêm đổ bộ và đến cuối năm, chiếm đóng quá nửa miền đất phía Tây Gia Định. Nguyễn Huệ đem thủy quân vào Mỹ Tho bố trí ở vùng Rạch Gầm - Xoài Mút, khiêu chiến đưa quân địch vào trận địa và đến ngày 18-1-1875 tiêu diệt toàn bộ chiến thuyền của quân Xiêm và quân của Nguyễn Ánh. Nguyễn ánh cùng nhóm tàn quân chạy chôn qua Xiêm.

Năm 1788, nhân lúc Nguyễn Huệ bận lo đánh dẹp ở phía Bắc, Nguyễn ánh trở lại chiếm Bến Nghé và củng cố lực lượng của mình trong vùng Gia Định. Ngày 24-6-1789, đạo quân viễn chinh Pháp (do giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine Eévêque d'Adran) và Hoàng tử Cảnh - được Nguyễn ánh cử đi cầu viện ở triều đình Louis XVI từ năm 1784 - dẫn đường) đổ bộ lên Bãi Dừa ở Vũng Tàu. Năm 1790, Nguyễn ánh cho xây thành Gia Định theo kiểu Vauban, do sĩ quan người Pháp Olivier de Puymanuel thực hiện.

Các chúa Nguyễn đóng đô ở Gia Định từ 1775 đến 1801 (Nguyễn Phúc Thuần từ 1775 đến 1777; Nguyễn ánh từ 1778-1801). Năm 1802 Nguyễn ánh lên ngôi lấy niên hiệu Gia Long dời đô về thành Phú Xuân (Huế). Trung tâm chính trị của triều Nguyễn được chuyển về Huế, đất Sài Gòn - Gia Định trở lại địa vị của một trấn biên thành. Gia Định phủ do Nguyễn Hữu Cảnh lập năm 1689 đến năm 1774, dưới thời Vũ Vương (Nguyễn Phúc Khoát, 1738-1765) lập thành 3 dinh từ 1802 đến 1807 được đổi thành Gia Định trấn rồi Gia Định thành (1807-1837) gồm 5 trấn. Từ năm 1834, đất Gia Định thành được gọi là Nam kỳ gồm 6 tỉnh và dưới thời Pháp thộc được chia thành 21 tỉnh.

(Xưa và Nay số 50B - Tháng 4-1998)